



Đường Phía Bắc

Lê Đại Lãng

Published by Lê Đại Lãng, 2019.

Đường Phía Bắc

truyện dài

Tác giả: Lê Đại Lãng

Đồng Dao xuất bản lần thứ nhất, Melbourne, 1993

Tuần báo Trẻ tái bản lần thứ nhất, Texas, 2012

©Lê Đại Lãng 1993

Mục lục

[Title Page](#)

[Trang thông tin bản quyền](#)

[Đường Phía Bắc](#)

[Lê Đại Lãng](#)

[Gửi bạn](#)

[1.](#)

[2.](#)

[3.](#)

[4.](#)

5.

6.

7.

8.

9.

10.

11.

12.

13.

14.

15.

16.

17.

18.

19.



Đường Phía Bắc



Lê Đại Lãng



Gửi bạn

TÔI ĐÃ NGHE, THẤY VÀ SỐNG với nhiều người xa tổ quốc, nhưng lạ nhất vẫn là cuộc đời của những người đi theo hướng Bắc để ra chốn ngoài.

Con đường ngược Bắc của những cá nhân ấy lại được kể thì thàm như tội đồ xưng tội, tội tổ tông, tội bỏ nước, tội đi tìm chỗ sống, chỉ dành riêng cho kẻ muốn nghe, không có tiếng mõ nhịp, chỉ có những bàn chân xếp thành dấu chấm in trên đất trên nước qua vạn dặm hành trình

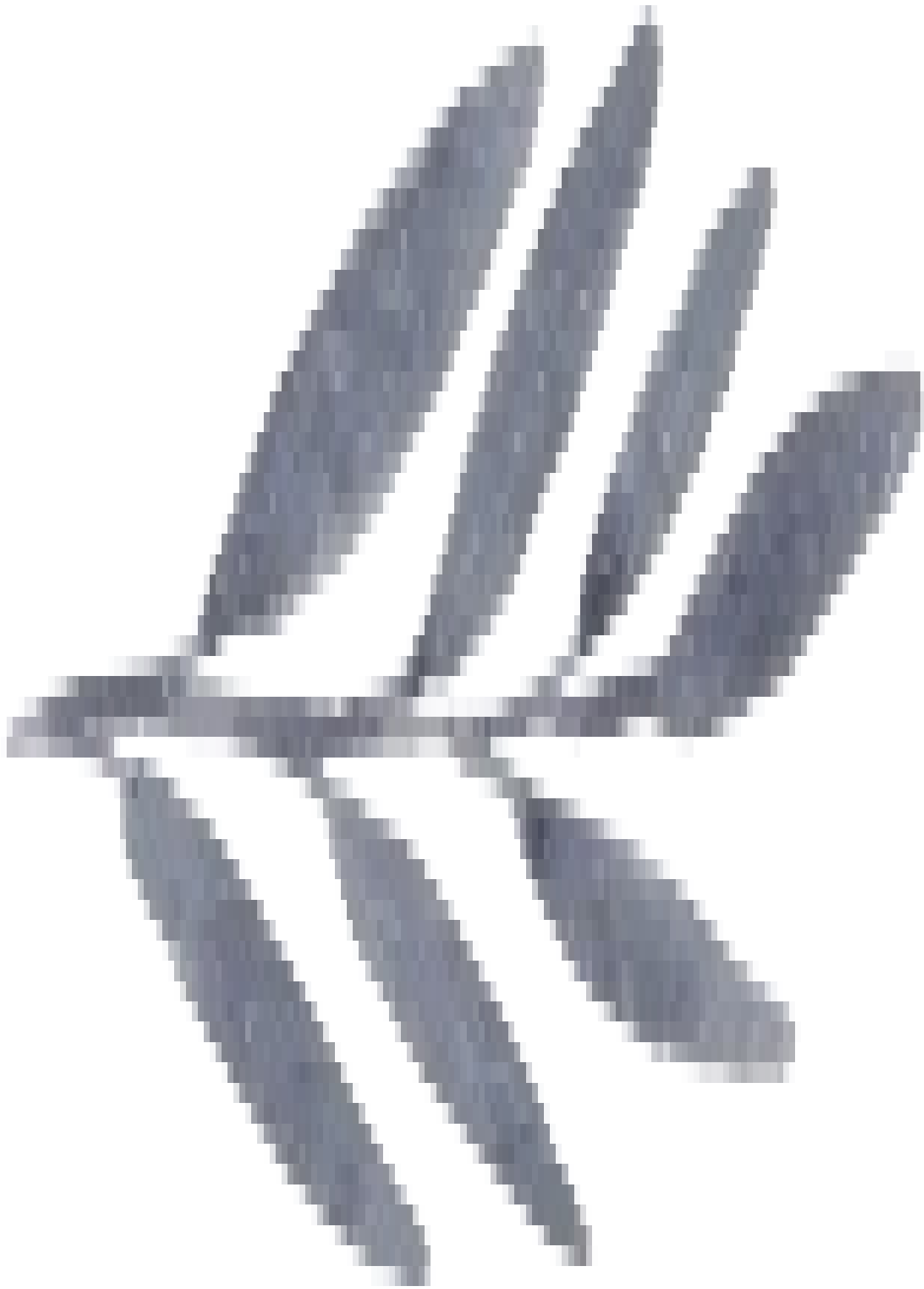
Hành trình của những người hương Bắc sinh và sống từ cầu Hiền Lương đến nàng Tô Thị, và từ tượng mẹ bơ vợ ấy trở ra những cảnh đời.

Tôi viết lại những mẩu chuyện nho nhỏ mà các bạn đã kể cho tôi nghe như một người nghèo thiếu áo, chắp lại những mẩu áo đủ màu đủ cỡ, lành có rách có, đậm có nhạt có, để ráp thành một cái áo vụng về xấu xí mặc cho qua rét mướt mùa Đông.

Dù cho công tôi chắp vá mà thành, nhưng chất liệu vẫn là các bạn, nếu có chỗ nào (nói cho le) là hư cấu thì cũng xin coi là cái cúc áo đơm vào để gài kín ngực. Bỏ cái cúc ra, áo vẫn hoàn áo, vải gấm hay vải thô vẫn là của các bạn.

Vốn liếng và chất liệu đã làm nên cuốn sách này là từ đời sống của các bạn tôi... và những hạt mưa dầm.

Vì thế, những dòng nay thay cho lời tựa, cũng là cách chia sẻ nhọc nhằn về một chặng đường ngoài đất nước.



MELBOURNE, XUÂN NHÂM Thân 1992

Lê Đại Lãng



1.

NGƯỜI CON GÁI TRẠC chừng 25 tuổi, bận quần đen, áo len màu đỏ đậm, tay áo dài quá khủy, khuôn mặt bầu bĩnh hiền lành, duy đôi mắt lạnh. Nhìn phớt qua, cô không có gì đặc biệt, trừ nước da hồng đào óng mượt của người ở xứ lạnh, hai gò má hây đỏ như thoa một lớp son hồng. Khi Hải vừa nhìn xuống phía đầu phà thì cô ta tiến lại, hỏi:

“Em trông anh quen lắm.”

Hải bình tĩnh hất cái nón cối bộ đội để ngược nhìn cô gái. Nếu đôi mắt không soi mói và nét mặt không tự thị của người có quyền bắt người thì quả là nhan sắc. Không đến nỗi nào. Chàng đứng xoạc hai chân, lè phè. Đôi mắt chàng nhìn cô gái có vẻ ơ hờ nhưng trong đầu tính toán thật nhanh. Hải nói:

“Chắc chị nhầm ai đó.”

Trong đầu Hải nảy ra hai ý nghĩ: đây là tình cờ hay cố ý? Chàng hoàn toàn không quen biết cô gái, hơn nữa trong bộ đồ bộ đội màu bạc, thậm chí cả vợ chàng cũng khó nhận ra thì một người quen, giả dụ có gặp Hải đâu đó, cũng không thể nào nhận ra Hải liền từ chỗ phà cập bến nhón nháo người gồng kẻ gánh.

Đã có chủ trương, Hải khẳng định là cô gái ấy cố ý để dò lý lịch Hải. Cô ta lại hỏi tiếp, vô tư:

“Anh đóng lính ở vùng nào? Em quen nhiều bộ đội lắm mà trông anh rất quen.”

Hải hơi lúng túng dù đã chuẩn bị câu trả lời. Chàng đáp:

“Đơn vị di chuyển liên tục, hiện đóng tại Đầm Hà, hòm thư 5630. Chị có quen ai ở đơn vị đó không?”

Nói xong câu nói một cách trôi chảy, Hải cảm thấy bình tĩnh. Ngay từ chiều hôm trước ra Hòn Gai đón bé Ngọc do người dẫn đường từ Hải Phòng đem xuống,

Hải đã nhầm đi nhầm lại tên của viên chính ủy và một vài bộ đội mà chàng biết đang đóng tại Đầm Hà. Chàng còn cẩn thận tự tả nhân dáng của những người này để nhờ bị xét hỏi căng quá chàng sẽ ứng đáp đầu vào đấy. Chàng học cả khi ôm con ngủ trên chiếc chiếu giải dưới đất nhà người quen. Chàng chập chờn nghĩ đến tuyến đường ngày mai lên Đầm Hà, một tuyến đường dày đặc lực lượng an ninh, cảnh sát quân sự, quan thuế. Chỉ một chút sơ hở bị nghi ngờ là Hải bị bắt giữ ngay. Bé Ngọc vẫn còn hồn nhiên ngủ, gần sáng rét quá Hải cởi luôn cái áo khoác bộ đội đắp cho con. Chàng run cầm cập trong chiếc áo may-ô mỏng manh giữa cái rét của những ngày cuối năm. Hải thấy thương đời sống của những người ở đây, họ nghèo đến mức không thay nổi tấm màn che cửa rã mục đến độ chỉ cần chọc ngón tay cũng làm rách toạc một đường dài. Ngay cả chủ nhà cho Hải tá túc đã thuộc vào hàng khá giả ở xóm này, vậy mà vợ chồng con cái cũng chỉ đắp chung một chiếc chiếu thiếu đầu hụt chân suốt mùa đông giá rét. Hồi sáng, trước khi theo người dẫn đường ra bến xe đón ô-tô đi Đầm Hà, Hải đưa cho chủ nhà 5000 đồng, thời giá chỉ ăn được ba bát phở ngoài chợ, chủ nhà run rẩy đưa cả hai bàn tay ra cung kính đón lấy. Lên ô-tô, Hải ngồi tách riêng đằng sau, kéo mũ che lụp xụp xuống làm bộ ngủ gà ngủ gật để dễ bề quan sát, trong khi bé Ngọc ngồi đằng trước với người dẫn đường. Mưa đổ triền miên suốt ngày, bầu trời u ám buồn bã như chia sẻ những giọt nước mắt rơi âm thầm trong lòng Hải. Suốt tuyến đường đến bến phà Ba Chẽ, Hải chẳng gặp một trở ngại nào.

Nhưng vừa lên phà, chàng đã đụng ngay với cô gái nhiều chuyện kiếm cách hỏi han.

Trả lời cô gái xong, Hải giả vờ nhờ cô ta cầm hộ mũ rồi khom lưng nhúng chiếc khăn mặt xuống nước để rửa mặt. Hải biết ở biên giới các đơn vị bộ đội luôn luôn thay đổi vị trí để bảo mật nên câu trả lời của chàng rất ăn khớp. Cô gái ngắm nghía chiếc mũ, tò mò đọc những dòng chữ chi chít Hải ghi sẵn trên thành đai: Bảo vệ tổ quốc – Người lính biên cương nhập ngũ ngày 7 tháng 7 năm 1985 – Ngày con xa mẹ - Em hãy chờ đợi anh. Chiếc mũ hơi ngả màu mưa nắng, tỏ ra đã che đầu người lính qua nhiều mùa. Cô gái có vẻ thông cảm với những dòng chữ của Hải, trả mũ rồi bỏ đi.

Hải hút xong điếu thuốc thì phà cập bến, chàng xộc xệch đứng chung với hành khách lên trước chờ ban liên ngành gồm công an, cảnh sát quân sự, nhân viên thuế vụ kiểm tra. Hải kín đáo đưa tay vuốt tóc bé Ngọc, bàn tay chàng làm như vô tình để lên đầu một đứa bé nào chứ không phải con mình. Bé Ngọc đã được bố dặn nên cũng đứng yên lặng trong đám đông, đôi mắt tròn đen mở lớn ngược

nhìn bố. Chính Hải cũng lo sợ vì chàng thoáng thấy cô gái hồi nãy đứng ở toán kiểm tra, chàng lục lại những câu trả lời vừa rồi tìm sơ hở, hình dung cử chỉ của cô gái. Lúc tiến tới toán kiểm tra, Hải giật bản người khi một cảnh sát quân sự đưa tay ra dấu chặn lại. Hải la thm: “Thế là... xong!” Chàng định ninh cô gái đã yêu cầu gã cảnh sát bắt mình. Đúng lúc Hải thấy cô gái kêu gã cảnh sát, nói gì đó, rồi gã cảnh sát khoát tay cho Hải lên ô-tô. Chàng thở phào nhẹ nhõm, vẫn giữ tác phong xộc xệch của một tên lính bất cần đời, Hải vừa leo lên xe vừa gật đầu lạnh lùng đáp trả nụ cười của cô gái. Thế là thoát một trạm kiểm soát khét tiếng.

Đến Hà Cối, một thị trấn khá lớn, rải rác có nông dân dân tộc Nùng ở, một toán cảnh sát lên xe kiểm soát. Mười cặp mắt cú vọ của năm người áo xanh màu cứt ngựa rọi từng khuôn mặt khách. Hải móc thuốc nói với một gã đang lum khum tiến lại:

“Anh cho xin tí lửa.” Hải đón cái bật lửa từ tay gã, châm thuốc và rít thật mạnh, vừa lấy bình tĩnh vừa chống cái rét của những giọt mưa lất phất bắn vào. Gã cảnh sát phóng cái nhìn hình sự truyền từ thời tổ cha nó:

“Không mang hành lý gì à?”

Hải cười khinh khỉnh:

“Tranh thủ về thăm nhà rồi lên. Lính làm gì có cái gì để mang theo hành lý ngoài...súng và lựu đạn.”

Gã khựng vì tương tá và câu nói bạt mạng của Hải. Chàng đánh trúng tâm lý của cảnh sát đồn trú ở vùng này. Nhiều lần bộ đội biên phòng kéo về với quân số cả tiểu đoàn, vây đồn cảnh sát đánh nhau. Chỉ cần một hai chiến sĩ biên phòng va chạm với cảnh sát khi về phép là cả đồn công an nhân dân sau đó có khả năng ăn đại liên của quân đội nhân dân. Gã cảnh sát hỏi Hải có lẽ đã có kinh nghiệm đau khổ với bộ đội biên phòng nên bỏ đi liền một nước. Hải rút điều thuốc khác, châm vào đốm lửa sắp tàn của điều trước để tự thưởng cho mình sự may mắn. Chàng duỗi chân cố tình không thèm tránh năm người cảnh sát đang lục tục nhảy xuống xe, đem theo bốn thanh niên không có giấy tờ. Ở trạm trước, Hải đếm có 15 người bị giữ lại. Chàng cho số mình còn hưởng phúc Bác nên lọt ra ngoài số 19 người bị bắt. Chàng vừa thoát thêm những con mắt soi mói, những ánh mắt cú vọ đã đẩy chàng thành kẻ xa lạ trên quê mình.

Xe khập khểnh đi trên đường đất nhỏ quanh co gồ ghề, động cơ gào thét dữ dội

khi qua những vũng nước mưa đọng trên đường, tiếng máy khập khùng như hơi thở của người bị bóp họng. Hải tính thầm. Giờ này Thu, vợ chàng, có lẽ đã tới bãi tập kết, đang thấp thỏm trong nhà người quen. Trời chiều. Mưa rơi. Lát phát lạnh. Sương giăng thấp. Nhặt trong hơi sương, núi mù mờ hình thù cô độc. Nước non sao buốt lạnh cơ này.

Đến bến Đầm Hà, Hải nhảy xuống đi bộ tắt qua làng. Bé Ngọc ngủ ngon lành trên vai người dẫn đường. Chàng đến nhà Dũng, một người trong toán tổ chức, kiểm soát lại la bàn, hải đồ đã dấu sẵn ở đó, gặp thêm vài người lạ mặt. Dũng nấu một nồi cơm lớn cho cả bọn trên mười người ngồi ăn lần cuối. Xong xuôi, phân tán mỏng qua các nhà quen gần đó. Hai cha con Hải ngủ sau kho thóc.

Trời về khuya, gió ù ù thổi rét tới xương, tiếng chó sủa lúc đại đồng lúc cầm hơi khiến đêm thâu vừa đe dọa vừa thâm sâu. Hải không chớp mắt trong không khí rình rập bất trắc, chàng đốt thuốc liên tục, đầu lửa chập chờn hắt lên hình hài tội nghiệp của bé Ngọc úp mặt trên ổ rơm. Riêng về phần bến bãi và con tàu không có vấn đề gì. Chỉ vài tiếng nữa, a-lê-hấp, con tàu với trọng tải 35 tấn sẽ đưa ba mươi người rời bến, đầy đủ lương thực và nước ngọt cho khoảng hai tuần lễ. Nếu thiếu ăn dọc đường, tàu sẽ ghé Trung Quốc mua thêm, sau đó, giả như thuận buồm xuôi gió bác đảng phò hộ thì Hải và vợ con sẽ đến Hồng Kông trong vòng không đầy mười ngày. Hải tin tưởng ở sự giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân và chính quyền Trung Quốc đối với người Việt Nam vượt biển đi Hồng Kông. Một người bạn chàng đến Hồng Kông mấy tháng trước đã viết thư kể tường tận họ giúp đỡ rất nhiệt tình. Cũng nhờ lá thư này Hải đã tranh thủ học tiếng Quảng Đông trong thời gian giả làm bộ đội. Chàng biết chắc hầu hết thuyền vượt biên đều phải ghé Trung Quốc trước khi đến Hồng Kông. Dũng, tài công, là một người đã có ít nhất 20 năm trong nghề, do thế Dũng biết rõ vùng biển này như lòng bàn tay. Nói chung, khâu tổ chức cho đến bây giờ vẫn không có vấn đề gì, ngoại trừ một chuyện cá nhân mà Hải vẫn canh cánh bên lòng từ chiều đến giờ: Thu và thằng Quỳnh sẽ đến ngày hôm trước, ở trọ nhà Cường, em ruột của Dũng, để đến tối hôm sau sẽ ra bãi tập kết. Phương án của Dũng là để Cường đi chuyến sau, lúc Dũng đã đến Hồng Kông. Dũng cẩn thận, mặc dù đã chuẩn bị chu đáo cuộc vượt biển nhưng anh vẫn phòng hờ để Cường ở lại, nhờ anh có mệnh hệ gì thì Cường là người có thể đứng ra lo chuyến khác. Buổi chiều khi Cường đến báo vợ con Hải vẫn chưa đến, Dũng trấn an: “Có khả năng chị ấy nhờ phà.”

Thật ra, trong lòng Dũng cũng hết sức áy náy. Anh nghĩ đến một trường hợp lạnh xương sống: vợ Hải bị bắt, bị đánh đập và khai ra âm mưu vượt biển của

bọn anh. Dững chỉ hy vọng nếu có thể bị xui đến như thế, Thu cũng không khai báo gì vì thương chồng. Nhưng ở đời làm sao biết được, Dững thờ dài, nhất là vợ Hải còn trẻ, cực khổ thì hẳn có kinh qua nhưng đau đớn chắc chưa nếm đủ mùi. Ý nghĩ ám ảnh Dững khiến anh không tài nào chợp mắt. Đẳng sau nhà kho, Hải cũng trần trọc suy đoán. Một chập không chịu nổi sự bứt rứt, Hải đứng dậy trở vô nhà, nghe sòng sọc tiếng kéo thuốc lào bên trong.

Hải hắng giọng, ngồi ngay xuống dưới giường Dững:

“Ông tính thế nào?”

Dững cười khẽ. Hàm răng anh trắng dã trong bóng tối:

“Ngủ bố thế nào được, cháu ngủ rồi nhà.”

Cả Hải lẫn Dững đều tránh nhắc đến Thu dù đang nghĩ tới. Chỉ còn vài tiếng nữa, thuyền sẽ nhổ neo, Hải biết Dững không thể đợi vợ con chàng vì đã tính toán đầu vào đấy, một phút một giây ở lại mảnh đất này là còn nguy hiểm, còn bất trắc. Không đất dung thân mà đất hứa dài cả biển xa. Dững cũng khổ tâm không muốn nói thẳng ra điều đó sợ làm bạn buồn. Cả hai người đều hiểu thấu lòng nhau nhưng không ai mở lời. Bóng tối u uẩn một nỗi sầu âm nín, bứt rứt và nặng nhọc. Hải kéo một cử, nước trong ống thuốc lào kêu sòng sọc theo đóm lửa từ tẩu thuốc sáng lốm đốm. Chàng nghĩ âu cũng là định mệnh khiến vợ chồng phải chịu cảnh chia ly trước khi được sum họp. Chàng nói:

“Mình cứ đi, ông ạ.”

Hải đi xuống nhà kho, chàng chợt nghe tiếng khóc thút thít của bé Ngọc. Hẳn thức giấc không thấy bố đâu nên nó mới khóc như thế. Hải ôm con vào lòng, vỗ về:

“Nín, mai mình về ngoại ăn giỗ đấy.”

Thấy con không chịu nín, Hải xoa lưng, dỗ:

“Ngoan con gái của bố. Bố gãi lưng con ngủ nhé.”

Bé Ngọc dụi đầu vào ngực Hải. Con nghĩ gì? Hải không biết, luôn không hiểu con nghĩ gì trong đôi mắt lúc nào cũng mở to, ráo hoảnh.

Hải thở dài, chàng không thể nói dối con ngày mai về ngoại gặp mẹ. Chàng ngã lưng xuống ổ rơm, để con gối lên cánh tay, ngủ. Nhưng càng có ý muốn ngủ, Hải càng tỉnh. Bao kỷ niệm sống lần lượt hiện về trong ký ức. Cả tháng rồi Hải chỉ gặp Thu hai lần. Một lần về Hải Phòng mua hải sản, tiện thể nhờ người quen về nhà nhắn Thu đến gặp chàng ngoài chợ Sắt. Hai vợ chồng đi ăn trong cái quán nhếch nhác, rồi Thu đưa Hải một ít tiền. Gặp nhau không đầy nửa tiếng, Thu luôn miệng thúc:

“Anh cẩn thận, chúng nó lòng anh lắm đấy.”

Hải đi liền sau đó. Lần gặp vừa rồi, Hải về để kiểm tra giờ giấc ra bãi tập kết. Chàng muốn chính mình phối kiểm tin tức với Thu để hai người không nhớ nhau. Thu bàn để cho bé Ngọc đi với Hải, còn Thu dắt thằng Quỳnh vì nó bé hay đòi mẹ, Hải đồng ý ngay. Chàng ý tứ ôm Thu vào lòng thật nhanh, ngược mắt lên bầu trời bao la đang sẫm màu hoàng hôn, ánh vàng đổ xuống hoang mang. Chàng sẽ đi từ khoảng khắc này, để sinh ra từ hoàng hôn. Chàng nghĩ đến giờ phút cùng vợ con lên đênh trên biển, đi đến một nơi định sẵn, chạy chốn một nơi đành phải xa, để bắt đầu lại, vâng, bắt đầu lại từ con số không, và từ nghiệt ngã quê hương.

Tiếng gà eo óc gáy. Hải nhìn đồng hồ, mới ba giờ sáng. Mưa vẫn rơi. Có tiếng mở cửa, bóng đen cao lớn của Dũng tiến vào nhà kho.

“Đi ngay bây giờ.”

Hải cuộn bé Ngọc trong chiếc áo may bằng vải kaki, theo Dũng lên nhà uống tách trà đậm đặc. Chàng cột cái túi nhỏ đựng gạo trên vai, theo Dũng lao ra ngoài. Gió se sắt thổi nhưng Hải cảm thấy người nóng ran. Bé Ngọc ngã đầu lên vai bố, đôi mắt mở lớn tỉnh táo. Hải bỗng có ý nghĩ nếu con hỏi đi ngoại sao sớm thế này thì chàng không biết trả lời sao cho phải. Chàng sợ hãi nhớ hồi nhỏ, một chiều đang đứng trong nhà thì bỗng nhiên có tiếng nổ khủng khiếp, luồng hơi từ tiếng nổ thổi bay mái nhà và lúc ấy, cậu bé Hải bỗng ở trong cảm giác bàng hoàng lẫn kinh dị khi nhìn lên nóc nhà chỉ có trời cao nắng chói. Hải nhớ là chàng không biết phải làm gì lúc ấy, cứ đứng ngây người ra như đã hoàn toàn mất trí cho đến khi có một bàn tay kéo chàng chạy. Mãi đến sau này khi năm tháng trôi qua, khi chàng đã quen với chết chóc và bom đạn, khi dư âm của tiếng nổ mờ theo miếng cơm manh áo, Hải mới đủ nhận định là hồi đó chàng đã “sống” trong một khoảnh khắc của người mất trí. Cái kinh nghiệm đó khiến Hải thầm lo sợ cho bé Ngọc, có thể bé sẽ có lúc ở trong cái khoảnh khắc mất trí như

bố khi nửa đêm bị kéo dậy, bị lôi đi giữa bầu trời đẫm sương khuya và gió lạnh. Và rồi còn biết bao nhiêu bất ngờ sắp xảy đến trên tuyến đường vượt biển nữa. Tiếng chó sủa dữ dội khi Hải băng qua xóm. Bước chân chàng bì bạch trên đường trơn, vôi vàng nhưng vững chãi. Bàn chân chàng có cái gì níu lại mạnh mẽ. Một con chó đang cạp vào ống quần. Khốn nạn, kẻ thất thế sa cơ thì chó cũng khinh. Hải tung ngược một cước rồi vội bước theo. Đi một lúc chợt bóng Dũng dừng lại, ra dấu cần thận. Đã đến bờ biển. Dũng chạy vụt băng qua bãi cát, Hải phóng theo. Một chiếc thuyền buồm đang nghiêng ngả, cánh buồm căng phồng hiện lên mờ nhạt trên nền trời không trăng sao. Sao con thuyền mong manh quá, chưa chi đã thấy nó mỗi mệ. Không, thuyền có thể mỗi mệ bỏ cuộc giữa muôn bề vây khốn nhưng người thì không. Không đời nào.

Hải lội lúp xúp cho đến khi nước ngang tới ngực mới tới thuyền. Chàng đưa bé Ngọc lên cao cho một người nào đó đang cúi xuống đón. Trên thuyền đã đông người. Hải đoán chàng và Dũng là một trong những người đến sau cùng vì vừa leo lên Dũng đã ra lệnh cho thuyền chạy. Không khí im lặng ngột ngạt, chỉ có tiếng gió quật phật phật trên buồm. Dũng thở phào vì gió nam vẫn thổi đều và thuyền đi càng lúc càng nhanh. Được một lúc nhìn vào bờ chỉ còn nom rõ chòm núi nhọn đâm cao lên trời của hòn vú lớn. Quê hương đang khuất dạng, Hải buồn rầu nhủ thầm. Nhìn vào khối đen bỏ lại, Hải sức nghĩ đến bài Hận Đồ Bàn. Rừng hoang vu, vùi lấp bao nhiêu uất căm hận thù... Và rồi cái điệp khúc, người xưa đâu, người xưa đâu, người xưa đâu. Phải chăng đất nước chàng đang phải trả một quả báo sâu dày. Thuyền đang chạy ngon trơn bỗng giảm tốc độ, rồi ngừng lại và dường như không còn đi được nữa. Gió lặng, gió lặng ngang chỗ này mới bỏ mẹ chứ. Dũng lầu bầu chửi, ra mũi thuyền nhìn chung quanh. Bỗng anh reo lên:

“Nó tới, nó tới rồi.”

Hải trông theo hướng Dũng, thấy một chiếc thuyền máy đang tiến lại. Thoáng chốc hai thuyền xấp lại gần nhau. Dũng hô tài cồng phụ quăng dây lên thuyền lớn, đồng dặc:

“Bà con cứ từ từ mà sang thuyền máy.”

Thì ra Dũng đã bàn trước kết hợp thuyền buồm của anh và thuyền máy này để đi cùng. Cả nhóm chừng ba mươi người trên buồm ào hết lên thuyền máy, tiếng con nít ré lên lanh lảnh giữa biển khơi. Hải bảo bé Ngọc siết chặt cổ, bám vào mạn thuyền máy đu người lên. Trên thuyền lớn, đàn bà con nít nằm ngò la liệt,

cánh đàn ông hì hục giúp kéo người từ thuyền nhỏ sang. Tiếng dỡ con rối rít, nạt nộ inh lên đến thắt ruột. Dũng ra lệnh chặt dây bỏ chiếc thuyền buồn lại. Ánh đèn từ thuyền lớn soi một màu vàng thờ thần lên mạn chiếc thuyền con bị bỏ lại. Nó lắc lư long đong, không biết sẽ lao đảo bao lâu trước khi bị úp nghiêng, nín nhịn chìm vào lòng biển đêm.

Dũng không đành nhìn chiếc thuyền đã che chở anh bao năm, anh cúi xuống phụ cánh đàn ông đang vớt đá xuống biển. Nguyên chiếc thuyền này giả làm thuyền chở đá để che mắt công an, thành ra đến phút cuối khi đã đón đủ người lên nhóm tổ chức mới cho vớt đá xuống. Tài công của thuyền, lão Mục, là người cùng quê với Dũng. Lão trạc non sáu mươi, theo nghề biển từ hồi còn bé, dáng người nhỏ nhưng chắc nịch, toát ra vẻ tự tin, từng trải. Lão Mục có phong thái của một người chỉ huy điềm đạm, râu cằm trắng như bông của lão mọc tua tủa tựa hằm chông khiến khuôn mặt thoạt trông có vẻ dữ dằn, nhưng nhìn kỹ mới thấy đôi mắt lão toát ra một vẻ hiền từ dễ mến. Hải đã nghe nhiều chuyện về cuộc đời lão Mục. Người ta nói số lão đào hoa, thuyền cập bến nào thì lấy vợ ở đấy, rồi con rơi con rớt lung tung. Người thì bảo vợ lão chết sớm, chỉ để lại cho lão một cô con gái tên là Sương khi cô này mới lên 8, lão ở vậy giữ trinh thờ vợ. Trong những ngày lê la ở xóm nhà Dũng, Hải nghe đủ các mẫu chuyện về cuộc đời lão Mục, nhưng chàng chỉ tin câu chuyện do chính miệng Dũng kể. Đúng là Sương mất mẹ năm lên 8, lão Mục giữ trinh, ở vậy nuôi con mười hai năm trời chứ không bậy bạ như lời đồn của thiên hạ. Có lẽ cái chết của người vợ thảm khốc quá khiến trong lòng lão Mục nổi buồn dựng lên thành lũy đóng kín mọi góc ngách tâm hồn. Hồi đó nhà nước dồn nỗ lực giải quyết chiến trường Nam bộ, để mặc hậu phương cơ bản đã đói rách lại càng thêm rách nát. Vợ lão, một hôm đói quá, lên qua nhà hàng xóm trộm ăn. Bà thấy một nồi cháo của chủ nhà bắc trên bếp liền húp lấy húp để rồi tính bưng nguyên cả phần còn lại về cho chồng và con. Chẳng dè vừa bưng đi chưa được nửa bước bà bỗng lên cơn đau bụng dữ dội rồi ngã lả ra đất, miệng sùi bọt mép chết liền tại chỗ. Qua điều tra, công an phát hiện chủ nhà đã bỏ thuốc độc vào nồi cháo, định vợ chồng con cái chiều hôm ấy tụ họp đông đủ sẽ ăn một bữa cho no rồi chết. Vậy ra số gười bắt Sương mồ cô mẹ sớm. Sương lớn lên như thế, vắng cả mẹ mà thậm chí có cha cũng như không. Lão Mục đi biển có khi cả tuần lễ mới về nhà một lần, về để mà về, lằm lì, đi ra đi vào, rồi lại đi. Sương lớn lên, lây cái lạnh lùng của bố, cũng lạng lẽ khép kín, tưởng như nàng âm thầm đứng yên giữa những sông đời trôi chảy. Vậy mà đến một lúc, nàng lại bị cuốn hút, bật theo những lớp người ra đi. Khi Hải khiêng đá ra bong thuyền liệng xuống biển, chàng thấy Sương đứng ở đầu mũi, gió thổi hất mái tóc nàng ra đằng sau để lộ một khuôn mặt rám hồng khỏe mạnh. Chàng tò mò ngắm cô gái kỳ lạ một chốc, không muốn đi vào ngay. Linh

cảm báo cho chàng biết có điều gì khác thường nơi Sương, đặc biệt ở đôi mắt, đôi mắt tròn xoe nhìn về vùng biển mênh mông trước mặt, tựa như nàng đang say đắm nhìn một vật gì quyến rũ đấng trước khiến bất chợt Hải phải ngó theo hướng nhìn của nàng. Đêm dài như ác mộng, như mong nhớ, như đợi chờ.

Hải dự đoán chưa thoát ra khỏi hải phận. Phao số 0 còn xa đâu đó. Ánh đèn từ hầm máy xuyên qua một lỗ nhỏ nơi hông thuyền soi lặn tẩn những gợn sóng lan tỏa. Hải nghĩ đến một chuyến chơi thuyền trên Vịnh Hạ Long, vây quanh là biển, là núi, là mênh mông nắng nhạt. Biển muôn màu hoang dại, núi muôn vẻ hình thù tựa như tạo hóa đã khắc tạc một tập thể im lặng rồi đem dựng giữa biển khơi. Nhưng cái ý thức tự đánh lừa mình của Hải chỉ chốc lát đã tan biến, nỗi lo sợ dâng lên, dâng lên chậm rãi trong cảm giác mơ hồ lạnh lẽo. Không gian hoang vắng thối vào lòng Hải nỗi thê lương vô hạn, chàng mong mặt trời hãy khoan lên, mặt trời hãy nhường chỗ cho bóng đêm, để cõi lòng có nơi trú ngụ an toàn. Bỗng nhiên, Hải có cảm tưởng thuyền giảm tốc độ thật đột ngột, tiếng động cơ khập khượng mệp nhọc rồi tắt hẳn. Giọng lão Mục trầm trầm:

“Chí, coi máy.”

Không có tiếng trả lời, chỉ nghe tiếng lục đục trong hầm máy. Một lúc sau mới nghe tiếng Chí, thợ cả, càu nhàu:

“Chả hiểu làm sao nó tắt ngang, đồ quốc doanh ông ạ.”

Cả thuyền phút chốc xôn xao tiếng người. Có người bắt đầu khóc vì không khí ngột ngạt. Hải chui xuống khoang, nghe tiếng rì rào tiếng đục kinh cầu nguyện. Rồi một người đàn bà lên giọng:

“Để tôi lên mũi cúng.”

Bà ta nói, tìm chỗ đặt chân để chen lên mũi. Máy bà khác lợi dụng đi theo tránh khoang thuyền ngột ngạt. Mũi thuyền chật dần khiến Hải phải trèo hẳn lên mũi, lòng rối như tơ vò vì quả thực chàng hoàn toàn bất lực với chuyện máy móc. Thuyền chao đảo khiến lão Mục và Dũng đồng loạt quát lên:

“Trật tự đã nào.”

Mấy bà trước mũi lui cui bật lửa, giầy lát một khoảng sáng lòe lên trên khoang. Không hiểu có hẹn nhau trước không mà gần như bà nào cũng đem theo hương, cả giấy tiền cúng người chết. Họ thắp hương, đốt giấy rồi sì sụp lạy tứ phương.



2.

THU XUỐNG Ô TÔ THÌ trời đã chạng vạng tối. Thăng Quỳnh mê mệt trên tay nàng suốt tuyến đường cũng tỉnh ngủ, khóc y ỷ mệt nhọc, trán và lưng nó rịn mồ hôi nhờn nhớt dù đang rét cuối năm. Thu quần con trong tấm áo choàng bằng nilông, nàng ngập ngừng không biết có nên theo đoàn người xô đẩy nhau đi chuyển phà cuối trong ngày, hay trở lại tuyến đường vừa đi qua. Thăng Quỳnh đang lên cơn sốt. Thu cảm được hơi nóng hừng hực thoát ra từ bộ ngực lép kẹp của nó truyền qua người mình. Nàng biết qua tới bên kia chỉ có làng xóm nghèo nàn khó tìm được một chỗ tử tế cho ngủ nhờ, rồi còn phải theo xe đi cho kịp tới chỗ hẹn với Hải. Lòng nóng như lửa, Thu ôm con đi tới đi lui chưa biết phải quyết định thế nào thì có tiếng gọi:

“Này, xuống đi kéo nhờ phà chứ!”

Một người đàn bà rào bước, gọi. Bà ta gánh hai thúng đồ, chân bước thoăn thoắt. Thu gật đầu tỏ ý đã nghe, rồi sợ bị để ý, nàng làm bộ đi theo người đàn bà. Đến đầu cầu tàu, nàng quay ngược trở lại, leo lên chiếc ô tô từ bên kia bờ vừa được phà chở sang. Tài xế đang hối khách chất hàng lên xe vì trời đã tối, nhìn mặt biết ngay Thu không phải khách đi từ bên kia sông sang, cự:

“Này, xe chật rồi.”

Hành khách mệt mỏi ngó mẹ con Thu. Nàng lúng túng:

“Bác thương tình, cháu nó bệnh phải đưa về nhà gấp. Bác cho mẹ con cháu...”

“Ngồi trên sà, đưa tiền đủ.”

Thu vui mừng rút ví trả tiền. Nàng khéo léo tìm chỗ ngồi, vừa vỗ lưng con vừa nghĩ tới Hải. Nàng chắc giờ này Hải đang trên đường từ Hải Phòng xuống, hoặc chàng đang chắc mẫm là Thu đã có mặt tại nhà Cường chờ chàng đến để tối mai cùng tập kết ra bãi. Thu nóng ruột muốn bay về nhà ngay để Thăng Quỳnh nghỉ, sáng sớm mai sẽ dắt con đi cho kịp. Giao bé Ngọc cho Hải, Thu thấy không yên lòng, không phải vì Thu sợ chàng không lo cho con đầy đủ mà bởi vì nàng, với

sự tự tin tuyệt đối của người mẹ, cho là không có ai trên đời này có thể chăm sóc con chu đáo hơn mình. Thu lại nghĩ nếu bé Ngọc ốm như thằng Quỳnh, thì chắc hẳn Hải cũng bất chấp mà đi cho tới chốn. Nàng biết Hải hiền nhưng liều mạng, huống gì chàng đang bị săn đuổi đến tận chân tường. Nàng hình dung vầng trán của Hải cau lại, đôi mắt hiền từ của chàng đọng tia buồn khi nghe nàng chưa tới điểm hẹn, rồi bé Ngọc trần trở rấm rức. Lòng nàng thổn thức.

Xuống xe, Thu đi một mạch về nhà. Mẹ Hải đang trần trọc lo lắng, thấy con dâu bông cháu nội trở về thành lành, cụ chưng hửng, vừa mừng vừa sợ:

“Sao thế? Anh Hải đâu, cháu bà sao thế này?”

Cụ dẫn thằng Quỳnh từ tay Thu, đẩy nãy:

“Nó lại ốm, cơ khổ.”

Cụ bông cháu, hối hả đi bắt cháo, vừa nghe Thu kể chuyện, cụ ngắt lời:

“Con tính thế là phải. Đi mà bỏ xác dọc đường à.”

Thu cảm động nghe mẹ chồng nói. Từ ngày về với Hải, nàng không phải làm dâu một ngày. Mọi việc bà cụ đều lo toan quán xuyến. Cụ chỉ có mình Hải, ông cụ chết nhục nhã từ thời cải cách ruộng đất, lúc đó Hải còn năm ngửa, thời xuân sắc của bà cụ trôi qua thê thiết. Cụ phải âm con trốn qua làng khác, không kịp thắp một nén nhang trên ngôi mộ của người chồng chết oan khiên. Cụ ở vậy nuôi Hải lớn lên bằng tất cả sự nhục nhằn của người mẹ, quyết không bước thêm một bước nữa. Hải cũng được ăn học, đỗ vào nhạc viện, ra trường theo đoàn ca múa lưu diễn khắp nơi để kiếm sống. Cụ tưởng vậy đã mãn nguyện lắm rồi, chỉ chờ ngày xuôi tay nhắm mắt đi gặp cụ ông. Phận làm mẹ của cụ đã mãn, phận làm vợ đã tròn thủy chung. Khi biết một lí do nào đó Hải bị cho nghỉ việc, rồi bị cảnh sát lùng bắt, cụ lo lắng nhưng hài lòng vì hình ảnh chồng bông sống lại mãnh liệt nơi đứa con độc. Ừ, há bố nó chả từng ba lô trên vai lên đời xuống lũng là gì! Hải đã làm tròn phận sự làm con, sinh cho cụ hai đứa cháu kháu khỉnh (cái thằng Quỳnh còn nhỏ mà đã giống tạc ông nội), cụ hài lòng lắm. Bây giờ, chúng nó tính bỏ cả nước mà đi, cái chuyện này thiệt ngoài sức nghĩ của cụ. Cụ làm mặt tỉnh bảo Hải, hôm chàng về chào mẹ:

“Mẹ chịu, trông cả anh chị đó.”

Cụ đau đớn nhìn vợ chồng Hải trước sau có một ngày bề lẽ sống duy nhất của cụ

ra đi. Trong lòng cụ dấy lên sự mâu thuẫn: vừa muốn con cháu đi lọt cho yên thân chúng nó, vừa muốn vì một lẽ gì đó chúng nó an toàn quay trở về. Trong tâm trạng ấy, thử hỏi cụ không sung sướng khi thấy Thu bế thẳng Quỳnh về sao được.

Cho con ăn uống, tắm rửa xong, Thu đi ngủ. Nàng trần trọc trông thẳng Quỳnh chóng hạ sốt để sớm mai lên đường. Phía bên kia bức màn, mẹ Hải ư ử ru cháu, tiếng ru buồn như tiếng mõ khuya hôm. Nằm một chập, Thu nhồm dậy, thắp đèn để lên bàn, tần mẩn lục lại mớ giấy nháp Hải viết nhạc. Nàng có cảm tưởng là Hải còn luẩn quẩn đâu đây. Những nốt nhạc thẳng cứng bỗng như hiện hồn bốc thành giai điệu day dứt toát từ cây vĩ cầm của Hải. Một chập, Thu gục xuống bàn, chập chùng hình dáng chồng trong bao la đại dương.

Sáng hôm sau, Thu tỉnh giấc vì một tiếng động nhỏ trên bàn. Mẹ Hải đang rút chè ra tách, khuôn mặt cụ hốc hác:

“Nó cứ sốt con ạ, biết tính làm sao.”

Thu dụi mắt, nàng ái ngại vì suốt đêm đã ngủ thẳng giấc phó mặc thẳng bé cho bà cụ. Thu nói:

“Chắc nó lên sỏi đấy, ít hôm là khỏi thôi mẹ.”

Bà cụ bảo:

“Mẹ cũng nghĩ thế. Nhưng thế thì con đi làm sao được?”

Thu lưỡng lự không biết tính sao. Nàng ra sân, tần ngần bên lu nước. Tiếng thẳng Quỳnh khóc, nhai nhặng. Tiếng khóc của con bỗng giúp Thu quyết định, nàng nói vọng vào:

“Hay cứ để bố con anh ấy đi trước thôi, mẹ ạ.”

Bà cụ cũng đang nghĩ thế, nghe con dâu nói giống ý mình, cụ gật đầu:

“Chỉ sợ...thôi, phó mặc số giờ.”

Ừ, Đăng định nhưng trời tính. Nàng ngồi ghé lên mép giường, mân mê cọng chiếu lò thò. Cả nhà, chỉ cái giường ba-xà là vật có giá. Hải đã chạy vạy tranh thủ lắm mới mua được cái giường quốc doanh hồi mới sinh bé Ngọc. Nàng nhớ

hôm Hải đem cái giường về, lui cui tìm chỗ đặt giường, rồi đùa bảo vợ:

“Giường ba-xà, chắc, không kê, đúng giường tân hôn.”

“Kê đấy.”

“Loa làng sẽ át tiếng kê, em ạ.” Hải tiếp: “Ba xà mình làm sáu đũa cho đủ cặp.”

“Không, sáu là lục súc.”

“Vậy mình làm bảy đũa thành thất hiền.”

Thu cười khúc khích. Từ ngày cưới, vợ chồng Hải chỉ ngủ trên chiếc giường tre kê kẹt. Một cái giường ba-xà vẫn là ước mơ thầm kín của hai vợ chồng, bởi nó vừa chắc, lại không bao giờ có tiếng ọp ẹp nghe đỏ mặt. Thăng Quỳnh là sản phẩm đầu tiên của cái giường này, đúng như lời hứa của Hải. Chàng bảo vợ, khi ấy Thu đang mang thai thăng Quỳnh:

“Nhà nước ta duy có làm giường là tốt, em nhỉ, thảo nào dân số không tăng.”

“Đã thế loa oang oang ai mà ngủ được.”

Thời gian vùn vụt. Thu biết Hải sẽ đi, sẽ không chờ mẹ con nàng vì chàng hết cả lối về. Nàng sẽ cô đơn trên chiếc giường kỷ niệm, trên cái gia sản quý báu mà cả một đời chàng mới để lại được.

Sáng ấy, nhà có khách. Người đàn ông đứng lâu trước ngõ, ngắm Thu đang ngồi day lưng đun nước. Tấm lưng dài thon thả của mẫu người thắt đáy lưng ong khiến lòng khách tần ngần. Chừng như thấy cứ đứng mãi như thế bất tiện quá, khách đành hăng:

“Chị Thu.”

Thu nhận ra Cường ngay. Đôi má hồng lửa đỏ của nàng càng làm long lanh ánh mắt khi biết có tin chồng. Thu hối Cường lên nhà trên, đun thêm củi cho nước mau sôi rồi chế vô bình. Nàng hối bà cụ dậy, ríu rít:

“Có anh Cường đem tin chồng con đấy, thưa mẹ.”

Cường vui lây cái xoắn xít của bà cụ. Anh chậm rãi nói:

“Trước khi anh Hải lên thuyền, có dặn tôi tìm cách đưa chị đi. Thiệt là may quá.”

Thu hỏi:

“Anh bảo “tôi cứ tưởng” là sao?”

“Không thấy chị và cháu xuống, anh Dũng tôi đoán có lẽ chị bị bắt trên đường, may không phải thế!”

Bà cụ góp:

“Anh nó tính đưa mẹ con thẳng Quỳnh đi luôn à?”

“Vâng, ý anh Hải thế. Cháu đã chuẩn bị hết cả rồi, chỉ đưa chị và cháu xuống bãi tập kết là nhổ neo ngay.”

“Thế đã có tin gì của nhà tôi chưa?”

“Chưa ạ, nhưng thế nào chả lọt, bị bắt ta biết ngay.”

Cường ung dung uống trà, thái độ có vẻ tự tin trước trạng huống nhiều bất trắc đang chờ trước mặt. Anh lặng lẽ ngắm sắc đẹp mặn mà của Thu. Tóc Thu cắt ngắn, sóng mũi thẳng khiến khuôn mặt nàng có vẻ gì mới mới sang trọng dù chiếc áo đang mặc đã cũ sờn. Mỗi lần xoay qua phía bà cụ nói chuyện, nàng để lộ cái cổ trần phơn phớt lông măng. Cường bỗng có ý nghĩ là Hải phải gặp điều gì khó khăn lắm trong cuộc sống, chứ không dễ gì một người đa cảm như Hải lại dễ dàng để người vợ trẻ đẹp ở lại mà ra đi một mình.

Tám giờ tối, Thu bỗng thẳng Quỳnh đổ bộ xuống con thuyền dài bốn mét ngang một mét rưỡi. Trời mưa phùn buồn bã, gió lồng lộng thổi tưởng chừng trong giây lát cánh buồm có thể rách nát như tờ giấy mục ngâm trong nước. Thu hoảng sợ khi đặt chân lên thuyền, áo quần nàng thấm ướt nước biển vì phải lội một quãng ngắn, nàng cảm thấy cổ khô đắng như đi giữa ngày tháng hạ dù trời đang mưa. Cả thuyền đều im lặng, đến trẻ con cũng cầm miệng hến, nín thín thít. Bầu trời vẩn vù khiến có người muốn đổi ý, trèo xuống thuyền không đi nữa. Nhưng Cường không để những tư tưởng thụ động kịp thời hành động, anh căng buồm chạy. Ngoài Cường là tài công chính, trên thuyền còn có Đặng cũng rất có kinh nghiệm về đường biển. Hai người thay nhau lái, lòng tràn ngập lo sợ. Họ không sợ sóng dữ vì đã tiên liệu được thời tiết, họ chỉ lo ngại bị chặn bắt bất ngờ. Gần hai tiếng đi trong mưa, cả Cường và Đặng đều bắt đầu thấy hai hòn Đầu Tán và

Đảo Tần, nơi có bộ đội tuần biển rất gắt. Họ đưa thuyền đi vào giữa hai hòn núi, êm ái như bóng ma xuyên lách trên đại dương. Có lẽ thời tiết xấu nên không gặp một tàu tuần duyên nào cả. Đặng lên tiếng:

“Trời sắp nổi cơn cố ông ạ.”

“Thế ông biết à?”

“Kinh nghiệm đi biển, lát nữa sẽ tối đen như mực, gió cỡ cấp 9 chứ chẳng chơi.”

“Tìm chỗ núp à?”

“Núp ngay, thuyền ta bé quá.”

Cường nhất trí ngay. Anh cho thuyền bỏ xa một quãng nữa, rồi quay đầu nhắm hướng đảo Yên Tử. Quả nhiên, dự đoán của Đặng hoàn toàn đúng. Những luồng gió mạnh hùng hục xé trời đen, đánh rách cánh buồm tươi tắn. Cường và Đặng hò hét khan cả cổ, vừa hội ý, vừa trấn tĩnh bà con trên thuyền. Họ chống trời tới sáng thì trời dịu. Bằng kinh nghiệm, Đặng nói gió chỉ độ cấp 4, lại là gió nam rất thuận tiện cho việc tiến về hướng bắc. Đặng cho thay buồm, trong khi Cường ngồi nghỉ mệt, giờ cơm ăn. Mấy thanh niên bây giờ mới lại hồn, tán khéo. Riêng Thu say sóng đến nửa mật, nàng lấy làm lạ là thằng Quỳnh vẫn tỉnh bơ như không hề hay biết chuyện gì. Nàng bỗng ao ước sống lại những ngày thơ ấu, bằng tâm hồn trẻ thơ không biên giới để nhìn đời bằng đôi mắt thông thả. Nàng lại trông đi khỏi, thoát hiện thực giông bão. Lòng nàng thật mâu thuẫn, thoát quá khứ dồn vào tương lai, rồi trở về hiện tại. Nàng ôm con vào lòng, có cảm tưởng cả hồn và xác đã mất trọng lực và phiêu diêu giữa hư không. Buổi sáng nhẹ như tờ trời lang thang dưới nắng, sương mờ lung linh một màu trắng nhợt vừa lạnh, vừa hư ảo bỗng lai. Những chòm núi thành linh hiện ra, rồi khuất nhạt dần đó nhúm vào lòng Thu một sự bình tâm lạ kỳ. Nàng ước có Hải bên cạnh để cùng chia sẻ cái tâm cảm bình yên đang có. Nàng tưởng tượng khi nhìn thấy cảnh này Hải sẽ lặng lẽ ngồi hút thuốc, trước mặt chàng mở ra tập vở ghi nhạc, và Hải sẽ rót xuống những giai điệu thoang thoảng như hương biển, hoặc trôi lên một siêu âm hết vượt cung đàn. Nàng sẽ sung sướng tựa đầu vào vai Hải, lắng nghe từ môi chàng thoát ra những âm thanh chàng đang trau chuốt, rồi khi đạt được một câu đắc ý, chàng sẽ nghiêng đầu hôn nhẹ lên tóc nàng. Cứ như là tiểu thuyết vậy, mà cuộc đời chỉ là chương sách dở, không làm gì có tấm phong đẹp bôi lên một kết cấu vẹn toàn và chặt chẽ như ý nàng muốn. Thành ra, phải trở về với hiện thực gần đây, với sóng, với gió, rất đổi náo nức.

Từ phía đầu thuyền vọng một thanh niên bình phẩm, phá tan cái không khí trơ trụi buổi sáng:

“Cứ thế này đi đến Hồng Kông thì thích nhỉ!”

Dường như lời ước của người thanh niên được nghe thấy nên thuyền cứ êm ru thuận gió lướt phẳng phẳng trên biển. Cường đã nấu xong nồi cháo, vất vả tìm chỗ đặt chân lên con thuyền chật cứng để phân phát. Nhìn bà con xì xụp húp, anh liên tưởng đến cũng độ thời gian này năm ngoái, anh lên chợ sắt ở Hải Phòng tìm mua những món cần thiết cho chuyến vượt biển. Cường gặp từng đoàn ăn xin từ quê được công an chở lên phố hành nghề. Những người ăn xin không già yếu hay tật nguyền, phần lớn là thanh niên mạnh khỏe. Những thanh niên ăn xin không chút ngập ngừng vì được nhà nước cấp giấy y như môn bài kinh doanh, họ đến từng sạp hàng, kéo vào quán ăn, tranh thủ húp đồ ăn thừa hùng hổ như lính ra trận vì giấy phép ăn xin chỉ có một tuần và không được gia hạn.

Cường đưa thìa cháo cho Thu, lóng ngóng không muốn nhìn một phụ nữ xinh đẹp xì xụp húp cháo. Anh hướng tia nhìn đi chỗ khác, không muốn Thu lúng túng khi mút mút chỗ cháo còn sót lại trong thìa. Tuy không nhìn nhưng Cường cũng thấy một nửa mái tóc Thu buông xuống che một bên mặt, hàng lông mi dài của nàng cong vút như hứng được cả không gian xao động những sương mù ảo ảo trên biển. Năng xuyên qua thuyền, rớt trên tóc Thu một ánh hào quang, hồng hào óng ả.

Bỗng tiếng Đặng từ đầu thuyền vọng xuống:

“Lên đây tở hội ý tí.”

Khuôn mặt Đặng lo lắng. Từ phía chân trời, một cụm mây đen đang di chuyển nhanh như cái chảo lớn lướt trên trời. Đặng bảo:

“Có khả năng nổi cơn cố.”

“Ông chắc chứ?”

Đặng đáp lại:

“Kinh nghiệm thôi, bây giờ ta tiến ra hay lùi vào?”

Cường chau mày, quyết định của hai người có thể đưa ngàn ấy nhân mạng hoặc trở về bến cũ để vô tù hoặc ra khơi rơi vào vực thẳm. Cường bàn:

“Hay cứ neo thuyền ở đây, nếu trời nổi cơn cố thực thì mình vào, không cứ tiếp tục đi.”

“Nhưng neo bao lâu mới được chứ?”

“Mới là vấn đề đấy. Ông cứ thả neo, tôi cho bà con ăn xong rồi tính.”

Thuyền neo đến chiều thì gió bắt đầu nổi lên. Cả Đặng lẫn Cường đều hiểu họ đang neo giữa hai bờ định mệnh. Bỗng thuyền lắc mạnh một cái, cả thuyền ré lên sợ hãi.

Cường nói:

“Mình về thôi.”

Đặng hét, gió thổi mạnh khiến anh không rõ ý kiến vừa rồi của Cường:

“Cái gì?”

Cường hét trả:

“Nhớ neo về!”

Khuôn mặt lạnh tái của Đặng sấn lại. Cường nghe rõ từng lời của Đặng, át cả tiếng gió:

“Không! Chết cũng đi.”

Đặng ra dấu nhổ neo, nường thuyền ra biển. Hơn ai hết, Cường hiểu quyết định liều lĩnh của Đặng. Vốn bộ đội xuất ngũ vì bị kỷ luật khi trốn không qua Cam Bốt, Đặng đã sống những ngày khốn khó nhất suốt chiều dài đất nước. Đặng biết nếu trở về, anh sẽ tiếp tục sống cuộc đời của con chó hoang, sẽ có lúc biến thành chó dại. Chỉ có tiến về phía chân trời đang đen kịt mây đen kia, và cời trên phong ba cuồn nộ của biển khơi, Đặng mới còn hy vọng sống cho ra một con người. Dưới màu nước xanh biếc, xanh thẳm, giữa chân trời đen tối không chút ánh sáng đằng trước mặt, Đặng nhìn thấy một tia sáng lẻ loi kêu gọi anh đến.

Cường nói:

“Người ta kéo về kia.”

Chùng non chục thuyền chài đang vội vã chạy ngược hướng thuyền của Đặng. Khi hai bên đã ngang tầm nhau, thuyền bên kia có tiếng hét hỏi:

“Về thôi, trời nổi cơn cố đấy!”

Cường nhanh nhẩu trả lời:

“Chúng tôi đang tìm chỗ trú đây.”

Trả lời xong, Cường bàn với Đặng:

“Ta vờ quay mũi, không nó nghi về báo tụi nó rượt đấy.”

Nếu cứ hướng ra biển giữa phong ba thế này thì chỉ có đi vượt biên, thế nào trong đám thuyền vừa rồi cũng có người báo. Mũi thuyền lệch đi một góc, Đặng làm như đang cố cho thuyền đi vào bờ. Mưa rơi lất phất ướt lạnh. Đặng cảm được những giọt nước mưa bắn vào mồm mỗi khi anh há miệng nói với Cường. Trời tối sầm, có nhiều lúc thuyền như nằm lọt dưới đáy vực, mồm sóng hai bên cao vội chực vồ xuống thuyền. Trong một lúc Đặng có cảm tưởng là mình không chủ động được con thuyền. Đàn bà con nít than khóc vang rân hòa với tiếng sóng làm nên bản ai điệu chết chóc. Cường nói:

“Về thôi ông...”

Đặng chưa kịp trả lời thì anh có cảm tưởng cả người bị nhấc bổng, hai bàn tay rần chắc sút khỏi cần lái. Chiếc thuyền hất ngược lên trời như chiếc lá quay trên biển sóng.



3.

NHỮNG CÂY HƯƠNG CHÁY đỏ hực hực. Đêm đang gần về sáng, đêm trong một khối huyền, đêm sạch cả dòng nước. Vũ trụ lồng lộng úp xuống lòng biển xanh, úp xuống những con người thoi thóp thờ trên những đầu hương hy vọng cháy.

Hải nằm ngửa trên nóc thuyền. Từ cao, những vì tinh tú hừng hờ lấp lánh. Tiếng cầu kinh, mùi hương thoang thoang vào mũi, xông lên tận não, rồi bỗng như Hải trôi bồng bênh vào một cõi vô trọng lực, cảm thông sâu sắc sự sinh động của vũ trụ, sự bé nhỏ của con người trước bao la và bóng tối. Con người, dân tộc, và Hải, chạy trốn từ một đất nước hữu hình này đến một đất nước hữu hình khác. Cuộc hành trình tưởng dài bất tận đối với sức trần của bàn chân bé nhỏ, tưởng chừng cả đời người chỉ mong đạt được cái thành tích ghê gớm đó. Nhưng thực ra khi nhìn lên vũ trụ không bến bờ trên cao kia, khi vầng trán chạm vào hư vô cùng bất tuyệt thì sự lao nhọc, những tranh giành, những kèn cựa vất vả suốt kiếp người cũng không bằng con số không của hư không bình thản ở yên mà biến, hồn nhiên chuyển. Hải thương cho mình, thương cho bàn tay người nhỏ bé muốn cất giữ nhiều thứ nhưng không bao giờ tóm được hư vô. Hải thương người vợ trẻ không vượt qua một trạm kiểm soát, Hải thương sự bất lực của con người, tâm hồn Hải như đang ở nơi cao nhìn xuống thấy mình vượt qua chướng ngại vật nhưng thân xác cứ cù nhầy ở mãi một nơi.

Hải bỗng lơ đi những ước mơ thực tại và cả luôn quá khứ. Chàng muốn con thuyền cứ lặng lẽ tắt máy, trôi đến đâu cũng đành, miễn càng lúc càng xa. Ra khơi. Đúng lúc ấy, tiếng máy thuyền nổ hực lên giòn giã. Hải nhồm dậy. Bọt sóng tung trắng cuối thuyền, tiếng kêu mừng kìm trong họng và ánh mắt long lanh của người vượt biển. Hải nghe Dũng gọi bên dưới, rồi cái đầu Dũng thò lên, mặt mày tươi tỉnh:

“Trót lọt ông ạ, xem!”

Hải nhìn theo tay Dũng chỉ. Hương đông, một vùng sáng đỏ nhạt hiện lên cuối chân trời. Ánh sáng như mọc từ mặt nước loang loáng tĩnh lặng. Con thuyền từ bóng tối tiến về phía mặt trời đang mọc. Ánh sáng càng lúc càng tỏa rộng.

Những cụm mây trắng pha sắc hồng nằm chết trên cao xúi vào lòng người đi sự thúc giục và hứa hẹn đẹp đẽ. Hải nhìn đăm đăm mặt trời nhỏ như quả hồng đang trôi đầu lên từ mặt biển, hỏi:

“Mình đi tới đâu rồi ông nhỉ?”

Dững ngăm bốn bề chỉ thấy chân trời, rồi thò đầu vô mui hỏi vọng:

“Chắc tới hải phận rồi ông nhỉ?”

Lão Mục chậm rãi từ trong mui chui lên đứng trước mũi thuyền, hai chân xoạc ra vững chãi. Dáng đứng của một thủy thủ dạn dày:

“Tới rồi.”

Cả thuyền dòn ra ngoài quơ tay mừng rỡ. Hải thấy Sương len lỏi chen lên đầu thuyền, tay nàng nắm chặt vào mạn như sợ ngã dù lúc ấy biển rất êm. Lão Mục đến bên con, thăm thì nói nói gì đó. Sương nhìn đăm đăm lên bầu trời sáng xanh thăm thẳm, rồi cúi xuống đo lường sự thẩm nhập của màu trời trong đáy đại dương. Có lẽ nàng đang thực tập kiến thức khoa học căn bản đã lượm được ở đâu đó, chẳng hạn như màu xanh của biển đồng bộ với màu xanh của trời. Lão Mục thỉnh thoảng quay lại nhìn Hải khiến chàng ngọt ngào có cảm tưởng bị lão bắt gặp ý nghĩ của mình về Sương. Lão cười hiền hậu. Hải trèo xuống mui theo cái ngoắc tay của lão:

“Cháu nghe Dững nói về ông.”

Ông lão ậm ừ:

“Thế à.”

“Vâng, bảo ông sành biển lắm. Cả thuyền chỉ trông vào mình ông đấy thôi.”

Nghe tiếng đàn ông, Sương quay lại, đôi mắt nàng mở to nhìn Hải không chớp:

“Cô là con gái ông ạ.” Hải hỏi, hơi ngạc nhiên không thấy Sương chào lại

“Vâng.”

Lão nhìn con, căn nhắc:

“Áo rách hồi nào thế?”

Lão lật tay áo Sương nhìn vết rách dài nơi cổ tay, ngẫm nghĩ:

“Lại bị cái gì móc vào rồi, may không sứt vào tay đấy.”

Sương “vâng” nhỏ, dường như không quan tâm. Lão Mục nói:

“Đến bờ bố khâu.”

Hải mỉm cười. Con gái lớn thế còn được bố khâu áo. Sương thản nhiên nghe bố nói, nàng mỉm cười với Hải rồi từ người vào mạn thuyền nhìn ra biển. Mặt trời đã lên cao, thuyền êm trôi, êm trôi. Hải có cảm tưởng mình đang tham dự một chuyến du lịch. Lão vào cầm lái thay Dũng, dặn:

“Đứng đây nhé.”

Chờ lão Mục đi, Hải cười nhỏ:

“Bố cưng quá nhỉ.”

Sương đáp:

“Bố chỉ có mình em thôi mà.”

Nàng nhìn chân trời không chớp. Ánh nắng soi lên khuôn mặt rám hồng của nàng rục rờ. Một lúc, mồ hôi bắt đầu đọng trên trán Hải, lăn xuống mắt. Trong phút chốc, Hình ảnh Thu bế thẳng Quỳnh đứng trước cửa nhà đợi tin chồng. Rồi Hải tưởng ra dáng mẹ quỳ gối lâm khâm khẩn vái. Hình ảnh của vợ con, mẹ già, chập chờn theo sóng nước lăn từ thân thuyền, có lúc như chạy theo chàng, có lúc như đứng lại nhìn theo chơi với. Cái khoảng cách vô cùng từ nơi Hải đang đứng, hải phận quốc tế. Ô! Mình đang ở một nơi gọi là quốc tế rồi, mái nhà rất đổi xa xăm, biết thuở nào đắm mình trong gió bắc mưa phùn se se lạnh một ngày đón xuân, trở về trong chiều nào đấy, và lòng yên ổn.

Buổi chiều, hoàng hôn thắm đỏ màu máu tươi. Rồi màu đó nhạt dần. Đêm. Đêm trên biển. Biển đêm. Tiếng máy thuyền đều đều nhưng chừng như mỗi một. Đột nhiên, Dũng báo động:

“Có ánh đèn các đồng chí ạ.”

Lão Mục lệnh:

“Giảm ga, neo thuyền.”

Tiếng máy rú lên, rồi bình bịch cầm chừng. Có người góp ý:

“Thấy đèn thì chạy tới luôn chứ neo làm cái chó gì.”

“Phải đấy, đến Trung Quốc rồi đấy.”

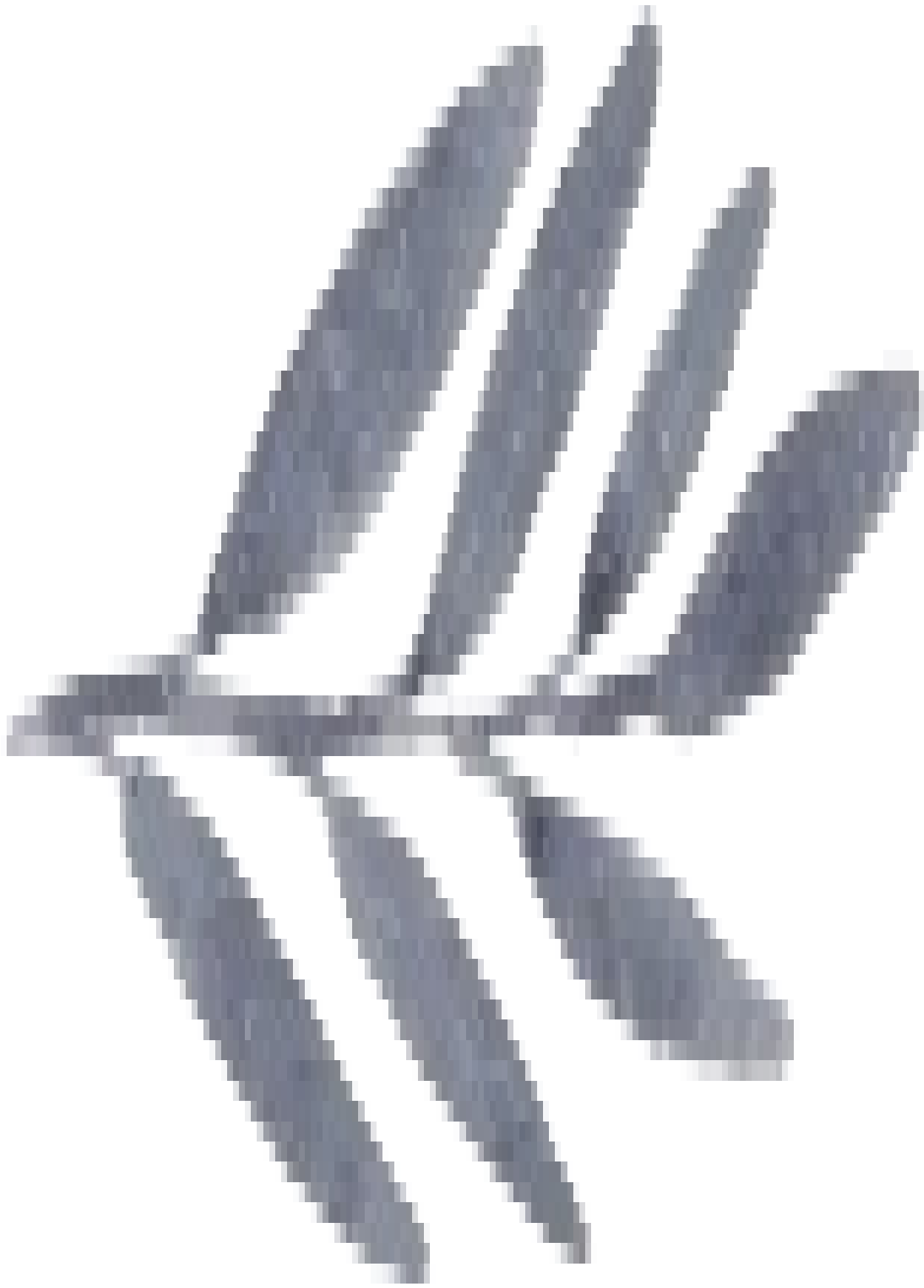
“Thích nhỉ.”

“Đồng chí Trung Quốc hồn nhiên vĩ đại.”

Dũng nói:

“Các bác bình tĩnh nào, ta neo đêm nay sáng mai đi tiếp, đụng đá ngầm là theo Bác đấy nhá.”

Tiếng ồn ào giảm dần. Ai cũng chuẩn bị tinh thần cho cuộc đổ bộ ngày mai khi bàn chân dẫm lên xứ lạ, nôn nao, hồi hộp, mai ra sao nhỉ, mới đây mà xa nhà rồi, xa lắc rồi.



TỜ MỜ SÁNG, THUYỀN rụt rè nhìn nhích lại gần bờ. Hải nom rõ hơn các thuyền tôm của Trung Quốc đậu ven bờ san sát. Chàng nghe Dũng bàn nhỏ nhỏ với lão Mục:

“Ông neo đợi ở đây, để cháu bơi vào bờ xem ra sao.”

Lão dè dặt:

“Khoan, vùng Trà Cổ rất giống Trung Quốc, nhờ gặp biên phòng của ta thì khốn.”

Lão cho thuyền chạy vừa phải dọc theo bờ quan sát, trong tư thế vào cũng gần mà cần thì đông ngay. Hải ngạc nhiên thấy ngư phủ Trung Quốc thản nhiên kéo lưới dù đã nhìn thấy thuyền vượt biển. Chàng cứ nghĩ họ sẽ nhào ra đón tiếp nồng nhiệt con thuyền đang tìm bến đỗ. Nhưng không, sự thờ ơ và những cái nhìn né tránh của dân chài khiến tất cả bàng hoàng sợ hãi, không biết điều gì đang chờ đón. Sao không ai niềm nở nhỉ. Rà rà chừng hai tiếng, lão Mục khoát tay, quyết:

“Neo, chuẩn bị vào bờ.”

Hải áng chừng từ chỗ thuyền neo đến đất liền khoảng 100 mét nước. Chàng nói với Dũng:

“Đàn bà trẻ con thế kia.”

Dũng lệnh:

“Tất cả trẻ con cho lên vai để kiệu, công đàn bà đưa vào bờ.”

Những khuôn mặt xạm lại, những đôi mắt thường khi không nhìn, bỗng tìm nhau chờ đôi mắt kia trấn an dù không ai nói lời nào trước giây phút thò chân lên đất lạ. Thì ra là xuất ngoại. Thì ra là xa quê xa nước. Chính là giây phút này đây. Hải nháy xuống nước, hai tay bám vào mạn thuyền lấy thế cho vững. Cũng may mực nước đã nông, chỉ ngang tầm cổ của người đàn ông trung bình. Chàng hồi bé Ngọc đang trù trù chưa chịu bám vào cổ:

“Con bỏ cái cẳng xuống trước. Thế...thế...”

Chợt Hải nghe một tiếng “bồm” khiến chàng giật thót người tưởng bé Ngọc hụt chân. Thì ra một người đàn ông đang hấp tấp phóng xuống, hì hục lội vào bờ. Ở phía sau, tiếng Dũng ới ới:

“Này, công giùm cháu bé này đã.”

Người đàn ông lăm bẫm:

“Cộng chi, con tui mô.”

Dũng chửi, “đồ đểu,” rồi vỗ vỗ đứa bé:

“Để chú công cháu vào nhé, nín đi nào.”

Hai tay bé Ngọc nắm chặt tóc Hải, chàng vòng tay ngược ra sau ôm con, ngược mặt nói:

“Giữ chặt nhé, đấy, đâu có sao nào.”

Hải bì bõm. Đến bờ, chàng lão đảo té ạch xuống. Dũng nói:

“Say đất đấy, nghỉ chốc khỏe ngay.”

Đất Trung Quốc! Những dãy núi mờ xa xa kia ẩn một điều gì bí mật nhưng trông có vẻ gần gũi quá. Trời trở tiết sang xuân, tưởng như mùa xuân hiện vào lòng, nở trên một chặng đường gian khó. Phía xa, sau những rặng cây già rũ lá, những mái nhà nho nhỏ hiện lành hường ra biển đợi trông người đến. Một tốp người đầu đội nón lá đang cào muối trên bờ. Đàn ông đàn bà đều đội nón đan bằng tranh, nhưng viền nón dài cụp xuống che ngang tầm mắt, khi nhìn họ, Hải có cảm tưởng đấy là những nhân vật bí mật trong truyện kiếm hiệp vì khuôn mặt của họ chỉ chừa từ sống mũi trở xuống. Dù thế, Hải chắc là bọn người cào muối đang theo dõi đoàn người mới đến, những cái cào muối đã ngưng đưa tới đưa lui, chờ đợi. Im lặng. Chỉ có tiếng xào xạc rón rén của những bàn chân dè dặt trên cát. Hải đại diện nói, bằng thứ tiếng Quảng Đông ăn đong của mình:

“Lạy bác, cho các cháu nhỏ ít cháo đỡ lòng.”

Người đàn ông giơ ngón tay đẩy chiếc nón lên, tựa cằm vào cán cào. Khuôn mặt ông rúm nắng, khắc khổ. Cả bộ quần áo lấm tẩm màu trắng muối. Ông ta ngần ngừ. Đột nhiên đám người đằng sau đưa cào lên chỉ ra phía biển, xì xồ ra dấu đã

biết xuất xứ của đoàn người vượt biển. Họ nhao lên:

“Cai chỉ, cai chỉ?” (có nhẫn vàng không?)

Đoàn người mới đến nhìn nhau phân vân. Tiếng Sương lọt trong đám đông, nhỏ nhẹ:

“Gì thế bố?”

Lão Mục nói:

“Họ đòi vàng.”

“Ai cơ bố?”

Vừa lúc đó đám người Trung Quốc tản ra, cắm cúi làm việc như không hề biết có đoàn người mới tới. Đằng xa, một tốp công an Trung Quốc xuất hiện. Thoáng cái họ bao vây toán Hải. Một người áng chừng là chỉ huy hỏi:

“Ai nói được tiếng Quảng Đông?”

Một bà nhanh nhẩu:

“Ngộ còn được, ngộ nói được.”

Viên chỉ huy ra lệnh sắp hàng hai, đếm tới đếm lui số người rồi bảo:

“Xong rồi, mấy nị xuống thuyền đi tiếp.”

Hải chững hững tưởng nghe nhầm. Có đâu lạnh nhạt phũ phàng như thế. Người ta phải reo hò đón tiếp mới phải chứ. Hải nói:

“Chúng tôi là nạn nhân Việt Nam. Chúng tôi xin các anh giúp đỡ cho mua tí đồ cần thiết rồi sẽ khởi hành đi tiếp đến Hồng Kông. Các anh trông...”

Viên chỉ huy thản nhiên.

“Các anh ở đây chúng tôi không chịu trách nhiệm, chúng tôi không có thẩm quyền giúp đỡ. Đến thị trấn kể các anh sẽ được giúp đỡ đi tiếp. “

Mọi người căng thẳng. Ai đời lại nông nổi thế. Có người ngời phịch xuống cát, ý

muốn ăn vạ. Viên chỉ huy ra hiệu, mấy gã công an khác lập tức nhào tới, xốc nách những người ngồi ỳ áp tải xuống nước. Không ai chống cự, rã rời, chán nản như miếng ăn sấp vào miệng bị vồ mất. Dừng hét lớn, gió đưa tiếng nói anh vang rõ:

“Đi thôi bà con, thuyền ta còn tốt.”

Hải đến cạnh viên chỉ huy hỏi:

“Trước khi đi, tôi muốn biết đây là đâu?”

Viên chỉ huy nhìn Hải lạnh tanh:

“Thị trấn Xương Giang, Hải Nam.”

Ra là thuyền đã đi chệch ra đảo Hải Nam, thế mà cả bọn đều nghĩ đang ở đại lục. Chàng bế xốc bé Ngọc cho ngồi lên cổ, chậm rãi lội ra thuyền. Một chiếc tàu công an vũ trang xuất hiện cặp sát thuyền vượt biên, những bóng người nhảy qua thuyền lục soát. Khi Hải vừa đẩy được bé Ngọc lên thì họ đã làm xong nhiệm vụ. Có gã còn cúi xuống lôi hộ những người yếu sức. Công an lại đếm số người, báo cáo với viên chỉ huy trong bờ trước khi cho thuyền chạy. Dừng cầm lái, lăm bầm chửi:

“Biết thế ông đếch vào làm gì, nhưng sao nó đếm kỹ thế nhỉ?”

Lão Mục đứng bên cạnh, mắt vẫn dõi trông vào bờ. Nắng trưa đổ một màu trắng xuống một bờ đảo Trung Quốc y như một giải đất nào đó mà lão đã trở về trong một lần nào đó ở quê. Cũng là màu trắng lung linh thơm mùi biển. Cũng những chấm người lù khù trên cát. Rồi những mái nhà cũ xì kiên nhẫn chờ sau những tàng cây. Lão nhảy lên bãi, đi ngược lên dốc dựng ngược, đến một lối đất nhỏ dẫn vô làng, trù mển ngó con chó đang trăn lừng trên bãi cát rùng mỡ. Xóm làng của lão nhẫn nhịn mỗi lần lão đi biển về. Lão yêu nó lắm. Lão yêu cái lối nhỏ về làng không kể sao cho xiết. Những mối tình thơ dại vẫn đọng trên dấu chân hằn trên cát bỏng, in trên đất khô, và như có cả mùi gì ấy phưng phức trong gió nữa. Ấy vậy mà lão lại bỏ đi, đôi bàn tay cứng tạo dựng một đời giờ chỉ còn là những cục u nham nhở nhứt nhối. Những cục u quá vãng.

“Hờ ông?”

Dùng nhắc lại, tưởng ông già không nghe.

“Nó sợ có người trốn theo mình đấy.”

Năng đổ đầy thuyền, vươn trên tóc, năng loáng cả chân trời, sóng sánh như làn nước mắt nức nở của người vợ hiền xa xăm khuất nẻo. Hai tròng mắt trắng dã, nghẹn ngào ngược nhìn bầu trời đen những hình thù ma quái, và những rách rưới từ tím thẫm tâm can ứa tràn hai bên miệng, nghẹn ngào. Lão đổ ập trên xác vợ, người khô khốc, không có tiếng nấc nào vang lên trong lão. Thế là hết một đời. Vợ lão là con người cô độc. Một bận, dè chừng sắp đến ngày sinh nở, lão về đến nhà thì đứa con gái đã ra đời. Vợ lão nằm trên chõng tre, một lò than ngun ngún đỏ bên dưới. Lão ngồi xuống, vuốt đầu đứa bé, rồi cứ thế lặng yên. Người đàn bà vừa làm mẹ giương đôi mắt thao láo nhìn lão, nước mắt lăn chã tuôn. Sự câm nín bẩm sinh của người đàn bà đã dẫn lão lại gần, và cũng chính nỗi câm nín ấy lần nữa đẩy lão đi, như một trò chơi ú tim ma quái, vừa thiết tha vừa lạnh nhạt, vừa dung dị vừa lãng mạn. Bây giờ thì người đàn bà đã toại nguyện, đã hoàn toàn câm nín dưới ba lớp đất đen nín lặng, muôn đời.

“Tao đái cho bồ tức.”

Một giọng nói từ cuối thuyền. Tiếng nước chảy tồ tồ. Gã con trai tinh nghịch day mặt về hướng đất liền. Mấy bà trong khoang cười khúc khích. Rồi như một thứ bệnh dịch, tiếng cười lan nhanh khắp cả thuyền. Dững lái chầm chậm, nhìn lui:

“Hồi đi học, ghét ông thầy nào là tớ tìm cách tưới vào nhà ông ta.”

Hải góp, mắt nheo lại vì nắng. Bóng lão Mục đứng đầu mũi, áo quần bay phần phật in trên bầu trời xanh lơ.

“Ai bảo ông đàn ông tử tế nhỉ.”

Hải có cảm giác thanh thản. Chàng hình dung chẳng mấy chốc sẽ vượt qua eo biển Lô Châu, rồi cứ thế dọc theo bờ sẽ đến Hồng Kông. Cuộc đời mở ngõ ở đây, ước vọng sẽ tuôn thành, phóng lên theo tiếng gọi mơ hồ từ những phương trời xa thẳm.

Bầu trời chuyển qua màu tím thẫm. Những cụm mây lặng đứng sẫm đặc như rừng hoa sim tím. Hoa sim in trên nước, rung rinh từng lớp nhỏ. Những kiếp người trùng trùng theo nhau, tựa như cánh sóng ngày hôm nay vốn từ muôn kiếp trước. Tất cả với tâm hồn ngưng đọng, đi tìm những huyền tượng không bao giờ hiện hữu, bị thúc giục bởi chính những dục vọng ẩn kín trong ngách ngõ linh hồn mà tưởng điều gì cao vời vợi, xô đẩy nhau lăn về phía trước. Phía con

người. Chỉ có hoàng hôn bàng hoàng. Một hoàng hôn tím sẫm. Tím vô cùng. Không có tự do. Không có con người. chỉ có một màu tím thuở hoang sơ, đổ dần xuống, đổ dần xuống, tựa như những vết loang bàng bạc đùn lên những vết thương nhưng nhức, mơ hồ hiện ra quặn thắt, mơ hồ tan vào mênh mông.

Lòng ưu tư nhưng Hải vẫn thấy quang cảnh trời nước mênh man đẹp lạ lùng. Thiên nhiên thật sòng phẳng, thiên nhiên không từ bỏ ai. Thiên nhiên thần nhiên bày ra cảnh, chia đều cho người sung sướng hay đau khổ, hồn nhiên đó, ai thấy thì thấy, ai không thấy thì thôi, hết như cảnh khổ, có người đau lòng thổn thức, có người không cảm gì.

Hải ngồi yên lặng như thế sau đuôi thuyền cho đến khi cả không gian tím ngắt sập tối. Bé Ngọc say sưa ngủ trong lòng, hai hàng mi nhắm nghiền, một bình an trông thấy. Chàng nhìn hộ con những vì sao sáng sánh nước loi ngoi giữa muôn trùng cô độc. Những giọt nước đang rỏ xuống đời chàng đang bập bênh trên sóng, đã nhỏ xuống những đêm quê hương giữa mình trên bãi cỏ cùng người tình thi đếm những vì sao.

Người con gái ngả đầu lên cánh tay Hải, nghiêng mặt lắng nghe chàng đang hồi tưởng một quãng đời xanh ngắt. Nàng cười rung rúc, vuốt ve bộ ngực căng phồng sức sống của người yêu. Hải kể đến bài học về tên các vì sao định hướng, dẫn dắt người thủy thủ đi đúng nẻo đường, dẫn tới một tương lai ước định. Chàng miên man tưởng tượng thay nàng những cõi trời xa thẳm. Nàng dụi mặt vào cổ chàng. Mùi lúa chín ngào ngạt khiến Hải ngây ngất. Chàng chưa bao giờ sung sướng như thế. Nàng là cô giáo trẻ mới ra trường, những ước mơ dung dị, như đồng cỏ, hương lúa, tưởng chừng như màu tím bông cà mườn mượt sau vườn sau. Chàng dấy lên sự thèm muốn, tuổi trẻ nung nấu trong lòng như bếp lửa ngày xuân, hừng hực, hừng hực. Chàng siết chặt thân hình mảnh mai của nàng, tê dại. Hạnh phúc thật gần, trong tầm tay. Chàng chưa nếm thử vị ngọt của tình yêu, bao giờ, không chừng mãi mãi.

Một tia sáng mơ hồ đâu đó hắt vào mặt khiến Hải nhắm mắt lại, lắc lắc đầu.

“Đến đâu rồi nhờ?”

Một tiếng hỏi băng quơ. Trong đêm tối, mọi cặp mắt đều giương lên ngó vào bờ lung lay những ngọn đèn vàng. Hải nghe giọng Dũng nói với lão Mục:

“Ông coi thuyền để con vào bờ tham quan thử.” Một chập, cái bóng đen thui thúi của Dũng phóng ùm xuống nước. Cả thuyền im lặng hồi hộp. Thuyền neo. Sóng

êm ả vỗ lách tách vào thuyền, mơn man, ru ngủ. Sao phập phồng sáng trên trời đêm.

Chẳng còn bao lâu nữa chàng sẽ theo đoàn đi biểu diễn cho các chiến sĩ đang đồn trú biên giới, chàng sẽ phải bóp óc cho lời ra dăm bài ca chống bành trướng, ca ngợi hình ảnh hào hùng của bộ đội ở tuyến đầu. Chàng sẽ về lại thành, sẽ chung sống đời đời với Thu. Nào có bao lâu nữa mà nôn nả. Hải đi qua những bản làng xơ xác. Cuộc tấn công chớp nhoáng của bộ đội Trung Quốc đã cày nát những thôn xóm yên lành suốt những năm dài của cuộc chiến tranh giải phóng. Vài con chó đói sủa ăng ăng khi người hơi người, cuống quýt chui đầu vào bụi chuối lòi ra xương dít còm cõi. Những buổi chiều ánh dương tàn trên rừng tím sẫm, xào xạc khúc ai điếu những giọng sầu hoang dã. Trong lòng Hải chẳng dậy lên một nỗi căm thù nào như những lời ca mà chính Hải, và đồng nghiệp của chàng, vẫn bắt bỏ vào sáng tác của mình. Có lẽ khi người ta lặp đi lặp lại hoài một lời nào đi nữa thì ý nghĩa ban đầu của nó không còn nguyên vẹn nữa. Có lẽ cuộc chiến này không nhằm vào những người như Hải như những con chó đang đút đầu vào bụi chuối ngây ngô chống mông ra ngoài.

Rồi Hải về. Mùa thu lại tắm đẫm sương đêm. Hải đã nằm dài trên cỏ, những vì sao ngắc ngoải ứa tràn, sóng sánh màu nước vỡ. Hương lúa vẫn ngọt ngào nồng thắm, hương lúa của ngày xưa.

Hải cúi xuống ngắm bé Ngọc say ngủ. Một chân chàng tê rần vì đứa bé đè lên. Chàng đau nhức tự hỏi không biết Ngọc có phải con mình. Không, ai cũng bảo nó có mái tóc dày nghệ sỹ như chàng, còn vàng trán phẳng phiu của bà nội. Nó phải là kết tinh tình yêu trung hậu giữa chàng và Thu. Hẳn là như vậy.

Giọng lão Mục gắt nhẹ ở đầu thuyền:

“Cẩn thận đấy, nó vớ được là khốn nạn.”

Hai thanh niên đang chuôi mình xuống nước, lên lên bờ thám thính. Trời đã về khuya. Cơn sốt ruột của những người còn trên thuyền giảm dần. Đã có tiếng ngáy. Hải cũng ngã người dựa vào be thuyền, mơ màng nhìn một vì sao xa nhấp nháy.



4.

TIA NẮNG RỌI VÀO MẶT khiến Hải mở mắt, đầu nhức nhưng hơi lạnh buổi sáng còn cóng cả đầu ngón tay. Chàng ngạc nhiên thấy bé Ngọc thản nhiên ngồi bó gối, ngó đăm đăm vào bờ. Vừa lúc những chiếc thuyền đánh cá Trung Quốc bỗng đâu xô lại vây quanh thuyền. Họ chỉ chỏ nói cười, rồi ra dấu muốn mua vàng. Dững đứng trên mũi, hò hét:

“Mua đồ bà con ơi, ta ăn tết lớn trên đất Trung Quốc một phen chơi.”

Hôm nay đã 28 tết. Thảo nào người Trung Quốc nhộn nhịp. Họ đổi chác, mặc cả, lắc đầu, gật đầu loạn cả lên. Trên thuyền có vài người gốc Hoa nên cuộc trao đổi không vất vả. Từ xa, một chiếc tàu chiến rẽ sóng vun vút lướt tới. Chiếc tàu hú còi đuổi thuyền đánh cá đi rồi quăng dây qua thuyền vượt biển, ra lệnh cột vào mũi để họ kéo. Dững chỉ vào ngón tay đeo nhẫn, nói vói lên:

“Chúng tôi có vàng, cần đổi đầu.”

Viên công an, gật đầu. Chiếc thuyền bị kéo phăng trên biển rồi dọc theo bờ. Chỉ thợ máy cau có:

“Mả mẹ tụi nó, kéo căng thế khéo vỡ cả thuyền.”

Thuyền chạy qua những xóm chài lưới lụt đụt nhà tranh, ngư dân áo quần rách rưới ngẩn ngơ nhìn, có người đưa tay vẫy, tiếng chó sủa băng quơ. Mãi chừng bốn tiếng sau, Hải nhìn thấy một thành phố khá lớn, các cao ốc tân kỳ ngấp ngé trên bầu trời. Hy vọng sống đây rồi, đây rồi anh em ơi.

“Nó cho mình vào đây thì thích nhỉ.”

Tàu công an hướng mũi, thoáng chốc, chiếc tàu sắt cập vào cầu tàu. Dăm kẻ trên bến như đã được lệnh sẵn, quăng dây qua thuyền buộc vào trụ sắt. Một viên công an nhẩy xuống thuyền:

“Các anh không được lên bờ, cần gì bảo chúng tôi.”

Viên công an không mang quân hàm nhưng có vẻ là người chỉ huy. Đầu ông ta hói khi cái mũ cát kết nhô lên vì một cơn gió bất ngờ thổi tới. Ông ta yêu cầu đếm số người. Dũng đột nhiên giãy nảy khi mới đếm được một nửa nhân mạng:

“Địch mẹ, nhảy dù hử!”

Mọi người đổ dồn mắt về phía người thanh niên Dũng đang quát. Dũng vừa phát hiện anh ta đi dù, không biết bằng cách nào có mặt trên thuyền trong mấy ngày qua. Anh quát:

“Ai có tiền nong gì cầm tay sẵn sàng. Dù mẹ, không có tiền mua dầu thì chết đồng cả này.”

Người đàn ông đứng cạnh Hải lén cời chiếc nhẫn vàng dúi vào lưng quần. Thấy Hải nhìn, anh ta lẩm bẩm chữa:

“Bạc vàng chi mô, cũng phải phòng hờ chứ.”

Anh ta nói giọng nói trợn trợn chính thẳng không “cọng” đứa bé khi lội sục vào bờ hôm đổ bộ đầu tiên. Khuôn mặt gã trắng nhợt, lạnh tanh. Nhắm tính số vàng thu được một nhúm nho nhỏ trong lòng bàn tay, Dũng thương lượng với viên chỉ huy công an:

“Anh mua hộ một phuy dầu, còn bao nhiêu mua hộ lương thực khô cho chúng tôi thì đội ơn không hết ạ.”

Viên công an nhận vàng, ra lệnh đem mấy thùng nước ngọt xuống. Trời đã về chiều, gió biển hây hây thổi. Rồi gió càng lúc càng mạnh khiến cả thuyền đều lo ngại. Chẳng mấy chốc, mây đen sập sập vờn dậy tận chân trời, ngùn ngụt chồm tới. Trời tối tăm. Nước biển sôi òng ọc như nồi canh đang nấu. Trẻ con ré lên sợ hãi. Cơn bão khi không ập đến dữ dội, giập dũ đập be thuyền vào cầu tàu càn cách, càn cách. Dũng nói qua màn nước mưa xối xả:

“Cho bà con lên bờ.”

Lão Mục ngăn, thuyền lắc lư, như có tiếng kêu rảng rắc sắp vỡ:

“Không ra ngoài ngã xuống nước, chỉ một chốc thôi, dồn cả vào trong mui.”

Có lúc nước biển chồm lên như một tấm mền trắng, chụp xuống. Hải có cảm

tưởng ngộ thờ, ngộ như thờ bé bố công ra sông và lặn xuống một chốc. Chàng nghe tiếng kêu thảng thốt, không phải của bé Ngọc mà của ai đó sát bên mình:

“Bố ơi...”

Hải lắc lắc bé Ngọc. Con bé dường như đã ngất đi vì sợ hay ngộ. Hải vuốt nước trên mặt con, bối rối. Khoảnh khắc, bé Ngọc hé mắt, hai hàng mi mọng đỏ.

“Không sao con, không sao con, chỉ tí thôi.”

“Bố ơi...bố ơi...”

Hải đã nhận ra tiếng kêu của Sương. Hai tay nàng ôm trước ngực, tóc phủ kín cả mặt. Hải trấn an:

“Cô Sương, Sương, cô sao thế, chốc rồi tạnh ngay đấy mà.”

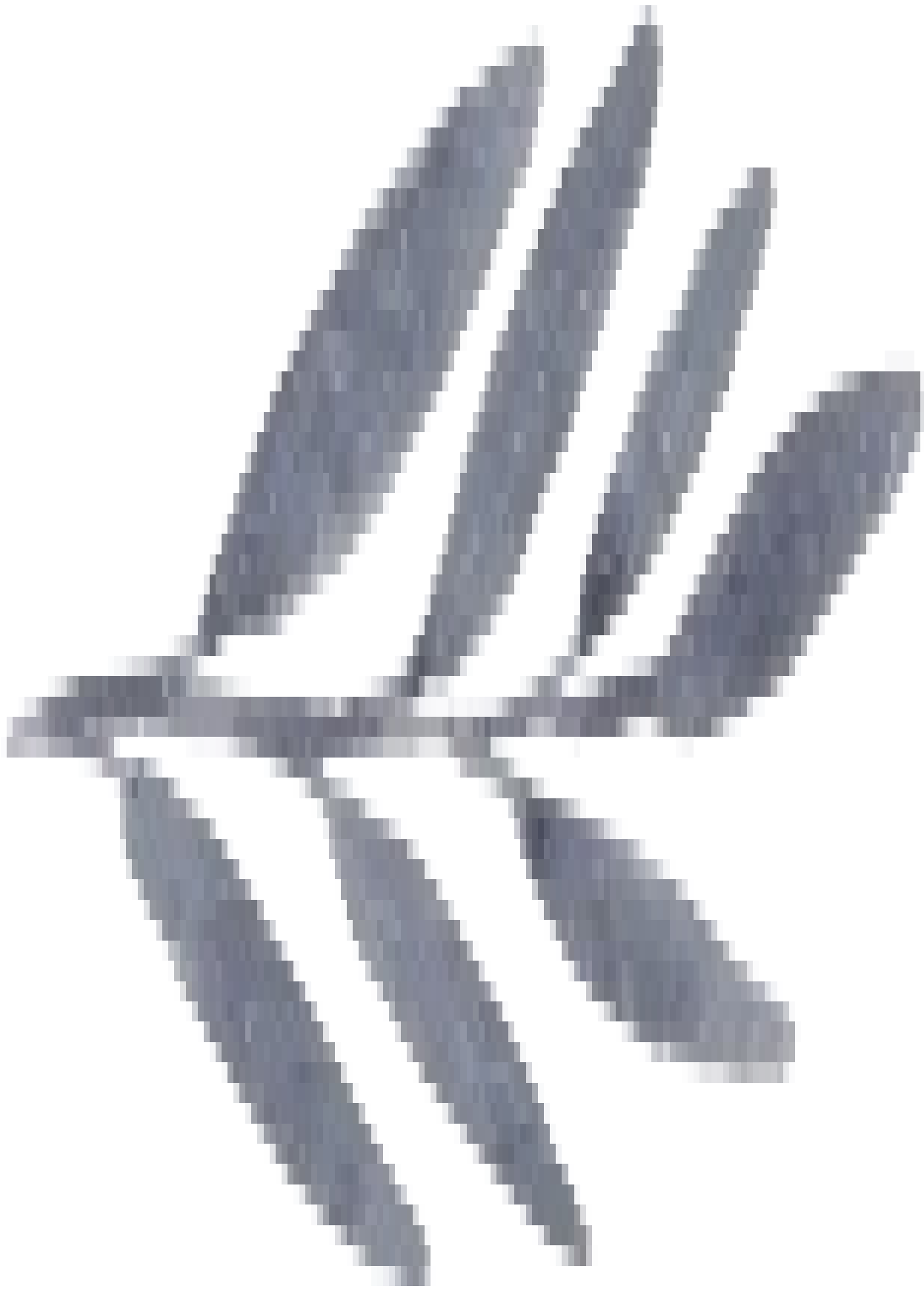
Thuyền đập cách một cái. Sương mất thăng bằng ngã chúi vào Hải. Nàng sợ hãi lùi lại, miệng lại kêu lên khe khẽ:

“Bố ơi...bố ơi...”

Lão Mục trấn trước mũi thuyền, nói:

“Dứt rồi!”

Gió quả nhiên hạ dần, dịu đi, làm như câu nói của lão là lệnh thuyền chứ không phải lời tiên báo. Chiếc thuyền đong đưa nhẹ nhẹ.



NHỮNG HẠT MƯA LÂM RÂM, chùng muốn ngưng nhưng còn luyến tiếc.
Một viên công an mặc áo tơi thùng thình xuất hiện:

“Cho chúng tôi lên bờ cùng đón tết ạ,” Dũng xin xỏ.

Viên công an nhìn từ mũi tới đuôi thuyền, vẫn cái giọng lạnh tanh như những người trước.

“Không, các anh không được phép, chùng nào muốn đi thì đi.”

Dũng hỏi lão Mục:

“Hay ta cứ bỏ neo đây?”

Lão nhìn trời, ngó nước mênh mông, nói:

“Đến lúc phải đi là đi thôi.”

“Thế còn bão không ông?”

“Vật nhau với nó, xem chùng chỉ còn giông.”

“Hay ta ăn tết đây nhì.”

Những nạn nhân lưu lạc nhìn nhau. Lặng thinh. Ăn tết, tết trên thuyền. Hải nói:

“Có gì đâu mà ăn nhì.”

“Đón tết đấy mà.”

Hải nảy ra một ý tưởng. Ít ra tết nơi đây cũng có gió lạnh, cái ngậy ngậy ấy thôi đủ nhắc không khí tết. Chàng bảo:

“Ta đón tết giữa biển một phen đi, cả đời mới được lần này, thú đấy.”

Lão Mục cười, lần đầu thấy lão cười:

“Lạ gì, thôi, cứ đi men theo bờ tới đâu hay tới đấy.”

Dũng nhảy phốc lên bờ, vươn chân vài cái rồi tháo dây, kêu Chí nổ máy cho thuyền de lui. Anh đưa tay chào viên công an, bõn:

“Đồng chí ở lại vui tết nhé.”

Dũng nhảy xuống thuyền, chống nạnh nhìn lên những cao ốc ngất ngưỡng xa xa:

“Đứng xa ngắm có khi hay hơn.”

Màu trời vàng vọt. Không khí thơm phức mùi nước mưa. Lão Mục kêu Dũng lấy bản đồ để hội ý hướng đi. Từ chỗ thuyền đang trôi, theo ý Dũng, phải mất nhanh lắm là một ngày mới tới thị trấn Hải Khẩu, thủ đô của Hải Nam, nếu đi theo đường tắt. Như vậy, đến Hải Khẩu đã là ba mươi tết.

“Tính sao ông?”

“Ghé đây rồi hẳn tính, mua ít đồ.”

Hải vẫn nghĩ luẩn quẩn ý tưởng ăn tết trên biển. Từ Hải Khẩu vượt qua eo biển Lô Châu là tới đại lục.

“Chẳng mấy chốc tới Hồng Kông.”

Dũng phấn khởi. Dự tính từ Việt Nam chỉ mất bảy ngày tới Hồng Kông. Vậy mà mười ngày qua. Hồng Kông xa tít. Lão Mục đo mực nước, ra lệnh cho thuyền chạy hết ga. Hình như lão cũng nôn nóng điều gì đó. Bóng đêm phủ cả trời biển trừ ánh đèn chớp sáng từ thành phố tân kỳ, những đốm sáng lấp lánh trên bờ, chập chờn ma trơi. Biển mênh mông một bề, đất xa tít bên kia.

Chạy đến gần sáng, Dũng cho máy nghỉ. Lập tức, một thanh niên hỏi:

“Ta nghỉ đây bao lâu?”

“Non tiếng thôi.”

Gã thanh niên cởi phăng áo, làm vài động tác giả cho ấm rồi nói:

“Đằng ấy chờ tôi về rồi đi nhá.”

Không chờ Dũng đồng ý, gã phóng ngay xuống nước. Lão Mục hỏi:

“Đứa nào đấy?”

“Thằng này đi nhảy dù ông ạ, đến nước này có vòi tiền nó cũng không được.”

“Nó làng cậu đấy à?”

“Nó Quảng Ninh. Hôm trước trốn theo cháu lên bờ trộm mía đấy, chắc giờ lại
giở trò

cũ.”

Một chị góp tiếng:

“Thằng Thốt đấy, đầu gấu Quảng Ninh, còn lạ gì.”

Hơn một tiếng đồng hồ trôi qua. Thốt vẫn mất dạng. Dừng suốt ruột, cau mày
ngó dăm dăm vào bờ, anh chặt lưỡi nổ máy. Mặt trời đã thắp sáng thóp cây. Màu
hồng thắm của bình minh pha dần sắc trắng, nhạt dần, trắng thêm trên sườn núi
xa xa. Giữa lúc ấy, một bóng người trên bờ xuất hiện, hì hục đẩy một mảng bè
xuống nước, rồi cứ thế vừa bơi vừa đẩy bè hướng ra chiếc thuyền đang neo.

Dừng cảnh giác hô:

“Chuẩn bị đông.”

Tiếng máy nổ cầm chừng, chờ đợi. Cái đầu nhấp nhô trên mặt nước như một trái
dừa khô. Dừng nheo mắt, hô:

“Thốt.”

Thốt vừa bơi vừa đẩy. Những cây mía dài khăng khiu trời sụp trên sóng bạc. Gã
đã đến sát thuyền, ngược cổ lên, giọng gã lục đục:

“Này, kéo hộ tống đi chứ, giọng gã như ra lệnh.

Dừng quãng móc cặp bó mía. Mía sỗ ra rơi bồm xuống. Thốt vừa lên thuyền,
phóng ngay xuống vớt lên lại:

“Ấy đấy, đừng thế chứ, bố nhọc công lắm mới mang mầy về đây.”

Người đàn bà mới bình phẩm về Thốt, thốt lên:

“Ồi giời ơi tài thật đấy nhá, hay quá nhỉ.”

Thốt cười lục cục. Bắp tay gã loang loáng hàng chữ xăm bằng mực Tàu: “Xa quê hương nhớ chị dâu.” Cánh tay kia xăm hình cô gái trần truồng sống độ. Gã túm cây mía kê lên gối vật ngược, mồm thốt. Mía Khống tử nhá, khác mía ta đây, đủ cả nhân lễ nghĩa trí tín, đủ mẹ, ngọt phết.

Tiếng cặp mía rôm rả vang trên thuyền, dường như lẫn cả tiếng máy. Trong khốn khó, ai cũng cần có miếng ăn, dù là ăn của quân ấy, như lời người đàn bà. Bã mía trôi lênh bênh trên sóng, sui sùi bọt biển như bọt nước miếng. Nắng chói, hừng hực hơi người xông lên. Hải rờ trán bé Ngọc, con bé đang sốt. Chàng nhai từng lóng mía, để nguyên chất nước ngọt trong mồm rồi áp vào miệng con, đẩy ngum nước qua. Lòng chàng quặn thắt nhớ đến Thu, đến thẳng Quỳnh. Nếu có nàng ở đây, hẳn đỡ biết bao.

Gần trưa, thuyền càng lúc càng đi gần đến những chiếc tàu sắt đang ngược xuôi trên biển, hoặc đậu san sát gần bờ. Lần đầu tiên Hải, và có lẽ tất cả những người trên thuyền, trông thấy một chiếc tàu chạy hòng mặt nước lao vùn vụt trên biển, một tia sóng nhọn chẻ trên không. Phía xa, những tòa nhà chọc trời vươn mình lộng lẫy và kiêu hãnh. Một thành phố văn minh chỉ có trong trí tưởng tượng, nay xuất hiện rõ dần, hằn nét trên trời xanh.

Tàu công an lại xuất hiện, cứ như là họ đã rình sẵn đâu đó rồi, chỉ chực chờ thuyền vượt biển. Con thuyền Việt Nam được hướng dẫn đi theo, cặp bến, nhỏ bé và khiêm tốn giữa những tàu sắt ngạo nghễ.

“Trung Quốc mà đã thế này.”

“Văn minh nhỉ.”

“Chả bù cảng Hải Phòng.”

“Kinh thật.”

“Bì chó thể nào được, người ta nước lớn.”

Mấy viên công an ngồi chồm hồm trên bến, sát thuyền. Họ mỉm cười. Ồi giời, công an cười với nhân dân mới loạn chớ. Hải không nghe Dũng đang trao đổi gì với viên công an vì mấy bà nặng cả lên.

“Trông chúng hiền lành nhỉ.”

“Chẳng ta đây tí nào.”

“Thích thật.”

“Hay hôm nay tết nó mới vui vẻ thế, chớ nhẽ nào công an lại cười bao giờ.”

“Bậy nào, xứ người có khác.”

Dũng báo tin: không ai được lên bờ, muốn ở đây ăn tết thì vẫn phải đốt pháo trên thuyền. Một công an xuống thuyền đếm người, ghi chú cẩn thận bao nhiêu đàn ông, đàn bà, trẻ con. Bỗng có người đề nghị:

“Ai có đô la muốn đổi thì nhờ người ta đổi.”

Hải lấy tờ hai mươi đô la Mỹ gói kỹ trong bọc nhựa, nhờ viên công an mua ít thuốc cảm. Chàng dặn thêm:

“Còn bao nhiêu, xin ông cho bình rượu uống mừng xuân.”

Viên công an cười cười. Chỉ một chốc sau, ông ta mang rượu, lương khô, rồi cả thuốc lá lại. Lão Mục nói:

“Cậu xin họ cho mình đứng trên bờ hết đêm nay thôi, qua giao thừa ta đi.”

Dũng quay qua viên công an, cắt nghĩa. Mặt anh ta lạnh tanh. Dũng nói:

“Chúng tôi không cần đứng trên đất của các anh, chúng tôi chỉ muốn...”

“...Thôi khỏi, nạn nhân tỵ nạn mà!”

Các công an đại lực trông giống nhau. Nai nịt gọn gàng, viên chỉ huy đeo khẩu súng lục có vẻ nặng hơn, nét mặt nửa thân thiện nửa lạnh lùng, nói năng vừa đủ tựa như đã quen với công việc đếm người vượt biển. Biết có nói nữa cũng không được, Dũng ra lệnh nổ máy. Tiếng máy ròn rã nhưng nghe buồn như tiếng khóc trẻ lạc đường. Dù sao biển cả không bờ vẫn hy vọng hơn nằm trong song sắt có súng ống bên ngoài. Hy vọng, hãy hy vọng, có hy vọng là còn đường sống. Đi. Lão Mục nói, đánh dạt cái không khí sắp trở thành bi thảm:

“Thôi cứ khai rượu, đón tết, cứ qua rằm tháng Chạp là coi như tết, đâu chả tết.”

Chiều tàn. Màu đỏ của trời dội lên nước, tắm đẫm một điều gì ghê rợn, tựa như máu đỏ vừa loang, đang loang, dần ra cả mặt nước. Hải chưa bao giờ thấy một màu đỏ rùng rợn như vậy, phải chăng vì chàng và những người vong gia thất thổ đang bị đẩy ra từ bến bờ chu du qua chân trời bơ vơ trước mặt, nên tâm hồn cũng nhuộm gắt một màu đỏ ứa máu. Con thuyền lằm lúi chúi về phía trước, một chân trời tua tủa những cụm mây nhọn như hàm chông vừa xuyên qua da người, đâm xuyên ruột, bày ra những vũng máu đỏ gắt, đỏ thẫm. Hải cho con uống thuốc, lấy áo trùm kín thân thể nóng hầm hập của bé Ngọc. Chàng đón chén rượu từ tay Dũng, chiêu một ngụm lớn. Hải thấy mình bất lực như một con sóng nhỏ, cứ bị ngọn sau đẩy tới trước mà không cách nào dừng lại để tan vào một nơi nào thật bình yên. Chàng nghĩ giá chàng là ngọn sóng nhỏ như câu sáu trong bài thơ lục bát, cứ bị câu tám đẩy tới, xô tới trong một nhịp lẻ dầy dứt thì đỡ khổ hơn, hoặc nếu ngắt ở một nhịp chẵn đồng điệu chẳng hạn, thì càng sung sướng hơn thế nữa. Phải chăng nước sẽ không còn là nước nếu không bao giờ có sóng? Phải chăng đã là người thì phải xô tới trước, sẽ không bao giờ ngưng đọng, bị xô đẩy từ chính tư duy của mình, bởi chính cuộc đời xung quanh, bởi những vần điệu đặt lẩy, để ru cuộc đời. Hải thấy bưng bưng, huyết quản như có muôn ngàn động cơ nổ, nổ đều một lúc. Bây giờ đây, chiếc thuyền như ngọn lá giữa bốn bề mênh mông. Không còn thấy cao ốc đằng sau, không còn thấy gì cả. Chiếc lá lênh đênh trong mây đỏ, hướng về phía trời đỏ, nhưng càng đi càng thấy xa dần. Như ảo tưởng không bao giờ túm được, một ảo tưởng đỏ gắt, vây quanh những máu và máu.

Rời từ đằng xa, rợn trong mây đỏ là một cái quạt. Đúng như vậy, một cái quạt đang chìa ra chặn bước. Lão Mục gằn giọng:

“Đến rồi!”

Lão đưa tay chỉ, viền mắt hai ba lớp như mắt voi căng ra, mặt lo lắng. Mặt trời núp sau cụm mây đỏ, rồi màu mây chuyển dần sang màu đen, xòe ra như hình rẽ quạt. Từ dưới lòng biển đen thăm thẳm nghe như có tiếng gầm gừ của dã thú vọng lên. Lão Mục trầm tiếng:

“Ta vào bờ.”

Cả thuyền đặt lòng tin vào tay lái của lão nhưng không ai tin trời đất thời tiết. Lão là hiện thực còn thời tiết là khái niệm. Khái niệm thì mơ hồ không đoán được, cho đến khi nó thành hiện thực. Cho nên khi nghe lão nói, biết cái phần bất tín kia đúng. Đã trễ. Thuyền vừa ra đúng giữa hai dòng nước ngược. Một

dòng chảy từ vịnh Bắc Bộ ra biển, bị cắt ngay giữa eo biển Lôi Châu và đảo Hải Nam nên dòng nước như một dòng thác đang ngon trốn bỗng bị ép lại thành lình khiến sức chảy càng hung hãn. Một dòng từ ngoài biển Đông chảy ngược vào vịnh Bắc bộ cũng bị bán đảo Lôi Châu từ đại lục ép qua. Hai dòng nước xiết chảy ngược nhau, va vào nhau tạo nên những xoáy nước réo điên cuồng. Cái hình rẽ quạt từ trên trời càng lúc càng tỏa rộng, như năm ngón tay quái thú úp chụp xuống những con người bơ vơ bé nhỏ. Trong tích tắc, thuyền bị sóng nhồi lên đến tuyệt đỉnh cao, cao đến mức không thể cao nữa, rồi từ đỉnh cao ấy, vụt xuống một thung lũng bốn bề nước đen dựng thành tường. Tiếng ré kinh hoàng bị hút vào bức tường đen, mất biệt, như sự thâm âm tuyệt hảo nhất. Từ đỉnh sóng xuống vực sâu, rồi từ vực sóng thuyền tung lên đỉnh sóng. Tiếng gọi của lão Mục “Con...ơi” nghe xa thẳm như từ đâu.

Tiếng nước reo hăm hờ. Thần biển hể hả kia, người chờ từng sinh mạng nạp mình. Trong giây phút ấy, lạ thay bé Ngọc vẫn trừng mở mắt, nhìn chăm chăm bức tường nước sùng sục quanh thuyền. Hải ôm chặt con, chàng nhìn thấy bóng dáng Đức Phật, chàng nhìn thấy thánh giá của Chúa Giê su, chàng nhìn thấy hồn thiêng của cha mình sùng sùng trên sóng, dưới vực thẳm, đang nắm tay nhau kết thành vòng tròn lớn, sinh đã thấy tử, vậy mới trọn đời người. Hải trừng mắt, chùng muốn thấy kỹ cái tích tắc vô thường. Chàng sắp dặt con xuống yết kiến thủy thần. Chàng có cười khà vào mặt lão, hay thần nhiên chờ sóng nước kéo ra đi.

“Cuối cùng!”

“Cuối cùng một đời người”.

“Ai rồi cũng đi, nhưng đứng trước một đứa trẻ bơ vơ tội tình gì?”

“Trước sau đều vậy.”

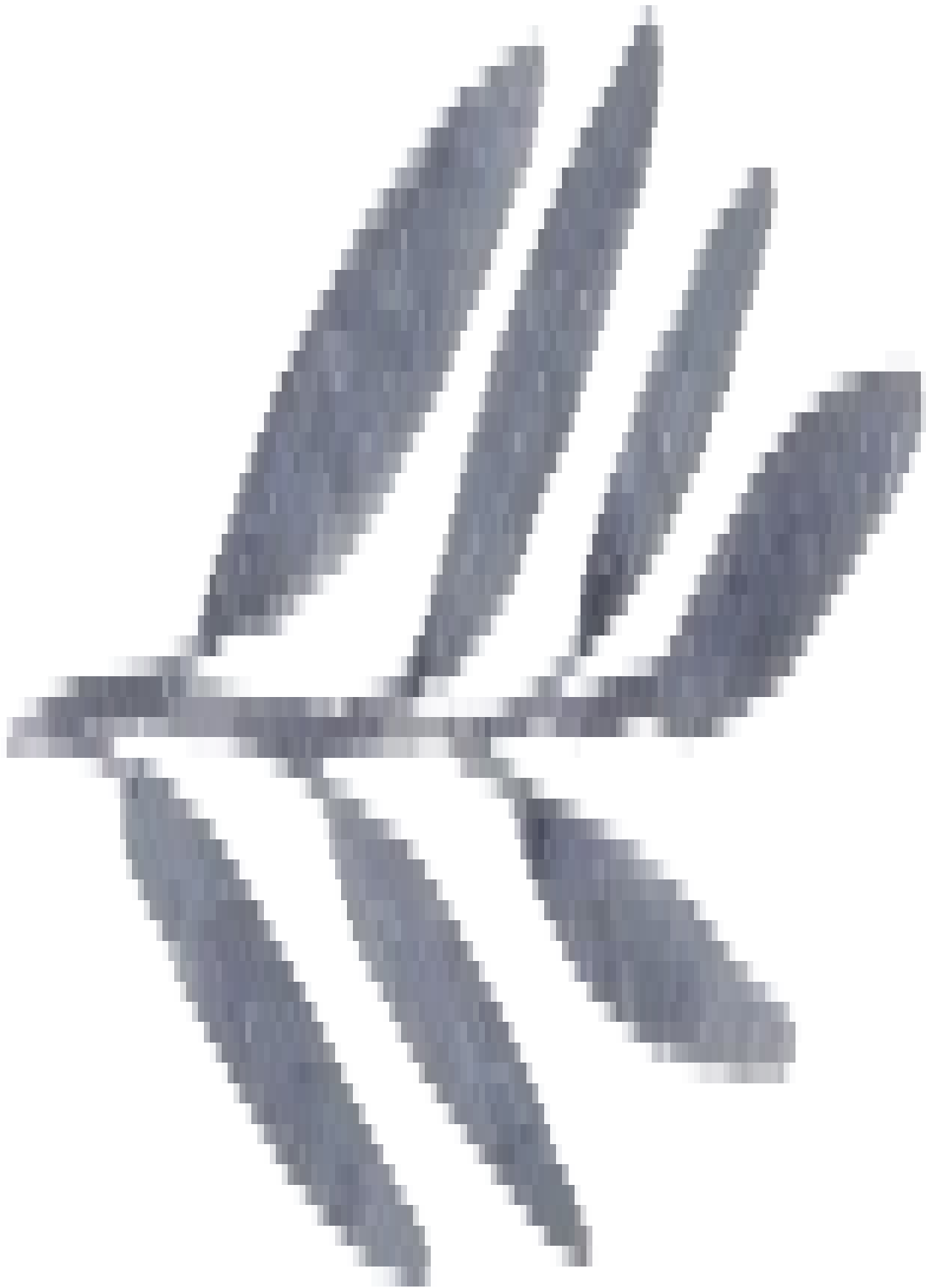
“Tôi đi tìm chỗ sống.”

“Chỗ nào, cuối cùng vẫn như nhau.”

“Không phải nơi đây, không phải quê nhà, cũng phải có chốn dung thân.” Phút giây ấy Hải chợt nhớ canh rau có mấy trái cà trôi nổi trong bát, và mẹ. Bà đã làm tất cả cho con, bà đã làm phần việc của bà, hồn nhiên.

Thủy thần vụt tan ra thành xoáy nước, xoắn vào nhau rít từng hồi giòn giã. Nước

cong mình thành một ngọn sóng, ngọn sóng dài hơn chiều dài của chiếc thuyền. Nước trườn lên lặn xuống không biết bao nhiêu lần. Đột nhiên, nước đổi trò chơi, xoay tít trên không gian đen như vũng nước trâu nằm, hất tung cả chiếc thuyền vào hư không. Nín lặng.



HẢI NGHE MẶT ĐẤT GÒN gợn như đang cuộn mình. Một hơi nóng phà lên một bên mặt khiến chàng tỉnh dậy. Chàng nhớ mình đang độc thoại với sóng bạc, chàng nhớ rõ mình đang cõng trên lưng sóng. Chung quanh là rừng thông xanh lá, trời xanh ngắt, bờ cát óng ả điểm thưa lá mục. Tiếng sóng nghe rì rào vọng lại, từ đâu.

Hải gượng dậy. Xác người nằm lổn ngổn trên cát. Chàng thót người nhớ con. Chiếc thuyền bể tan, nằm nghiêng trên bãi, nửa thân sau chìm xuống nước. Hải nghe tiếng gọi:

“Hải ơi, con ông đây rồi.”

Dũng đang ôm bé Ngọc trong lòng, một bên má anh bị một đường cắt ngọt, máu khô quạp. Anh ngồi dựa vào gốc cây, mệt mỏi.

“Nó không sao, tỉnh lại thấy người nó đè lên mình. Lạ thật.”

Hải siết chặt thân hình tiêu tụy của con, nước mắt ứa ra. Cha con chàng đã được tha mạng. Chàng đã sống, chỉ có phép màu mới giải thích nổi. Hải thấy mình tỉnh trí phần nào. Phía bên kia góc rừng vài người đang lóp ngóp bò dậy, tụ vào nhau. Dũng nói:

“Sóng đẩy thuyền vào đây, tớ đếm sơ vẫn chưa đủ, chắc xong rồi.”

Từ một kẽ đá, Hải thấy lão Mục đang lom khom kéo Sương lên bờ. Lão hì hục một hồi mới đưa được cô gái lên, kê đầu cô trên đùi, một tay chống ra sau, ngực ưỡn lên, hít thở. Hai cha con như một bức tranh tả hai người sống chết, người nằm nín lặng và người ngồi chơ vơ, đổ dẫu trên cát, in bóng lên trời trong. Chàng dợm người thì cả thân hình không còn tí hơi sức nào, ngã ụch xuống. Dũng nói:

“Ông kiệt rồi.”

Hải gượng nói, cổ họng khô đắng:

“Mình chưa tới chãng?”

“Tớ nghĩ là đại lục.”

“Có ai đâu.”

“Bãi hoang.”

Mặt trời đã lên quá nửa ngọn sào. Những xác người nằm trên cát nhúc nhích. Có người vừa ngồi dậy thì nước từ miệng ọc ra. Lăn hồi, họ lê lại, tụm vào nhau. Hải lim dim ngủ, mơ màng, rồi lại ngất. Chàng thấy Thu dắt thẳng Quỳnh chạy băng trên triền sóng. Chàng mừng rỡ chạy lại. Một đợt sóng lớn trùm lên, Thu và thẳng Quỳnh biến mất. Hải rú lên. Chàng tỉnh giấc, người nóng bừng. Dũng nói:

“Ông sốt đấy.”

Anh thở dài:

“Đi xin ăn ông ạ”.

Một bầu quạ đen bay qua đợt cây. Trong cảnh hoang địa này, không biết chúng tới để làm gì.



5.

MẮT HẢI MỜ ĐI DÙ MỚI đi non cây số. Chàng run lấy bầy phải đặt bé Ngọc xuống, ngửa mặt hít một hơi dài. Chàng đói. Hai đầu gối không còn sức nâng thân hình phất phơ của chàng nổi nữa. Mặt đất gồ ghề đá bồng nghiêng bên này, lệch bên kia, Hải hoa cả mắt. Hải muốn nằm thẳng căng, hai tay duỗi xuôi để mặc cho cơn đói bò rã cả tứ chi. Nhưng Hải biết mình phải đi tới. Đời sống không cho phép chàng làm theo ý muốn của mình nữa, nhất là khi con chàng đang nằm yên, da mặt choắt lại như cọng rơm héo rũ. Chàng phải đi tới, phải cướp lại mọi sự, dành lại sự sống đang lừng lững tan như khói chiều nhạt trên không. Hải bứt một nhúm cỏ mọc nghiêng trong kẽ đá, cho vào mồm nhai sống. Chàng lượm một khúc cây làm gậy, xốc bé Ngọc lên vai, lật khật bước.

Tiếng hoắc ghê rợn của con diều hâu trên đầu làm Hải rùng mình. Chàng dăm dăm ngó đôi mắt láo liên của con chim đen kịt đang nghiêng đầu chờ hai cha con chàng ngã xuống. Chàng quơ quơ cây gậy. Gã diều hâu vẫn nghiêng đầu khinh bỉ. Hải ước con diều hâu chợt sẩy chân rớt xuống, bỏ mẹ mày, tao sẽ đập nát cái mặt mắt dạy của mày ra, rồi hai cha con sẽ lột da, xé toạc thân hình của nó, chén một bữa, ăn sống cũng được, miễn là ăn.

Bốn bề rợn màu xanh, màu xanh của lá, màu xanh của cây, cả nẻo đường chập choạng cũng hóa xanh màu. Tuyệt không một bóng người. Những người sống sót đã mạnh ai nấy đi kiếm ăn, đến lão Mục và Dũng, sau khi khiêng một vài thứ còn dùng được trên thuyền đem lên bờ, che tạm một mái lều rồi cũng chia tay đi mà thôi. Nếu sống sót thì mái lều sẽ là điểm hẹn. Gã thủy thủ vô dụng khi không còn thuyền còn biển. Người ngư phủ đã lên bờ, con cá mắc cạn, mắt đứng tròng lơ lảo.

Ánh chiều lách qua hàng thông to lớn, hắt một màu vàng chợt không còn đậm đà thương nhớ mà vàng vọt đều hiu. Hải vượt qua một con rạch khô quắt, chàng bám vào những tảng đá khô, vượt lên bờ dốc, hơi thở đứt quãng, khò khè.

Rồi kia, mấy nóc nhà xuất hiện. Hải không thể lằm được nữa. Chàng bước nhanh hơn, tiếng gậy khua trên đường lọc cọc. Chàng dự tính sẽ xông thẳng vào bất kỳ nhà ai, ngã vật xuống thì thế nào cũng có cái để ăn. Vậy nhưng khi đứng trước

mặt một bà lão đang cào đất trước căn nhà ván nhỏ bé, Hải co lại, rụt rè. Chàng run rẩy lê chân, bao nhiêu hy vọng dồn cả vào từng chữ:

“Bà phò, cháu đói, bà phò.”

Bà lão chừng nhận ra giọng nói không phải người địa phương của người đàn ông hốc hác, râu và tóc um tùm dữ tợn. Bà chống cuốc:

“Nạn nhân à?”

Hải để bé Ngọc xuống đất, gật đầu:

“Chúng cháu bị đắm thuyền.”

Bà lão đổi sắc, giơ cái cào lên làm súng, hô:

“Pằm pằm! pằm pằm!”

Hải nghếch người ra, nhưng hiểu ngay. Bà lão hẳn có con tham gia đánh nhau với Việt Nam mấy năm trước. Hải làm điệu ra dáng mình không tham gia đánh nhau với bộ đội Trung Quốc, nhưng bà lão vẫn “pằm, pằm, pằm pằm” liên tục, rồi quơ cào đuổi, mắt long lên giận dữ. Hải buồn rầu cúi xuống bồng con. Đột nhiên bà lão quăng cào, dẫn bé Ngọc. Hải hoảng hốt giựt lại. Hai người một già một trẻ cứ giựt qua giựt về khiến bé Ngọc bưng mắt, khóc ri rí. Hải nổi giận nhưng không còn đủ sức để vụt cho bà già đáng ghét một cái. Chàng thua sức cả một bà cụ. Bà ta chạy te te vào nhà, xuống bếp dấu cái gì đó trong tay, rồi kéo tay Hải chỉ lên một trang thờ nhỏ. Đằng sau lư hương, ảnh một thanh niên mang quân phục bộ đội Trung Quốc, đôi mắt buồn rầu đang ngắm Hải. Bà lão rơm rớm nói:

“Con tao đó...pằm...hức...pằm.”

Bà nhìn Hải hẳn học. Mái tóc bạc lưa thưa chảy xệ trên gò mặt nhăn nheo đã rũ như cọng liễu khô phất phơ trên mặt hồ đứng lặng. Bà trao bé Ngọc cho Hải, ném mạnh một cái trứng luộc ra sân, hai tay vẩy vẩy đuổi. Chàng không còn tâm trí để thấy cử chỉ đó của bà lão, chàng mừng rỡ cúi xuống lượm cái trứng bẻ vỏ, hấp tấp thổi cát rồi cho cả vỏ lẫn ruột vào mồm. Hải trúm cái lòng đỏ ra, mớm cho con. Đằng sau, một tràng chửi rủa lộ cộc như xe chở đá chạy trên đường làng. May thay, chàng chưa kịp học những từ ngữ đó ở quê nhà.

Mùi khảm từ đồng rác bốc nồng nặc. Hải đặt bé Ngọc dựa vào hàng rào đủ cho mùi khai nhẹ đi. Chàng đẩy một tờ báo cũ lên cái trán nóng hầm hầm của con. Hải nhìn trước nhìn sau, rồi như một người lính xung trận, Hải xối tung cả đồng rác lên, ruồi nhặng xông ra. Một chốc, nhắm chừng đã quen mùi, Hải lại hất, lật, túi nhựa để qua một bên, à, đây rồi. Một manh áo mưa toạc chỉ nhưng còn tốt chán. Chàng rũ rũi manh áo, bỏ tất cả bao nhựa nhặt được vào gói lại, tìm chỗ rửa. Chàng thấy cái lu nước để trước nhà ai, có cả cái gáo dừa như ở quê nhà lật ngửa trên nắp đậy. Chàng múc nước, rửa sạch tấm áo mưa, xúc mấy cái túi nhựa chưa thủng. Hải nhét tất cả vào túi quần, dùng tấm áo mưa cột bé Ngọc sau lưng. Như vậy là hai tay chàng rảnh rang.

Hải rảo bước. Chàng đã biết đường ra phố nhờ hỏi thăm một đứa trẻ hôm trước. Đứa bé còn chỉ hướng ra chợ nữa, nơi ấy đồ ăn thừa thế nào chả có. Gió rét, rét hơn với hai cha con đói rách, xuyên qua ngực, qua lớp vải áo tả tơi, ngấm qua từng thớ thịt. Khi những cơn gió lướt qua, Hải biết ngay nếu có người nhìn từ sau tới thì hai đít chàng là hai cái ti-vi màu. Chàng không biết đít quần thủng từ lúc nào. Hai hôm rồi, cha con chàng cũng có bữa no. Hai đêm, chàng ôm con nằm co quắp trong hiên nhà của ai đó, thường thì không ai nữe đuổi cha con người ăn mày. Sáng, thức dậy, chàng lê đi tìm nước trong khi con vẫn mê muội trên vai. Chỉ khi có gì nhét vào bụng, nó mới thì thào một hai tiếng vô nghĩa. Nó như cảm hoàn cảnh nên nhiều khi bắt chước bố, cứ thấy người là chìa bàn tay nhỏ nhắn ra, mắt nhìn thẳng người đối diện.

Đôi dép sút quai, Hải đá tung cả hai chiếc xuống hố, bỗng như thấy vừa đánh mất một cái gì đã chặt chiu mang theo. Bàn chân dẫm lên sỏi, tươm những vết máu rần rỉ như con cuốn chiếu. Hải thấy nóng bỏng cả đôi chân, nóng bỏng cả tâm hồn. Chàng đã trở thành gã ăn mày lưu lạc đất khách. Đất khách trời ơi mà cổ quận cũng trời ơi Đảng. Hai cha con dựa gốc cây ngủ chơ bết đói. Chàng nằm mơ thấy vợ con lướt trên những đợt sóng thần, những đứa bé nơi quê nội trần truồng, thân hình đen thui thúi cầm bát túa đi ăn xin khắp ngã đường quê hương. Một đứa bầu chặt tay Hải, ngược đôi mắt to đen nhìn chàng van lơn. Hải không có gì để cho nên đứa bé càng bầu chặt, móng tay dài dơ bẩn của nó cấu chặt tay chàng đến rướm máu. Hải bình tĩnh, thấy con đang bầu tay chàng thật. Chàng nhìn hút con đường trước mắt, khép lại những thân cây chắn lối.

Hải đứng rình bên ngoài một quán ăn nhỏ. Có cặp vợ chồng đang thì thụp ăn cơm, húp canh chùn chụt. Người vợ cỡ tuổi trung niên, nước da bánh mật khỏe mạnh. Thỉnh thoảng chị ta cười sảng sặc, ông chồng đang và cơm, cũng ngừng đưa cười theo. Họ ngừng ăn chăm chăm nhìn Hải thập thò ngoài cửa. Người vợ

nói gì đó với chồng, rồi họ lặng lẽ ăn, khó chịu. Hải cũng thấy khó chịu, nhưng cái đũa giữ chân chàng lại. Chàng cứ nhìn chồng chọc vào đĩa rau đã vơi gần hết, nước miếng ứa ra chát cả mồm. May thay, hai vợ chồng đã nhớm dậy. Hải xông thẳng vào trút hết canh cơm vào bao nhựa, rồi hấp tấp ngồi bệt xuống hiên, dùng tay bốc cơm, múc canh cho vào miệng. Bé Ngọc cũng thiện nghệ không kém. Nó ngồi xồm, hai bàn tay nhỏ chụm vào nhau giữ nước canh không cho rơi một giọt ra ngoài.

Ăn xong, hai cha con khỏe khoắn. Mặt trời đã nghiêng về phía tây, nắng nhạt còn vương trên nóc quán. Tít xa, đồng cỏ xuôi xuống lưng, từ đấy sương mờ nhạt lửng lửng dâng lên như đôi mắt mù còn cố nhìn cuộc đời vô vọng. Hải dắt con đi dọc theo thung lũng, được một chốc, ruột lại cồn cào kêu òng ọc. Rồi như có mùi thịt ở đâu xông vào mũi, đánh thức cái thính giác bỗng rất bén nhạy. Chàng đến đúng một ngôi nhà mà chàng đinh chắc có mùi thịt hấp bay ra. Có tiếng vĩ cầm ken két của người mới tập kéo. Một làn khói nhỏ như sợi chỉ vương vấn từ nóc nhà lác lác tan vào không gian. Hải đứng yên chờ đợi. Cửa nhà mở toang, đồ đạc có vẻ cũ và bừa bộn. Một người đàn ông đứng tuổi, choàng khăn quàng cổ, đang ngồi bên đĩa trẻ tập đàn.

Hải có cái cảm giác sững sờ và cả lạnh nhạt với tiếng đàn, lại đồng lúc sự thôi thúc lừa đến, lại tắt đi trong tâm trạng trống rỗng. Trời đất ảm đạm khiến hững hờ, hay tại ta chau mày nên trống vắng. Chàng đã mất nửa cuộc đời để kéo vĩ cầm ngày còn ở trung học. Rồi mấy năm nhạc viện dù không phải là một học trò giỏi, lặng thinh nghe những lời châm biếm của thầy giáo. Đi lưu diễn, chẳng vinh quang gì, làm kế sinh nhai trong đám đông có quây quã một nhịp cũng không ai biết, có biết cũng không ai trách. Những đêm một mình thắp đèn dầu tự nghe lòng trời lên những khúc nhạc lạ kỳ, và kỳ lạ hơn, mỗi khúc nhạc dựng lên một màu sắc, tựa như âm thanh ở một độ nào đó phát sinh ra hình ảnh, hay tự mỗi màu phát ra một âm thanh, chồng lên nhau thành một khúc nhạc lạ kỳ, rồi ngẫu tác cho đến khi chim hót. Hải nhận ra rằng viết chỉ thẳng hoa khi đơn độc, không thể bày đàn. Cuộc đời trong lòng Hải những khi đó, những khi chạy theo một độ rung, thẳng tắp như đường kẻ nhạc. Hải sẽ, và chàng đã, lấy vợ sinh con, nghiêng đầu dưới ánh đèn màu, đón nhận những tràng pháo tay chiều lệ.

Người đàn ông ngẩng đầu nhìn ra cửa. Đôi mắt nhỏ nheo lại mơ màng chừng như có lớp sương mờ bay lảng vảng trong tròng mắt. Ông ta lượm một hào để lên bàn, chậm chạp tiến ra cửa, bỏ vào cái lon rỉ sét trên tay Hải. Đôi mắt ông ta càng nheo lại hơn nữa khi gã ăn mày dường như không chú ý lắm đến các bạc đánh “keng” một tiếng khô khốc.

Mái tóc khô cứng xoa trên vai cộng thêm hàm râu quai nón tua tủa của gã bắt chợt khiến người đàn ông chú ý hơn. Đôi mắt gã bất động. Ở kia, còn nhắm lại nữa, như đang nghe tưởng điều gì. Dường như gã đang lắng tai nghe, rồi lim dim ngắm chiếc cây vĩ cầm, bàn tay gã đã buông tay cầm đứa con nhỏ, phát một cử chỉ băng quơ trong không khí, giống như cử chỉ của người diễn thuyết.

Người đàn ông dịu dàng hỏi:

“Anh cần gì nữa?”

Hải bình tĩnh. Chàng chợt thấy đồng xu nằm trong lon. Hải nói:

“Cám ơn ông. Tôi nghe chú bé tập đàn thích quá.”

Chủ nhà mỉm cười:

“Chắc anh biết đàn, phải không?”

“Có chút ít.”

“Ở đâu...”

Hải lăm bằm, đôi chân càng lúc càng nặng.

“...chúng tôi tìm đường đến Hồng Kông, thuyền bị đắm.”

Người đàn ông bảo chú bé ngừng tay, nói::

“Anh đánh thử, cho vui.”

Cây đàn nằm ngang tầm mắt Hải. Màu gỗ óng ánh kiêu ngạo và hiền từ, sự hiện từ làm nên nhan sắc. Hải run tay đỡ cây đàn, lon tiền rơi lèng kèng xuống đất, vang lên một âm thanh trơ trẽn. Màu đen của biển. Màu xanh của cỏ. Những cánh đồng sương. Một nốt bấm nhẹ đẩy cảm xúc lôi theo những hình ảnh ấy. Hải thấy những đường chiều thơ ấu. Tiếng đàn run bần bật, bần bật, như xác người run rẩy trước làn ngã xuống. Như tiếng gào của quỷ, của thủy thần, của đêm đen mờ mịt thăm.

Hải trả đàn cho chủ nhà. Tiếng đàn bây giờ của chàng là tiếng đàn của kẻ ăn xin, của cõi lòng tơi tả. Đứa con chủ nhà đưa hai cái bánh bao bé Ngọc, nó com rúm

lại không dám nhận, mắt mở to sợ sệt.

Hải dắt con đi. Ngôi làng này quá lạc hậu chẳng giúp được gì để Hải có thể tiếp tục cuộc hành trình. Chàng quyết định đi trở lại nơi thuyền đắm dù nắng chiều đã tắt lịm cuối chân trời. Con đường gồ ghề như lúc đi nhưng Hải cảm thấy dễ chịu hơn vì một phần đã quen. Bé Ngọc ngủ trên vai. Hải cảm nhận cái thân thể chỉ còn da bọc xương của con bé dán sát trên người mình. Một lúc, đứa bé mê ngủ quá khiến Hải lo sợ. Chàng cho tay vào ngực con bé thấy quả tim vẫn còn đập nhẹ nhàng. Bàn chân chàng lại tươm máu nhứt nhối. Chừng hai cây số, Hải biết không thể đi thêm được nữa, chàng tạt vào một cái miếu cất đằng sau thân cây si cao lớn lực lưỡng, rễ si xòe ra bám chặt xuống nền xi măng vững chãi. Chàng trải manh áo mưa trên nền miếu, gối đầu lên một rễ con, giấc ngủ nặng nề kéo tới.

Hải mơ thấy Thu trần truồng nằm ngửa trên nước, thân hình nàng dật dờ và hai tay đưa cao lên trời chơi vơi. Chàng chạy như giông bão, không chạy tới cứu Thu mà trốn toán công an đang truy lùng. Chàng chui vào căn bếp thì đột nhiên cả căn bếp sụp đổ. Hải liều mạng nhảy qua hàng rào, rớt đúng vào một trái cải tạo, những người da bọc xương vồ lấy chàng, đôi mắt họ sâu thẳm buồn bã, Hải vùng vẫy nhưng càng lúc càng bị giữ chặt trong khi đám công an đang rầm rập kéo tới. Chàng kinh hãi hét lên, tiếng hét làm chàng tỉnh giấc. Bầy quạ cũng kêu thét trong đêm. Hải liu thiu ngủ lại, chàng thức ngủ chập chờn vì tiếng quạ kêu trên đầu rờn rợn. Cái miếu dường không ai hương khói, lờ mờ một mặt người đỏ trên bệ thờ, đôi mắt quắc sáng nhìn Hải dữ dội. Gai ốc Hải nổi cùng mình. Chàng nghĩ người chết rồi sao còn dữ. Rồi Hải lịm, hơi lạnh từ nền đất, từ những sương rơi nặng trĩu buốt lên tận màng óc. Cho đến khi chim ca đánh thức chàng ra khỏi những giấc mơ hung dữ. Một góc trời bừng lên màu sáng hồng cô độc, cảnh thông vương tầm mắt xa xa. Ngay trên một nhánh si thấp nhất, bầy kên kên thao láo nhìn hai cha con.

Hải còn một cái bánh bao, hai đồng tệ. Chàng đánh thức bé Ngọc dậy, ăn hết cái bánh bao rồi đi. Xế trưa, Hải nhìn thấy cái lều che hôm đến. Con thuyền đã bị sóng đập nhiều ngày, nay chỉ còn vài miếng gỗ nằm chơ vơ trên bãi cát. Hải ngạc nhiên thấy xung quanh hoàn toàn im ắng không một bóng người. Chàng chui vào lều nay đã có mấy miếng gỗ lấy từ thuyền lót làm giường tính nghỉ mệt. Đột nhiên, một tiếng nói cất lên:

“Này, đi chỗ khác chơi mày!

Thốt! Từ sau gốc cây, gã tiến lại. Dáng đi khuynh khuynh gã gây sự. Gã lừng lững chui vô lều, không nói thêm một tiếng, đèo ngựa Hải ra lục túi. Bàn tay lạnh như nước đá của gã chèn cổ Hải, một tay dốc hết túi quần. Gã à lên mừng rỡ khi chạm mấy đồng nhân dân tệ:

“Có thể chứ. Có bao nhiêu đưa hết đây.”

Gã lờm lờm, bất ngờ co chân đạp Hải một cái:

“Đi lên kia mà tìm bạn mày.”

Gã cười hắc hắc khi bé Ngọc hoảng sợ nhào theo ôm bố. Hải lồm cồm bò dậy chưa biết đi về hướng nào thì lại có tiếng kêu:

“Bên này, cậu Hải ơi.”

Lão Mục ngồi sau gốc cây với Sương. Bên cạnh, Dũng nằm ngửa, khuôn mặt chằng sừng vù lên, tím bầm. Lão Mục bảo Hải ngồi xuống. Chòm râu bạc quắt queo mất đi cái phong trần ngày nào. Bây giờ là khuôn mặt của lão già tuyệt vọng, đôi mắt sâu thụt trong hố mắt. Thằng Thốt nổi máu đầu gấu từ khi biết hai tài cống lành nghề là lão và Dũng bó tay vì thuyền đã đắm. Gã tập hợp vài đứa đàn em, chờ người nào đi ăn xin về là trấn lột. Hôm dành lều, Dũng bị gã đánh cho một trận. Gã tuyên bố:

“Tao là sếp. Đứa nào lộn xộn oánh bỏ mẹ nó ra.”

Lão Mục định bụng chờ Dũng hồi phục sẽ tìm đường rời khỏi nơi này. Lão lo sợ cho cô con gái. Tình thế đã đổi. Trên đất liền, người thủy thủ chỉ là con cá lòng tong đang giẫy chết.

Ba người đàn ông, một cô gái và một đứa bé sống cầm hơi nhờ một ít đồ những người đi cùng thuyền giấu được, lén lút tiếp tế cho họ. Mặt Dũng đã bớt sưng nhờ ngâm nước biển. Anh bàn:

“Tôi đã hỏi thăm đường đến một thị trấn tên là Trạm Giang. Từ đây đến đó nếu đi chậm cũng chỉ mất một ngày đường. Nghe nói nhiều thuyền cập vào đó. Ta sẽ xin đi nhờ.”

Tờ mờ sáng hôm sau, cả năm người lên đường. Dũng đi trước, Hải cõng bé Ngọc, lão Mục dắt Sương. Họ lén lút y như lúc rời bỏ đất nước xuống thuyền.

Sương đêm còn ướt đầm trên những cành cây gãy, mặt trời vừa lóe như ánh sáng từ bếp lửa nhỏ nhoi trong đêm trường. Đi được một lúc, nhắm chùng đã thoát khỏi sự chú ý của bọn Thốt, Hải trao bé Ngọc cho Dũng, hỗn hển:

“Ông công hộ tôi một khúc.”

Vừa chạm bé Ngọc, Dũng chau mày:

“Nó lạnh thế.”

“Nóng lạnh hôm rày.”

Bé Ngọc bật ho. Một tia nắng nhỏ chiếu hớt qua soi khuôn mặt tái nhợt của nó. Dũng mở khuya áo, trùm đứa bé trong lòng, đôi mắt dò chùng xung quanh. Họ đi men theo bờ biển, lẩn lút trong những hàng thông cao. Lâu lâu mới thấy một căn nhà nhỏ giữa những cành cây trơ trụi. Chốn thôn dã này của Trung Quốc hình như chưa được khai phá, dân cư sống rải rác khiến Hải rất ngạc nhiên vì chàng cứ nghĩ với dân số cả tỷ người, hẳn không còn một mảnh đất nào bị bỏ trống nữa. Sự thực cũng như các nước chậm phát triển, dân Tàu vẫn có khuynh hướng tập trung gần thành phố vì chỉ ở đó mới có những tiện nghi và công ăn việc làm. Sự chênh lệch quá lớn giữa nông thôn và thành thị khiến nỗ lực giảm dân của nhà nước chỉ đưa đến những kết quả đau thương và trái ngược.

Thình thoảng Dũng lại ra hiệu núp vào một bụi cây khi thấy bóng người. Anh biết địa phương này không có cảm tình với người Việt Nam, người ta có thể đi báo công an và hậu quả không biết đâu mà lường. Họ nín thở khi thấy một gã đầu đội cát kết đạp xe dàn giông vun vút trên đường. Họ băng qua một lạch nước cạn trơ đá, các cành cây nằm ngổn ngang, lượn cong trườn ra biển. Xuống một lũng thấp, rồi bò lên bò lên mãi. Đột nhiên, Hải nghe tiếng người lăn trên triền đá:

“Ồi! con ơi...”

Lão Mục kêu lên khi Sương sẩy tay ngã kèn trên dốc, may thay một tảng đá lớn chặn ngang giữ lại. Hai tay Sương quơ cào. Hải túm được một tay nàng bảo:

“Cô bám vào đây này, không phải thế.”

Hải đưa tay chỉ chỗ bám cho Sương nhưng dường như nàng cứ chụp vào mặt đất trống trải. Lão Mục xốc Sương dậy, buồn rầu bảo khẽ:

“Nó nào có thấy đường.”

Đến bây giờ chàng mới để ý nhãn quan không linh động của Sương. Nàng có một cái nhìn như hút chặt lấy bất cứ ai nhìn vào đôi mắt ấy. Nhưng miệng lúc nào cũng như mỉm cười. Lúc này Hải mới nhớ lời mẹ dạy. Thì ra, trời đất công bình, người mù thì khuôn mặt ngược lên và miệng thường như cười để bù cho nỗi đau thiếu hụt. Một thế giới xa xăm huyền hoặc. Đêm tối đã giăng màn che khuất linh hồn tội nghiệp của nàng, Hải tự nhủ.

Đi đến quá trưa vẫn chưa thấy có dấu hiệu gì là sắp vào thành phố. Gió thổi mạnh khiến cái đói được bơm hơi, ra sức hoành hành cơ thể. Dù vậy, cảnh sắc ở đây quá đẹp, thảnh thơi một đàn bướm tung tăng bay ngang, chim hót véo von. Dũng bảo tìm chỗ nghỉ mệt, trong nháy mắt, anh biến sau những rặng cây. Trong thoáng chốc, những cụm mây đen lững thững nhú ra, đẩy lùi màu xanh lơ của trời xuống bên kia núi. Giữa cảnh hoang dã vắng ngắt, bỗng Hải nghe có tiếng cú rúc lên, rùng rợn. Hải rùng mình luôn mấy cái:

“Ông ạ...”

Ông lão thở dài. Tiếng cú rúc chẳng bao giờ là điềm lành. Mà chuyện gì xảy ra mới được chứ! Dũng? Kìa, hăn đã về. Người Dũng phồng to lên, mái tóc dài bay ngược trong gió. Anh trút hết mấy túi quần, túi áo. Khoai đủ cỡ, củ to củ nhỏ lẫn trên cát, lổn nhổn. Dũng cười tươi bảo:

“Bác cháu ta chén một bữa. Đây, cứ để nguyên vỏ mới tốt cơ.”

Hải chà chà củ khoai cho hết đất, bảo Dũng:

“Ông thành đạo chích hồi nào thế. Tài thế.”

“Tôi học lỏm của bác đấy.”

Lão Mục cười húc húc. Bé Ngọc đẩy củ khoai cho bố, nói:

“Bố ăn đi.”

Hải đờ người ra. Cái con bé lạ, ăn hồi nào mà không đói. Trông nó tinh táo thế.

“Bố ăn vỏ cho con nhé.”

Hải cạp quanh củ khoai. Chàng chìa cái ruột hồng hào cho con:

“Nào, ngon thế này này. Ăn nào.”

Bé Ngọc đẩy củ khoai ra, khuôn mặt hồng hào lạ lùng:

“Con không ăn. Bố ăn giúp con đi.”

Hải sờ trán con bé. Cũng chỉ nóng hâm hấp không đáng ngại. Chàng nhét củ khoai trong túi:

“Thế bố để dành cho con nhé. Khi nào đói bảo bố.”

Dững quan sát hai cha con, bàn:

“Hay là con bé khát?”

Bé Ngọc nói, ráo hoảnh:

“Con không khát, chú Dững.”

Dững bảo:

“Thôi mình đi, khéo lại mưa đấy.” Quay qua lão Mục:

“Ông đi tiếp được chứ?”

Mưa bắt đầu lắt rắc khi họ vừa ra khỏi chỗ núp. Dường như có cục đá đang rơi trên vai Hải:

“Gì thế?”

Dững bảo:

“Khéo lại mưa đá đấy. Nhanh lên thôi.”

“Kiếm gì che, chắc không lớn lắm.

Hải bảo, ôm bé Ngọc trước ngực. Chàng lằm. Những cục đá từ trời rơi xuống, có vẻ như càng lúc càng lớn hơn. Rồi chỉ một lúc cả người chàng rất bóng.

Một cục đá rớt ngay sau ót Dững. Anh hít hà, hỏi:

“Có ai sao không? Đẳng ấy có chỗ trú đây. Nhanh lên, cô Sương, để tôi đỡ hộ một tay, thế... cứ bước giữa tôi và bố là được, đây.”

Hải chưa từng gặp một trận mưa đá lớn như vậy. Ở miền Bắc cũng có mưa đá, nhưng chàng nhớ chỉ những hạt li ti không đáng kể, vừa đụng người là nó chảy ra thành nước. Giống như một mối tình ấp ủ bỗng chan hòa thấm thiết nỗi cô đơn. Ở đây, những cục đá to cứ giữ hoài cái lạnh lẽo của nó, dội lên người làm cắt ra những đường như lệ rướm. Cánh rừng thanh khiết, vắng vẻ, không gian trải rộng, yên bình một cách mơ hồ. Hải cứ lúi lũi bước, không biết đẳng ấy là chỗ nào. Tiếng chân trên đá cát, đập trên cành cây mục, bám vào không gian yên lạnh nỗi cô đơn. Chàng vừa bông vừa lạnh. Đột nhiên, hai tay bé Ngọc choàng qua cổ siết chặt hơn, chừng như con bé muốn lấy hơi ấm của cha. Nhưng không, bàn tay nó nói lỏng ra liền khi ấy, để hờ hững. Hải nhảy xốc một cái, hai tay bé Ngọc rời khỏi cổ chàng, đầu giật ra đẳng trước. Hải hoảng hốt thò tay vào ngực con. Không một động đậy nào. Chàng sợ hãi sờ soạng khắp người. Đừng con, đừng.

“Nhanh, hả, mà sao thế?” Dững vừa nhận ra nét mặt kinh hoàng của Hải.

“Con bé!”

Dững lôi Hải sệt vô dưới tàng cây:

“Để tôi xem.”

Dững néo vào đùi bé Ngọc. Chân lạnh băng. Con bé vẫn nằm yên. Khuôn mặt còn ánh lên màu hồng phớt. Hải soa tay, bóp chân, lật mí mắt, chà ngực. Chàng thấy mình vụng về lúng túng vô cùng. Đừng con. Nước mắt chàng ứa ra, thấm đẫm. Chàng giương mắt đỏ hoe, cả khuôn mặt ướt nhòa nước, nước mắt của trời và nước mắt của chàng.

“Tôi xin ông.” Dững nói, ruột quặn lại.

Cả thuyền 60 người đi, nay tán lác khắp nơi, chỉ còn chừng này thôi. Oan nghiệt lại lần lượt tia từng linh hồn.

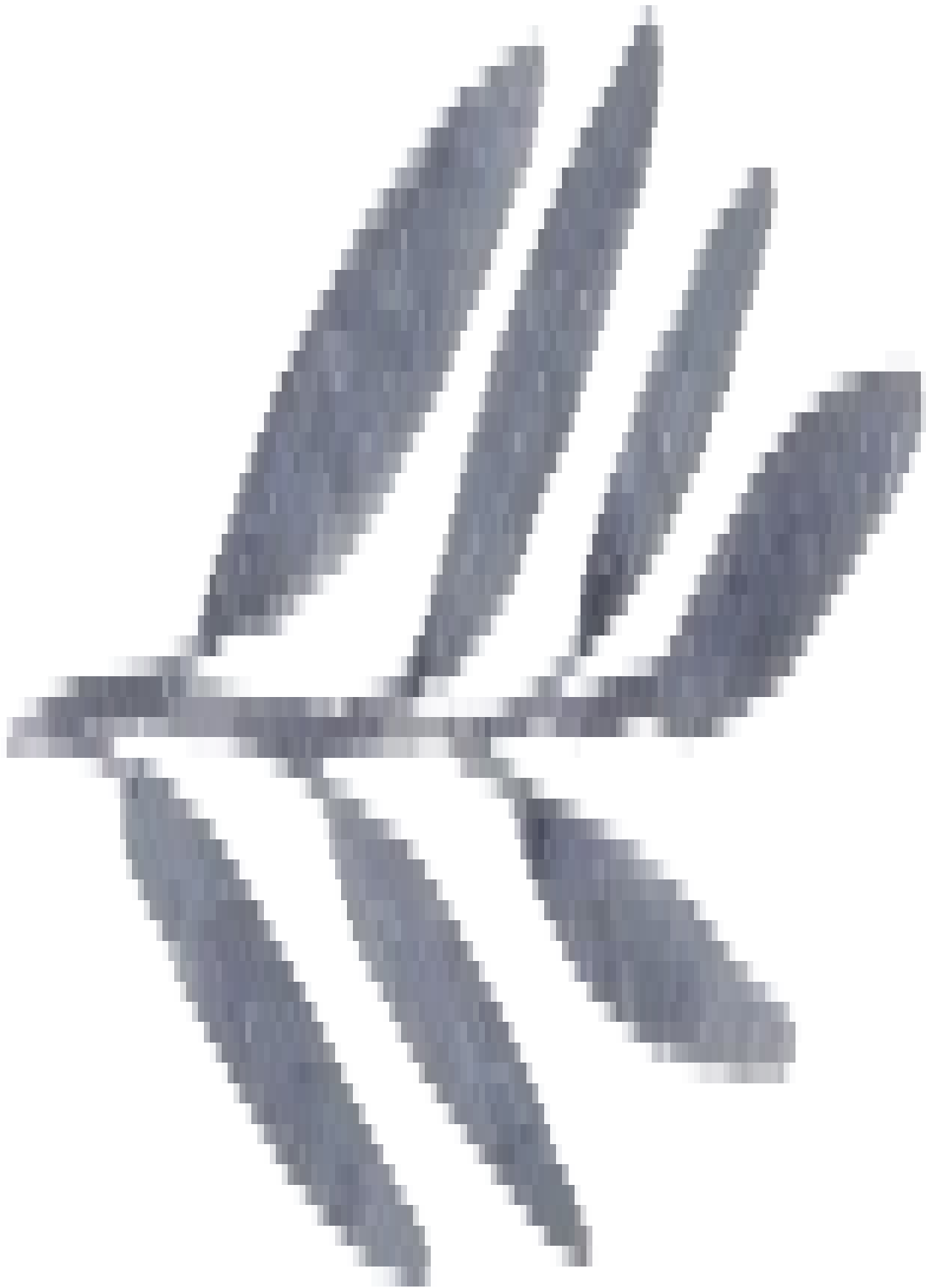
Bỗng có tiếng cú đầu trên đầu rúc lên từng hồi ghê rợn.

Hải ôm con vào lòng. Chàng đếm từng ngón tay nhỏ nhắn của con Những hạt mưa rơi đều, giá lạnh. Rồi tất cả chìm trong câm nín, chỉ còn tiếng khóc nghẹn của Sương. Nàng biết tiếng nói trong trẻo của đứa bé vang vọng hôm nào đang xa hút, nhỏ dần, nhỏ dần, như hồi còi rời sân ga để lại một dư âm thê thiết. Nàng định hướng bằng linh hồn nhạy bén của mình, sờ soạng đến ngòi bên Hải. Bàn tay nàng vuốt tóc Hải, sờ lên mặt đứa bé buốt giá, sự chết, buốt giá những hạt mưa hiu hắt nức nở. Nàng nghe tiếng sấm rền chân trời, tiếng sấm xoáy vào lòng nàng những âm vang tởm tã. Nàng hứng dòng nước mắt lặng lẽ của người cha đau khổ đọng trong lòng bàn tay. Nàng không thấy đói, không thấy rét, chỉ có dòng nước ấm thấm găm vào gân xanh, vào trái tim thổn thức của nàng. Lâu lắm. Bóng tối đã về chưa, ở ngoài kia thế giới ảm đạm như đôi mắt của nàng.

Lão Mục ngồi xuống, tiếng thở dài của người già đã mỏi mệt, nay bỗng hụt hơi. Ta đã nhiều lần thấy cái chết, một lần ngòi bên xác vợ, trong lòng réo gọi tên bà. Lão không nhìn người mình kêu tên, lão không nhìn xác đứa bé, lão nhìn ra biển. Đêm tối đã về nhưng ánh sáng vẫn mông lung quái dị. Ánh sáng trắng. Trăng treo nghiêng một nửa, nghiêng xuống rọi linh hồn. Những đợt sóng trắng chồm lên, nô giỡn âm u trên bãi. Không gian trắng trơ, lạnh lẽo.

“Hải!”

Dững gọi. Anh đặt môi lên trán đứa bé, lên tay Sương, lên tóc Hải rồi đứng dậy. Anh phải tìm một mộ huyết cho đứa bé. Anh phải tìm một nơi thật yên bình để khắc cột số trên đường vạn dặm. Trăng sáng dần. Rồi người chết chỉ còn xương trắng, trắng như trăng.



HẢI BỒNG CON THEO DỪNG. Trên nền đất loang lổ, bóng chàng nghiêng xuống, trên tay vắt ngang một thân hình bé bỏng như thập giá, di động trên đất gồ ghề, xoắn ngang trên cát trắng. Cái thập giá di chuyển, rung theo hơi thở, rung theo tiếng sóng rì rầm như kinh nguyện, và tiếng u vọng của gió đêm ù ù. Lòng đau như cắt, Hải quỳ trên đất, tưởng nhớ người cha, xin cho linh hồn bé bỏng được về bên ông, hay được đến một nơi tốt lành, mây muôn sắc, hoa bướm muôn màu bình yên cõi cực lạc. Xin hãy cho con đứng dậy, cho con dẫm trên khổ lụy đau buồn, cho con đến đâu cũng được, hay ở lại nơi này mãi mãi. Chàng lại nhớ đến mẹ, đến vợ và đứa con còn lại không biết ra sao. Nỗi đau này đuổi nỗi đau kia đi, nỗi tiếp không dứt. Chàng cầu xin ơn trên, rồi ngược nhìn trời than trách không thành tiếng. Lòng chàng khóc nước nở, chàng đã mất tất cả, mất cả chính chàng, cái tuyệt vọng mệnh mang quá, trở nên sự trống vắng đến mức không biết sống trên cuộc đời phù phiếm này để làm gì nữa.



6.

RỪNG PHI LAO XANH MUỐT oằn oại lượn trong gió dọc theo bờ biển xa mút tầm mắt. Từ điểm xa mút ấy lơ nhố hiện những ngôi nhà trắng nhỏ cứ như những hộp vuông bé nhỏ ấy được cắm trên đọt xanh của lá, của màu xám núi. Ở một góc mắt khác, những tảng đá chồng lên nhau, xếp thành hàng lắt léo từ đất liền đổ ra biển trông như những đàn rùa nối đuôi nhau từ bỏ đất liền. Sóng tóe lên trắng xóa, hung dữ đập vào những...mu rùa nín lặng chịu đựng. Mây trời sà thấp, thấp đến mức chui vào những cánh cửa bé xíu của những ngôi nhà bé tạo.

Họ phấn khởi khi càng tới gần màu đỏ chói của nhiều nóc nhà càng tỏ hiện một sự phú túc dư dả nào đấy. Mặt đất nghiêng dốc ra phía biển, nhưng cả ngôi làng được xây trên một mặt bằng khá phẳng. Kể từ khi thấy hình dáng của những ngôi nhà cho đến khi thấy được màu ngói, họ vẫn còn cách một quãng xa. Mặc dù khoảng cách càng lúc càng ngắn lại nhưng như đi hoài không đến. Hải tựa vào gốc cây, bảo:

“Bao giờ mới đến.”

Dũng tỉnh táo hơn, động viên:

“Sắp rồi còn gì. Cố lên, thiên đường cụ Mác cụ Mao kia rồi,” rồi chêm, “cụ Mục nữa.”

Sương ngã chúi vào lòng lão Mục, đôi chân nàng tê dại không còn cảm giác. Lão Mục lựa thế ngồi xuống đất, ngửa mặt lên trời hớp không khí. Một con chó từ đâu trong bụi chạy xẹt ra, lông vàng óng đến phát thèm. Dũng chặc lưỡi, tưởng tượng ra đĩa thịt chó thơm đến ngạt. Anh hình dung cả chén rượu nốc vào nóng ran người. Trí tưởng tượng khiến tinh thần Dũng phấn khởi, anh giục mọi người đi tiếp, bảo:

“Ta có cơ sống đấy. Có chó là có đồ ăn.”

Bóng người xuất hiện lấp ló trong rừng phi lao khi bọn Hải tới gần. Chẳng còn gì để sợ, họ đang muốn gặp công an, hoặc bất kỳ một người nào may mắn hơn

họ. Dũng hồi thúc:

“Ông ráng tí nữa ông ơi. Trông kia, có cả lều giăng trên bãi tắm. Hẳn phải là xứ giàu.”

Dưới những cây phi lao mơn lá, quả nhiên Hải nom thấy những túp lều nhỏ che nghiêng ra hướng biển. Nhưng kỳ, những túp lều chỉ có một mảnh, làm bằng đủ thứ vải đã cũ, có cái còn rách bươm ra nữa. Bỗng nhiên có tiếng hô hoán:

“Này, Việt Nam đấy hở, các đảng ấy Việt Nam phải không?”

Người vừa hỏi là một thanh niên gầy gò, da mặt anh ta bong ra từng mảng. Anh ta cầm một khúc cây vót nhọn, chắc đang nới thêm lều.

“Đảng ấy là Việt Nam hả? Ồi giời ơi.”

Dũng la lên. Người thanh niên cười, hàm răng cửa cái còn cái mất:

“Hải Phòng đấy à. Đồ Sơn đây này.”

Anh ta nghe Dũng kể cuộc hành trình, mặt không đổi sắc:

“Bọn tớ cũng đắm thuyền ở đây. Năm hôm rồi.”

Người thanh niên chỉ ra bờ biển. Có thấy gì đâu. Chỉ có mặt biển phẳng lì không vết tích. Anh ta bảo chỉ một đêm, con thuyền bị sóng nâng lên đập xuống vài lần là vỡ tan từng mảnh. Thuyền anh ta đi 47 người. Giờ tản mác đi ăn xin hết. Chỗ này tên là Ô Thạch. Anh ta kêu bọn Hải vào lều ngồi trên miếng vải lót nhãn nhúm.

“Làm sao đi tiếp?” Hải băn khoăn hỏi. “Có cái gì cho bọn ăn tí.”

“Vâng,” anh ta nói. “Mọi người đang tìm cách hùn tiền mua thuyền đấy. Các đảng ấy có tiền bạc gì không đấy, cứ chung cả vào với tôi.” Anh ta bê một nồi đất cũ bổ miệng ra, một ít và mấy con khô.

Dũng thầm đánh giá người thanh niên. Hàm răng sún khiến anh ta có vẻ bần hàn nhưng đôi mắt lại thẳng thắn. Gần tháng trời nay Dũng vẫn nhất quyết không chịu bán hai cái nhãn chỉ đợi đến lúc này. Hải cũng có ý nghĩ tương tự. Một cái nhãn cười và hai mươi đô còn sót lại. Hải đã tiêu mất hai mươi đô la cho ngày ba

mười tết hôm đến đảo Hải Nam.

“Tôi còn một ít. Những phương án của các anh ra sao?”

Người thanh niên mắt sáng rõ:

“Tớ tên Tịnh. Cả thuyền chỉ có tôi biết lái thuyền buồm. Bọn tớ đã tìm được chỗ mua một chiếc thuyền cũ nhưng họ đòi đến hai ngàn nhân dân tệ cơ. Thành ra phương án tụi tôi thế này: Hiện đã có chừng một nghìn, 47 người sẽ đồng loạt tản đi ăn xin, mỗi người kể cả con nít thì hai đứa chia thành một xuất, cơ bản chia thành 40 xuất. Mỗi xuất phải xin đủ 40 đồng. Khi mọi người xin đủ số rồi thì sẽ tiến hành việc mua thuyền. Tôi chịu trách nhiệm về phần kỹ thuật.”

Tịnh nhìn lão Mục:

“Thế ông đây chắc là dân trong nghề?”

Lão Mục gật đầu mệt nhọc:

“Vâng, tôi phụ được.”

Tịnh có vẻ phấn khởi:

“Các anh, à chị nữa, muốn nghỉ cứ nằm đây. Nếu muốn ăn thêm thì lên trên làng xin.

Tịnh mở can nước rót ra ca nhựa:

“Tôi chẳng có gì đãi. Chờ vợ con xin ăn về mới phụ chúng nó cầm hơi.”

Lão Mục gượng đứng lên. Hàm râu của lão như rụng đi gần nửa, xoắn tít vào nhau bần thỉu. Hải bảo:

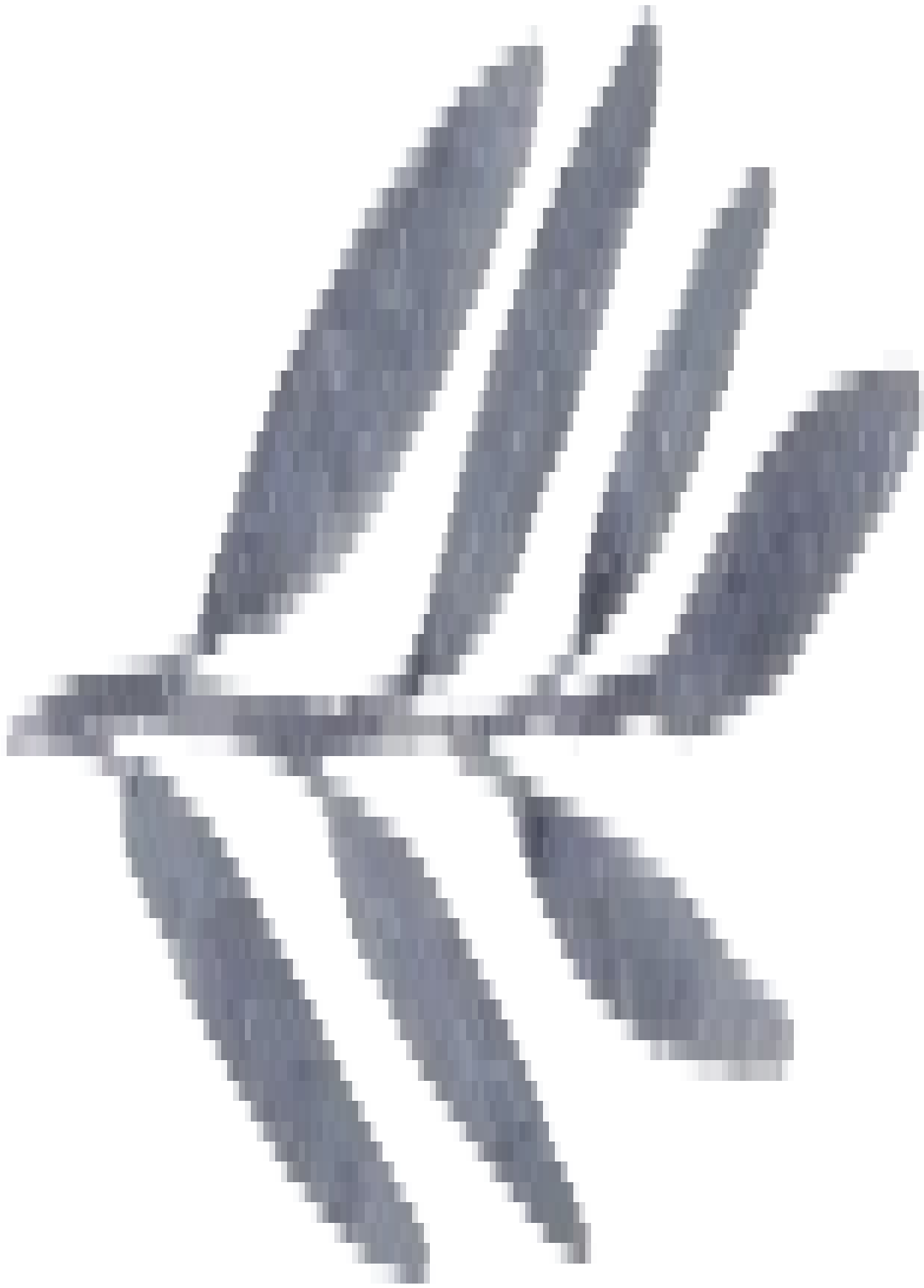
“Thôi ông và cô Sương nằm nghỉ để tụi cháu đi ăn xin được rồi.”

Dũng dồn thêm:

“Ông trông mệt lắm đấy, lại phải trông chừng cô Sương chứ.”

Lão Mục gật đầu. Lão cởi áo làm gối biểu Sương kê lên. Những bắp thịt cuồn cuộn của lão đã tan theo bọt sóng, chỉ còn những lóng xương sườn nhô cao, da

bọc xương lấy bấy, hai cánh tay cong queo lồi những đường gân xanh xao.



HẢI VÀ DỪNG ĐI NGƯỢC lên hướng núi. Con đường loanh quanh nhưng sạch sẽ, những thứ phế thải đều được người đả thuyền lượm sạch. Những ngôi nhà ngói đỏ có lối kiến trúc na ná như ở Việt Nam khiến cả hai đều có cảm giác gần gũi. Dường như đây là ngôi làng của người già. Những bà lão hom hem đội nón lá không chóp, tóc cắt ngắn ngang cằm nên trông có vẻ dịu dàng dễ mến của người đàn bà Việt Nam. Có người đang ngồi tựa cửa ngủ, miệng há hốc thở. Cả khu làng xây trên một khu đất cồn, đá lổm chổm che kín cả đất thịt, chẳng chịt những rãnh nước hôi thối và bẩn thỉu. Hải đi ngang một ngôi trường tiểu học, ruột thắt lại khi thấy trẻ con nô đùa. Chàng còn yếu, bước chân lầy bầy, nhưng cố rảo bước tránh xa ngôi trường nhưng như có điều gì giữ lại khiến Hải cứ ngoái lui. Dừng bảo:

“Vào đây thử.”

Một người đàn bà trạc năm mươi tuổi đang phơi cá trước nhà. Hải trù trù, nhớ sực bà lão xưa đuổi bố con chàng hôm nào.

“Sao vậy?”

“Trông hiền lành tử tế đấy.”

Người đàn bà trông hiền lành thật. Có lẽ nhờ mái tóc búi lên sau gáy, một vầng trán thẳng trên khuôn mặt đầy, và cái quần đen dài chấm gót khác hẳn đàn bà Trung Quốc lúc nào cũng mặc quần ngắn cũn cỡn. Người đàn bà quay phắt lên, nói. Ôi chao, bà ta nói tiếng Việt, mà nghe như giọng Hải Phòng mới chết chứ:

“Này các cậu, vào cả đây.”

Hai người quýnh quáng mừng rỡ. Người đàn bà cười, hai hàm răng đều như hạt lựu:

“Các cậu ở dưới kia đấy phải không? Bà chỉ ra hướng biển. Mấy hôm liền người mình đi qua đây nhiều lắm. Cơ khổ!

Bà ta mời hai ông khách. Dừng rụt rè bảo:

“Chúng cháu nhờ đường.”

Căn nhà bà bừa bộn, trên vách có trang thờ Phật. Người đàn bà rút chèn ra chén. Hải duỗi chân, thấy thoải mái nhưng lòng dừng dừng. Người đàn bà ngồi trên sập gụ, một chân thùng xuống đất, chân kia co lên. Ôi chao, sao mà Việt Nam thế. Bà lịch sự với hai gã xin ăn như đang tiếp khách ở lễ ta.

“Các cậu đi Hồng Kông, thời thế, tôi mà ở lại cũng đến nước này.”

Thì ra trước kia bà ở Hải Phòng. Chính sách bài Hoa đã đẩy bà về nguyên quán năm 78. Bà về đây lập nghiệp với chồng cũng là người gốc Hoa. Bà nói:

“Cái làng này được tổ chức theo lối công xã, nó như hợp tác xã bên mình vậy. Có chế độ bao cấp...”

“Nhà nước ta hết bao cấp...”

“À thế...”

“...rồi cơ bác.”

“...nào tôi có biết. Tất cả nhà cửa đều được xây cất ở những nơi thật khô cồn sỏi đá, vì những vùng đất tốt thì phải để dành cho canh tác. Đấy hai cậu coi, đến cỏ cũng không mọc ở đây được nữa là. Ruộng nương thì ở xã kia, đàn ông con trai đều ra đấy cả.”

“Thế...”

“Nhà tôi cũng ngoài ấy. Hai cậu người Hải Phòng?”

“Vâng, cháu ở chợ Sắt. Bác còn nhớ không?”

Người đàn bà bỏ một chân xuống, khuôn mặt mơ màng. Một chốc, mắt bà rơm lệ.

“Nào,” bà hỉ mũi, ngập ngừng nói lảng. “Để tôi thết hai cậu, nói mãi sao cho hết chuyện đời. chuyện quê.”

Bà xuống bếp. Cả Hải lẫn Dũng đỏt xanh mặt, ngồi tựa vào bàn chờ. Dũng nói nhỏ: “Tở vào nhà nào mà thấy bàn thờ là yên tâm.” Thời gian trôi qua chậm chậm. Ngoài sân nắng đã nghiêng hiên. Rồi chủ nhà bưng lên hai bát mì bốc khói, đặt khế xuống bàn:

“Các cậu cứ tự nhiên.”

Dũng nói vài câu chiếu lệ. Chưa bao giờ anh cảm thấy sung sướng đến như vậy. Cuộc đời đẹp vì con người còn đối nhau tử tế thế kia. Tình đồng hương, ôi dào, sao mà đáng bát mì đến vậy.

Người đàn bà lại rót chè. Hai ông khách đã nuốt trọn tô mì trong nháy mắt, họ cáo từ. chủ nhà đưa một gói nhỏ:

“Hai cậu cầm ít bánh sẵn ăn đường.”

Hải cảm ơn chủ nhà. Chàng thấy khỏe hơn, người hết run. Hải bảo Dũng:

“Mình về kéo lão Mục trông, tội nghiệp.”

Dũng gạt:

“Hượm đã nào. Hay tớ với cậu đi tham quan chút chơi. Vội gì. Biết đâu chừng lại được thêm gói bánh, cất ăn dần.”

Hải nghiệm thấy chí lí. Chàng lò dò theo Dũng đi ngược lên dốc. Chàng thấy từ xa một người đàn ông đang bồng con đi cạnh một người đàn bà. Áo quần họ rách bươm, mặt mày vợ váo. Cũng như Hải, nhìn đằng sau thấy đít quần người đàn đàn ông đã rách, lộ cái ti vi màu móp méo. Họ đang bàn cãi gì nghe rất căng bằng tiếng Việt. Khi đến gần Hải, người đàn bà vụt im tiếng, ngại ngùng nhìn hai người đàn ông. Người đàn ông dáng chừng đã mỏi, trao con cho vợ, khuôn mặt lờm lờm ra chiều bất ý. Đưa bé đâu chừng hai tuổi, hai mắt sáng long lanh nhìn Hải nhoèn miệng cười. Hải nghe cả mùi khai từ cặp vợ chồng khi họ đi ngang qua. Chàng nghe tiếng người chồng gắt:

“Em nghĩ kỹ đi, đến nước này rồi.”

Người vợ cương quyết:

“Chết bỏ, không.”

“Thế tưởng chết dễ à, sống không xong mà chết không được đấy.”

Ông ta thều thào. Hải nghe tiếng còn tiếng mất:

“Mất đứa này, mình... đứa khác.”

Cô vợ sứt sùi. Hải không nghe tiếng chị ta trả lời. Anh chồng vẫn kiên quyết thuyết phục. Có lẽ chưa bao giờ trong đời anh ta thấy quyền làm chồng bị tổn thương đến thế. Một chốc anh ta bỏ bà vợ, hậm hực vượt lên phía trước. Người vợ chỉ chờ có thể, ngồi phịch xuống bên đường ôm con khóc rấm rức. Anh chồng chột dưng chân, quát:

“Có đi không nào, hôm nay người ta đi đấy.” Rồi dỗ đứa bé: “Lạc ngoan của bố nào, nào bố bế nào.”

Người vợ hoảng hốt ôm rịt thẳng bé. Anh chồng xấn lại, lôi vợ đi xềnh xệch. Dững cau mày:

“Cái thẳng cha...”

Hải bảo:

“Nó muốn bán con.”

Chàng nghe lòng buồn dằng dặc, nhớ con da diết. Gói bánh cầm trên tay chùng nặng trĩu. Chàng chưa lần nào cho bé Ngọc ăn cái bánh như vậy suốt cuộc hành trình. Cả khi con chết, chàng chỉ có một củ khoai méo mó đã cạo vỏ để trên một cục đá dưới gốc thông già. Chàng lột sạch vỏ thông, khắc ngoằn ngoèo mấy chữ: Nơi an nghỉ Lê Thị Mai Ngọc, 5 tuổi, mất ngày tháng năm. Rồi nếu có hôm nào trở lại, chàng có còn tìm gặp cây thông nguyên vẹn hay không? Chàng hy vọng, sợ hãi con đường sắp tới, mà ngoái lui chẳng một lối về.

Dững bỗng hít hà:

“Nghe gì không?”

“Rượu.”

Dững hít hít như con chó đánh hơi. Rồi anh quả quyết lôi Hải đến trước một căn nhà ngói. Rõ ràng mùi rượu ai đang cất xuất phát từ đây. Một thanh niên trong nhà bước ra, mặt sừng sừng:

“Vào đây.”

“Thế ra nhà bác.”

“Cứ vào đây hẳn.”

Căn nhà lót ván kêu ọp ọp. Gã thanh niên bảo hai ông khách ngồi, tự tay rót rượu ra chén. Dũng sững tưởng ngất lên được.

“Thế ra nhà bác.”

“Tớ Càng Quảng Ninh đây. Nhìn dạng hai ông biết ngay dân vượt biên. Vào cái nào.”

Nguyên Càng từng là công an ở Quảng Ninh. Bị đuổi ra khỏi ngành vì tổ chức vượt biên. Càng trốn sang Trung Quốc thời nhà nước đánh “nạn kiều”, làm nghề nấu rượu lậu, vẫn ôm giấc mơ vượt biển đến Hồng Kông. Y đã vượt đến Hồng Kông một lần nhưng liền bị trả ngay về Hoa lục vì chính quyền Hồng Kông không nhận bất cứ một người nào đã định cư ở đại lục. Sau lần thất bại đó, Càng rút kinh nghiệm, nghĩ ngay một phương án mới. Y bàn tính với một số người trong làng hùn mua thuyền, chờ có “nạn dân” tức người tỵ nạn ở Việt Nam đến sẽ nhập bọn để cùng đi với họ đến Hồng Kông. Khi đó y sẽ khai đi từ Việt Nam, và đương nhiên sẽ được chính quyền thuộc địa chấp nhận. Y chắc mẫm như vậy.

Gặp Hải và Dũng, Càng biết ngay thời cơ. Y đã gặp nhiều người ăn xin do thuyền bị đắm ở rừng phi lao để gạ gẫm cho đi theo nhưng chưa ai chịu. Rốt cuộc Càng dùng phương án cuối cùng: đi bằng chiếc thuyền y mua nhưng sẽ dùng người Việt làm chủ thuyền. Thương sách. Càng nói:

“Các đấng ấy cứ uống cho say một bữa.”

Hai người tưởng về tới cố hương, nghe Càng nói tiếng còn tiếng mất. Đầu óc chệnh choáng, hơi men khiến họ hứng chí, Dũng khề khà:

“Tớ là tài cồng. Có thêm ông thông thạo đường đi nước bước nữa lại càng hay.”

Càng hớn hờ nốc cạn chén rượu, mặt đỏ khè:

“Bọn tôi cả thảy trên 20 người. Thêm hai ông...”

“Bốn người.”

Hải nói, kể thêm cha con lão Mục:

“...thì cũng chưa tới ba chục nhân mạng. Ta cùng nhất trí xuất phát từ Đồ Sơn.”

“Thuyền to bé thế nào?”

“Đào, đi cho hết thì phải năm mươi người có dư. Nào vô nào. “

Thì “vô”. Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu. Uống cho tiêu mỗi sàu kim cổ. Chàng còn gì nữa đâu mà sợ, cứ gặp chãng hay chớ, cứ đánh bè kết bạn ung dung, cùng nhau đi, cùng nhau tới, cùng chết! Hải say tí, say lử, say cúp bình thiếc, say cho đến gần nửa đêm. Chàng đã ngủ không biết bao lâu trên nền đất, ấy thế mà nóng ran mình mẩy. Đầu óc chệnh choáng nhưng Hải nhớ ngay là cả chàng lẫn Dũng đều quên đem thức ăn về cho lão Mục và Sương. Hải lay Dũng dậy:

“Về thôi ông, khuya lắm rồi.”

Không thấy Càng đâu, nhưng vừa ra tới cửa thì đụng ngay Càng đang ngồi trên bậc thềm, hút thuốc phì phào:

“Đi hả. Nhất trí nhé. Sáng mai ghé lại tôi.”

Hai người im lặng ra biển, lòng áy náy. Trăng đã mọc trên đầu, chiếu vằng vặc cả quả đồi hoang vắng và tỉnh mịch. Hải chỉ còn nghe tiếng chân mình trên đường dốc vắng, thỉnh thoảng tiếng chó sủa trăng vu vơ cô độc. Vừa đến rừng phi lao, đột nhiên có tiếng tù và nổi lên rộn gai ốc và cả tiếng chim kêu quang quác khua động cả màn đêm yên ngủ.

Dưới ánh trăng, gần cả trăm bóng đen đang tụ tập trên bãi biển. Họ vây quanh chung quanh hai chiếc thuyền độc mộc, rồi hè nhau đẩy thuyền xuống biển. Một chiếc lưới căng ra từ hai chiếc thuyền sóng sánh ánh trăng từ từ chìm xuống nước. Cả đoàn người, bây giờ Hải đã nhận ra toàn là những ông già trong làng, chèo thuyền ra khơi. Hải đoán họ lưới cá theo kiểu tập đoàn, nhúm gia sản là cái lưới và hai chiếc thuyền độc mộc nhỏ nhoi trên biển cả.

Thốt nhiên Hải giật thót người. Cả bãi biển sao quanh hiu không một bóng người. Dũng cũng phát hiện cái vắng lặng bất thường ấy. Anh lầm bầm:

“Không lẽ mình về lầm chỗ.”

Cả hai người xông xộc khắp rừng phi lao. Không một dấu tích nào của người ty nạn để lại. Hải cầu tay Dũng thật mạnh:

“Á...”

“Đau hả, vậy chưa xin rồi.”

Chiếc lều của Tịnh đã biến mất. Không còn gì hết, cả lão Mục, cả Sương. Họ đi rồi. Hải điếng người:

“Họ đi rồi?”

“Vô lý!”

“Vô lý. Lẽ nào.”

Quả thực họ đi rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa. Hai người đều không muốn tin như thế. Trăng lười liềm nghiêng sáng. Tiếng xào xạc của đôi chân trên cát chỉ trả lại một âm thanh buồn hiu hắt. Hải nghe một tiếng xào xạc khác. Bước chân của Dũng. Không phải, vì Dũng đang đi bên trái. Phải là một bước chân khác. Đúng vậy, rồi có tiếng va chạm của hai vật chạm nhau, tiếng ngã. Hải bắt loa gọi lớn:

“Ông ơi.”

Tiếng kêu của Hải rền trong cây, mất hút. Rồi một tiếng vọng, rõ ràng không phải tiếng vọng của Hải:

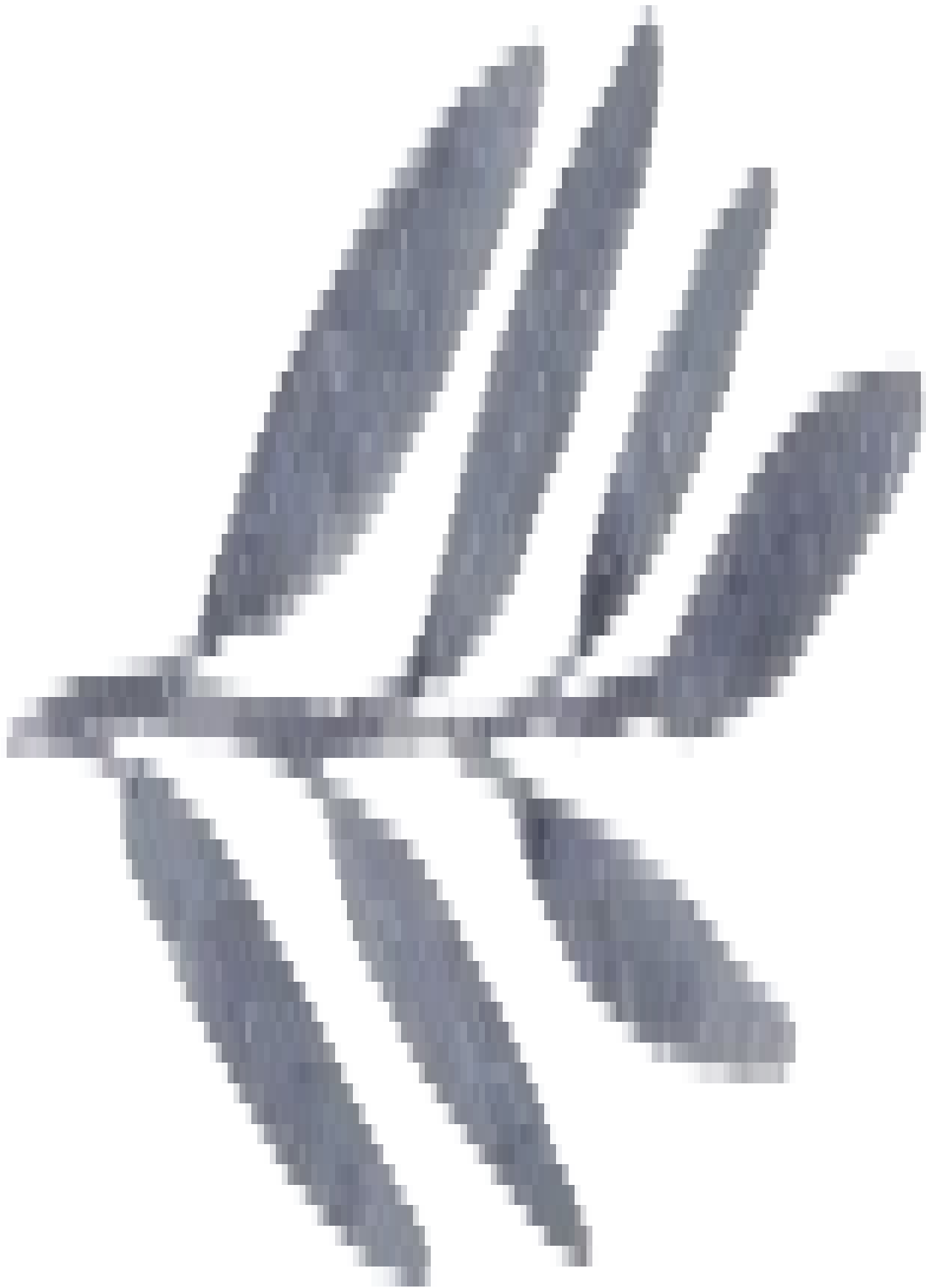
“Ơi.”

Hải chạy về hướng tiếng kêu. Trăng đuổi theo rần rật sát nút. Một bóng đen đang lao đảo đi, bóng đen đụng vào một cây phi lao ngã xuống, lồm cồm ngồi dậy, hai tay quơ quào trong không khí. Mái tóc xõa che kín cả khuôn mặt. Hải kêu:

“Sương.”

Bóng đen đó chính là người con gái mù lòa. Nàng ngã ập vào lòng Hải, nước nở,

tiếng khóc khản đặc vỡ trong không gian trắng màu tã.



THUYỀN LƯỢT NHE TRONG ráng chiều êm ả. Cảnh trí trên bờ đẹp như bức tranh thủy mặc. Có chỗ, từ trên cao một dòng thác bé như dải lụa vắt vẻo trên màu xanh của núi. Cạnh đó, một ngôi nhà nhỏ chìa ra trên mỏm đá chơ vơ giữa lưng trời. Hải nghĩ có lẽ ngày xưa Lưu Nguyễn lạc thiên thai chắc cũng chỉ chừng này sương khói. Chàng ước khi nào bước chân mình đã có chỗ quay về, chàng sẽ đứng trên mỏm đá lưng trời kia, sẽ đánh một tấu khúc làm rung động những đám mây đứng sững yên bình, và dưới chân chàng.

Cảng trái tấm bản đồ giảng giải:

“Chỗ xanh này là nước sâu, ta đi gần bờ được. Nếu ông – Cảng nhìn Dũng – cắt được đường xuyên qua đông hải đảo thì đến Hồng Kông chỉ mất vài hôm.

Dũng hờ hững:

“Cái đó còn tùy.”

Thuyền của Cảng dài 11 thước, từ đáy thuyền đo lên cao phỏng độ một thước rưỡi, nước cứ mấp mé mạn thuyền chực tràn cả vào khoang. Dũng nào vui được khi đoàn người cùng đi đã tản lạc hết, anh bực bội trong cái thế phải đi cùng với hàng chục người địa phương cải danh là người Việt Nam đến Hồng Kông. Đêm Dũng và Hải say sưa ở nhà Cảng cũng là đêm công an tập hợp đám người Tịnh dưới rừng phi lao, buộc họ phải nhổ neo ngay vì đã mua được thuyền buồm. Lúc đó Sương đang mò mẫm ra ngoài tìm chỗ đi ngoài. Đứng ra nàng đã thức lão Mục dậy dẫn đi như mọi lần, nhưng nghe tiếng bố ngáy đều, nàng nghĩ bụng cứ đi cho đến chừng nào không nghe tiếng người nói thì sẽ ngồi xuống. Dường như chỗ nào cũng vang lên tiếng ngáy ngủ khiến Sương đi càng lúc càng xa chỗ cũ, vừa khi công an đến. Họ đánh thức tất cả, tập hợp. Lão Mục quỳnh quáng vừa đi vừa gọi tên con cho đến khi bị xô ngã xuống thuyền. Lão cứ nghĩ Sương chắc ở trong đám đông người nhốn nháo.

Dũng lái liên tục gằn tám tiếng đồng hồ. Linh tính cho anh biết Cảng chẳng rành gì về chuyện đi biển. Nhiều lắm, y chỉ rành tên địa phương mà thuyền đi ngang qua. Dũng bắt y xác định tọa độ con thuyền, đo mực nước, rồi bẻ ngoặt 45 độ. Theo hướng này, anh sẽ đến thị trấn Trạm Giang trong vòng bốn giờ nữa.

Nhưng càng lúc nước biển càng đen xì, bờ càng lúc càng xa. Dũng hoàn toàn không nghĩ là Cảng đã định trật chỗ đậu của con thuyền. Mà thật vậy, thay vì chỉ

đúng chỗ thì y lại đánh dấu trật lên một cái mồm cách chỗ xuất phát 150 cây số. Khi Dũng phát hiện ra thì đã quá trễ. Bốn bề chỉ là màu đen của biển, màu đen của mây quần thảo trong tiếng gió rít. Chỉ trong một tích tắc của sự nhầm lẫn, bão ồ ập kéo đến. Con thuyền nằm gọn trong hai lượn sóng, cứ thế lượn đi như chiếc diều bị gió đập. Mũi thuyền vỡ, nước tràn vào. Tất cả cùng tát nước. Con thuyền ườn lên oằn xuống như có một bàn tay vô hình đẩy đưa. Một rung động dội lên từ đáy thuyền.

“Mắc cạn rồi.”

Tất cả cùng sững sờ khi trước mặt họ hiện ra một ngôi miếu trơ trọi trên cồn cát. Ánh lửa leo lét từ bên trong chập chờn soi bốn cây cột những hình thù quái dị. Họ ngừng trước một cái miếu! Tất cả rùng mình trước run rủ lạ lùng. Dũng nói liền:

“Ông đưa cô Sương vào trong, tôi cho kéo thuyền lên không vỡ nữa.”

Hải run cầm cập trước những ngọn gió cắt thịt. Chàng chỉ cảm thấy một chút hơi ấm khi thân hình sũng nước của Sương tựa vào người. Trong lòng chàng dấy lên một niềm tin mãnh liệt. Hẳn phải có đấng vô hình nào đã đưa bọn chàng đến đây, nếu không thì giữa biển mênh mông và đêm tối vô cùng chiếc thuyền đã không tấp vào một miếu đèn cũ nát.

Bóng người lao xao qua mặt Hải chui vào miếu.

“Ngài linh thiêng thật.”

“Có tiếng mà.”

Qua câu chuyện trao đổi giữa những người Trung Quốc đi trên thuyền, Hải lờ mờ đoán chùa thờ một vị võ tướng ngày xưa. Vị tướng này thắng một trận hải chiến lừng lẫy ở đây, được dân chúng lập đền. Mỗi năm, ngư phủ Trung Quốc dù hành nghề bất cứ ở đâu cũng về đây cúng tạ để xin đi biển được bình an.

Bên hông miếu có một đồng lửa nhỏ của ai đó đốt sẵn. Thấy Hải đến những người đang ngồi xung quanh đồng lửa nhích ra chừa chỗ. Bọn người này rõ ràng không phải đi chung thuyền với Hải vì người họ khô ráo. Một người hỏi:

“Bị đắm thuyền à?”

“Vâng, còn các bác,” Hải đáp.

“Bọn tớ lên đây đã năm hôm.”

Thuyền họ từ Việt Nam đi hơn nửa tháng, sau ngày Hải xuất phát. Họ ghé nhiều nơi trên đất Trung Quốc nhưng may mắn không gặp bão tố suốt hành trình. Lúc đi, thuyền chỉ có chín mươi người, dọc đường vớt thêm một mớ bị dầm dẫm, giờ đã hơn một trăm.

Hải vừa phơi áo vừa hỏi chuyện. Chàng ở trần tròng trực nhưng đã hết lạnh vì ngọn lửa cháy đều ánh sáng rực rỡ. Một chốc, tiếng xèo xèo do nước nhỏ từ áo xuống than hồng đã bớt. Hải dắt Sương ra sau chùa, bóng đêm dày đặc. Chàng bảo:

“Sương thay cái áo này đi. Cởi áo đưa anh phơi kéo rét đấy.” Chàng nói thêm:

“Chỗ này tối lắm, không ai thấy.”

Chàng đưa áo cho Sương, nhìn bầu trời đã trong hơn. Hải rùng mình khi chiếc áo ướt lạnh chạm vào lưng. Chàng chợt nhớ ra là làm sao Sương thấy chàng để đưa áo.

“Sương thấy anh đứng đây à?”

Sương nói, hàm răng trắng đều trong bóng tối:

“Không, nhưng em...đánh mùi được.”

“Đi biển mấy tháng có mùi.”

Sương nói:

“Em quen bóng tối rồi.”

“Bây giờ em đi thẳng tới trước, thế, bên phải, thẳng.”

Họ về lại đồng lửa. Sương đã được Cảng kỷ niệm cái áo may bằng vải kaki, tuy cũ nhưng rất bền. Nàng vẫn giữ cái áo mặc đi từ Việt Nam dù nước biển đã làm mục. Chiếc áo mà lão Mục đã tự tay khâu một đường rách.

Bỗng nhiên Hải nghe tiếng Dũng cười lớn. Hình như chàng đang hồ hởi nói

chuyện với ai đó. Hải lục trong trí nhớ. Phải, giọng nói của người đàn ông đang trò chuyện với Dũng quen lắm. Chắc hẳn Hải đã có nghe qua. Rồi giọng Dũng chợt nhỏ đi, như thì thầm, Hải gọi:

“Dũng ơi, ông đâu đấy?”

Tiếng Dũng im bật. Hải ngó quanh quất. Giọng Dũng ngay sau lưng:

“Ông trông ai đây.”

Người thanh niên có khuôn mặt hao hao giống Dũng. Đôi mắt anh ta sâu thẳm, cằm vuông cứng cáp. Thân hình gân guốc vạm vỡ cứ như biển đã nhồi cho bắp thịt nổi lên.

“Cường!”

Vâng, Cường, người rước vợ con Hải theo chồng vượt biển. Đêm đã gần tàn và trôi qua lúc nào.



7.

CƯỜNG BỊ HẤT TUNG VÀO bầu trời đen trong tiếng rú văng lên từ một nơi nào đấy, hút vào cõi không thăm thẳm. Anh nhớ sóng giạt tung lên, người rơi xuống đúng vào một lớp xe cộ ngang mạn thuyền. Cánh tay Cường như bạch tuộc cuốn môi, cặp chặt lấy cái lớp xe vào vách. Nước sủi bọt hùng hục, chẻ thành nhiều vết dao giựt anh ra khỏi cái vật tròn đen xuất hiện như thiên thần giáng thế.

Cường trôi trên biển mấy đêm mấy ngày, anh không làm sao nhớ hết. Lúc khỏe thì quơ tay quấy quấy, khi mệt thì phơi mình dưới nắng. Cứ thế, mây bay ngút ngàn miên miên vô tận. Biển không hành hung anh nữa. Biển lành tưởng ngay cả cái vỏ trứng mỏng manh cũng không bị nhận chìm. Cường đã mờ mắt, làn da móp méo như trái cam khô. Nhưng anh nhìn thấy một chòm núi đen mọc lên từ mặt nước. Anh ngất đi trong cơn mơ kinh khiếp.

Cường được một chiếc thuyền đánh cá cứu. Người anh như đụn giẻ khi được vớt. Anh cũng biết người ta đã vớt xác mấy chục người gần Đồ Sơn mấy ngày trước đó. Như vậy là toàn bộ con thuyền đều chết, Cường đau đớn nghĩ thầm, những giấc mơ nặng nề tức ngực lại kéo đến. Anh nhớ Thu, anh nhớ làn môi cương quyết của Đặng mím lại khi cho thuyền ra khơi dù biết trời sắp làm cơn cố. Anh nhớ những đồng nước xanh vàng ói mưa đầy thuyền của đàn bà trẻ con trên thuyền. Không lẽ tất cả đã về bên kia thế giới. Có lẽ nào anh là chứng nhân duy nhất!

Cường không muốn trở về Đầm Hà. Anh đã bán căn nhà của Dũng trước khi đi, chẳng còn gì ở đó để mà về. Cường bán chiếc đồng hồ đeo tay, mua một bộ quần áo mới rồi lấy vé ô tô đi Hà Nội. Bố mẹ và em gái Cường ở gần chợ Đồng Xuân, có cửa hàng bán phụ tùng đồ xe đạp, lợi tức thu nhập hơn hẳn lương anh công chức ngày ngày đạp xe run cả đầu gối. Ông cụ ít khi có nhà, những đi về bất thường của cụ khiến Cường nghĩ cụ đang hoạt động gì đó. Nhớ hôm nào ông bảo Cường:

“Con liệu đường xuống học nghề tài công của anh Dũng.”

Ông nói ngắn, nhưng Cường hiểu. Hai bố con tâm sự đến sáng. Cường thấy đôi mắt bố thêm quầng, mái tóc dày rẽ giữa của ông vẫn bành bồng nghệ sỹ. Ông đang làm gì đó với nhóm Bồ Câu Trắng và bị phát hiện, vài người bị bắt, số còn lại mạnh ai nấy chạy hoặc ngưng hoạt động. Có lẽ rồi bố sẽ bị bắt, ông nói, nhưng đến khi đó tình hình chung sẽ sáng sủa hơn. Trong số những người quen của ông, Cường có biết một vài văn nghệ sỹ tên tuổi. Nhưng với anh, đó là những tên tuổi của một thời đã qua. Cường đã tốt nghiệp phổ thông, nhưng không bao giờ đọc trọn các tác phẩm của họ. Có vẻ như những quyển sách mà nhiều người lầm lẫn cho là văn hóa quá khác xa với cái văn hóa mà Cường đối mặt hàng ngày. Những dòng xe đạp ngập tràn thủ đô với những bộ mặt khép kín u sầu. Đó là những cảnh chợ trời cướp bóc giành giật bán đủ các thứ có thể ráp được một chiếc ô tô chỉ thiếu mỗi cái khung. Cường không thể nào gần được với những nhà văn tả nghệ thuật uống trà, hoặc có thể hùng hồn đòi khắc văn trên đá. Nghĩ đến họ là nghĩ đến một hoài niệm, xa cách thực tại. Cường không đòi họ đụng đến thực tại của ngày hôm nay, họ đã kinh cung chi điệu. Dẫu sao anh cũng tôn kính họ, như lịch sử, không ai viết lịch sử của những gì đang xảy ra, nếu có, thì là một hiện thực lịch sử không từ tim óc của một cá nhân nhưng là của một quần thể. Nghệ sỹ là kẻ sáng tạo ư? Có thể. Nhưng hẳn sẽ sáng tạo được cái gì khi cảm thụ về chân thiện mỹ của hẳn không được giải bày, nghệ thuật được sáng tạo bằng cảm quan rất đáng phàn nàn của tập thể, một công trình tập thể đồng sắc áo. Chân lý nhân danh tập thể nên nổi quần quai của riêng cá nhân người nghệ sỹ đã bị tử hình. Cường, được bố dạy, cũng khinh bỉ Nguyễn Tuân, một ông nhà văn làm say mê nhiều người với cái huyền thoại khinh bạc và ngòi bút tài hoa. Bố anh đã chỉ ra cái nhỏ mọn đến bất nhơn của ông này khi dạy Cường đọc lại “Đèn điện phố phường Hà Nội vui sáng hơn bất cứ lúc nào”. Ông nói: “Người tử tế không bao giờ “cắm một điều thuốc Điện Biên vào mồm thẳng giấc” khi thẳng giấc ấy đang là phế nhân, nằm trên giường đau đớn, lại “bật diêm châm vào mặt nó”, “đặt cái gạt tàn thuốc lá lên ngực nó đầy lông rậm dày như cái ức một con thú dữ”. Không ai bắt ông ta cư xử và viết như thế cả, chỉ là xuất phát từ tâm lý của cái cân tiêu li, tiểu nhân đặc chí, cung cách còn thua cả Phát xít Đức khi bắt sống lính Mỹ.”

Ông dứt: “Nhạc, phải viết bằng máu; thơ, phải viết từ giấc mơ, khi đang lên đồng. Cái thứ văn vẻ người ta đang ca tụng ấy chỉ là đồ cúng cụ.”

Bố Cường biết đứa con trai út suy nghĩ gần ông. Có nghĩa là Cường vẫn khắc mẹ. Đúng, mẹ Cường là người đàn bà giống như bất kỳ người đàn bà nào khác, có nghĩa là rất thực tế. Bà vẫn cho “bố con ông là người viễn vông, chết có ngày!” Bà buồn tần bán tảo kính chồng yêu con nhưng không đếm xỉa đến việc

ông làm.

Cường không ngờ trong nhóm của bố mình có Hải. Anh mến phục chàng trai ấy, tưởng Hải là biểu tượng của thế hệ sinh sau đẻ muộn của mình. Chính vì thế mà Cường đã dốc lòng dắt dìu vợ con Hải đi. Chiếc thuyền định mệnh ấy có bao nhiêu sống sót như anh, không biết được, nhưng chắc rằng dưới bọt sóng có xác mẹ con Thu.

Về lại nhà đầu óc Cường còn choáng váng. Anh gầy xòm đi tuy vẫn tỉnh táo. Ông cụ biết thằng bé chưa hoàn hồn, nên cứ âm thầm tìm đường khác cho con. Một hôm ông bảo:

“Cửa khẩu Đông Hưng đã mở lại rồi đấy. Con đi được.”

Cường đến Đông Hưng lúc trời gần trưa. Nắng dịu chứ không gắt. Hơi mát từ con suối biên giới lẫn trong cảnh buôn bán tấp nập làm anh ngây ngất. Cường mua một vé xuất khẩu giá ba ngàn đồng. Bộ đội đứng trong trạm canh thân nhiên nhìn người qua kẻ về, dễ dãi. Cường xuống đò đi qua con suối rộng chừng nửa cây số. Lên bờ, anh lại mua một vé nhập nội giá một nhân dân tệ. Vậy là anh đã ở trên đất Trung Quốc.

Nhanh nhẹn, Cường nhập vào dòng người buôn bán. Anh đi vòng quanh các chỗ bán hàng. Thôi thì đủ hạng người tứ xứ từ lục địa đổ xô ra. Anh đứng trước một gánh hàng rong, ngắm lại bên bờ bên kia. Kia, quê hương anh. Gần nhưng xa. Những dãy núi mờ sương, bầu trời xanh như khác hẳn từ bên kia biên giới, như chính bầu trời cũng bị mốc cột chia hai không thương xót. Những con người áo quần lam lũ đầu đội vai mang tần tảo quá, biết bao giờ cái nón cối che ngang tầm mắt mới được giở ra để thiên thanh bầu trời khoáng đạt. Trong lòng Cường dâng lên một cảm giác lâng lâng lạ lẫm như đang đặt chân đến một tinh cầu khác, dù cảnh sắc thật ra nào có khác bao nhiêu. Anh đến điểm hẹn là một ngôi nhà nhỏ cất sau những cây cổ thụ cao ngất. Người dẫn đường đã ở đó. Một gã bộ đội phục viên, mắt một mí, da mặt đen tràm và mắt long lanh sắc sảo. Nghi ngơi ăn uống xong, Cường theo gã đi sâu vào lục địa. Cho đến khi trời đã chập choạng, Cường nhìn thấy một con sông nhỏ. Một chiếc thuyền dài chừng mười mét đang neo chờ. Cường xuống thuyền, đưa mảnh giấy có viết mật hiệu cho gã bộ đội để gã về nhà lấy phân nửa số tiền, phần còn lại sẽ đưa nốt khi có mật hiệu của anh gửi về từ Bắc Hải.

Gã lái thuyền là một công an Trung Quốc mặc thường phục. Trước kia, gã từng

sống ở Hà Nội nên tiếng Việt rất sôi. Gã làm công việc này thành thục cứ như nghề chính của gã là đưa nạn dân đi chứ không phải công an. Trên thuyền còn có non ba mươi người khác. Cường cảm thấy thanh thản hơn chuyến đi lần trước. Bề gì, từ đây đến Bắc Hải anh không phải lo nghĩ nhiều.

Thuyền lặng lẽ đi trên dòng sông quanh co. Hai bên bờ nhà cửa thưa thớt, một vài ánh đèn dầu hờ hững hắt ra buồn ảm đạm. Tiếng chim gọi bầy riu rít vang rân, rồi trở im lặng cho dòng sông khi đêm càng về khuya. Cường ngủ gà ngủ vịt, lòng dấy lên tâm cảm buồn mênh mông của người viễn xứ. Anh nhớ ánh đèn nhà day dứt, thót cả ruột non ruột già.

Gần sáng thì thuyền đến cửa sông. Nước siết khá mạnh nhưng gã công an tài cồng sành sỏi nường theo con nước đưa thuyền ra biển êm ả. Bỗng như Cường có cảm tưởng vừa thoát khỏi một chốn tù hãm tăm tối để đón nhận cả không gian bao la mở rộng. Gió lồng lộng thổi, bát ngát những đợt sóng lăn tăn hồ hởi. Anh tưởng như cả tuổi xanh bây giờ mới thực sự biết sống là gì. Cuộc đời đâu chỉ quanh quẩn xó tường, rồi anh sẽ đến Hồng Kông. Trời! Chỉ vài ngày nữa. Ánh điện vàng rực rỡ trong thư của bạn gửi về bắt đầu nhảy múa từng bừng trong cõi lòng phấn chấn của Cường. Nơi đó có những tòa nhà chọc trời, phố phường không bao giờ tắt ánh sáng kinh kỳ, ai muốn nói gì thì nói, không phải nhìn trước ngó sau. Anh sẽ xin đi một nước thứ ba, anh sẽ viết thư báo tin cho cha già, anh sẽ cho ông biết sẽ đi theo ước muốn của ông.

Đất liền chỉ còn là một vệt mờ mây khói. Sóng lắc lắc làm mấy bà bắt đầu nôn mửa. Nhắm chi cái màu mặt xanh để đổi cả cuộc đời ấy. Cứ vô tư thôi. Có mất đi một phần thân thể, có mất đi. Mất thật. Mất mẹ, mất cha, mất nước, bạn bè, các thứ. Thì đời là cuộc thương lượng mặc cả mà. Nếu không liên hiệp được với nó thì phải dứt nó đi, xây một cái khác.

Có một đêm trời gió khá mạnh. Gã tài cồng tìm ngay một hòn đảo nhỏ, tránh. Sáng gã bình tĩnh đưa thuyền đi tiếp. Nhưng lần này gã đi sát bờ hơn. Cường có thể nom thấy những mái nhà li ti trong bờ, toàn bộ quanh cảnh dường như bị chế ngự bởi núi cao xanh thẳm hoặc đen chàm. Ánh nắng có khi vãi một vệt vàng hình chóp nón như có bàn tay nào vãi thóc trước sân. Thế đấy, thiên nhiên đãi ngộ những ai biết ngắm nhìn.

Rồi Bắc Hải. Cường đã tới cái điểm mà từ đây anh phải tự lo liệu lấy. Một thành phố cảng lớn quá sức tưởng tượng của Cường. Tàu bè đậu tấp nập. Cả bọn lơ ngơ sau khi chiếc thuyền đưa đã quay mũi. Họ dự định tới đây sẽ mua thuyền đi

tiếp. Nhưng ngay phút đầu lóng ngóng không biết bắt đầu làm sao, Cường chú ý ngay một người con gái đi một mình. Người con gái trạc tuổi Cường, tóc kết đuôi sam, nước da đen khăm khăm và khuôn mặt có vẻ lam lũ của một người lao động dầm mưa dãi nắng. Cô ta đứng chơ vơ một mình trên bãi, không trò chuyện với ai cả. Một giọng nói cất lên:

“Ai biết tiếng Trung Quốc nhỉ?”

“Tôi biết chút ít thôi.” Cường đáp.

“Thế tính thế nào?”

Tính gì? Cứ thẳng tiến các tòa nhà cao ngất ấy đã. Đúng lúc ấy công an Trung Quốc xuất hiện. Cường nói lắp:

“Ngộ châu Hớn Côn.”

Mấy viên công an có vẻ tử tế. Một gã bảo biết rồi, các nị phải tới tập trung ở chỗ có đồng bào của nị đi Hồng Kông ấy. Một đám đông người địa phương tò mò đứng nhìn lũ người áo quần sọc sọc đi trên đường. Những biểu hiện có tiếng nước ngoài hấp dẫn và hứa hẹn quá. Mọi người chỉ trỏ, bàn tán. Thành phố đẹp gần bằng giấc mộng có đèn xanh đèn đỏ, đẹp nhất là con gái mặc váy ngắn cùn, hai bắp chân thon thon khiêu khích. Bắc Hải quả khác xa những làng mạc nghèo nàn lạc hậu mà Cường mới đi qua, Cường như anh mán về thành, ngơ ngáo đi giữa cỏi người xa lạ thích mắt. Cường đến bờ biển có đồng bào anh cư trú.

Cái vẻ trù phú của cảng Hải Bắc chỉ làm tăng nỗi bơ vơ lạc lõng của nạn dân nạn kiều sống trên bãi biển. Ngoài trừ một nhà thương thí do Cao Ủy Ty Nạn Liên Hiệp Quốc thành lập năm 1979, các nạn kiều bị đuổi về nước năm 78 chẳng được hưởng một quy chế gì rõ ràng. Đầu tiên, họ được bố trí lên các nông trường ở tỉnh Quảng Tây. Chịu không nổi đời sống ở đó họ trốn về miền biển và cắm lều sống trên bãi cát bằng nghề đánh cá. Họ làm vệ sinh cá nhân ngay trên bãi, lấy cát lấp lại chờ sóng lên dọn sạch. Nhóm nạn kiều sống ở Bắc Hải đã bị lãng quên hoàn toàn. Không ai cần biết đến họ và họ cũng chẳng trông chờ vào ai. Lương thực của họ là biển cả mênh mông ngoài xa kia. Trung Quốc coi họ là nạn dân người Việt, nhà nước Việt Nam lại coi họ là nạn Kiều. Sức ép của hai thể chế đẩy những người này ra tận mé nước và không thể ra xa hơn được nữa. Những đứa trẻ sinh ra trên cát nóng chờ ngày theo cha mẹ ra khơi bắt cá. Không một ngôi trường nào chịu chứa những đứa trẻ sinh nhằm thời lệch chỗ ấy. Khi nhìn thấy đời sống nghèo nàn lạc hậu của người Việt gốc Hoa trên mép nước,

Cường càng thêm khâm phục tài nghệ nói phét đảng truyền vô tiền khoáng hậu của Hoàng Văn Hoan những ngày chống gậy ăn xin trên đất Trung Hoa. Trong một số báo tin Việt Nam lọt về Hà Nội, Hoàng Văn Hoan hên hoang là đã đi thăm khu nạn dân nạn Kiều đánh cá ở Bắc Hải. Theo tờ báo thì công việc làm ăn của nạn Kiều tấp nập và vui vẻ. “Chiều chiều, khi tàu thuyền cập bến, kẻ mua người bán, tiếng nói tiếng cười nói vang lên nhộn nhịp... Nhiều bà con nạn Kiều đã trở nên giàu có.” Giàu có cái con cật gì mà tả tơi thế kia.

Vài ngày sau Cường gặp một chiếc thuyền đi từ núi dê Hải Phòng ghé Bắc Hải mua dầu Cường hùn một chỉ vàng xin quá giang đi Hồng Kông. Tài cống biểu diễn tình đồng hương bằng cách nhận thêm vài người xin theo, trong đó có cô gái mà Cường nhắc thấy hôm mới đến. Gã tài cống hỏi cô gái:

“Em tên gì đấy?”

Cô gái dường như không nghe hỏi. Đôi mắt lờ lờ nhìn ra biển, nhìn vào những dãy phố. Gã tài cống hỏi thêm một lần nữa. Cô đáp:

“Mân.”

Rồi ngồi xuống góc thuyền, tay mân mê nếp áo. Cường cố lục trí nhớ. Dường như Mân không phải là trong đoàn người đi từ cửa khẩu Đông Hưng. Dường như cô xuất hiện đâu đó lúc Cường đã đến Bắc Hải. Mân ăn mặc như một xăm Tàu đã sinh sống nhiều năm trên đất Trung Quốc. Tóc kết đuôi sam, cúc áo cài một bên, cái quần đen khá sạch sẽ. Nhưng hề gì. Cường chặc lưỡi. Cũng là nạn nhân như mình.

Vừa vượt qua eo biển Lôi Châu, thuyền bị sút “côn”. Số phận con thuyền đành để mặc cho sóng gió, muốn đẩy về đâu thì đẩy. Cường trông thấy nhiều tàu nước ngoài xuất hiện. Tất cả đều mừng rỡ reo hò, nhúng quần áo vào dầu đốt sáng rực cả đêm tối. Nhưng những chiếc tàu sắt nhanh chóng biến khuất trong màn đêm. Sáng hôm sau, cả thuyền lại nuôi hy vọng khi thấy một tàu đánh cá Trung Quốc xăm xăm tiến lại. Tất cả đàn ông con trai trèo cả lên mui, phất áo rồi rít. Chiếc tàu đánh cá ngừng lại, đặt ống nhòm nhìn sang. Giây phút kéo dài hơn thế kỷ. Những con tim hồi hộp chờ đợi một sợi dây sẽ được quăng sang. Một phút, hai phút, năm phút trôi qua. Chiếc tàu đổi hướng chậm chậm hướng ra phía chân trời.

Những tiếng thở dài nén trong lồng ngực. Cường chán nản bảo tài cống:

“Có cách nào kết buồm không?”

Gã lắc đầu:

“Thuyền ta lớn quá, chịu.”

Ba ngày trôi trên biển. Đàn bà con nít say mê mê, nằm bẹp dí trên sàn, có người thậm chí vật người trên chỗ vừa ói vừa ỉa, tóc tai bầy nhầy. Chỉ có Mân là trông đỡ thảm hơn cả. Nàng tựa người vào khoanh, đôi mắt lạc thần nhìn lên bầu trời mây kín. Suốt từ khi đặt chân lên thuyền Mân chưa nói với ai một lời. Dường như những việc xảy ra quanh Mân không làm người con gái kỳ lạ ấy lo nghĩ. Gã tài cống có khi trèo ngang qua chỗ Mân ngồi, lăm bắm:

“Cái này, lạ...”

Một chiều. Khi mọi người trên thuyền không còn sức gượng dậy thì một chiếc thuyền Trung Quốc xuất hiện. Chỉ còn vài bàn tay đủ sức giơ vẫy, nhen nhúm hy vọng. Gã tài cống ngồi trên nóc ra dấu là thuyền chết máy. Đột nhiên, Cường nghe gã rú lên mừng rỡ. Chiếc tàu đánh cá đã liệng dây sang. Gã tài cống chụp lấy sợi dây, nhanh nhẹn cột vào mũi. Nhưng kia, chiếc tàu vẫn xấp lại, xấp lại gần. Cường bảo:

“Xin đồ ăn đi, nó muốn cho đó.”

Gã tài cống ngược lên, rồi cả thuyền đồng loạt há mồm, chỉ trỏ. Mấy gã Trung Quốc cười hăng hặc ra vẻ hiểu, quăng xuống một túi đựng mì, rồi những tảng nước đá ào ạt bay sang. Một gã thủy thủ nhảy qua thuyền gặp nạn, nói chuyện với tài cống. Cường thấy gã thủy thủ làm điệu bộ, có lẽ gã không hiểu ngôn ngữ phần lớn là bằng tay chân của tài cống. Cường thấy tài cống lắc đầu, gã thủy thủ xịu mặt quay về, rồi tài cống gọi giật gã lại, bảo chờ. Tài cống kêu đàn ông trên thuyền hội ý. Cường té ngựa khi gã tài cống cho biết là tàu Trung Quốc đòi mượn một phụ nữ trên thuyền rồi mới chịu kéo. Gã nói:

“Đó, tôi đâu muốn.”

Trên thuyền đủ đàn ông đàn bà. Trong cùng một hoàn cảnh, đàn bà đau khổ hơn vì họ bị coi là món đồ chơi. Trai tráng im lặng vì xấu hổ nhưng phụ nữ căm bặt vì thân phận. Đàn bà trên thuyền phần lớn là vợ con hay người thân. Một thanh niên tức giận chửi:

“Địt mẹ, quân đều thế. Tớ đẽch chịu, chết bỏ chớ sợ cái chó gì.”

Vài thanh niên khác hưởng ứng. Gã tài cống nạt:

“Im nào, anh em không có tinh thần làm chủ...”

“Cặt, đi vượt biên mà giờ giọng đó đây à.” Một thanh niên nổi nóng, hai lỗ tai anh ta đỏ bừng.

Gã tài cống nóng máu, nhưng gã đấu dịu khi thấy anh kia găm gừ:

“Học, mày biết tao mà. Đây là thể kệt mới tính như thế chứ.”

Học mặt đối từ đỏ qua tái, tính đáp trả thì gã thủy thủ Trung Quốc hỏi:

“Ngộ đi à.”

Gã tài cống hốt hoảng:

“Tằng tằng mà!”

Bỗng nhiên đôi mắt tài cống sáng rực:

“Tớ đồng ý tuyệt đại đa số phụ nữ trên thuyền đều là vợ con anh em mình, ai lại, nhưng có một người đi một mình.”

Cường nghe tim thắt lại. Anh hồi hộp chờ đợi giọng nói phán quyết của gã tài cống:

“Cái Mân.”

Cường quát:

“Không được!”

Gã tài cống đỏ mặt. Gã đã nhịn lắm rồi. Mọi con mắt đổ dồn về mặt Cường.

“Không được là không được cái gì? Cái Mân đó đâu có quan hệ gì với đảng ấy.” Gã cố nhấn mạnh chữ “quan hệ” theo hai nghĩa.

Hai tai Cường nóng bừng. Anh có tật nói lắp khi nóng giận:

“Bất nhân... lắm.”

Cường nuốt nước bọt, cổ họng đắng chát, gã tài công trở mặt:

“Này, tôi bảo. Tôi lãnh đạo thuyền này, nhớ kỹ đó. Hơn nữa, chính ông bạn cũng là người đi nhờ cơ mà. Cái Mân đó tôi cho đi hôi không tốn một cắc.

“Tôi đóng một chỉ vàng.”

“Rồi sao, chỉ vàng làm chó gì.”

Học xen vào:

“Thất đức.”

“Đức! giờ, rõ vớ va vớ vẩn. Thế để cả thuyền chết chắc có đức hơn à. Chỉ tiểu tử sản.

“Nhưng cô ta chỉ có một mình.”

Gã tài công vớ ngay câu nói của Học:

“Đấy. Các anh dẹp cái đạo đức giả đi. Phải nhìn nhận sự hợp tác của Trung Quốc chứ. Tôi hỏi: đồng bào Nam bộ vượt biển, gặp hải tặc Thái Lan, chúng nó có tử tế thế không nào? Hay là chúng cứ tàn sát, bắt hết đàn bà con gái, thậm chí con nít lên mười cũng không tha, hiếp tập thể, chặt đầu kéo từng chùm con gái theo sau tàu chúng, chặt dây, hoặc bán vào động điểm. Có ai làm gì chúng đâu nào, hay chỉ nói phét khơi khơi.”

Cả bọn im thin thít. Gã quả có lý. Tiếng kêu đau thương của đồng bào Nam bộ gặp hải tặc Thái Lan đã đến tai hết thầy mọi người. Nhưng tiếng kêu ấy chỉ chìm sâu vào đáy vực, không có tiếng vọng nào hồi đáp. Sự đau khổ của họ là đại dương nhưng những hành động ngăn chặn chỉ là giọt nước trong biển cả.

Gã tài công xăm xăm tiến lại chỗ Mân đang ngồi. Cường hét:

“Không được.”

Gã tài công quát:

“Giữ nó lại.”

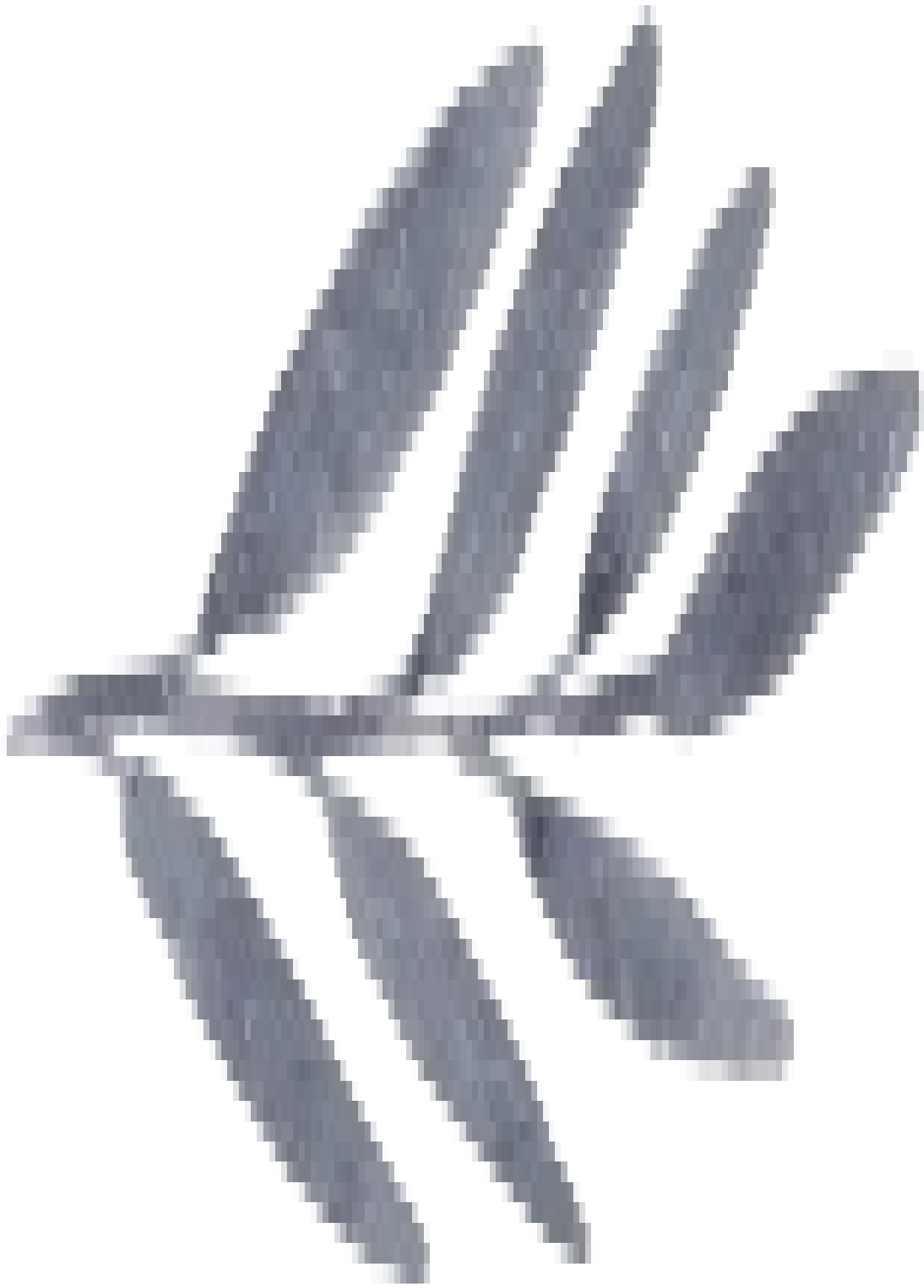
Lập tức nhiều bàn tay cứng như thép giữ chặt lấy Cường, ấn anh ngồi xuống. Gã tài công nắm cổ tay Mân. Nàng ngược nhìn gã, ngờ ngác.

“Em chiều bọn họ chút đi.”

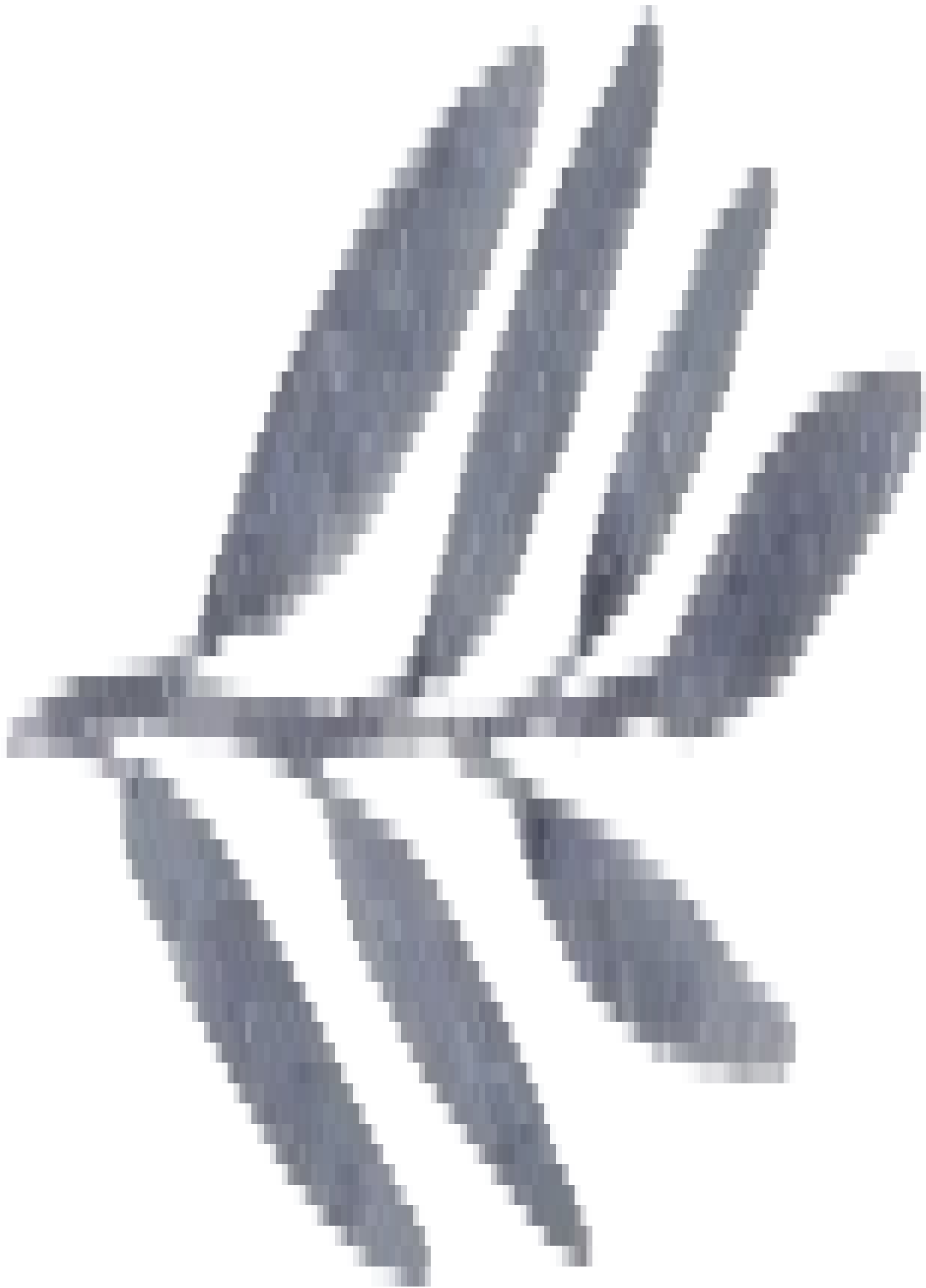
Mân rút tay về, sợ hãi. Nhưng gã tài công đã quyết tâm, gã dựng phắt người nàng, cặp hai bàn tay cô gái ra đằng sau, đẩy tới trước. Đám đàn bà con gái đã hiểu chuyện, họ co giò dạt ra hai bên lấy chỗ cho gã, đôi mắt họ nhìn Mân nửa thương hại, nửa long lanh giấu nỗi vui mừng nhen nhúm. Đẳng nào, nếu không phải là Mân thì hẳn là một người trong bọn họ. Mân ré lên một tiếng nhỏ, rồi im bật. Nhưng nước mắt nàng cứ lặng lẽ chảy ra, âm thầm như tiếng khóc trong lòng cũng không còn nữa. Nàng nhìn xuống. Hai bàn chân trần chưa kịp cắt móng, cái áo cài cúc một bên phập phồng. Nước mắt rớt xuống ván thuyền. Một giọt nước mắt rơi xuống khi gã tài công lái nhái:

“Chịu bọn họ chút. Chết chó gì.”

Một giọt nước mắt khác rớt xuống khi bước ngang Cường. Chiếc thuyền chao đảo nhẹ nhàng. Tiếng sóng vỗ lách tách vô mạn, bốn bề mênh mông nước. Phải chăng nàng công chúa khi xưa cũng bật khóc như thế khi bước chân xuống thuyền để về Ô Châu Ô Lý. Những thân hình bé nhỏ, với chân trần đã cưu mang bao thế hệ đồn dập như sóng. Một nàng Mân khác, đau đớn và yếu đuối. Nàng đang bị bế thốc lên tàu lớn, những bàn tay thò xuống kéo thân nàng, hai bàn chân móng dài của nàng cọ sát trên mạn thuyền cọt kẹt.



NHỮNG TRẬN MƯA KÉO xuyên qua bầu trời, đập xuống mái đền dột nhiều chỗ. Mưa xuyên qua mái, chảy loang trên nền nứt rạn. Ngọn đèn dầu hiu hắt chập chờn soi những bóng tối người chụm vào nhau dưới hiên rét lạnh. Sóng cuộn âm vang ngoài bãi vắng. Hai chiếc thuyền ty nạn gặp nhau nơi cồn cát, nằm chơ trên bãi, chờ những cơn mưa bớt nặng để biển bớt ba đào sóng dữ. Nhưng trời như cố trêu người thất thế, cứ cho cơn mưa cầm chừng. Có đêm, trăng hé qua mây đen, dội những màu ma quái xuống rồi thoát biển đi, khi mây mỏng, trăng lại rọi những màu quái dị chờn vờn.



RỒI NÀNG MÂN ĐÃ ĐƯỢC trả về thuyền, theo Cường tới đụt mưa dưới mái đèn xiêu xiêu. Mân ngồi bó gối dưới chân bệ thờ, lạnh thình trước mọi hỏi han chăm sóc. Sự im lặng của Mân dễ sợ hơn đêm tối, dễ sợ hơn mọi hình thù đe dọa. Bên hiên, Hải cũng ngồi bó gối. Chàng cũng im lặng suốt một tuần nay. Cái cồn cát quá nhỏ không đủ để chàng xa lánh mọi người. Từ trong đèn nhìn ra, người ta có thể thấy cái lưng khòm của chàng in trên bọt sóng. Có đêm chàng ra ngồi trên mép biển, mắt mở trừng nhìn những lớp sóng thi nhau xô đẩy, tung tóe. Rồi ngẩng lên, nhìn vào khoảng không và không ý thức chuyện gì xung quanh. Tất cả đều trống vắng. Chàng không thấy trời, không thấy biển, những bọt sóng đã nuốt trôi vợ con chàng, không ai tìm thấy xác hai kẻ bạc mệnh trong số tử thi tấp vào bãi Đồ Sơn. Rồi mai này, mưa tạnh, chàng sẽ đi. Có thể chàng sẽ đến. Có thể chàng sẽ không bao giờ đến. Nhưng điều đó có nghĩa gì khi lòng Hải đã lạnh tanh trước hình ảnh mơ hồ của tự do.

Có đêm người ta thấy Sương chập choạng lặn ra bãi. Nàng không cần ai dắt. Thính quan và lòng mẫn cảm của nàng dắt nàng đi. Nàng ra tới bãi, lắng tai nghe. Chỉ có tiếng sóng, chỉ có tiếng mưa rơi l rắc trên vai. Nàng cất tiếng. Tiếng gọi mất hút vào tiếng sóng. Nàng cứ gọi, gọi mãi, đi dọc theo mép sóng. Hai chân nàng lạnh ngắt, nhưng lòng mẫn cảm cứ bắt nàng đi. Nàng đi giấp một vòng cồn cát. Hư vô đã cách biệt nàng. Không ai thấy nàng khóc.

Rồi một buổi sáng nắng lên, sáng rực lên đến long lanh những triền sóng vô tư. Nắng sưởi ấm những tim gan giá lạnh. Ra khơi, ra khơi thêm một lần nữa. Đã bao lần ra khơi, có thêm một hiểm nguy nữa thì định mệnh đã an bài. Cường đi theo chiếc thuyền chở Hải. Sương hân hoan nghe tiếng Hải nói, như thể sự tái sinh đã đập tan âm mưu phản động của im lặn, sự im lặng dài đêm thâu, kẻ thù truyền kiếp của mọi giai cấp. Dũng bảo Cường:

“Mày bảo cô Mân đi theo thuyền tao.”

Mân theo Cường, bình thân leo lên thuyền ngồi bó gối. Hai chiếc thuyền được đẩy xuống nước, đi về một hướng nhưng khác lộ trình. Mặt trời soi rạn rờ.

Thuyền đi qua vịnh sơn quần đảo. Những ốc đảo nhỏ có, to có, có cái trụi đất cát đìu hiu trên sông trắng, có cái cây rừng tựa như lông nhím. Lương thực đã cạn hết, gạo không còn một hạt, nước không còn một giọt. Cái đói làm người vàng cả mắt. Thuyền ghé vào bờ không biết bao nhiêu lần nhưng toàn là những

khu đất hoang dã. Có khi gặp dân thì họ cũng nghèo quá, vật lộn với miếng ăn từng bữa nên cũng không có gì để giúp. Thanh niên đi đào trộm ngô khoai hoặc bất cứ loại củ gì có thể ăn được. Đường như cả trái đất này lương thực đã cạn kiệt.

Cánh phụ nữ còn thê thảm hơn nữa. Một lần Sương có kinh. Hải thấy dòng nước đỏ chảy loang trên chân nàng. Hải căng vạt áo cửa cửa nên mượn thuyền để lấy vết cắt nhỏ, chằng xé toạc vạt áo xé thành miếng đưa cho Sương. Hải run rẩy dìu Sương lên bờ, những đốm nắng làm chàng hoa cả mắt. Chàng tưởng trái đất đã mất trọng trường nên khi Sương dựa vào người, Hải té chổng cọng. Chàng vừa đỡ Sương, vừa nói đỡ:

“Anh không thấy gì cả. Có lẽ rồi anh cũng như em.”

Sương gượng cười vịn vai Hải đứng dậy. Khuôn mặt nàng xanh như tàu lá chuối non. Nàng hỏi:

“Có phải áo anh màu xanh không?”

Hải ngạc nhiên:

“Em thấy đường à?”

“Không, nhưng em nghĩ thế. Anh tên Hải mà.”

Sương bị mù sau một trận ốm nặng năm lên bốn. Nàng đã thấy màu sắc của quê hương nơi nàng sống chỉ thuần là màu tro xám xịt của nghèo khó. Nàng nhớ nhất màu xanh của biển. Đó là hình ảnh rực rỡ nhất còn đọng trong trí nàng. Nàng ao ước một chiếc áo mang màu biển xanh nhưng ước mơ ấy chưa bao giờ thành sự thật. Hải nói:

“Áo anh màu xanh nước biển đấy, nhưng bạc trắng cả rồi. Em có hình dung không?”

“Dạ có.”

Sương nhắm chặt mắt lại. Trước mắt nàng là trùng trùng sóng xanh biêng biếc. Chiếc thuyền con của bố đi đánh cá về. Hình ảnh bố cô độc quá. Nước mắt nàng ứa ra, tràn trề hai rèm mi. Nàng mở toang đôi mắt. Vẫn là bóng tối, và hơi ấm của chàng trai. Hải nói:

“Đứng đây nhé, anh đi tìm cái gì nhai đỡ.”

Nàng đứng yên dưới tàng cây. Xung quanh tiếng lá xì xạc tâm sự. Nàng đã đặt chân lên đất liền mấy lần rồi? Hải đã đi kiếm ăn mấy lần rồi? Sương không nhớ hết. Nàng cảm động là Hải đã thay thế bố. Thính quan và lòng mẫn cảm của nàng cho biết chàng trai ấy còn đối với nàng bằng một tình cảm đặc biệt. Nhưng sao Hải đi lâu quá. Sương nghe tiếng sấm rền trên bầu trời, nàng thấy lạnh, sợ hãi. Tiếng gọi ới ới của người trên thuyền. Tiếng lá rung động mạnh mẽ quanh nàng, rồi Hải:

“Anh tìm được mấy củ khoai.”

Chàng lại cạo vỏ ngoài. Thốt nhiên Hải xúc động mãnh liệt cố kiềm một tiếng nấc. Chàng đã cạo vỏ khoai cho bé Ngọc lần cuối. Xác con chàng đang rã mục dưới cát bụi thời gian. Môi chàng run run muốn nói. Chợt bàn tay Sương quờ quạng nắm lấy tay Hải:

“Anh nhớ con phải không?”

Hải không tìm được tiếng nấc. Sương ôm ghì lấy vai chàng. Một vài giọt mưa rơi xuống, lạnh lẽo trên cườm tay. Hải thấy cõi lòng hoang vu như ruộng lúa sau ngày gặt. Chàng cảm thấy hơi ấm từ tấm thân gầy guộc của Sương. Chàng để yên như thế, trong lòng dần dần yên tĩnh.

Rồi thuyền lại đi. Len theo những ốc đảo tránh gió. Đêm xuống. Trăng lên. Trăng lặn. Con mắt đã mờ sức sống. Chiếc thuyền im lặng như mộ bia di chuyển trong đêm mờ. Một đêm, Hải ngồi sau chiếc thuyền chợt nghe tiếng biển réo dữ dội dâng mũi. Chàng len chân lên phía trước, bỗng sừng sốt thấy những làn sóng lửa sáng ngời cứ dâng lên, dâng lên, đập vào mũi thuyền từng chập. Hải kinh hoàng suýt bật thành tiếng kêu. Dũng nói, giọng bình tĩnh:

“Trông kinh thật, lân tinh đấy ông.”

Những làn sóng lửa vây lấy thuyền, chập chờn ma quái như ma trời đi ăn đêm. Hải nghĩ những oan hồn vượt biển đang hiện về trêu chọc. Chàng nhớ đã từng thấy ma trời như thế trong một nghĩa địa. Bóng ma đỏ rực lượn vòng trong đêm, trong tiếng gió gọi hồn. Thốt nhiên, gai ốc Hải nổi cùng mình. Chàng nhắm mắt lại, tự đánh lừa cảm giác ghê sợ của mình bằng giấc ngủ. Hình như chàng đã ngủ một giấc dài chờn vờn đốm lửa vây quanh. Sáng hôm sau, Hải choàng dậy khi tiếng Dũng la thất thanh:

“Sống rồi bà con ơi, thành phố!”

Từ xa, những ngôi nhà tầng xuất hiện dưới màu sáng hồng của bình minh.



8.

NHỮNG NGÔI NHÀ TẦNG san sát thấp thoáng sau hàng cây xanh một màu ướt mịn. Đoàn người trên thuyền ào xuống nước, bì bõm lội vô bờ. Dấu chân in trên cát, đè lên nhau, hồ hởi tiến vào thị trấn. Dạ dày được nuôi bằng hy vọng, đôi mắt đã bớt mờ soi chòng chọc vào lớp lớp nhà hiện ra, to dần, to dần. Cả một thành phố thế kia, sống là cái chắc.

Ô, phố vắng ngắt không một bóng người. Có phải là thành phố không? Những con đường ngang dọc phẳng lì mở ngay trước mắt, im lặng chờ người đến. Khi không, những bàn chân chưa khô nước mặn đồng loạt ngừng lại trước con đường đầu tiên dẫn vào phố. Đôi mắt căng rách mí, nhìn nhau, nhìn con đường rộng, dè dặt:

“Quái nhỉ!”

Cường nóng nảy:

“Ta đông thế này, sợ gì.:

Cường dậm bước nhưng Dũng ngăn lại, quay qua hỏi Cảnh:

“Hợm đã. Đây, ông ở đây lâu hẳn biết đâu chứ, sao vắng thế này?”

Cảnh lắc đầu:

“Quả thật chịu thôi. Có bao giờ ra khỏi làng đâu.”

Cảnh nói thật. Đời sống quá nghèo nàn và lạc hậu ở những vùng ven biển đâu có cho những người như gã có dịp đi xa. Những người ở xa đến có khi còn rành phong thổ địa phương hơn chính gã nữa. Dân nghèo như con ngựa bị che mắt.

“Thế có ai biết...”

“Tôi còn không biết...”

“...không? Dũng hỏi.

“...huống hồ là họ.” Cảnh nói.

Dũng nói:

“Cứ lên hết, không có gì ta đi tiếp.”

Hiếu kỳ và sợ sệt cộng thêm cái đói khiến tất cả đồng loạt tiến vào, dè dặt. Hải men theo một dãy phố, mắt nhìn ngang dọc cứ như một anh cao bồi đang đề phòng kẻ địch xuất hiện thành linh từ một cánh cửa nào đó, nã đạn vào mình. Quả thật, dường như chẳng có ai ở trong thành phố cam này. Những dãy nhà mái bằng, cao đúng bốn tầng, nằm khít bên nhau để có cả nghìn cái, mái nhà đã dột, nước thấm qua chỗ dột màu vôi trắng đã hóa đen. Hải chui vào một ngôi nhà, lông tóc không dựng dựng cùng mình. Vách tường rêu phong che kín phát ra một hơi lạnh như đá. Nền nhà cấu đen, xi măng tróc từng miếng vì bị nước nhỏ từ nóc ngâm lâu ngày, bốc lên mùi rêu phong nghẹt thở. Cái đói hành hạ ruột gan, tay run, mắt mờ, bước chân giở lên nặng tựa núi. Cường độ đói tăng dần cùng với cảnh phố càng đi càng thấy tiêu điều xám lạnh. Có tiếng la:

“Bắt con chó. Bắt con chó!”

Một con chó mực xẹt qua trước mắt Hải. Tiếng chân người chạy rầm rập từ ngã tư đường.

“Chận đầu đó, Hải.”

Hải nhận ra tiếng Cường. Chàng xoạc chân đứng giữa đường, quơ tay loạn cả lên. Con mực thấy bị chận, quay đầu chui tọt vào một cánh cửa hé. Cả Cường lẫn Hải la lên:

“Con cùng đường nhé.”

Cường cẩn thận cầm một khúc cây. Hải đứng rình ngay cửa. Chàng nghe cái “chẳng” từ bên trong. Tiếng Cường chửi:

“Chết mẹ con, nhanh quá.”

Bỗng nhiên một vật đen từ trong nhà tống vào đùi Hải khiến chàng ngã sòng soài. Con mực thoát ra ngoài, cong đuôi biến mất ở một ngã rẽ. Cường hít hà:

“Tiếc quá.”

Cường để mặc Hải lầm bầm nhón, anh cầm khúc cây chạy theo hướng con chó. Hải vói theo “Ráng kiếm cái dôi chó.”

Họ đi qua mấy con đường vắng vẻ nữa. Thỉnh thoảng vài người cùng thuyền đi ngược, giơ tay lên trời thất vọng. Một đàn quạ bay về hướng núi. Hải rùng mình. Sương bám vào tay hải:

“Có ai gọi?”

Không một ai, chỉ có tiếng quạ kêu từ hướng núi. Một khắc đi qua, Hải nghe có tiếng người nói chuyện rì rào đâu đây. Chàng định hướng đi tới. Tiếng nói chuyện càng lúc càng rõ dần. Tiếng người, trời, rõ là tiếng động có ý nghĩa nhất trong thành phố hoang vắng này. Qua cánh cửa mở hé, Hải thấy Dũng đang ngồi đối diện với bốn hình nhân kỳ dị. Bốn hình nhân tất nhiên là mang vóc dáng người, một giống người đã tuyệt chủng. Tóc họ bạc như vôi (những bình vôi xấu xí), lơ thơ râu trên da mặt xám xịt. Làn môi đen động đậy, phì phèo lòì hai nướu răng thâm sì. Bốn hình nhân che chỗ kín bằng loại vải không còn màu. Toàn bộ bức tranh trong căn phòng là màu đen xám, đen tro, làm nổi lên những cọng tóc trắng. Hải thấy Dũng bình tĩnh ngồi, khuôn mặt có vẻ đang kiên nhẫn chịu đựng điều gì đó. Hướng ra cửa, Dũng gọi:

“Vào đây ông, thú vị lắm.”

Hải dắt Sương bước qua mép cửa. Mùi mốc bốc lên khiến cái bụng trống của hai người sắp dâng lên chất nước gì nhờn nhờn, đắng cả miệng. Một cái màn chia đôi căn phòng. Một lão già (ông hay bà?) đi qua bên kia tấm màn mỏng hơn tờ giấy quyến. Dũng nói:

“Họ nấu cháo đãi mình đó.”

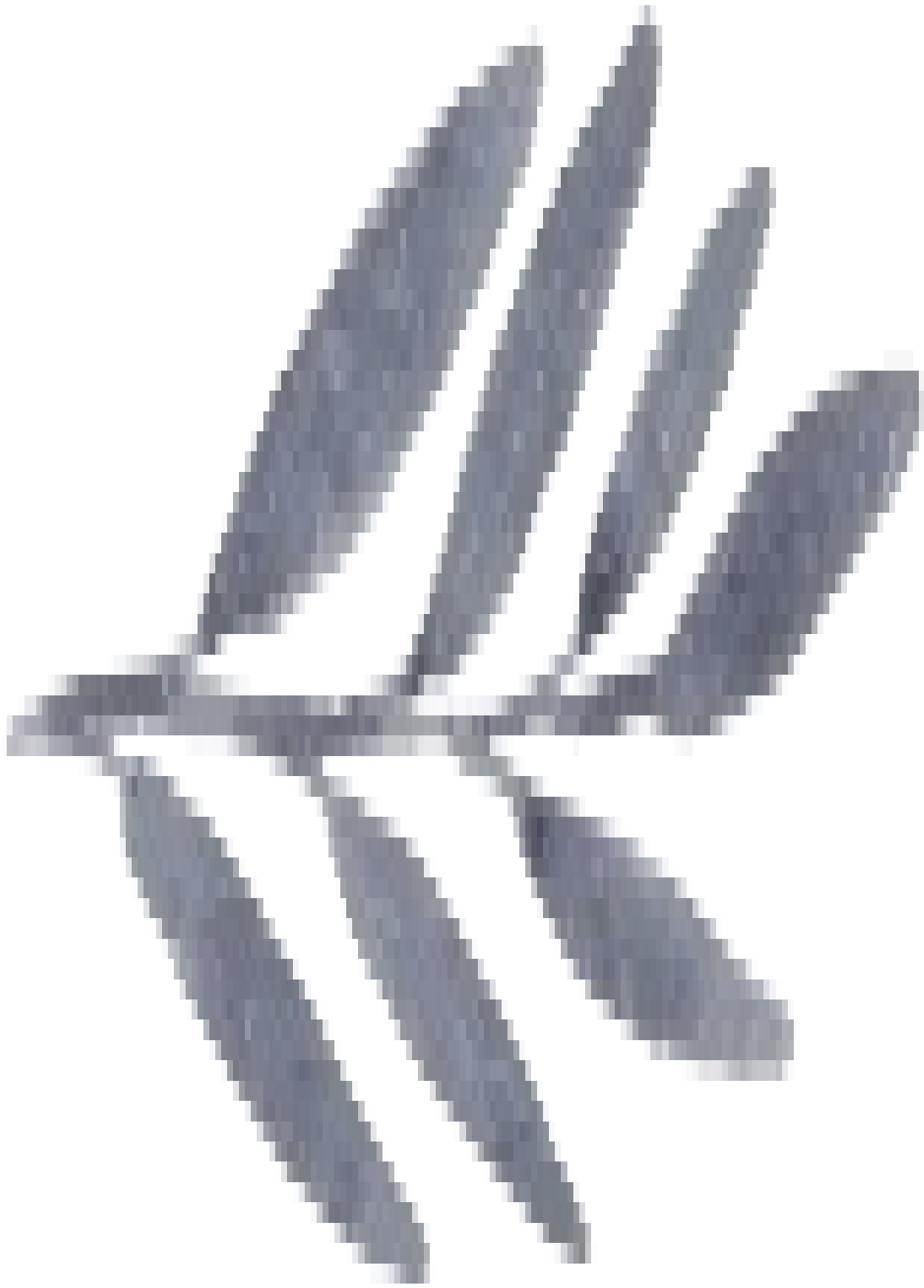
Lão già bên kia tấm màn lui cui. Hải có thể nom thấy cái lưng cong vòng như lưng tôm của lão, như chàng từng thấy vài cụ quá khổ nhọc nên lưng cong khi về già, lom khom đi trên đồng quê ử dột dưới trời mưa lạnh. Chợt một luồng gió từ cửa thổi vào, cái màn rách toạc một đường dài. Một lão lật đật chạy ra khép cửa. Dũng giới thiệu lão đóng cửa:

“Đây là Hồng tiên sinh.”

Hải mỉm cười. Dũng tiếp bằng tiếng Quảng:

“Chỉ có Hồng Tiên sinh còn nhớ họ mình, bà cụ kia không nhớ gì hết.”

Hồng Tiên sinh đã trở vào. Lão ngồi xuống một khúc cây tròn, gật gật đầu chào Hải và Sương, đôi mắt tiên sinh kèm nhèm hấp háy. Hồng tiên sinh tiếp tục câu chuyện với Dũng, thỉnh thoảng anh ngắt lời, ráp những câu nói rời rạc của tiên sinh lại cho ăn khớp. Lâu lắm, những câu nói lúng nhúng của Hồng lão bỗng mới kết thành một câu chuyện có đầu có đuôi.



HỒNG LÃO LÀ CHÁU NỘI của thi sĩ Hoàng Tuân Hiến, rất nổi tiếng với bài “Ai Lữ Thuận” hùng hồn và bi đát, từng được người đời gọi là “thi sử”. Ảnh hưởng nếp sống hào phóng dù cảnh nhà đang suy tàn, Hồng lão thuở nhỏ thích đi đây đi đó, mê tuồng cổ, từ bé đã lập chí theo tuồng. Rồi theo học ở đại học Thanh Hoa, mê đọc tác phẩm cổ điển, tác giả tiêu biểu của thời đại như Quách Mạt Nhược, Lỗ Tấn. Từ đó tập làm văn, tập kịch suốt thời hàn vi.

Nhưng Hồng lão đã không trở thành thi sĩ nổi tiếng như ông nội. Đỉnh cao nhất của Hồng tiên sinh là dạy học ở trường Thanh Hoa, cuộc sống đó đóng khung trong khuôn viên đại học êm đềm.

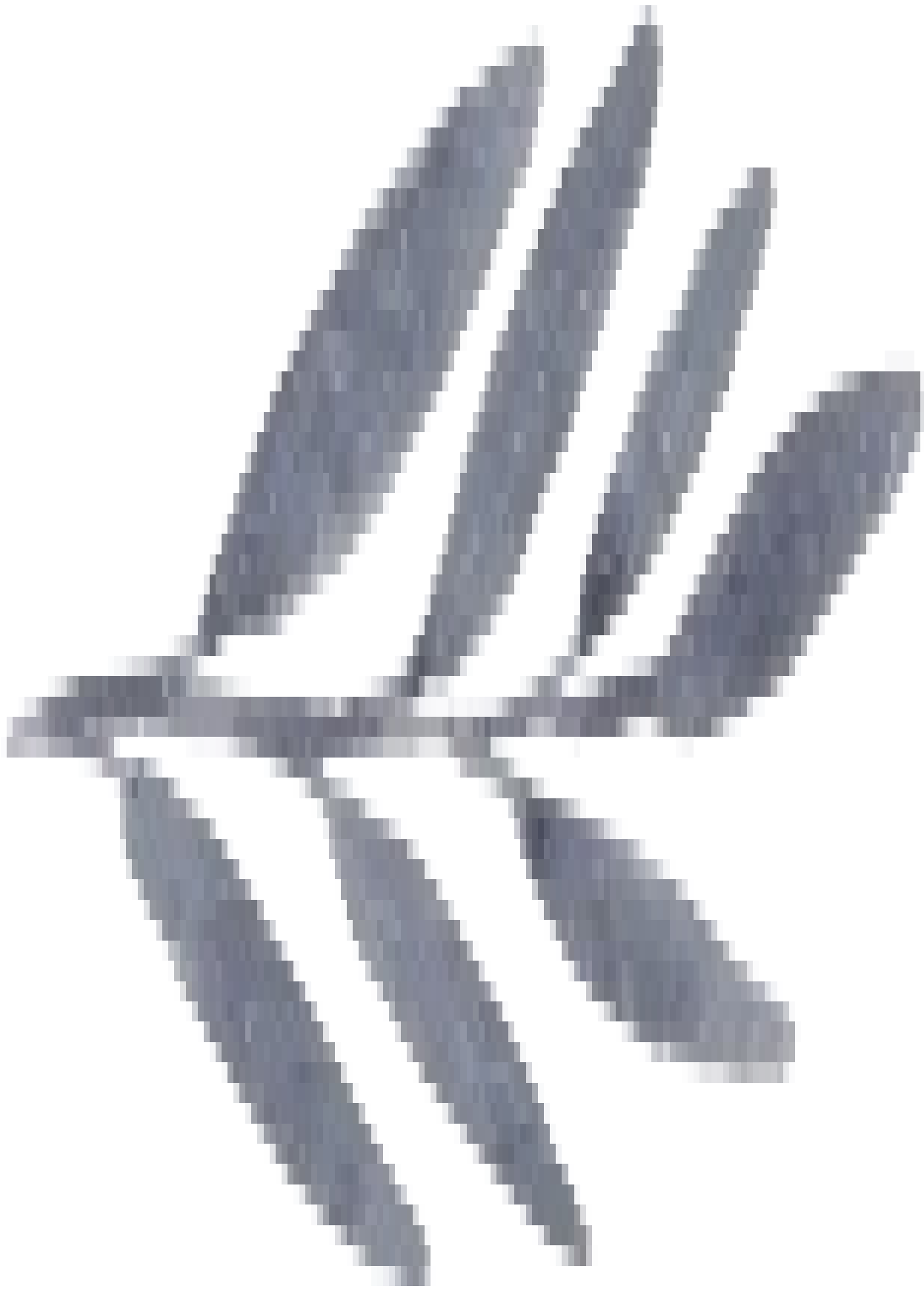
Cho đến khi cuộc Cách mạng Văn hóa Vô sản bùng nổ vào mùa xuân năm 1966. Hồng lão sống trong lo âu thấp thỏm đợi chờ tai họa giáng xuống đầu mình, một điều chắc chắn sẽ xảy ra. Hằng ngày, báo đảng liên tiếp công kích các nhà văn, nhà báo dám bôi nhọ kế hoạch Đại Dực Tiến của Mao, chính sách công xã mà đảng đề ra trước đó và đã thất bại. Học trò của Hồng tiên sinh lúc đó được phát cho một băng đỏ đeo tay và trở thành Vệ binh Đỏ, được giao nhiệm vụ đi khắp nơi truyền bá tư tưởng Mao Trạch Đông qua cuốn sách đỏ. Vệ binh Đỏ - kỳ thực là học trò của Hồng Tiên sinh – đập phá đền miếu, chùa chiền, triệt hạ mọi dấu tích văn hóa có liên quan đến tàn tích phong kiến, suy tôn Mao thành bậc thánh nhân, là đại thi hào sánh ngang Lý Bạch. Thậm chí, Vệ binh Đỏ ở mỗi địa phương tự phát huy sáng kiến, tấn công các thành phần có tư tưởng hay quan hệ với phương Tây, hạ nhục họ trước công chúng. Trí thức bị Vệ binh Đỏ đánh đập không chết thì cũng thương tích trầm trọng, hàng vạn người bị tù đày, hàng trăm vạn người phải tự tử để khỏi trông thấy sách vở của mình bị thiêu hủy, hàng triệu người bị tập trung đi cải tạo.

Biết không chóng thì chầy cũng không thoát được đảng mệnh, Hồng treo cổ tự tử nhưng nợ đảng chưa trả xong nên người nhà cứu sống. Hồng lão bị Vệ binh Đỏ bắt làm tự phê, đầu bịt một tấm giấy trắng dài ngoẵng chìa lên trời, trên viết một hàng chữ kể tội ác, rồi bị điệu đi diễu hành ngoài đường phố. Đó là mùa xuân năm 1967, Hồng lão còn nhớ. Sau đó, Hồng lão bị đưa đi tập trung lao động, qua rất nhiều trại không nhớ xuể, cuối cùng về đây, một công trường cải tạo được xây dựng trong cuộc Cách mạng Văn hóa Vô sản.

Hồng lão chiêu một ngụm nước lạnh, “khà” một tiếng, chuyền cái chén bẻ miệng cho lão nhân bên cạnh. Lão nhân này bị một dị tật ở hai chân. Hai bắp chân lão

cụp ra đằng sau một góc nhọn khiến lão không khi nào đứng thẳng được. Lúc đi, người lão khùm xuống, thân mình gần như song song với mặt đất. Hồng lão nói:

“Y tiên sinh đây là bác sĩ.”



KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN của tôi đã giúp tôi giết cha tôi. Ai cũng biết điều đó. Vâng, tôi đã giết cha tôi bằng chính đôi tay hành nghề của mình, đôi tay đã giành giật mạng sống của nhiều người từ tay thần chết. Linh hồn tôi là một linh hồn tội lỗi, lở loét và đầy sâu bọ, không bao giờ hàn gắn. Dù có biện luận gì, dù có thể nói hai cộng hai thành năm theo kiểu biện chứng pháp duy vật, tôi cũng không thể tha thứ cho mình được. Tôi bị tuyên án chung thân, rồi tôi lại được bẻ lũ bốn tiên sinh tha bổng, chỉ phải đi tập trung cải tạo. Tôi đã tự ả như hàng triệu người khác đã tự kết liễu đời mình, như nhà văn Lão xá, tác giả của Miêu thành ký, Lạc đà tường tử, vì không muốn thấy tim óc của mình bị phá hủy trong cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản. Nếu tôi không giết cha tôi thì cha tôi hẳn ông còn sống đến bây giờ. Ông khỏe mạnh, không bệnh tật gì hết.

Cha mẹ tôi sống trong một căn nhà khang trang, có gác thượng, cùng với em trai tôi và tôi. Tôi đang làm việc ở bệnh viện tân sinh, thành viên tích cực của đoàn thanh niên cộng sản, là bác sĩ kiểu mẫu, thậm chí còn được giấy khen của đoàn.

Buổi sáng ngày mười ba tháng tám năm 1966. Phải không? Không, ngày mùng chín thì phải. Cả thành phố náo động vì Vệ binh Đỏ đánh đập các thành phần bị quy là hữu khuynh, trí thức phản động, thì chính trong “quyết nghị mười sáu điểm”, Mao chủ tịch đã minh định đối tượng của cuộc cách mạng vô sản trong điểm thứ nhất là “các phần tử đã xâm nhập đảng, đứng vị trí lãnh đạo nhờ đi theo con đường tư bản và các phần tử trí thức nổi danh đã quảng bá ý thức hệ tư bản”. Chỉ một cái điểm thứ nhất thôi mà thành phố đã náo loạn, bị đập phá. Tôi ngồi trong nhà mà run sợ. Vì tôi là trí thức hành nghề theo học thuật phương Tây thì ắt là hữu khuynh tư bản rồi. Thành linh, cánh cửa nhà cha mẹ tôi bị đập tung, một đội Vệ binh Đỏ tay cầm gậy gộc xông vào. Chúng đồng dục tuyên bố gia đình tôi thuộc thành phần trí thức tư sản, rồi xông vào đập phá đồ đạc. Chúng giựt tranh treo tường, đập tủ chén, xô ngã bàn thờ, không còn một thứ gì còn gọi là nguyên vẹn. Thậm chí chiếc áo có thêu kim tuyến của mẹ tôi cũng bị kết là tư sản, chúng lấy kéo cắt nát. Cha mẹ tôi, em trai tôi và tôi nữa bị chúng bắt quì gối ngay giữa phòng trước. Sau đó, chúng xõn hết tóc chúng tôi, còng tay và dẫn đi diễu phố. Hết ngày, chúng dẫn về, lấy roi da đánh đập chúng tôi ngất đi rồi mới bỏ đi, không quên khóa trái cửa căn nhà. Gia đình tôi là kẻ thù của nhân dân. Cả thành phố là kẻ thù của nhân dân. Sự căng thẳng khiến đầu tôi căng trướng, không còn tri giác của một vật bình thường nữa.

Trong suốt bốn ngày, chúng tôi không có gì để ăn. Chén bát đã bẽ hết. Chỉ còn ít mì nhai sống. Chúng tôi sợ hãi và đói khát. Sáng sớm hôm sau chúng nó lại tới, lại hành hạ, lại đi điều phố, lại bị đánh bằng roi da. Trời ơi, đảng ơi...!

Điện đã bị cúp hết. Căn nhà tối mù. Bên ngoài mưa rơi nức nở. Chúng tôi ngồi nghĩ đến cái chết. Phải rồi, sao không chết đi để hết nhục, để bớt đau khổ thấy mình thua cả chó. Chắc là đã quá nửa đêm. Tiếng mưa rơi tê tái quá! Làm sao để tự ái đây? Cha tôi suy nghĩ, mẹ tôi suy nghĩ, còn tôi thì nát óc. Đứa em trai trên gác thượng chắc cũng đang suy nghĩ. Thành linh tôi nhìn thấy con dao rọc giấy ở chân bàn. Bọn Vệ binh Đỏ hẳn đã làm rơi nó. Trời đã gửi thiên sứ xuống. Tạ ơn trời. Tôi là bác sĩ. Tôi biết là nếu động mạch cổ bị cắt thì các mạch máu sẽ ngưng hoạt động và người ta chết tức khắc, chết tức khắc, chắc chắn như thế. Đây là cách chết nhanh nhất và vô phương cứu chữa. Cha mẹ tôi chưa tin hẳn vào lời giải thích của tôi. Người hỏi có đúng là chết dễ như thế không? Tôi phải lấy bằng bác sĩ ra để đảm bảo với người là chắc chắn như thế. Cuối cùng mẹ tôi bảo: “Tạ ơn trời, sao lại dễ thế được. Tạ ơn trời đã ban cho tôi đứa con học ngành y”. Người nói hoài như thế, mắt long lanh sung sướng. Cha tôi bảo: “Con là người duy nhất biết việc, vậy hãy cắt cổ cha mẹ trước rồi hãy tự cắt cổ con”.

Chúng tôi nắm tay nhau ngồi yên lặng trong bóng tối không biết bao lâu nữa. Chúng tôi sắp sửa xa nhau trên cõi đời này chỉ còn đứa em trai tôi sống. Nó chỉ mới mười bốn tuổi chắc không đến nỗi nào. Tôi nhắm chặt mắt, hồi tưởng từng mảnh vụn kỷ niệm giữa tôi và cha mẹ. Cha tôi là họa sĩ suốt đời lao nhọc để nuôi tôi ăn học. Mẹ tôi là người đàn bà đảm đang nuôi tôi khôn lớn. Chỉ vì tôi là bác sĩ nên nhà tôi trở thành kẻ thù của nhân dân, hai người nuôi tôi nên người để tôi đủ kiến thức kết liễu mạng sống. Tôi ngồi như vậy lâu lắm, cha mẹ tôi phải giục giã tôi phải ra tay ngay đi thôi. Trời sắp sáng rồi. Cha tôi bảo: “Con sắp giải phóng sự đau khổ của cha mẹ. Mẹ và cha không chịu được nữa rồi, nó sắp đến, con ngoan của cha, nào!”

Tôi đứng dậy, lục loại trong đám đồ đạc ngổn ngang tìm một mẫu giấy và một cây bút. Trong ánh sáng hé hé vừa rưng, tôi viết lời cuối cho em trai tôi, giải thích cho nó hiểu, và cũng để cho nó có chỗ dựa vào đó mà không bị ngược đãi vì cái chết của ba chúng tôi.

Chúng tôi là kẻ thù của nhân dân, là răn độc của cả nước, để tránh cho nhân dân bị nhiễm độc, chúng tôi hạ quyết tâm xa lìa cuộc sống.

Cuộc Cách mạng Văn hóa Vô sản muôn năm.

Em thân yêu, xin em hãy dứt khoát đi trên con đường của Đảng, của cách mạng, cha mẹ và anh chỉ là chướng ngại trên đường đi của em mà thôi.

Mao chủ tịch vĩ đại muôn năm.

Chờ tôi viết xong, cha tôi giục tôi hãy ra tay tể độ mẹ tôi trước. Mẹ tôi lại khẳng khẳng bảo hãy cắt cổ cha tôi trước rồi cắt cổ mẹ sau. Ai cũng muốn nhường phần sung sướng cho người khác vì chết trước thì sớm khỏi phải thấy thêm một cảnh hãi hùng. Sau cùng, cha tôi đầu hàng mẹ tôi, ông đồng ý để tôi cắt cổ trước.

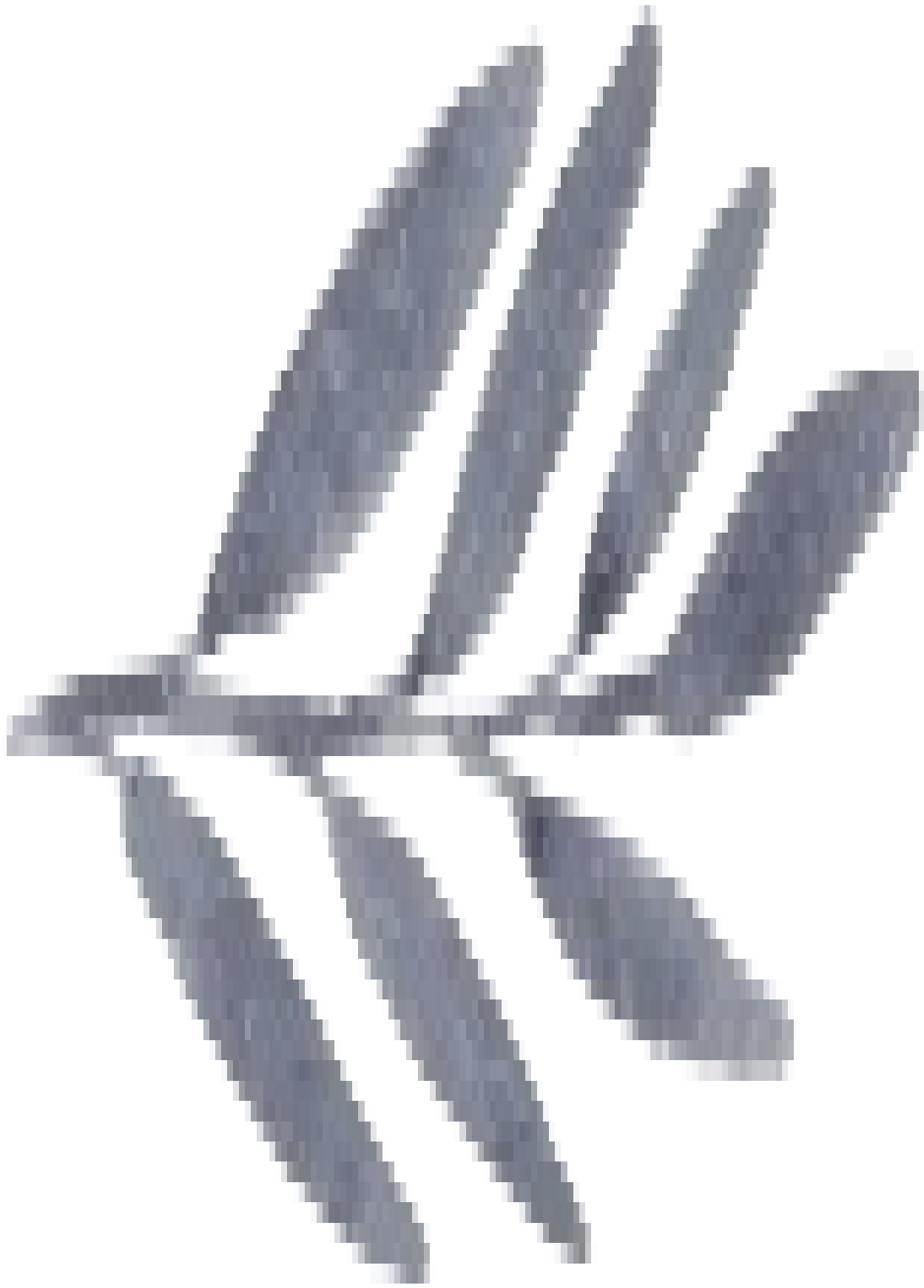
Tôi sờ soạng cổ ông và nắm được mạch máu mạnh mẽ của ông, ngón tay tôi cầm được dòng máu cuồn cuộn của ông như từ thác cao đổ xuống. Tôi đâm đầu nhọn của con dao vào. Một dòng máu nóng hồi phun ra xối xả. vậy mà cha tôi không chết ngay, ông còn hỏi coi thử các mạch máu đã ngừng đập chưa. Tôi đáp với kiến thức của tôi thì không đầy một phút mạch sẽ ngừng. Ông nói phải gì mau hơn nữa. Mẹ tôi hỏi tôi có chắc là sẽ tự cắt cổ mình mà chết không. Tôi trấn an là khi mẹ tôi “đi” rồi, tôi chắc chắn sẽ chết theo. Bà không nói gì nữa, kiên nhẫn ngồi chờ cứ như là tôi sắp sửa chữa bệnh cho bà. Chúng tôi ngồi im lặng cho đến khi đầu cha tôi gục xuống. Tôi lại sờ cổ mẹ tôi, nắn nắn, cả sở học của tôi đều bỏ ra trong phút này. Thành linh tiếng đưa em tôi trên gác thượng gào lên khủng khiếp như ma đuổi. Vệ binh Đỏ tới. Nó nhảy ba bậc xuống ôm chặt lấy tôi. Tôi biết tôi không thể làm tiếp việc “giải phẫu” được nữa, nên vùng chạy lên lầu, mẹ tôi chạy theo. Tôi ra đến ban công thì Vệ binh Đỏ đã xông vô tới bên dưới. Tôi rú lên một tiếng, nhảy xuống đất. Tôi cố ý cho đầu xuống trước. Xung quanh tôi tiếng la hét hỗn loạn như tiếng quỷ cười.

Câu chuyện như vậy đó. Tôi chỉ còn nhớ là mẹ tôi nhảy theo tôi. Rồi tôi nhắm mắt lại. Thế là hết.

Tôi nhớ đã mở mắt lần đầu, thấy ai đứng quanh như là Vệ binh Đỏ. Rồi mở mắt lần thứ hai thấy nằm giữa cha mẹ tôi. Thì ra chúng tôi đã cùng tới địa ngục. Nhưng không phải may như thế, tôi chỉ bị ảo giác đó thôi. Tôi đang nằm một mình trong bệnh viện. Đầu băng kín, hai chân gãy.

Đâu hơn tuần sau tôi ra tòa án nhân dân. Tôi bị kết tội giết người và nặng nhất là tội tự ái để tránh bị nhân dân trừng phạt. Tôi bị kết án chung thân và bị đưa vào nhà tù. Hai xương chân gãy lìa, thẳng cha bác sĩ bó lại không thẳng, nó để

chồng hai khúc xương lên nhau khiến chân tôi bị gãy đi, rồi băng bột. Thật ra đầu tiên nó dùng một bao cát nặng mười ký để kéo đầu xương gãy dần ra cho ăn khớp, nhưng khi tôi vô tù, bệnh viện lấy lại bao cát nên hai khớp xương lại thu lại như cũ. Tên bác sĩ cũng không chống đối việc thu hồi bao cát. Tôi chỉ mong là nó không hành nghề bác sĩ nữa. Tôi vẫn chịu đựng được đời tù vì được bảo rằng mẹ tôi vẫn còn sống. Niềm hy vọng được gặp lại mẹ tôi đã giữ cho tôi ráng thở trong suốt mười một năm tù. Nhưng hóa ra người ta đã lừa tôi, thậm chí đứa em tôi còn dối như thế mỗi lần nó đi thăm. Mẹ tôi đã chết...



HỒNG LÃO KỂ XONG CHUYỆN y tiên sinh, lại chiêu thêm ngụm nước lã. Y tiên sinh cũng như hai lão nhân kia đã mất trí sau khi bị đưa về đây một thời gian ngắn. Hồng lão là người duy nhất còn khỏe mạnh. Hằng buổi tự chèo cái thuyền độc mộc đi câu cá. Cả bốn người sống trong câm lạng, cũng như cái tử thành câm lạng này. Khoảng năm năm trước đây, thành phố bắt đầu vắng bóng người, lớp thì chết vì già, vì bệnh tật, lớp bỏ trốn đi đâu mất biệt. Rốt cuộc chỉ còn Hồng lão và ba đồng chí cũng già nua, lợm khộm quên lối về và cũng không biết về đâu, đành ở lại trong cái công trường đã bị nhà nước và thậm chí cả nhân dân không còn nhớ sự hiện diện của nó trên một phần đất hẻo lánh hoang vu ở ngọn đồi sơn.

Bốn kẻ sống sót từ cuộc Cách mạng Văn hóa Vô sản và ba người mới đến chia nhau một nồi cháo loãng hơn nước vo gạo. Hồng tiên sinh chưa bỏ được thói quen hiếu khách – tàn dư của giai cấp phong kiến phản động, kẻ thù của giai cấp vô sản bản cố nông – bằng cách mang thêm một nồi đất lèo tèo mấy con cá kho nhỏ bằng hai ngón tay chụm lại, trắng nhợt và tanh như còn sống. Hồng tiên sinh lèm nhèm kể:

“Trước cũng có mấy thuyền đến đây (cắn cái đầu cá nhai bồm bồm). Có mấy cô còn xin ngủ với già nữa để xin tiền (trái cổ chạy lên chạy xuống), cho dù lão có tiền đi nữa cũng sức đâu.”

Hồng tiên sinh chuyển đề tài:

“Có con đường đất, độc nhất, đi chừng năm mươi cây số thì tới làng phố, đông lắm, lão nhớ in như vậy.”

Đột nhiên phía cửa có tiếng chân chạy thành thịch, tiếng người la hét “chặn lại, chặn lại”, tiếng chân chạy ngang qua trước nhà, rồi mất hút. Hải bảo:

“Vẫn chưa bắt được con mực.”

Dũng nói:

“Vô phương kiếm ăn ở đây. Thành phố như thế này này.”

Hải nói:

“Vào rừng kiếm thử cái gì.”

Dũng vái từ biệt Hồng lão, rồi bảo Hải:

“Đi gần gần thôi. Tôi về thuyền dọn dò rồi về lại với ông.”

Hồng tiên sinh dẫn ra sau núi, ở đó có cái bể xi măng chứa nước ngọt. Nước từ trên núi chảy qua những ống tre bắt từ lưng chừng núi xuống, khoái cực khi vừa chiêm ngậm đầu tiên từ cái gáo làm bằng vỏ dừa khô. Chàng bắt chước Dũng, vái Hồng tiên sinh rồi dắt Sương đi theo con đường đất dẫn ra rừng.

Bỗng tiếng Dũng kêu lớn đằng sau:

“Hải ơi, Hải ơi, khoan đã.”

Dũng thở hồng hộc, mặt đỏ gay, hấp tấp vậy. Linh tính báo chuyện chẳng lành, Hải hỏi:

“Gì thế?”

“Thuyền biến mất rồi.”

“Cái gì?”

Hải lôi Sương chạy theo Dũng ra bờ biển bãi biển vắng ngắt, chiếc thuyền neo gần bờ đã không còn ở đó nữa. Dũng vò đầu bứt tai, ngựa cổ kêu trời, chửi thề loạn xạ. Rõ ràng là mọi người đều lên bờ hết, sau đó mạnh ai nấy túa đi kiếm ăn. Trước khi Dũng vào nhà Hồng lão, mọi người vẫn còn đó. Dũng nghiêng răng bảo Hải:

“Ông néo thử coi tôi có nằm mơ không?”

Hải cũng nghĩ thế. Chàng néo mạnh vào cánh tay Dũng. Không có thuyền! Trời, và ở lại thành phố ma với bốn lão già. Hải nổi gai ốc. Chiều đang buông dần trên bãi vắng, tiếng chim gọi bầy trong rừng ai oán. Hải đưa ra hai giả thuyết: hoặc là Cảng thấy cuộc hành trình khổ ngoài dự tính; hoặc gã bị áp lực của đồng bọn không muốn đi nữa nên lén lấy thuyền trở về khi không có bọn Dũng. Nhưng còn Cường đâu? Cả ba người bắt tay làm loa, gọi lớn. Tiếng vọng rền cả thành phố nhưng vẫn tuyệt nhiên im lặng. Chắc chắn là Cường còn đâu đây vì anh đuổi con mực chỉ mới vài giờ trước.

“Bây giờ tính sao?”

“Bây giờ tình sao?”

Hai người cùng hỏi nhau trong khi Sương ngồi thụp xuống, sợ hãi. Hải bảo:

“Ông đi hướng này, tôi đi hướng này coi chúng nó có núp đâu không? Sương chờ đây nhé.”

Sương sợ hãi nhóm dậy quơ tay tìm Hải:

“Không, em đi tìm.”

Nàng sức nhớ ra là nàng đã thành người vô dụng. Hải nắm tay Sương đi dọc bãi biển. Gió thổi ù ù, bãi biển hoang lạnh và những tảng đá vô tri. Hy vọng nhìn thấy con thuyền đâu đó tan biến như nắng chiều đang dần sẫm. Hải đi ngược lại con đường cũ, chàng rối trí không biết phải xử trí ra sao nếu phải chờ mãi nơi đây. Bóng đêm đã trùm lên cây, lên cát, lên biển. Không biết bao lâu, Dũng nói, tuyệt vọng:

“Chịu thôi!”

Hải đề nghị vào trong phố ngủ qua đêm. Những nóc nhà chìm trong bóng tối như sắp thành những hình thù ma quái. Không gian lạnh lùng ghê rợn. Hải tưởng như tim mình ngừng đập khi từ vũng tối đang dần dà dày thêm, xẹt ngang những đốm lân tinh ma quái. Thành phố này đã chứa bao nhiêu người chết, hản linh hồn oán tử đang trở về rủ rê. Hải muốn trở lại chỗ của Hồng lão những bóng tối càng lúc dày đặc quá, tựa hồ như bầu trời đang đổ thêm mực, chàng không thể nào nhớ ra mình đã đi đường nào đến. Sương nhắc khẽ:

“Vào nhà này đi.”

Hải nhớ sức là bóng tối đã trở thành thế giới của Sương. Nàng đã ngủ được một căn nhà trong khi chàng và Dũng còn quờ quạng giữa đường. Họ lần theo bức tường rêu phong âm thấp. Tay họ đụng mép giường sắt, chất thép chạm tay như một luồng điện lạnh chạy thốc vào người xuyên lên tận óc. Bỗng từ đâu, tiếng chó tru từng hồi đe dọa. Tiếng u..u..u theo gió xuyên qua những đường vắng vọng lên như tiếng than vè từ địa ngục. Địa ngục chắc cỡ này mà thôi.



9.

BAO NHIÊU NGÀY ĐÃ TRÔI qua trên thành phố ma. Cơ thể cạn kiệt sinh lực, họ không còn sức để nói với nhau nhiều như trước. Mấy hôm đầu, Hồng lão nhường cho ít cháo, nhưng càng ngày thì lượng cháo càng ít dần vì chính Hồng lão cũng không có ăn, mỗi người chỉ đủ một chén lưng. Hằng ngày, Hải và Dũng thay phiên ra ngồi trên bãi vắng, mắt đăm đăm nhìn ra biển ngóng một chiếc thuyền ty nạn nào đấy tạt vào. Đêm, họ đốt lửa sáng một góc núi, vừa sưởi ấm vừa làm tín hiệu cấp cứu. Cơ thể họ sắp trở thành bốn ông lão quên lối về. Tóc đã dài chấm vai, mắt thụt vào sâu bằng hai vỏ ốc chết tro trên bãi, áo đã mủn, quần rách, còn lại là da thịt chen màu đất chết. Hai nhánh cây làm gậy của họ gõ lách cách trên đường vắng nghe như tiếng mõ biếng lười.

Hải tìm được một thứ trái nhỏ bằng quả mít non, ruột tím như sim, mọc quanh một đại thụ. Chàng ngâm trái tím với nước biển cho bớt chát, lớp vỏ mỏng trầy trớt thắm tím cả tay. Đó là thực phẩm duy nhất họ tìm được trong rừng, không kể vài con cá ồm tong teo Hồng lão chia cho. Con mực lâu lâu đánh mùi cá lại xuất hiện đứng rình chùng, nhưng có lẽ nó là con chó khôn nhất trần đời. Có khi Hải đứng rình sau một góc phố, lăm lăm khúc cây sẵn sàng giáng xuống thì bỗng đâu từ sau, nó vụt chạy qua mặt Hải nhanh như cắt. Cách một quãng nó dừng lại, bốn chân dang ra quay đầu ngo ngoe khiêu khích. Hải nhìn con mực thèm nhỏ giải. Cái thân hình còm cõi của nó dư sức nuôi sống ba người cả tuần lễ. Chàng thấy dùng sức mạnh không xong, làm bộ đưa tay vẫy vẫy con mực, “Chặc... chặc...” Con mực nhìn Hải nghi ngờ, đôi mắt long lanh tinh quái. Chưa bao giờ óc người lại ngu hơn chó như thế.

Sương quanh quẩn gần căn nhà làm chỗ ngủ nghe Hải tả màu mây, màu cát vàng, hình dáng con mực, màu tím đậm bâng khuâng của quả rừng. Nàng bảo:

“Em chưa ăn thịt chó bao giờ.”

Hải bảo, một hôm có ả chó chết xuống gặp diêm vương. Diêm vương hỏi có sao người chết. Chó đáp người ta đập đầu tui, cắt khúc tui ra, lòng mề để qua một bên, tim gan để qua một bên, đùi thì chiên, sườn thì xào với lá... Sương cười khúc khích. Nàng bảo anh nói xấu mai một chết không được đầu thai. Nàng

vòng tay qua cổ Hải, thì thầm:

“Nhờ em chết trước thì sao?”

Hải cười tinh, không có chuyện đùa, ít bữa thuyền ty nạn tới mình cùng đi bây giờ. Sóng mũi Sương cọ vào má Hải, nhờn nhờn hơi thở ấm của nàng trong khuya lành lạnh. Chàng nghe thân thể mình cựa quậy, căng thẳng, nhưng liền khi ấy, như chiếc xe đã gài hết số mà dốc thì cao vọt với vợ. Chàng nghĩ đến mùi thịt chó, chàng nghĩ đến một bát canh cá thơm sừng sực. Chàng nghĩ mình đã thành người cô quạnh trên đời này. Có vẻ như chàng chỉ còn gần gũi một cô gái tàn tật, một cô gái sống rất thật với lòng mình, sống rất thật với người mà nàng thương yêu. Nàng như là của chàng, nếu chàng muốn, từ cái hôm đầu tiên khi nghe tiếng chó tru đã nằm gọn trong lòng chàng, co rút sợ hãi. Bây giờ nàng có thể là của chàng, nhưng chàng không còn sức để bày tỏ, để giữ nàng, cho dù hai tay đang ghì lấy tấm thân nhỏ bé hiền hậu của nàng. Cuộc hành trình, hoang địa, tất cả đã giết chết mầm sống và sức sống. Tệ hơn, quá khứ còn nguyên đó, chàng sẽ trở thành kẻ hèn hạ nếu vợ vã gạch ngang dòng, quên vợ con mới chìm sâu, quên mới vùi xác con trong rừng hoang.

Sáng ngày thứ mười ba. Nắng hè chói lòa rực rỡ. Thốt nhiên từ phía rừng tiếng kên kên rít the thé. Chao lượn trên bầu trời hồng nhạt. Dững buột miệng:

“Phải gì hạ được một con.”

Anh chống gậy ra biển. Cái thân hình lực lưỡng ngày nào còm xuống, xác xơ như con gà trống sau một trận đá căng thẳng. Hải mơ màng nói:

“Sao chúng cứ lượn vòng vòng thế nhỉ?”

Chàng chống gậy ngược hướng lên rừng, tạt vào bẽ xi măng, chiêu một ngụm nước đầu ngày. Chàng nghe tiếng của bầy kên kên lớn, âm thanh rừng rợn. Thốt nhiên Hải nỏ da gà, ngừng lại bên bìa rừng để thở. Người chàng nhẹ như bông gòn bay lững thững giữa trời. Hải thở, mắt hoa lên, rồi gắng gượng chống gậy vô sâu hơn. Ánh nắng nhạt dần, rừng càng lúc càng dày đặc. Mùi lá mục bốc lên ngậy ngậy. Tiếng kên kên quần quật trên đầu. Hải đánh dấu mấy khúc cây sợ lạc. Chàng chưa bao giờ đi hướng này vì những cây kiền kiền trông giống nhau như tạc, rất khó tìm lối ra nếu không nắm chắc phương hướng hoặc quen đường. Xung quanh chàng giờ đây là hàng cây trơn trượt tựa như có bàn tay ai sát mờ vào. Hải lại thấy chóng mặt, phải tựa đầu vào thân cây nghỉ. Chàng định quay lui nhưng hai chân cứ dính chặt trên đất. Như có một tiếng gọi vô hình giục chàng

đi tới, đi tới. Chàng lão đảo đi tới nữa, một vật gì lo lo trước mặt, vật đen nháy múa giống như khi đi thuyền nhìn thấy hòn đảo lặc lự ở xa. Một mùi khăm khăm bốc đi. Tiếng kên kên long óc nạt nộ trên đầu. Mắt Hải vẫn quáng gà. Cả bầu khí bị bầy chim quấy động hỗn loạn. Ôi, Hải lắc đầu thật mạnh. Một xác người nằm nghiêng. Mùi xác rữa đã hơi nặng. Hai cái xác chứ không phải một. Cái xác ở trên ôm choàng cái xác ở dưới, cánh tay cong xuống tham lam ôm trọn cái xác kia vào lòng. Hải thở hồng hộc, lắc đầu để chắc mình không lầm. Cường, chính hẳn là cái xác nằm dưới, hai tay xếp vào nhau, mặt nghiêng trên đất, đôi mắt trừng trừng nhìn Hải. Người Cường phình to như cái lốp xe hơi bơm cứng. Khuôn mặt nhăn nhúm vẻ bất trắc. Cái xác nằm đè một bên Cường chính là cô gái đã bị đưa qua tàu Trung Quốc hy sinh thân xác để cứu cả thuyền. Mân, chính Mân, Mân nằm úp đè một nửa lưng Cường, cánh tay vòng qua ngực Cường bảo vệ xác gã con trai khỏi mồm miệng của lũ kên kên bay lượn. Hải sờ soạng khuôn mặt lạnh băng của Cường, ngăn sự xúc động đang làm mờ cả mắt. Cường đã chết thật, xác đã bốc mùi. Hàng kiến đỏ bò quanh trên tay trên mặt tử thi. Hải lật ngửa cô gái, tần ngần cầm mạch tay cô gái xấu số, Hải cảm được sự động đậy dưới lớp da lạnh lẽo. Chàng lấy hết sức gọi tên cô gái dồn dập:

“Mân!”

Vẫn bất động. Hải ân hận không mang theo một bình nước nào. Chàng ngó quanh bắt gặp một hố đất sụp đủ nhét xác Cường vào đó. Hải hí hục kéo cái xác nặng hơn trọng lượng người chàng xuống hố, mồ hôi vã khiến chàng không thấy lạnh nữa. Chàng lượm cây gậy đập lên xác Cường để che mắt lũ kên kên. Hải cởi áo lót dưới người Mân làm vũng, rồi cứ thế kéo đi sên sệt. Hơi thở đứt quãng, cổ nghẹn vì khát. Hải tưởng chừng mình không thể nào đi nổi nữa. Chàng quá đói, ruột nóng như hòn than đỏ, chàng muốn gục xuống ngủ một giấc. Chàng đã ngồi nghỉ lâu quá rồi. Nhưng rồi nhìn khuôn mặt thật thà của Mân, đôi mắt mở của Cường giục Hải đi, Hải đi. Thời gian dài thế kỷ, lối ra dài vạn lý. Hải không còn tinh táo để định hướng nữa. Cứ thấy lối nào dễ là đi. Tiếng kên kên xa dần.

Bằng một cách nào đó Hải đã kéo được Mân ra tới bìa rừng. Dường như chàng đã ngất, hoặc sắp sửa ngất đi nhiều bận. Khi Hải bừng mắt ra lần thứ nhất, chàng tưởng mình chưa ra khỏi rừng. Chàng mở mắt ra lần nữa, xung quanh chàng có Hồng lão, có Dũng và bàn tay Sương đặt trên trán. Chàng chỉ kịp quơ tìm tay Dũng, thều thào: “Cường chết trong rừng” rồi lịm đi mê mết. Hải mơ hồ nghe Dũng hét, vai chàng bị lắc mạnh. Chàng nghe xung quanh ồn ào náo động, những âm thanh như chọc vào phần mềm nhất của não. Chàng ngất đi.

Khi tỉnh lại thì xung quanh Hải chỉ còn bóng tối. Thân hình ốm nhom của Sương đang áp sát vào người chàng, hình như Sương đã ngủ, tiếng thở nàng đều đều. Hải ôm cái thân hình mảnh khảnh, bỗng như sự cô độc và im lặng biến thành một âm thanh quánh đặc, gõ thành tiếng trong lòng Hải. Chàng còn sống ư? Lạ quá! Chàng còn sống và còn nằm đây, ôm vào lòng người đàn bà. Hải vuốt tấm lưng dài thon nhỏ của Sương nhe nhẹ. Chuyện gì đã xảy ra, chàng đã mê bao lâu rồi? Hải không biết, dường như có một khoảng hở dài lắm từ giây phút này ngược về quá khứ. Có lẽ đến một lúc nào đó, chàng sẽ không còn cảm thấy cô đơn khi nằm bên Sương nữa, bây giờ, cõi lòng chàng nguội lạnh vô cùng.

Hải mở mắt vì sức nóng của mặt trời. Hình như là tiếng ve kêu ròn rã. Chàng thấy mình nằm trên cát ấm, có Dũng ngồi bên thả mắt nhìn ra biển lặng. Hải cầm tay bạn cảm xúc:

“Ông đưa tôi ra đây à?”

“Ừ.”

Dũng đáp, vẫn bất động. Một lúc lâu, dường như hai người đều không muốn lên tiếng. Không khí buổi xế trưa trong lành. Mặt trời lên, càng lúc càng chói. Lâu lắm, Dũng kể. Anh đi theo vết đất mà Hải để lại do kéo Mân. Dũng tìm thấy chỗ Hải đập xác Cường không khó. Bầy kên kên đang bới đồng cây đập tử thi. Dũng ngồi bên xác em, lòng đau đớn đến độ người anh lạnh giá, không khóc được. Cho đến khi trời chập choạng, Dũng khiêng xác em về. Anh ra khỏi rừng thì không còn thấy đường đi nữa. Dũng để Cường trong một ngôi nhà, ở lại suốt đêm với người em xấu số. Sáng hôm sau, anh dùng cây khoét đất, khoét mãi đến quá trưa mới đào được cái huyết chôn Cường. Lúc đó Hải vẫn chưa tỉnh. Hồng lão câu được hai con cá lớn bằng bàn tay, nấu cháo, rồi nhường cả phần mình cho Mân và Hải.

“Thế ra tôi ngất suốt ngày!”

“Ừ, cái mận tỉnh trước.”

“Tại sao cô ấy lại ôm xác Cường.”

Dũng bảo, cô ấy kể chuyện cũng như bốn lão già kia. Cứ nhát gừng từng miếng. Nguyên buổi chiều ấy Cường cứ đuổi mãi con mực mà bắt không được. Anh phần cáu mệt, nhưng quyết không bỏ cuộc. Cường bảo Mân đứng chặn một góc đường, khi nào nghe tiếng anh la “đập xuống” thì cứ lấy gân mà giáng khúc cây

vào con mực. Mân đứng chờ mãi không nghe tiếng Cường hô đập mà chỉ nghe tiếng Cường la hét càng lúc càng xa mãi trong rừng. Mân sợ hãi rời chỗ núp, vừa lúc thấy Cường đang đuổi theo con mực sát nút. Con chó tinh ranh cứ nhắm hướng rừng mà lui. Dường như nó đánh hơi biết chạy loanh quanh trong phố thế nào cũng có người rình. Mân hồi hả chạy theo, trong thâm tâm Mân muốn có cái gì để ăn. Cứ thế, con chó chạy trước, Cường ở giữa, Mân theo sau cùng. Chạy một lúc thì bóng Cường mất hút, Mân cũng vừa nhận ra là mình đã ở trong rừng cây rậm muốn lui cũng không còn đường. Mân nghe văng vẳng tiếng Cường khi được khi mất. Nàng sợ hãi quay ra nhưng cứ loanh quanh mãi trong rừng, cứ như bàn chân đặt tới đâu thì cây hiện ra liền tới đấy. Mân cất tiếng gọi Cường, gọi Dũng, nhưng bốn bề chỉ trả lời một âm thanh ghê rợn. Nàng chịu đựng ba đêm liền, nàng ngấm từng đàn đom đóm lẫn với lân tinh vòng vo trên ghẹo. Mân nghĩ chắc mình sẽ chết. Ngày thứ tư Mân gặp một rừng cây trái tím. Nàng ăn trái tím thêm hai hôm nữa rồi cứ loanh quanh tìm hướng ra. Mân không còn sức đứng, chỉ còn bò trên đồng lá mực, ngất đi, tỉnh dậy lại bò. Rừng trái tím như một loài cây ma hiện hồn vì chỉ ngày hôm sau Mân không biết nó ở đâu nữa. Xung quanh toàn cây dại giống nhau như tạc. Mân đói quá, thỉnh thoảng bắt được con sên đập chết rồi nhắm mắt nuốt sống. Mân mò tới mò lui giữa rừng lá cho đến khi thỉnh thoảng phải Cường đang nằm ngất. Cường cũng chỉ ngất vì đói. Có lẽ anh không được may mắn như Mân là tìm ra rừng trái tím. Mân ôm Cường như vị cứu tinh của đời mình trong cơn bĩ cực. Khi Cường hơi tỉnh nhìn thấy Mân ôm mình, anh còn đùa bảo thế nào anh Dũng cũng đem thịt cầy đến. Thế rồi Cường mê đi. Mân cứ ôm siết lấy Cường. Mân không biết là Cường đã chết lúc nào, chỉ mơ hồ nhận biết thân hình người con trai càng lúc càng lạnh, buốt cứng như tảng băng cô độc giữa rừng. Khi biết chắc là Cường đã chết, Mân mới bật khóc một tiếng ngắn. Nàng biết mình rồi cũng chết như Cường nên lòng không sợ hãi cứ ôm cái xác từ lúc bắt đầu giá lạnh cho đến khi khảm mùi, rồi lịm đi, thấy thân mình nhẹ nhàng bay bổng.

Hải ngồi dậy. Chàng nổi gai ốc hình dung một cô gái ôm xác chàng trai giữa rừng sâu lạnh lẽo. Dũng nói, tiếng nói đã hết đồng dạng ngày nào:

“Tôi, tại tôi, nếu hôm ấy bọn thằng Càng bỏ đi, và mình không nghĩ là có Cường trên ấy.”

Hải biết là chính chàng cũng gánh trách nhiệm trong cái chết của Cường. Nếu cả chàng và Dũng vào rừng hôm ấy. Chàng sợ nghĩ tới Sương, tới Mân.

“Hai cô ấy đâu?”

“Cái Mân nằm dài ra đấy, ai đưa gì thì ăn chứ chẳng động đậy gì. Tôi e thêm vài ngày nữa thì người kế tiếp là Sương đó.”

“Có thể là tôi,” Hải nói.

“Là cậu, là tớ.”

Đột nhiên, Dũng nhóm dậy, chỉ:

“Trông kia, có thuyền.”

Một cái chồm xa tít chân trời. Chồm trắng tiến vô bờ chậm như đứa trẻ tập bước, nghiêng ngả, chậm chờn, mỏng manh. Hải nhớ lúc gần đi, mẹ chàng rụt rè bảo:

“Thuyền rất bé, sóng rất to.”

“Vâng ạ.”

“Biển còn lớn hơn.” Bà không nói trọn. Chừng đó thôi đã đủ. Sao con còn đi, sao con làm thuyền viễn xứ. Than ôi, phận người có đáng là bao, đời người sinh tử bao lâu, mẹ sinh con biết ngày, con đi xa biết là nơi đâu về đâu.

Lâu hơn một tiếng đồng hồ hình ảnh cánh buồm mới dần rõ nét. Đầu người lơ nhõ. Nước mấp mé chực tràn vào khoang chiếc thuyền buồm dù biển lặng hồ nước. Chiếc thuyền con chậm chậm trôi vào bờ, Hải nom rõ những bóng người nhảy xuống nước, lội thẳng vào bốn cánh tay vẫy của Hải và Dũng. Mép thuyền cao lên một chút vì sức nặng đã giảm. Những bộ tóc bù xù tổ quạ, những hàm râu quăn tít của người mới đến bay phất phất trong nắng trưa nhạt nhòa. Địa ngục biển. Một người đàn ông đến trước mặt Dũng, nói tiếng Quảng bập bẹ. Dũng dang rộng cánh tay:

“Việt Nam đây mà.”

Cả nhóm người la lên một tiếng, một triệu câu hỏi ập xuống. Người trên bờ hỏi, người mới tới hỏi. Những nét mặt đang tươi bỗng xạm đi khi nhận ra tình thế ngặt nghèo. Chiếc thuyền buồm đi từ Bãi Cháy đã hai tháng. Họ đói lẫn lóc, họ ăn xin suốt dọc đường. Họ chỉ thay buồm một lần ở Bắc Hải. Họ tưởng đây là một thị trấn lớn. Không biết đây là một thị trấn ma vĩ đại như cuộc Cách mạng Văn hóa. Người tài cồng lắc đầu chỉ tay ra chiếc thuyền chòng chành:

“Bác xem đây, chỉ thêm một đứa trẻ con thuyền cũng toi, nữa lại bốn người thì có về châu Bác thôi à.

Hải nói, ruột rời bông bong:

“Bọn tôi nhẹ như bông gòn.”

Gã tài công lắc đầu cương quyết. Gã tên Độ, người Quảng Ninh. Cả thuyền đều là anh em bà con của gã, thêm vài người gốc Hoa không kịp đi thời nhà nước cho xuất cảnh bán chính thức.

Độ nói:

“Tôi tiếc gì mấy bác. Thôi, để bọn tôi kiếm cái ăn cái uống đã.”

Hải hướng dẫn gã đi sâu vào phố, dắt gã ra cái bể nước sau núi. Hải vẫn không nản:

“Bác nghĩ tình đồng hương, nữ nào nhìn bọn em chết ở đất khách quê người.”
Thấy gã trầm ngâm, Hải vớt thêm: “Bác tên Độ là ông trời muốn bác độ người đấy, thực đấy.”

Độ có vẻ cảm động hỏi:

“Thế hai cô kia đâu?”

Hải khấp khởi:

“Chúng nó đi không nổi, cứ nằm liệt ra đấy.”

Độ im lặng uống nước. Gã chuyền cái gáo cho bọn đồng thuyền. Thân hình gã nhỏ bé, lông mày rậm, hai mắt sáng long lanh. Người gã, cũng như mấy người kia, hôi một thứ mùi hăng hăng nóng cả mũi. Độ dậm chân bảo:

“Tôi bảo thật, phải tôi giúp các bác được. Trông thuyền là biết đấy.”

Hải quỳ xuống, lạy gã:

“Bác cứu bốn mạng người, chỉ một mạng...”

Mắt Độ quắc lên, quát:

“Thôi phải, chắc tôi cho một bác đi nhờ được.”

Gã hội ý với những người uống xong. Một người đàn bà nhăn nhó:

“Chắc gì mà một người không khảm nào. Thôi đi, thế nào mà chẳng có thuyền khác.”

Mấy bà khác nhao nhao:

“Bà con họ hàn g gì nào.”

“Ốc không nổi mình ốc.”

“Chưa biết sống chết thế nào.”

Độ quát:

“Yên nào, mấy bà biết cái chó mà xen vào.”

Mấy gã thanh niên bắt đầu lục lạo xung quanh. Độ bảo:

“Tôi còn ở đây, chắc đến mai mới đi được.”

“Sao thế?”

“Chờ gió lên.”

Buổi tối, bọn người của Độ đốt lửa trên bãi cát. Dũng và Hải rút vào nhà. Độ dứt khoát chỉ cho một người đi nhờ. Thuyền gã đã khảm, gã không muốn lòng tốt của gã có thể làm chiếc thuyền buồm mỏng manh của gã bị đắm. Hải và Dũng đều nghĩ là cái người may mắn đó chỉ có thể là Sương hoặc Mân mà thôi. Nhưng ai? Cả hai đều kiệt sức, đều đáng được đi sớm chừng nào tốt chừng ấy. Hải nói:

“Hay cứ để cho hai cô ấy bốc thăm.”

“Chỉ còn cách đó.”

Bốn người ngồi xúm xít trong bóng tối. Tiếng chó tru đầu phố nghe buồn bã. Hải báo cho Mân và Sương tình hình, nghẹn ngào:

“Tùy hai cô mà thôi.”

Sương đáp:

“Để chị Mân đi trước, em chẳng vội anh ạ.”

Hải nhìn Mân chờ đợi. Cô ngồi thu lu, chỉ thấy một bóng hình bất động. Tiếng u u của chó làm không khí thêm buồn thảm.

“Không ạ!”

“Em nói không là sao?” Dũng hỏi.

“Em không đi.”

“Em muốn nhường Sương à?”

“Vâng.”

Hải nói:

“Nếu cứ bắt em đi trước thì sao?”

“Không.”

Giọng Mân mệt mỏi nhưng cương quyết. Sương đã tiếp đi từ hồi nào. Nàng quá kiệt, không ngồi lâu được. Như vậy là xong, Sương sẽ rời thành phố ma ngày mai. Đường đến Hồng Kông chắc không còn xa lắm. Nhưng một thân một mình nàng sẽ ra sao? Ai sẽ quan tâm giúp đỡ người con gái mù lòa. Hải trù trừ trước bóng tối mà chẳng nghĩ ra chức gì.

“Hay ông đi trước, Dũng?”

“Tất nhiên là không, nhưng tôi hiểu sao ông đề nghị tôi.”

“Tôi chỉ sợ cô ta mù lòa.”

“Tôi cũng nghĩ đến điều đó. Nhưng chắc ít hôm thôi là đến Hồng Kông. Xứ tự do, người ta coi trọng con người.”

“Thì mong vậy,” Hải đáp.

Ừ, biết đâu chừng cô ấy gặp lão Mục đâu đó trong trại tỵ nạn. Hải nghĩ thầm.

Vài con đom đóm lang thang ngoài song, chui ra chui vào nhà rọi một màu xanh biêng biếc lập lòe trên tường. Chàng sẽ còn một đêm nay bên Sương, rồi chàng sẽ trả nàng về cho cha, cho tự do đang cách mấy ngày đường. Hải nắm xuống, ôm siết thân hình bé bỏng của nàng. Những buổi chiều trên biển, nắng hè soi cát nóng, soi lên thân hình trần của nàng. Chiếc áo nàng đã nhão ra, tựa hồ chỉ một chạm khẽ là những sợi vải sẽ rơi xuống. Nàng đã sinh ra nơi miệt biển, cha nàng đã nuôi nàng bằng biển mặn, nàng đã khốn khổ trên cuộc hải trình sống chết. Nhưng nàng vẫn yêu biển tha thiết. Một tối nào, trăng thượng tuần treo lơ lửng, Sương trần truồng tung mình xuống nước. Màu sáng trắng dịu dịu chiếu trên đầu ngực căng tròn của nàng, lấp lánh những giọt nước như râu chuối kim cương óng ả đọng trên thịt da phơi bày rạn rở. Hải ngồi trên cát, ngắm người con gái lỏa thể đi tới đi lui. Mái tóc dài rũ rượi của Sương bay lê thê như những cánh hải âu ngược gió ngàn và tan trong màu trắng trắng mơ hồ gợi cảm. Một sự tương phản quá lớn giữa khuôn mặt nhỏ nhắn và mái tóc dày khiến Hải nghĩ gió sẽ nâng mái tóc thổi tung nàng lên trời. Hải lượm một cục sỏi ném xuống biển.

“Anh ở đâu đó?”

Hải cố tình im lặng. Sương hỏi đến lần thứ ba, liền giả vờ cầm đầu chạy lên bờ. Biện pháp này lập tức có hiệu quả. Hải chạy sau lưng nàng, khi thấy Sương sắp đâm bổ vào một cây đại chàng mới ôm choàng ngang thắt lưng bé như về sào của nàng vật xuống. Sương cười nắc nẻ, tiếng cười nàng làm vỡ cả ánh trăng xao xuyên.

Thua em chưa nào.”

Đôi mắt nàng sâu thẳm. Một vũng tối đầy đọa. Sự ham muốn tắt thành linh khi Hải nhìn sâu vào vũng tối ấy, hai hàng mi dài động đậy. Một hố sâu, sâu như đáy vực, đáy vực đang mở ra “nhìn” chàng. Hải thở dài mỗi mệ.

“Khi nào mình đi, anh nhỉ?”

Hải hình dung giả sử chàng và Sương sẽ được một chiếc tàu nào đó tiếp tế lương thực, chàng sẽ không đi đâu hết, sẽ sống một đời trên bãi vắng. Nhưng ý nghĩ ấy chỉ lóe ra như vì sao băng tắt ngúm trong bóng tối nửa vời và không để thừa một dư âm sáng lòa nào cả. Cuộc đời Hải đã tô bằng nước mắt, chàng đã mất mát quá nhiều, chàng chưa dành lại từ cuộc đời mỗi muôn một. Chàng đã đánh một ván bài không thấy thắng. Lộ trình đã vạch, Hải phải tới đó, Sương phải tới đó, nào có đâu đường về.

Chiếc thuyền của Độ nhổ neo khi bầu trời còn giăng đầy sao nhỏ. Những vì sao đang tan loãng trong ánh mặt trời. Hải và Dũng chống gậy, cặp Sương ra bãi. Nàng không còn đứng vững, có lẽ Hải cũng không còn đứng vững nếu ý chí không kiềm chân chàng dậy.

Hai người diu Sương lên cùng với sự trợ sức của Độ. Họ đứng ngâm chân trong nước lạnh, nhìn con thuyền chậm chạp trở mũi. Nước mấp mé mép thuyền. Họ đứng như thế lâu lắm, hằng giờ, cho đến khi cái chấm trắng xóa nhòa trong không gian bất tận. Sương sẽ gặp lão Mục ở trong trại ty nạn nào đấy, Hải tin như vậy. Chàng cũng sẽ gặp lại Sương ở bến bờ đấy, một ngày nào đó. Người con gái mù sẽ “nhìn” thấy ánh sáng tự do sau những đêm dài đặng đặng. Nàng đã xa tận ngoài biển. Hải chợt nhớ nhưng nổi nhớ lập tức lại quay về quá khứ, lấp lên nhau. Chàng nhớ từng sợi lông măng phớt sau gáy nàng, khuôn mặt gầy gộc biếng tiếng cười, giọt nước đọng nơi đầu vú trong veo màu trắng vỡ, và hai vệt thắm ngày càng sâu.

Tiếng ve kêu re re trên bãi vắng.

Hải đang nghĩ đến chuyện tự đào huyệt chôn mình thì ngoài đường bỗng có tiếng người ồn ào. Hai tai chàng lùng bùng như có muôn vàn tiếng động đập liên hồi. Chàng vịn theo tường gượng ra cửa. Mấy gã thanh niên chạy lảng xăng ngoài đường, dường như họ mới đến. Một người chợt thấy Hải, ré lên một tiếng:

“Ở đây có thêm một ông già nữa bây ơi.”

Gã tiến lại, nhìn Hải chăm chú rồi vờ lễ phép:

“Lạy cụ, cụ bảo cho tụi cháu biết đây là đâu.”

Hải cười không ra tiếng. Chàng nghe giọng nói quen quen.

“Việt Nam à?”

Gã thanh niên cười bỡn:

“Việt gian phản quốc.”

Hải không còn sức để đùa với gã, chàng nhếch mép nhọc nhằn:

“Cho cái gì ăn.”

Gã thanh niên nhận ra mình đang đùa với lão già sắp chết. Gã hỏi một người khác:

“Xuống thuyền lấy cơm.”

Mà Hải sắp chết thật. Chàng ngồi mới một chút đã xây xẩm mặt mày. Hải ngã chúi vào hai cánh tay gầy của gã thanh niên. Khi Hải mở mắt, lại nghe ùn ùn những âm thanh hỗn loạn, nhưng chàng đã thấy bớt mệt. Dường như có một nguồn sinh lực ở đâu đó tiếp vận cho chàng. Một nguồn sinh lực trống rỗng, cái chỗ trống Sương để lại. Giọng gã thanh niên quen thuộc:

“Ông tỉnh rồi, thôi dang ra bớt cho người ta thở.”

Hải đã nhớ ra gã, yếu ớt gọi:

“Phú kèn, trời ơi, Hải vĩ cầm đây mà.”

Phú kèn rú lên, gã vạch tóc, vuốt râu Hải, bàn tay trơn trượt của Phú kèn lắc lắc khuôn mặt teo bằng quả chanh của chàng:

“Ồi bác và đảng ơi, ông tưởng con đang hành lạc ở Hồng Kông rồi, sao ra nông nổi thế này.

Những người đứng xung quanh ò lên, “quen hả”, Hải nghe tiếng người lao xao, tiếng Phú:

“Thôi thế mà tôi không nhận ra ông chớ. Nhẽ ra nhìn “nụ cười cơ giới” của ông là phải nhớ liền, rõ thật.”

Hồi còn chơi trong ban nhạc ở Hải Phòng, Hải có hỗn danh “nụ cười cơ giới”: Một cái nhếch mép khó hiểu, cười không ra cười, một kết hợp hữu cơ của vách thịt, méo xệch. Ngược lại Phú kèn – thổi saxophone – lau chau, đùa giỡn trong mọi trường hợp, thuộc típ người chưa thấy mặt đã nghe tiếng, Phú nói:

“Nhìn cái mặt đăm ma của ông, mẹ, cứ có một canh xí phé là tỉnh ngay chứ gì.”

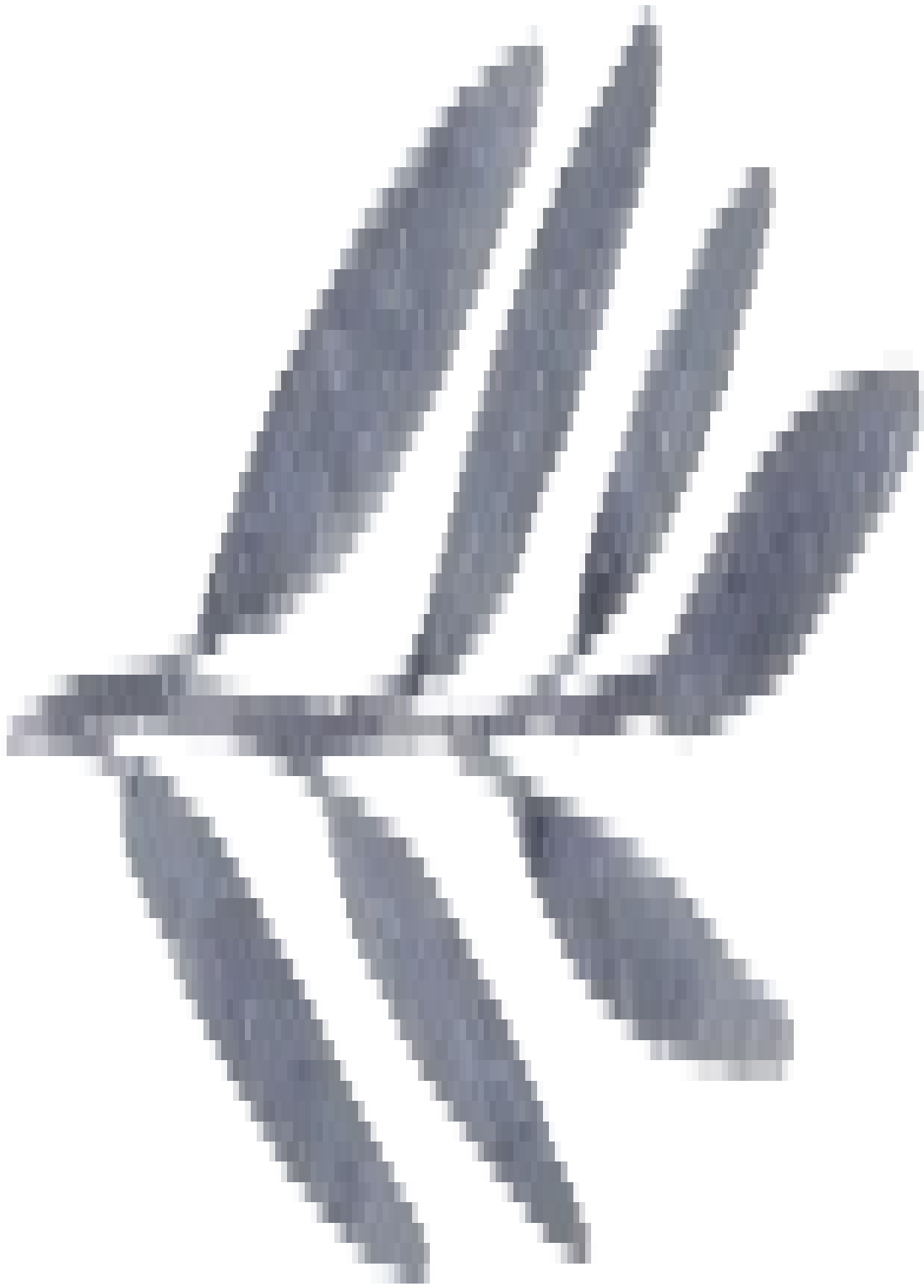
Hải nhếch mép, cười cơ giới:

“Ừ, mà tính sao đây?”

“Đi chung với tụi này luôn thế.”

Hải yếu ớt kể cuộc hành trình của mình. Chàng nghẹn lời nửa chừng, một điều cấm kỵ đối với Hải khi phải biểu lộ xúc động trước mặt bạn bè. Phú nói:

“Tôi may hơn ông.”



ĐOẠN GAY NHẤT CỦA PHÚ là sau khi vượt qua eo biển Lôi Châu, nghĩ sắp đến Hồng Kông, gã chủ thuyền cho tấp vào Xương Giang, ăn chơi nhậu nhẹt một bữa đã đời. Say quá, tài cồng chằm lộn tọa độ. Gã tính đi hai ngày một đêm là tới Ma Cao, không dè đi được một ngày gió trở, sóng đánh thuyền về gần chỗ cũ. Lên bờ đi xin ăn, Phú gặp công an Trung Quốc dụ chờ đi mua thuyền khác, không dè họ chở ngược về Việt Nam. Phú nhận ra điều đó khi càng đi gã càng thấy hai bên đường nhà cửa càng càng xơ xác, chỉ có Quảng Tây mới nghèo như vậy. Gã nhảy khỏi xe khi chiếc xe giảm tốc độ vì phải tránh một chiếc xe chạy ngược chiều. Gã biết tên tài xế thấy gã nhảy qua kính chiếu hậu, nhưng hấn cứ lờ đi chạy thẳng. Phú đi ngược lại đoạn đường đã qua rồi gã đón xe dò tìm về chỗ thuyền đậu. Dọc đường, gã chỉ biết mỗi một câu “Ngộ mậu đậu xìn, châu hớn cón” (tao không có tiền, đi Hồng Kong), ấy thế mà nhờ lòng tốt của nhân dân Trung Quốc, gã xin được tí tiền về lại thuyền kịp khi cả thuyền đã tập hợp đông đủ, sắp nhổ neo. Ngang thành phố ma, tài cồng lại tưởng là một thị trấn lớn, tấp vào. Nhờ thế, họ cứu được bọn Hải.

“Thế ra công an nó chở cậu về Việt Nam đấy,” Hải hỏi.

“Đích! Mà phải mình tình nguyện về mới không ức. Trên xe, có chừng hai chục người xin về, thuyền họ dầm, một nửa kiếm phương tiện đi tiếp, cái nửa đi cùng xe với tớ họ lạnh căng, tìm đường đi về qua cửa Đông Hưng đấy. Giờ này chắc đã về tới Hà Nội.

“Phước ba đời nhà ông.”

Chủ thuyền ra lệnh chuẩn bị đi. Ông ta đếm lại số người, cộng thêm ba người bọn Hải. vừa lúc, Hồng lão từ trong phố đi ra, lão dặn:

“Đi khỏi đây chừng một dặm khéo kéo vương phải còn cát...”

“Còn cát ạ?”

“...ngầm đấy. Thượng lộ bình an.”

Hồng lão có vẻ tỉnh táo vì được bọn đi thuyền với Phú cho mấy lon gạo. Chắc lão vừa nấu cháo ăn xong. Hải lội ra thuyền, trong khi hai người đàn bà khác dìu Mân leo lên. Hải nhìn những tòa nhà bốn tầng lần cuối. Chỉ còn một mình Hồng lão tiên sinh đứng bơ vơ trên bãi biển. Mái tóc bạc lơ phơ trong gió. Bộ áo quần

xám xịt màu đất của lão in khối cô độc thê thiết trên nền cát vắng, trên màu cây xanh thăm thẳm. Trên vùng đất ngặt nghèo ấy, Dũng đã để lại một phần ruột thịt của mình dưới gốc cây.

Thuyền đi được nửa ngày thì trời sụp tối. Đúng như Hồng lão nói, đang giữa mặt biển phẳng lặng như tờ bỗng rít lên tiếng nước réo như một ấm nước đang sôi. Tài cồng vừa lái vừa cho thọc cây thăm dò độ sâu. Anh ta lách giữa cồn cát ngầm khéo léo. Ngang một khúc, trên mặt cát thăm màu đêm, xương người phơi trắng trên cồn cát nổi. Những chiếc sọ ngựa mặt nhìn trời, có cái sọ lấu linh, có cái sọ lớn trừng trừng uất hận. Những chiếc xương tay xếp như chiếc đàn T'rung. Đàn bà trên thuyền lầm rầm cầu nguyện trước những mẫu xương rải dọc theo bờ, nghe từ đâu đấy đang reo lên tiếng than ai oán của những linh hồn đoàn số ngậm ngùi gửi năm xương tàn trên biển khách. Hải thấy đôi mắt Dũng đầm đìa lệ. Anh ngồi im lìm như cái xác chết, dường như bóng tối đang lan ta từ linh hồn sâu não ấy. Hải khóc nước nở như trẻ con.

Hải nhìn những chùm sao tan tác như những giọt nước vỡ toang ra đọng trên nền (trời) đen thăm thẳm. Chàng nhớ những vì sao tua ở quê nhà:

Sao Tua chín cái năm kê

Thương em từ thuở mẹ về với cha

Chàng đã xa những câu ca dao lãng mạn cảm dùi trên mảnh đất man rợ. Chàng đã xa cái cuống rún (như thế nào nhỉ) mà một buổi sáng khi còn thơ mẹ Hải dắt con ra vườn chỉ vào gốc cây phượng: “Mẹ chôn cái cuống rún con ở đây.” Cậu bé Hải mừng tượng mẹ đang nói điều gì ấy. Cậu sờ cái lỗ rốn cạn lợt của mình, mân mê một cục đất bé bằng con chấy. Bao nhiêu năm qua rồi, Hải vẫn còn nhớ buổi sáng dưới gốc cây phượng sau hè. Có nguồn cảm xúc lan chảy trong dòng máu Hải, nhớ hiu hắt một miếng nắng rải ngoài sân, tiếng gà trưa lạc loài.

Những giọt nước vãi trên trời mờ dần như bị lấn bởi một thứ ánh sáng lung linh từ đâu đây. Rồi tiếng ồ đánh thức những đôi mắt im ngủ:

“Hồng Kông kia rồi đấy!”

Từ xa, một màu sáng vàng nhạt hực lên cả chân trời. Ánh sáng diễm ảo vô cùng, tráng lệ vô cùng. Và những tấm lòng nức lên. Cái đích đã tới, không còn ngờ gì nữa. Hồng Kông, Hồng Kông! Cả thuyền chồm dậy. Bóng tối nghe chừng có lửa, lửa của niềm sung sướng tột cùng.

“Sống rồi!”

“Sửng quá, ha ha ha.”

Phú ôm chặt Dũng, hét bên tai:

“Bọn mình chén một bữa xả láng ông ơi.”

Chân trời sáng rực, chân trời sáng rõ, chân trời sáng lóa. Thuyền băng băng chạy. Những mỏm đảo thấp thoáng, những sườn núi mờ sương khói. Mặt trời lại bắt đầu lên, biển lênh láng nước mênh mang.

Từ sau một hòn đảo, hai chiếc tàu cảnh sát chệch sóng tiến lại. Hai chiếc tàu màu xanh lá mạ, chệch thành gọng kiềm xấp tới. Những chiếc áo trên thuyền con hồ hởi vẫy. Hai lượn sóng từ tàu lớn làm thuyền chao đảo nghiêng bên này lượn bên kia.

“Việt Nam vượt biển đây.” Tiếng “rao hàng” từ thuyền Hải ré lên.

Tàu cảnh sát liệng quanh quan sát. Một sợi dây thừng ném qua, cột, xấp lại. Thuyền con đã cập sát song song vào tàu lớn, nhìn lên cao những nấc thang. Dùi cui cầm tay, cảnh sát Hồng Kông đếm từng người leo lên tàu họ. Phú kèn xin thuốc lá hút khi vừa vượt qua một viên cảnh sát. Gã phải nói hai lần bằng thứ tiếng Quảng ăn đong của mình. Bất ngờ, viên cảnh sát bợp cho Phú hai cái bạt tai xây xẩm mặt mày. Hải tái mặt, một sự bẽ bàng bỗng dâng trong lòng. Xứ tự do mà có cảnh này à. Viên cảnh sát nạt:

“Đại lục phải không?”

Dũng nghe được, đỡ:

“Chúng tôi toàn người Việt Nam cả.”

Thì ra viên cảnh sát tưởng Phú là người đại lục. Gã ăn cái tát oan uổng. Rút kinh nghiệm, Hải hỏi một gã khác bằng tiếng Anh:

“Ông thông cảm, tôi thèm thuốc quá.”

Điều thuốc cháy hết một nửa ngay cú rít đầu tiên của Hải. Bỗng một bàn tay giựt ngay điều thuốc:

“Chia anh em với chứ.”

Một viên cảnh sát khác trao một xấp truyền đơn cho Hải, bảo phát. Truyền đơn viết bằng tiếng Việt, thứ tiếng Việt không văn phạm. Hải đọc lướt qua giật mình:

“Nghĩa là sao?”

Viên cảnh sát nhìn Hải có vẻ thương hại. Y nói chậm rãi:

“Các anh đến muộn rồi!”



10.

BÌNH XỊT THUỐC SẮT tròng từ tay một gã coi trại xịt thẳng vào người Hải. Chất bột nhão trắng nhớt bắn tung tóe lên tóc tai, cứ như đang xát xà phòng. Người tỵ nạn mới đến được tẩy uế rất kỹ. Nhóm người Hải theo thứ tự đếm số: bảy mươi lăm người tính luôn cả trẻ con. Tên xịt thuốc đặt bình xịt thuốc xuống đất, móc chìa khóa ở thắt lưng đi mở cửa. Gã mặc đồng phục xanh dương đậm, không mang vũ khí, mặt lạnh lùng như con gà cắt hết tiết. Bốn dãy buồng cửa bằng song sắt tròn, tường bằng đá khối sù sì nằm thẳng góc với cửa chính ra vào xuất hiện. Từ sau song sắt, những khuôn mặt xanh úa túa ra, tò mò nhìn bọn người mới đến. Những đôi mắt lo ngại chia sẻ. Cả dãy buồng tối om dù trần nhà rất cao. Những chiếc giường sắt ba tầng kê sát hai bên tường đá đã chật những người đến trước. Chợt một người quản trại ngoắc Hải khi anh vừa leo lên một tầng ba theo sự bố trí của một buồng trưởng.

“Anh ra đây chúng tôi nhờ.”

Người quản giáo có khuôn mặt thư sinh, cử chỉ điềm đạm như một ông thầy đứng lớp. Ông ta dẫn Hải vào một cái phòng nhỏ, bảo chàng ngồi trên cái ghế xoay trước cái bàn sắt. Hải nhún nhún thoải mái.

“Anh làm ơn ngồi chép hộ tôi danh sách những người mới tới.”

Ông ta nói tiếng Anh thành thạo và nhã nhặn. Ông kéo ghế, móc túi đưa Hải một gói Marlboro vừa bóc, bảo: “Anh hút thoải mái nhé.” Một tay vừa viết một tay mời thuốc, Hải hút muốn ngất đi tại chỗ. Người chàng đê mê như sắp lịm dần. Ông quản giáo mỉm cười:

“Anh cứ giữ luôn gói thuốc.”

Ông là nhân viên Cục Cải Huấn. Qua ông ta, Hải biết trại này tên là Thanh Châu, một trại chuyển tiếp để đón “nạn dân” mới tới – Hải lần đầu nghe người ta gọi mình là nạn dân – sau đó sẽ được chuyển đi chỗ khác. Điều tuyệt vọng mà Hải biết là bọn chàng đến Hồng Kông quá chậm.

“Là sao?” Hải hỏi.

“Là các anh sẽ không được coi là tỵ nạn nữa.”

“Chúng tôi...”

“Vì kể từ 16 tháng 6, tất cả những người đến trước đó đều được coi là người tỵ nạn. Các anh khác. Rồi các anh sẽ bị Cục Di Dân thẩm vấn thanh lọc, coi có phải tỵ nạn chính trị hay thuyền nhân, thuyền nhân bị trả về nước.”

Hải chỉ đến sau ngày ban hành “chính sách dứt điểm” hai tuần lễ định mệnh. Chàng đã đọc thông cáo khi vừa đến nhưng bỏ qua. Chàng cười tự tin:

“Tất cả chúng tôi đều là tỵ nạn.”

Ông quản giáo lại nói: “Cái chương trình thanh lọc này gọi là Kế hoạch Hành động Toàn diện, các anh sẽ ra sao tôi không biết.” Chính sách này mới mẻ và lạ lùng ngay với chính ông ta. Cái gì mà đến sau ngày đó lại bị coi là thuyền nhân. Và chỉ trước một phút lại là tỵ nạn? Cái giây khắc mong manh ấy là định mệnh! Những người bị cầm chân trên đất Tàu bị đóng mộc chấm dứt tự do. Ông ta nói tiếp:

“Tất nhiên sự phân biệt ấy là hành vi máy móc để nạn dân không tới nữa, chứ tôi hiểu ai cũng có quyền chọn lựa nơi sống, người ta có quyền chọn một là chết hai là không bị chết đói, nếu người ta phải liều mạng đi nơi khác chỉ để khỏi chết đói đi nữa thì không thể nói người đó không phải tỵ nạn.”

“Thực như vậy.”

“Tôi biết vậy chứ, tự do nghĩa là có quyền chọn lựa mà, có người chòng vác thân đi qua vùng địch để làm ăn nuôi vợ con, anh ta bị kẻ thù giết thì người đó là tỵ nạn chứ.”

“Anh lẽ ra không làm quản giáo đúng hơn.”

“Không phải nghề tôi. Tôi muốn giúp đỡ nạn dân.”

Hải hỏi thăm ông danh sách những người đến trước đó. Chàng hy vọng có tên lão Mục và Sương.

“Họ có thể được đưa thẳng vào đất liền. Tuy nhiên, tôi có thể tìm hộ anh.”

Bỗng có tiếng la hét từ một dãy nhà vọng ra. Tiếng chửi rủa tục tĩu, giọng đàn bà the thé, giọng đàn ông cọc cằn. Ông quản giáo lật đật chạy đi, lấm bầm:

“Chắc lại đánh nhau nữa rồi.”

Hải đã chép xong danh sách bảy mươi lăm người cùng thuyền. Bốn chục đàn ông, mười bảy phụ nữ, còn lại là con nít. Mười tám đứa trẻ dưới mười lăm tuổi. Chúng nó cũng là tỵ nạn chứ. Hải băng khuâng nghĩ. Người ta sẽ dựa vào định nghĩa nào, dựa vào gì nhỉ, chàng mù tịt. Chàng mân mê điếu thuốc thơm, chàng nhớ những cữ thuốc lào chia nhau trong một căn nhà tối. Căn phòng chàng đang ngồi cũng mờ đục dưới ngọn đèn trắng. Hơi đá toát ra lạnh lẽo. Hải thèm được ăn, thèm được tắm bột vôi khử trùng và thuốc tẩy chí rận xịt vào người chàng vẫn còn bám trên người. Ông quản giáo trở về, vẻ mệt mỏi hiện lên mặt:

“Anh về buồng được rồi.”

Ông ta đưa Hải đi theo hành lang hẹp, mở khóa cửa buồng lóc cóc, vỗ đầu một đứa bé tì mặt vào song cửa, rồi đóng cửa máy móc. Chỉ một giây ngắn ngủi, Hải đã ở bên trong cái buồng hôi hám phân người và nước tiểu. Hải leo lên tầng giường ba, nhìn dãy người xếp hàng vào nhà vệ sinh mà ngao ngán. Những đứa bé nín không nổi, ỉa tòe loe ra nền nhà. Mấy đứa khác bắt chước, cứ vạch quần nhắm chỗ nào không có chân người là đái. Một chị đàn bà tát thẳng con trai cời trường một cái nẩy lửa, quát:

“Mồ tở mày, cơm đâu mà cứ đòi ăn hử. Con mẹ mày cũng đói nẫu cả người ra đây.”

Thằng bé bị tát oan, ré lên the thé. Ông bố từ đâu ở giường bên kia phóng về. Ông bố năm đầu thằng con đẩy chúi vô mấy cái hộp giấy trống để trên giường:

“Tao bảo mày nín. Nín. Cứ lải nhải tao cho về Việt Nam đấy con ạ.”

Thằng bé nín thiệt, liếm nước mũi chảy xuống kèm nhèm xuống miệng. Cái bụng lép kẹp đếm đủ hai hàng xương sườn của nó giựt giựt theo tiếng nấc. Phía cuối buồng bỗng một giọng đàn ông la toáng lên:

“Tiên sư con cái nhà ai mà cứ ỉa tòe loe ra đấy. Bần đéo chịu nổi.”

Giọng một bà trả đũa:

“Con cái nhà bà đấy. Nó muốn ỉa đâu thì nó ỉa, bà thách thằng chó nào đụng tới nó coi nào.”

Gã đàn ông bị chạm tự ái, cáu:

“Ỉa thì có nhà cầu, cứ tởm cả ra đấy thì cái nhà này biến thành lãng bác cả à!

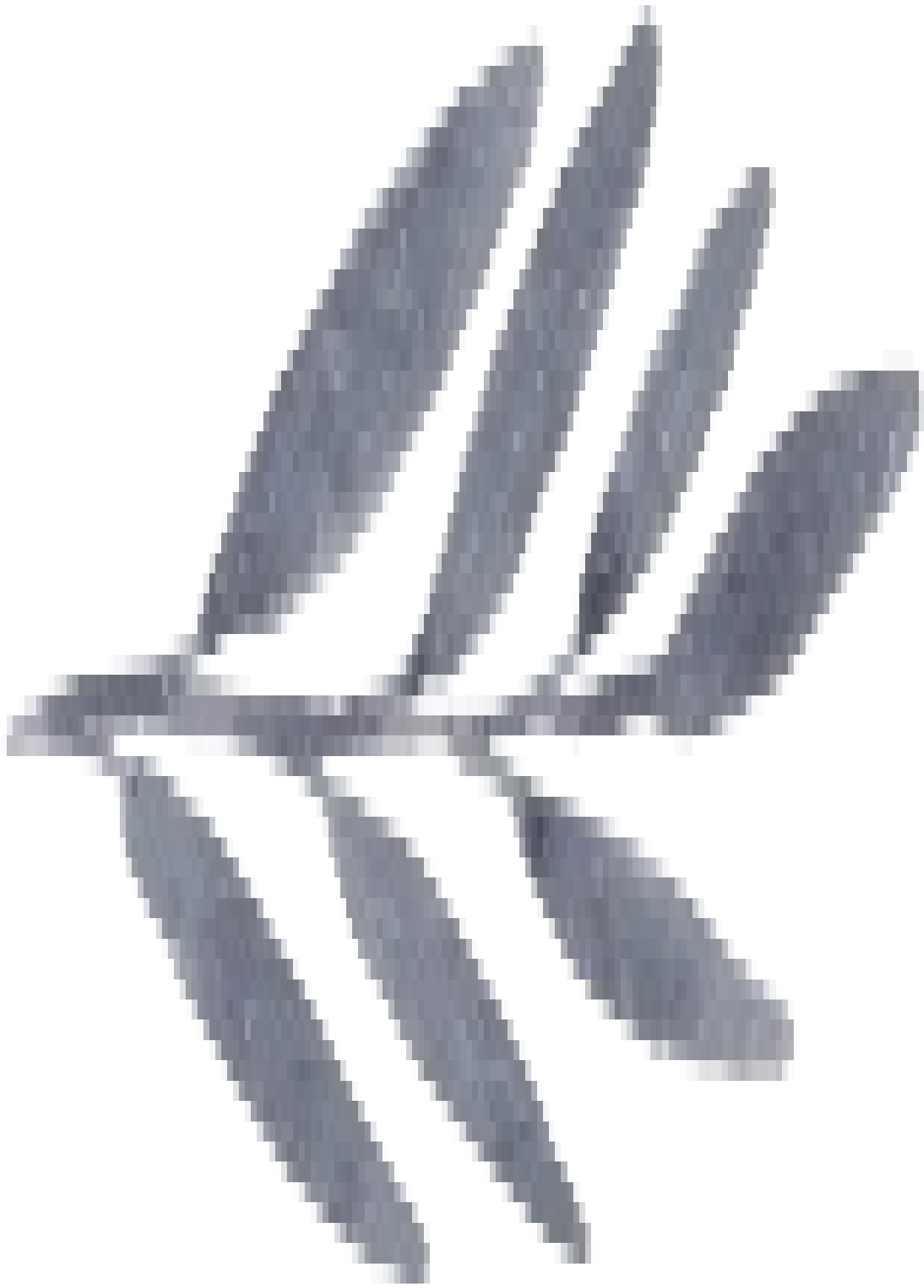
Tiếng cười rúc rích. Chị đàn bà đổi hướng:

“Có giỏi thì đứng ở Ba Đình nói câu ấy. Qua đây nói ai nghe nào, hèn.”

Thằng bé cắt lời mẹ, ré lên đòi chùi đít. Bà mẹ bảo: “Cứ chờ đấy, chùng nào nước mở hần rửa”.

Thằng bé đi dang dang hai chân về giường. Có tiếng la dầy nầy: “Coi chừng nó ngồi lên giường là khốn đấy. Địt mẹ, biết thế này ông thèm vào”.

Hải bàng hoàng trước cảnh trại giam mà chàng không hề hình dung trước đó. Những chấn song, hai đầu buồng kín đến cả ánh sáng còn thiếu. Ban sáng tàu cảnh sát chở vào, Hải nhìn thấy chỉ cách đảo non cây số thành phố cảng Hồng Kông cao nghều nghệu những cao ốc. Vậy mà chàng tưởng chừng xa xôi cách trở nghìn trùng. Chàng đang ở dưới chân núi, vách đá dựng cao sừng mà nhìn qua song cửa, Hải chỉ thấy phẳng lì màu đá tro xám xám với kềm gai chất lên nhau mỗi cổ. Suốt đêm Hải nghe tiếng sóng rì rầm đâu đó. Chàng tưởng hòn đảo sắp sửa bị cuốn trôi. Ôi Đảo Xanh là đây sao, sao chỉ một màu tuyệt vọng.



NGƯỜI ĐÀN ÔNG MẶT MÀY phương phi trắng trẻo, trạc độ bốn mươi. Cái cổ béo ụt của hắn choàng sợi dây chuyền bằng vàng ta đính cái tượng Phật ngà voi bọc vàng. Hắn bận bộ vét trắng sang trọng, thắt cà vạt đỏ to bản. Cả bảy mươi lăm người trên thuyền Hải xếp thành hai hàng dọc trước mặt hắn. Đôi mắt một mí him him của hắn lừ đừ nhìn bọn người quần áo bẩn thỉu. Nhắm chừng bảy mươi lăm mạng người rúm ró kia đã thấm cái oai vệ toát ra từ mình, hắn quát, giọng như loa phờng:

“Độc thân đứng qua bên này, gia đình bên kia.”

Mọi người lú lú đổi vị trí. Một thanh niên ngập ngừng chưa biết đứng theo hàng nào liền bị gã đàn ông tát hai cái:

“Đù mẹ mày, đứng qua hàng độc thân.”

Hai má người thanh niên xui xẻo lẫn đỏ dẫu tay. Anh sợ sệt nói:

“Bẩm, em có vợ.”

Gã đàn ông lại giơ tay lên, tính tát:

“Mả mẹ mày muốn qua mặt tao hử. Mày cặp trên thuyền chứ vợ chồng gì. Hôn thú đâu?”

Gã đẩy người thanh niên chúi qua hàng độc thân. Hải chụp người thanh niên cho khỏi ngã, nhìn qua dây gia đình thấy mặt Phú kèn trắng bệch đứng sau lưng vợ. Vợ Phú kèn bỗng đưa con gái ba tuổi, sợ muốn ngất liền tại chỗ. Gã đàn ông đi tới đi lui giữa hai hàng như chủ tịch nước duyệt binh. Hắn đi ngang ai là người ấy nhìn xuống đất, chờ hắn qua khỏi mới len lén nhìn trộm. Hắn nói giọng Nam bộ thỉnh thoảng pha giọng Bắc, tiếng thanh chan chát áp đảo. Thình lình hắn dừng trước một thanh niên khác đứng bên hàng gia đình trợn mắt:

“Qua bên kia.”

“Em có vợ con mà.” Người thanh niên mặc quần cụt, hai đầu gối run run muốn sụp xuống.

“Đù mẹ mày lại muốn qua mặt tao hả. Hôn thú đâu?”

“Dạ... em không đem theo.”

Gã đàn ông của cục di dân túm ngực áo kẻ xấu số:

“Qua bên kia.”

Gã nhắc bóng người thanh niên như xách một con gà. Cái áo người thanh niên rách toạc. Gã lật đật bỏ người thanh niên xuống, rút khăn mùi soa lau tay cẩn thận, quất liền:

“Qua bên kia, chờ tát vỡ sọ à.”

Trong thời gian gã lau tay, một anh có vợ đi theo thật sợ quá, lén nhảy qua phía hàng độc thân. Chị vợ đứng trân bên hàng này, ứa nước mắt. Hai hàng nước mắt lã lã làm thành dấu trên bộ mặt chị vợ dơ dáy đen đui. Dấu nước mắt trên má người đàn bà như hai sợi dây móc từ hàng mi rung động loăng quăng chày xuống cái cằm tóp nhọn. Gã cà vạt đỏ thình lình chiếu tướng ngay người đàn bà khốn nạn:

“Chị kia chồng đâu?”

Người đàn bà không dám nhìn anh chồng vừa lén qua hàng nam độc thân, ấp úng nói:

“Dạ... em độc thân.”

“Dzậy qua hàng nữ, đừng làm gì đó hử.”

Người đàn bà riu riu qua hàng nữ. Có lẽ công an Việt Nam cũng chỉ dữ bằng gã béo này. Gã khuỳnh khuỳnh hai tay đi tới đi lui. Bảy lăm con người nín khe sợ sệt. Hải nghĩ thầm, hẳn chắc là an ninh? Chàng thấy bẽ bàng cả cõi lòng, những hồ hởi phấn khởi khi thấy ánh đèn Hồng Kông tiêu tan như đốm than nhúng xèo vào nước lạnh. Khí thế gã áp đảo quá, thậm chí mấy đứa con nít núp sau cửa sắt cũng co rúm lại, kinh hoàng. Gã béo lại quất lên:

“Đứng yên cả đây chờ tao cho đi mới được đi.”

Gã vào văn phòng báo cáo với hai nhân viên Cục Di Dân bằng tiếng Quảng. Gã xoa tay, vể khúm núm trước cặp mắt sắc lạnh của sếp. Một chập, gã hùng hổ đi ra nói:

“Nữ đi lối này, nam đi lối kia, gia đình thì vào cả đấy.”

Người đàn bà bị bắt làm gái độc thân khóc thút thít, vừa đi vừa ngoái lui. Anh chồng đôi mắt cũng đỏ hoe, cứ theo sức đẩy của người đi sau mà về buồng.

Sáng hôm sau, Hải được người quản giáo cho biết gã béo chỉ là thông ngôn viên cho Cục Di Dân, mục đích đến Thanh Châu để tìm người đại lục trốn theo thuyền vượt biển vì người đại lục sẽ bị trả ngay về Trung Quốc. Gã béo trước kia ở Sài Gòn, về Hồng Kông năm 1972 và được tuyển làm thông ngôn khi số người vượt biển đến Hồng Kông càng lúc càng nhiều.

“Chỉ thế thôi ư?” Hải hỏi, vừa tức vừa sợ.

“Thì cũng... đồng hương của anh đấy.”

“Ai lại...”

“Rồi anh sẽ còn gặp nhiều phiền toái nữa.”

Gần một tháng sau Hải được lệnh chuyển trại. Chàng lại nuôi hy vọng về cái đời sống bí mật bên ngoài vách đá lạnh của Thanh Châu. Hải sợ hãi cuộc sống ở đây. Như những tâm hồn nghệ sỹ khác, chàng bàng hoàng trước cảnh đời xôn xao nhiều mặt trái. Chàng co rút người sống trong vỏ ốc. Chàng giấu kín mọi tâm tư ước vọng trong những ngày dài sau tường đá. Dường như không còn gì để nói giữa chàng và Dũng, giữa chàng và người bạn văn nghệ Phú kèn, ngoại trừ chia nhau cái điếu cày khi xin đâu đó được nhúm thuốc lào. Hải chứng kiến những đoàn người rách rưới tả tơi như chàng thi nhau đến Thanh Châu. Mặt mày lơ láo còn nguyên nét kinh hoàng về cuộc hải hành và bộ trình khốn nhọc. Hải có cảm tưởng đôi mắt của đồng bào chàng như đôi mắt của loài thú hoang, vừa loang loáng vừa sợ sệt, vừa hy vọng vừa tuyệt vọng. Những cô gái chân đất, ống quần rách tả tơi, đôi mắt sụp xuống tưởng như cả thế giới này chỉ có mặt đất là đáng chú ý, đất lúc nào cũng im lặng, chơn thành. Có thể đúng như vậy thật. Tiếng khóc ỷ ôi của bầy trẻ thiếu ăn. Đôi tai âm nhạc của chàng chỉ lắng nghe tiếng khóc của đời, của những lạc loài trên đất khách, của những phiền não câm lặng. Có thể nào chàng sinh nhầm thời và chọn lầm nghiệp chướng. Hải bao lần tự hỏi, những bài ca mà chàng ấp ủ ở quê nhà, rồi sẽ được hát to giữa những con người khốn khổ bị bao vây bằng nước mặn và núi xám trùng điệp này chăng?

Hải ra khỏi hành lang hẹp, chóa mắt khi chân đặt lên cầu tàu, lên tàu cảnh sát. Hai bên và trước mặt Hải tàu bè rộ rã, những cao ốc sáng chói dưới ánh mặt

trời. Cả một bầu khí sinh động lần lượt diễn ra trước mắt. Những người đi cùng với Hải há hốc mồm, kinh ngạc.

Chỉ non mười lăm phút, chiếc tàu cảnh sát đưa bốn trăm mạng người đến ngay trung tâm Hồng Kông. Hải đi theo đoàn người như máy, leo lên một xe bọc lưới trước những cặp mắt tò mò của người qua đường. Đoàn xe dài hai mươi chiếc nối đuôi nhau chen lách giữa đường phố chật hẹp. So với những chiếc xe chở người chật cứng ở Việt Nam thì loại xe chở tù của Hồng Kông quả thật tử tế. Những đường phố tráng lệ và sự thịnh vượng của đất nước có thể thấy trên khuôn mặt no đủ của người dân. Thậm chí, con đường hầm xuyên dưới biển dẫn qua Cửu Long còn sáng hơn đất nước cực kỳ tối tăm của Hải.

Hơn một tiếng sau, chiếc xe đầu tiên ngừng trước một trại giam giữa lòng đảo Cửu Long. Hải hỏi một nhân viên Cục Cải Huấn:

“A Cỗ, trại này tên gì vậy?”

“A Kai Lâu Cái đấy”.

Chữ “đường” người Quảng đọc là “Cái”, thành ra cái trại, nguyên là trại giam tù binh trong Thế chiến 2 của Nhật, Argyle Street, thành “A Kai Lâu Cái”, đọc lên thực chết cười. Nghe nói trại này dễ thở nhất vì do Civil Aid Service quản lý, một tổ chức dân sự chuyên giúp chính quyền khi có sự cố đột xuất. Không hiểu sao Dân An Đội lại được mấy ông đi trước nói với Hải là sở “Phòng vệ Nhân dân”, nghe thực ớn lạnh. Những dãy nhà lợp tôn dài hai mươi chín mét, rộng sáu mét trông trải không có giường nhét đủ ba trăm mạng người. Hải băng qua những đường rãnh lênh bênh rác lẫn với phân người, theo trường buồng lách chân giữa một lối đi hẹp giữa buồng, hai bên thùng bọng la liệt, kẻ nằm người ngồi tràn lan trên nền đất rìn rìn nước.

Hải được xếp chung giường với một cậu bé chừng mười tuổi. Cậu ta liền thoảng khi Hải vừa ngồi xuống tấm ván:

“Anh mới đến phải không? Em biết từ hôm qua kia đấy.”

“Sao em biết?”

“Họ báo trường buồng chuẩn bị nhận người hôm qua lận. Trước em ở với cặp vợ chồng...”

Cậu bé ngật ngừng bỏ lửng. Một chập mới nói:

“Em tên Thơ đấy.”

Thơ cười. Khuôn mặt đen nắng, tóc dài chấm vai khiến Thơ có vẻ già trước tuổi. Thơ cởi trần, mặc quần cộc, gia tài của nó là cái ca nhựa màu vàng tươi, một cái muống đỏ cũng bằng nhựa, hai thùng mì gói trống, một tấm chăn xám. Nó bảo anh cũng được phát như thế. Hải ngã lưng trên tấm ván thiu thiu ngủ, nghe thằng bé dặn chút xíu để em đi lãnh cơm, anh cứ ngủ đi nhé. Nó có vẻ phấn khởi vì không phải ở chung với cặp vợ chồng nào đó nữa.

Thơ được mẹ đưa xuống thuyền vượt biển ra nước ngoài để “cho tương lai con sáng sủa, mai một bảo lãnh thầy mẹ. Xứ ngoài trọng con nít nên yên tâm để thằng bé đi một mình”. Hai tháng từ ngày xa gia đình đã dạy Thơ nhiều thứ. Thằng bé trưởng thành và hội nhập mau chóng vào thế giới xung quanh. Nó biết cả chuyện chần gối của người lớn nhờ cặp vợ chồng lục đục cạnh nó vào buổi tối. Nó biết tên những thằng A Xòe hay đánh người trong trại, mấy con “cú lường” (cô nương, nữ nhân viên cải huấn) ế chồng mặt mụn chỉ chực néo tai con nít. Nó còn bày trò đánh nhau với bọn trẻ khác gần một cú lường hắc ám nào đó để xô cho cô ả té ngã trên đường rãnh bẩn nước. Thơ kể mấy chuyện đó với Hải, hả hê và kết luận như một ông lão:

“Em bày trò thế cho đỡ nhớ nhà. Và ở đây chẳng học hành gì cả. Rồi anh coi!”

Thằng bé chạy vụt đi. Một người trạc độ bảy mươi tuổi kể giường Hải cười khàn khạch. Ông già nửa năm nửa ngời, thân hình co rút trong lớp da nhăn nhúm khô như đất. Những đường gân máu trên cổ, trên tay càng khiến ông trông như một người mắc bệnh lao thời kỳ cuối. Mà kìa, ông ho sặc sụa, chĩa mồm qua hỏi Hải khi cơn ho chưa ngớt.

“Ở đâu tới, khục...khục...”

“Cháu ở Thanh Châu ạ.”

“Tôi cũng ở đây, ai mới đến đều vào đây trước. Thế chưa vợ con gì hết à?”

Hải nói:

“Chưa đi được bác ạ.”

“À thế, khủ khủ khủ...e hèm!” Ông chòm xóm ho một hồi, lại bắt chuyện:

“Cậu người Hà Nội à.”

“Vâng.”

Chợt nhớ ra:

“À, tôi là Thâu, mọi người cứ gọi là Sâu Róm.”

Hải nhìn ông Thâu, trông giống một con sâu róm già không còn cả vỏ để thay da.

“Cẩn thận đấy nhá.”

“Sao cơ?”

“Thằng bé ở chung với cậu đấy.”

“Vâng.”

Hải “vâng” nhỏ. Chàng thấy không có điều gì cần cẩn thận với đứa bé con. Chàng hỏi:

“Bác năm nay được bao nhiêu?”

“Sáu mốt cậu, chết đến nơi rồi. E hùm.”

“Vậy mà sợ đứa nhỏ”, Hải tính nói, lại thôi. Hay là cảnh cáo ông Sâu Róm chỉ là căn bệnh thích như thế của những tâm hồn già? Chợt có tiếng gọi:

“Này bác Sâu Róm ơi!”

Người thanh niên đứng me mé trên tấm ván, nháy nháy mắt với ông Sâu Róm. Ông ta bảo khẽ:

“Thằng Thịnh đấy, nó có cái gì cho ăn rồi. Cùng làng tôi cả.”

Vẻ mặt nhọc của Sâu Róm biến mất, ông ta nhòm phắt dậy, kề tai Thịnh nói nhỏ, xong hất hàm ra dấu Hải đi theo. Ba người đi hàng một vì lối đi chỉ bằng dấu chân. Ra khỏi buồng, Thịnh nói:

“Về chỗ tôi chơi. Sát buồng anh đấy.”

Thịnh được phân một mảnh vuông ngay góc buồng. Có lẽ mỗi buồng chỉ có bốn góc sát vách là riêng biệt kín đáo nhất. Vợ Thịnh chờ ba người ngồi xuống, kín đáo gỡ cái khăn đậy đĩa bánh tráng cuốn, Sâu Róm ầm ừ:

“Nhất vợ chồng nhà này đấy nhé. Cái Hà đâu nhỉ?”

“Nó về ngay đấy.”

Thịnh đáp, bảo cái Hà là em tôi. Vợ Thịnh cầm một cuốn trao cho Hải, chén nước mắm có dầm cả ớt đỏ coi hăng hái như chân dép lốt trong thời quá độ. Sâu Róm móm mém nhai, hỏi:

“Vợ chồng mày kiếm đâu ra của tiểu tư sản này?”

“Ông lại trêu, bộ tiểu tư sản mới có đồ này sao?”

Thịnh nhai nuốt nhồm nhoàm, vẻ tự tin và hưởng thụ. Thịnh du học ở Tiệp Khắc, đỗ kỹ sư công nghiệp. Về nước thấy đời sống càng tệ hại khi so sánh với Tiệp Khắc, anh chán nản lấy vợ, vẫn cứ chán, quyết định dấn theo cô em gái mười tám tuổi vượt biên. Thịnh hỏi gia cảnh Hải, căn một miếng cuốn chia buồn, rồi bảo:

“Cái giá của tự do là thế. Cơ bản mà nói vinh quang nào không trả bằng xương máu.”

“Mày bảo thế này là vinh quang à?” Sâu Róm há mồm cự, thức ăn còn mắc ở nướu răng.

“Cái gì cũng tương đối thôi. So với bác ngày xưa, cái này không vinh quang là gì.”

“Ừ phải. Nhưng tao chỉ nông nổi vì cái thời buổi chó chết này thôi. Ngày xưa tao đâu đến nổi.”

Thịnh đã ăn xong, rút cái khăn treo trên vách chùi mép, bảo vợ pha chè, nói:

“Nói như bác thì còn nói làm gì. Cháu hỏi: thế không có bọn người như bác, xin lỗi bác nhé, cháu không có ý nói bác đâu, thì nước ta đâu đến nổi.”

“Mày đồ lỗi...”

“...diễn hình là Tiệp Khắc ấy, cũng cộng sản như ai, mà nhân dân có đến khổ như ta đâu, lại có cả Mùa Xuân Prague trắng lệt anh hùng.”

“Mày chỉ nói xàm. Tao làm gì mà lôi kéo vô cái tội tày đình ấy. Nói có cậu Hải đây, tôi chỉ là thằng già vô dụng.”

“Chính thế,” Thịnh vỗ tay. “Bác tự cho mình là vô dụng, chứ nào phải thế. Cộng sản nó thắng là bởi những người tự cho mình vô dụng.”

Sâu Róm đỏ mặt, cười gằn:

“Mày hay. Thế mày làm gì được nào? Cũng chạy như tao thôi. Chống đối tiêu cực đấy.”

“Đúng thế. Nhưng cháu biết mình sai ngay từ đầu, chứ như bác, mãi... mới biết mình sai. Thế cứ như cái cách ruộng đất đấy, sai rồi sửa sửa rồi sai. Khỏi người chết.”

Sâu Róm tợp ngậm nước, không muốn cãi lý với Thịnh nữa. Trọn đời Sâu Róm chỉ có thần tượng Hồ Chí Minh. Sâu Róm đi theo con đường của Bác, tiến nhanh tiến mạnh tiến tới đâu. Dù thế, Sâu Róm không bao giờ muốn chối bỏ thần tượng của mình. Bao nhiêu tội lỗi Sâu Róm đổ cả lên đầu hậu duệ của Bác. “Nếu bác còn sống, nhân dân ta đâu đến nỗi này,” Sâu Róm lý luận, cố tin như thế để khỏi thấy uổng phí cả đời tin vào huyền tượng của mình.

Thịnh bồi thêm:

“Cả đời bác, có bao lần ăn được một bữa như thế này nào. Cái đích của con người là cơm áo mặc trước đã, sau đó mới đến cái gọi là tinh thần. Bác cứ đi ngược.”

Hải dè chừng Thịnh mời Sâu Róm qua cho ăn để chửi. Lão già cũng biết thế nhưng dĩ thực vi tiên, chịu nhục một chút mà có ăn. Thịnh mò tay vào túi móc ra đúng ba điếu Marlboro. Anh học cái mốt hút Marlboro của thanh niên Hồng Kông mau chóng. Có lẽ nhờ cái màn ảnh nhỏ trong trại thường xuyên quảng cáo loại thuốc lá này. Hải ngạc nhiên:

“Làm sao anh có được?”

“Cứ có tiền là có hết ạ. Nhờ mấy thằng A Cố đấy.”

Vừa lúc đó một cô gái bước lên ván, tay xách đôi dép nhựa mới toanh. Cô khe khẽ đi men theo vách. Thịnh bảo:

“Chừa phần cho em đây. Đi đâu lâu thế.”

Sâu Róm như thoát nợ bị Thịnh hạch tội, nói:

“Cái Hà diện khéo nhỉ. Anh em nhà mày tiểu tư sản gồm.”

Hà khép nép gật đầu chào Hải, ngồi xoay mặt vô vách ăn cuốn. Vẻ đẹp của một bông hoa vừa nhú, mơn mớn như loại trái vừa ươm hồng. Bộ bà ba sạch sẽ của Hà nổi bật lên giữa những người còn mặc áo quần đem theo từ Việt Nam. Thịnh nói:

“Bác lại thành kiến. Của Cao ủy cho nó đấy.”

Mái tóc Hà lắc lắc về phía Hải theo động tác lên xuống đang ăn. Khói thuốc phả trắng trước mặt Hải, lờn vờn cái lưng cong của cô gái. Cô gái đã ngốn hết mấy cái cuốn, kín đáo chùi mép rồi mới quay lại. Đôi mắt đen không lớn quá, nhìn phớt qua Hải, mỉm cười. Chàng vờ nhìn tách chè nhưng lạ lùng thay trong màu nước sóng sánh ấy chỉ thấy chiếc mũi thon nhỏ, đôi môi hồng của cô gái. Hải tự mắng mình: “Rõ khéo, lại tiếng sét ái tình vớ vẩn.” Hải châm trà từ cái ca nhựa, cố lấy vẻ tự nhiên bằng cách uống ngụm nước đắng. Chàng đặt cái tách xuống, đôi mắt chột nhìn đúng vào chiếc nhẫn cưới còn đeo tay. Hải đã giữ nó suốt cuộc hải trình. Cái kỷ niệm giữa chàng và Thu. Nỗi ngậm ngùi về người vợ thủy chung xấu số. Những đêm giông bão. Những vì sao vỡ nước trên trời.

Thịnh thình lình hỏi em gái:

“Thế em có biết chừng nào khai trường không?”

“Các anh ấy bảo chắc tuần tới. Anh là hiệu trưởng lại hỏi thế.”

“Em có được học không?”

Hà lắc đầu:

“Em nhớn thế này. Hai anh ấy bảo nhiều lắm chỉ đến lớp 9.”

Sâu Róm hỏi:

“Thầy cô giáo bố trí như thế nào?”

“Cháu nghe còn thiếu thầy phụ trách bộ môn nhạc thôi.”

Thịnh reo lên:

“Thì thầy Hải đây này.”

“Vậy cơ.” Hà cũng reo lên.

“Tôi chẳng hiểu gì cả.” Hải nói.

Thịnh giải thích:

“Có hai anh ở nước ngoài về làm thiện nguyện ở trại này. Họ phụ trách công tác giáo dục, kêu gọi bà con cho con em đi học, bố trí giáo viên. Coi cũng xôm trò lắm.”

Sâu Róm bàn ngang:

“Học với chả hành, sống như thế này.”

Hà cãi:

“Bác cứ bảo thế, các em nó bớt nghịch cũng hay chứ, phải không anh Hải.”

“Cũng là cơ hội, bớt ngồi không,” Hải nói.

Sâu Róm nhìn Hải:

“Nhưng trong hoàn cảnh thế này tôi chẳng thấy sẽ có vận hội gì.”

Hải nói:

“Dân mình thế này chỉ vì bị ngu dân, có phải học là phải lên lớp, có thầy cò báng đầu bác ơi. Gần người tốt thôi cũng học rồi.”

“Thế, làm công tác văn hóa mà lại.”

“Bác nói sao cơ?”

“Thì giáo viên là người có văn hóa, đem văn hóa...”

“Không hẹp như thế đâu bác,” Hải cắt lời Sâu Róm. “Giáo dục chỉ là một trong nhiều mặt đời sống, văn hóa không phải chỉ có giáo dục.”

“Cậu nói sao lạ. Tôi lấy thí dụ nhé: trong tờ khai sơ yếu lý lịch của mọi người, có câu “trình độ văn hóa”, vậy chứ cậu ghi làm sao ở đấy?”

“Cháu số toẹt. Trình độ văn hóa mà ghi lớp mấy, hay trình độ đại học, văn bằng văn vãn thì hẹp hòi quá. Đi cày cũng là văn hóa vậy, thậm chí, xin lỗi bác, đi ỉa đồng cũng là văn hóa.”

Thịnh cắt:

“Ông nói tôi nghe được đấy. Văn hóa cái chó gì.” Đứng dậy. “Tôi phải đi họp với anh em buồng trưởng đây.”

Hà cứ cười rúc rích khiến Hải bỗng dưng ngượng vì câu thí dụ của mình. Chàng chào Hà và vợ Thịnh, đi qua buồng bên cạnh tìm Dũng. Đợt chuyển trại chỉ có Dũng là quen biết, Phú kèn còn ở lại, nghe nói sẽ chuyển về Chi Ma Wan. Riêng Mân, có lẽ còn ở Thanh Châu. Hải không hiểu cùng chung thuyền mà bọn chàng bị cắt đi làm nhiều mảnh.

Tiếng loa sắt gần đầu buồng đọc tên người dồn dập.



11.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG Ở NƯỚC ngoài về làm việc trong các trại giam trạc bốn mươi. Nước da ngăm, mặt trầm ngăm trên mức diêm đạm nên khi cười nhìn càng thâm. Rõ ràng đó là người không thích hợp trong hoàn cảnh nạn dân cần người năng động và nhạy cảm. Công việc đó hợp với người hoạt bát, một chút tiểu lâm, và thân thiện dễ gần. Ông lại thích suy ngẫm về triết lý Trung Hoa, nghiệm ra chúng nó chẳng có triết lý gì, phần lớn vay mượn rồi dán nhãn thiên triều, không sáng tạo nên điều gì giá trị. Điều duy nhất ông thích thú là chữ Tài, nhìn vào thấy hình ảnh, tình yêu, dục vọng, nhân sinh quan, tất cả hiện hữu trong từng nét, hạp lại thành đời sống.

Hải gặp ông ta lần đầu ở căn phòng phía sau niệm Phật đường. Tiến sĩ Bổng, làm thiện nguyện cho Hương Cảnh Quốc Tế Xã Hội Phục Vụ, tức International Social Service, tổ chức phi chính phủ có mặt gần như khắp thế giới. Bổng nói năng nhỏ nhẹ, thiếu mạch lạc, chuyện gì cần đào sâu thì ông ta nói phớt qua, chuyện gì nhỏ nhặt thì lại bàn kỹ. Cuộc sống đang hiện ra quanh ông không thuộc thế giới của ông. Ông trả lời máy móc vì đầu đang nghĩ chuyện khác. Tuy trả lời các câu hỏi của giáo viên khá trôi chảy, nhưng dường như ông ta thuộc loại người không phải sinh ra để quyết định. Hải công nhận Bổng tốt bụng, mỗi tuần vào trại hai hoặc ba lần, những ngày kia làm ở trại khác. Bổng mang nhiều loại sách giáo khoa in ở Hà Nội, một số in ở Hoa Kỳ. Hai loại sách giáo khoa này khiến giáo viên nhức đầu không ít vì không biết nên theo loại nào. Hải xin phép Bổng tự biên soạn chương trình dạy theo ý muốn. Phần thưởng Hải cho là xứng đáng nhất là chàng có thể xuống khu trường học nằm cách các buồng một hàng rào. Khu trường học có cây cối, hàng rào vây quanh sát nhà dân để thỉnh thoảng Hải có thể thả mắt qua hàng rào kẽm gai, xuyên qua kẽ hở của những tấm sắt đen nhìn một ngách đời sống của người bên ngoài cho thơm lây cái tự do thèm muốn và ước vọng. Trong tình cảnh chờ thời và dạy học tương đối nhàn nhã, Hải nhận thư của Phú kèn từ trại Chi Ma Wan do Bổng đem vào.

“Bạn xa nhớ,

Đến nay, do có điều kiện thuận lợi tôi viết thư này cho bạn. Đầu thư tôi chúc bạn được bằng an, mạnh khỏe và công tác tốt.

Sau gần một tháng ngày bạn đi, tôi mới được kêu chuyển trại. Tôi rất mừng vì nghĩ cái trại sắp tới chắc không đến nỗi nào. Trước khi tôi đi tôi có động viên cái Mân nhưng coi bộ không ăn thua gì. Bạn biết không, từ ngày vào trại nó cứ lảm lì không nói năng gì cả. Người ta trêu nó là Mân điên nhưng tôi không biết không phải thế. Để tớ kể tiếp: Sau đó tôi ra tàu cảnh sát, nhìn qua bên phải thấy thành phố cảng đẹp ghê hồn bạn nhỉ. Ai dè bạn biết không bọn tôi bị chở đi hướng trái, chỉ thấy núi và biển Hồng Kông càng lúc càng xa. Tôi tưởng bị trả về Việt Nam chứ. Nhiều người cũng tin thế nên rục rịch triển khai phương án đối phó. Rất may bọn tôi chưa kịp hành động gì thì tàu cập vào một hòn đảo lớn. Đảo đẹp vô cùng bạn ạ. Tôi ước được đi dạo một vòng trên ấy thì chết cũng thỏa. Vợ tôi ói mửa mật, nó không quen đi tàu cao nhanh như tàu cảnh sát. Riêng có cháu bé thì không hề hấn gì.

Bọn tôi đi bộ từ cầu tàu đến trại mất mười phút. Trại nằm sát biển, một bên là núi. Tôi ở cái trại dưới chân núi tên là Chi Ma Wan Hạ, một số lên trại trên Chi Ma Wan Thượng. Lúc bọn tôi đến, cũng có một số từ hai trại Chi Ma Wan chuyển vô đất liền. Đám này đến trước ngày 16 tháng 6 nên được chuyển qua trại tỵ nạn. Tôi gặp mấy đứa quen. Bạn nhớ Sơn gù không, tay chơi bass có thời ở đoàn mình. Nó đi ngược hướng, thấy tôi nhào ra tay bắt mặt mừng bị A Xòe thọc dùi cui vô háng muốn dập dái, nhưng cũng ráng chúc bạn phấn đấu tốt. Nhìn Sơn gù tôi thấy mình xui xẻo. Tôi còn gặp một cô gái mù được người khác dẫn đi trong đoàn Sơn gù. Tội nghiệp, không biết cô ta làm gì qua đây, đôi mắt thế thì ở đâu chẳng vậy, có thấy đời cái quái gì đâu!

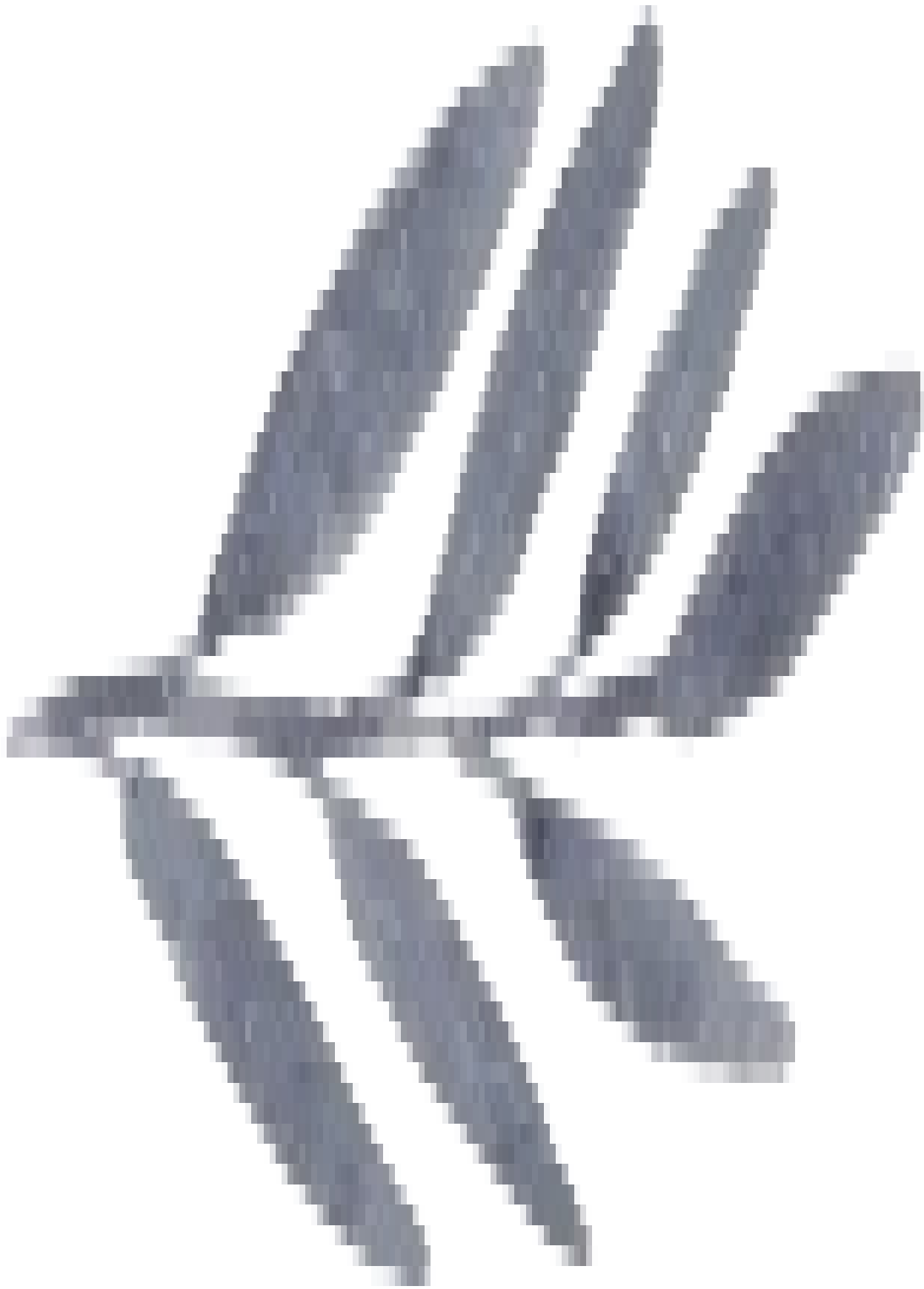
Vợ chồng tôi được buồng trưởng bố trí trên một giường ở tầng thứ ba. Buồng này nằm phía hướng biển, đêm tôi có thể nhìn thấy những chiếc thuyền lơ lửng bên ngoài. Qua ô lưới rào, tôi hình dung cảnh sống từng bùng ngoài kia rộn rã biết mấy. Có lẽ tôi đã sinh nhầm trong một cộng đồng thiếu văn minh, vị kỷ, bẻ phái và thậm chí còn dã man nữa.

Bọn đầu gấu đánh đập tàn nhẫn những người dám kháng cự. Bọn chúng muốn lấy gì của ai là lấy, chính thằng Minh này đã hiếp gần tám chục – tôi nói tám chục – cô gái nhẹ dạ khi mới chân ướt chân ráo vào trại. Nó bảo “ngủ với anh đi rồi anh cho định cư”. Những người mới đến tưởng hẳn là quan chức gì quan trọng vì hẳn nghênh ngang trước mặt bọn A Xòe la hét, khi vỡ lẽ ra chỉ đành ôm hận mà thôi. Chính bọn quản giáo A Xòe cũng khối đưa làm chuyện đồi bại đó. Cả trại ở trong không khí bàng hoàng sợ hãi, sự khủng bố đã lên cực điểm.

Tôi viết thơ về nhà dặn đừng ai đi nữa. Chẳng thà sống trên đất nước mình, dù

lắm điều xấu xa đê tiện nhưng những xấu xa đê tiện dù sao cũng được rải mỏng trên toàn đất nước, chia đều ra thì mỗi người chỉ chịu một ít mà thôi, còn ở đây mọi điều xấu tập trung lại trong một vùng đất nhỏ hẹp, cứ như là tinh hoa của bọn xấu đã qui tụ về đây, nổi bật sau hàng rào sắt và kẽm gai.

Tôi chúc bạn phấn đấu hoàn thành công tác tốt trên bước đường tìm tự do. Phần tôi, định mệnh đã an bài.”



NỘP LÁ ĐƠN XIN HỒI hương xong, Phú kèn thấp thỏm chờ đợi. Gã vốn nhát gan, ma đưa đường lãnh tụ dẫn lối lờ trốn làm sao xui gã leo lên thuyền vượt biển. Gã hình dung ngày vợ chồng bế con mặc áo rách về làng, không thấy một lối thoát nào. Buổi sáng, Phú kèn qua dãy buồng kể tìm kịch tác gia Lê Khắc. Lê Khắc trầm tĩnh, kín đáo, sự kín kẽ ấy như cái nút đóng kín một bình rượu lâu năm. Khi nút được mở ra, ông tuôn tràn, bất kể, nói văng mạng và lôi cuốn bằng từ ngữ đầy hình ảnh. Ông đi một mình, vợ đã lấy chồng khác trong thời gian ông tập trung cải tạo ở Thanh Phong, Thanh Hóa. Khi ở nhà giam, Lê Khắc khai tội chống cộng, công an chấp pháp đập một trận, lột mắt kiếng bẻ làm đôi, bắt khai lại. Nhưng Lê Khắc trước sau như một. Được thả sau 20 tháng cầm tù, Lê Khắc không vượt biển ngay. Lợi dụng sự căng thẳng giữa hai nước, một hôm ông lái xe tải đâm thẳng vào sứ quán Trung Quốc hy vọng được cho tỵ nạn. Ông tính sai về não trạng gã láng giềng khốn nạn, cứ tưởng kẻ thù của kẻ thù mình là bạn mình. Ông bị giao trả qua công sứ quán. Tù, lại ra. Và lần này theo dòng thác cách mạng thứ tư là vượt biển. Cái mắt kiếng gãy được ông ta chắp lại bằng keo, dính lỏng lẻo trên sống mũi. Ông lê la các buồng an ủi nạn nhân của bọn đầu gấu, trong đó có Phú kèn. Ông gỡ mắt kiếng, chỉ vào chỗ gãy:

“Chân lý bị bẻ đôi thì hàn nó lại, có sao, miễn thấy đường.”

Lê Khắc khinh miệt bọn đầu gấu ra mặt. Chúng đánh ông một trận nằm liệt giường ba ngày. Ngày thứ tư, ông bảo những người tới thăm:

“Chân lý bẻ đôi thì ta hàn lại thôi.”

Ai cũng nghĩ Lê Khắc thuộc loại người gàn. Riêng Phú kèn nể tư cách ngạo nghễ của ông, biết ông ôm hoài bão. Đang đọc sách, thấy Phú kèn, ông bảo:

“Ngồi đó, chỗ xứng đáng nhất cho kẻ sĩ trong thời chó đẻ là trại giam. Tôi sẽ dặt cậu vào lịch sử.”

Lê Khắc gấp cuốn sách bằng chữ Tàu lại, lấy cọng kẽm làm dấu chỗ đọc dở, nói:

“Cậu biết đây là cuốn gì không?” Ông trì ngón tay lên bìa cuốn sách đọc.

“Thống sử, những gì mà chính sử không chép thì nó nằm cả ở đây. Thời nam Tống, vua gian xảo, quan gian ác, hết thời mình. Nghe đoạn này, một quan nha mắng một quan nha, tôi chỉ đổi ít chữ cho hợp khẩu vị vô sản: Muốn làm lãnh đạo giỏi thì trong tự điển không có chữ lương tâm, liêm sỉ, tạo điều kiện cho tụi

nó làm giàu, xong gán cho nó tội trốn thuế để hốt tài sản chúng nó, đứa nào chống đánh chết, đày lên rừng độc, chiếm nhà nó, hiếp dâm vợ nó, đứa nào hèn cho làm thủ hạ, cho tí quyền thì có trét cứt vào tiền nó cũng đưa tay hứng. Lãnh đạo giỏi mà còn liêm sỉ chỉ trị nước trong thời bình, thời loạn ắt bị lật. Ấy là nguyên tắc của phép ngồi trên ăn trước. Lãnh đạo giỏi phải lật sập lương tâm, nhục là đồ xa xỉ, cứ bơ mặc đếm tiền, đập phá tàn tích cũ cho sạch, nường tay cho bày trẻ thả trôi đục vọng, vài thế hệ tụi nó quên bếng, sai bảo dễ như suýt chó, ai cự nự nhảm chừng không nguy hiểm cứ bịt tai lại. Thế mới gọi thức thời là tuấn kiệt.”

Lê Khắc cười phà: “Giống không, mà cậu làm đơn xin về đấy à?”

“Anh cũng biết?”

“Cậu quên tôi là nhà báo. Vả lại, trong này ai không biết ai.”

Tuy chỉ lướt mắt qua Phú kèn nhưng ông đọc rõ con người gã. Phú kèn là sản phẩm của đám đông thừa hưởng một nền giáo dục đồng dạng, nếu ta gọi đó là giáo dục. Sống theo đội, hòa bầy đoàn, không có chỗ cho một cá nhân tách ra khỏi bầy. Lâu ngày, cá nhân chỉ thấy an toàn trong đám đông, phản xạ theo bầy, rúm ró theo bầy. Lê Khắc chắc lười muốn rút lại một từ ngữ trong đầu vừa hiện ra vì thấy suy nghĩ của mình ác quá. Đám cặn bã. Chúng nó căm ghét dùi cui dao găm và lựu đạn, hận đám quan lại vừa ngu vừa ác, nhưng trong các dịp lễ lạc, sẵn sàng cất tiếng ca ngợi lãnh tụ. Chỉ để cảm thấy an toàn trước đôi mắt canh chừng của đám chó săn. Chúng nó hò hét theo đám đông khi có lệnh, ồn ào xia xói một người bị kết tội trước tòa án lưu động, chỉ để thấy yên lành trong đám đông. Không thể có chữ nào xác đáng hơn: Cặn bã. Cặn bã.

Phú kèn qua để tìm người tâm sự, không dè được Lê Khắc mở lời trước. Gã đáp:

“Cả hai anh ạ.”

Lê Khắc chế nước lạnh đun sôi từ ca nhựa ra chén. Cử chỉ thận trọng, mời Phú:

“Uống tí nước. Cả hai, hừm, cả hai. Cậu về nước thì làm nên trò trống gì?”

“Em qua hỏi anh việc đấy.”

“Cậu mau quên nhi. Thế cậu đi làm gì. Đói quá đi à, hay thấy người ta đi mình cũng đi, cũng không phải; đời sống trong nước khó thở, không phải nốt, khó thở

chứ không phải không thở được. Trả lời tôi, thành thật nhau nhé.”

“Em muốn làm người thợ trong một nước tự do.”

“Cậu cũng muốn tự do ư!” Lê Khắc cay đắng. Ông từng bắt gặp Phú kèn ngồi hùa với một đám trong trại, hùa theo tiếng đồng ca do một gián điệp theo thuyền vượt biên bắt nhịp, say sưa ca ngợi lãnh tụ. Một đêm kia, tên đầu gấu leo lên giường vợ chồng gã, dí dao bắt gã nằm day mặt hướng khác để “tau khai thác vợ mày.”

Phú kèn chột dạ, thú:

“Em hiểu, nhưng từ ngày biết anh em đã thay đổi, anh ạ.”

“Muốn có tự do thì phải làm người tự do đã, đầu tiên, cậu phải nghi ngờ mọi giá trị.” Lê Khắc bực dọc, nét mặt thâm trầm của Phú kèn khiến ông chạnh lòng, bõn. “Dân tộc Việt Nam là một, nước Việt Nam là một, một với một là hai, tôi và cậu bỏ quê hương yêu dấu vì ở đó mọi nguồn lực đều phục vụ cho chính trị, ta bỏ nhà cửa ruộng vườn, bỏ gia súc, chó má, trâu bò, ta bỏ một nước vô sản và qua đây thành vô sản chính hiệu. Lật ngửa tư duy ra mà trần trụi, nghi ngờ mọi thứ trước đây cậu tin tưởng. Tôi dứt khoát không về, dứt khoát không ở đây.”

Lê Khắc ân cần: “Coi như biển cả đã rửa bớt phần nào cặn bã trong người cậu.” Ông nhấn mạnh chữ “cặn bã”, lần này tự nhiên. “Cậu phải nuôi hy vọng, người ta sống được nhờ nó, dù có khi hy vọng sưng. Cố thủ, Phú ạ, còn trẻ, gian nan thử anh hùng. Cậu chưa cuối đường tuyệt vọng đâu.”

Vài hôm sau, Lê Khắc đi tìm Phú kèn. Hai người ra đứng bên hàng rào, tì tay vô ô lưới nhìn những hòn đảo mờ sương xa xăm ngoài biển. Ngay trước mặt họ là bãi cát gồ ghề đá. Một chiếc thuyền con đang neo vào bến đậu chờ khách, Phú kèn gọi:

“Hôm qua em thấy anh trả cuốn sách cho A Xòe.”

“Ừ, tôi đã đọc xong.”

“Bọn A Xòe nể anh nhỉ.”

“Đào. Bọn nó coi dân mình ra gì. Một lũ hèn hạ ăn nhờ ở đậu, chạy trốn, đã thế bao nhiêu cặn bã đem qua đây phô diễn. Tàn mạt không gì bằng.”

“Sao lại thế anh nhỉ, dân mình anh hùng...”

“Anh hùng? Anh hùng là nướng một ngàn quân để chiếm cái đồn do mười tên địch trú đóng. Anh hùng là nhìn đâu cũng thấy kẻ thù? Chỉ thằng hèn và gian mới sợ đủ thứ.”

“Hồi mới giải phóng miền Nam, em thấy...”

“Giải phóng cái con cật.” Lê Khắc chửi. “Giải phóng mà mở thêm trại tù, cướp nhà cửa người ta, đưa vợ con về làm thầy giáo, hằng triệu người trốn chui trốn nhủi trốn thực mạng, trong đó có vợ con chú mày.”

Bầy chim hải âu nhảy tung tăng trên bãi biển. Lê Khắc lưỡng lự hồi lâu mới tiếp:

“Tôi dứt khoát trốn. Mình cậu biết.”

Phú kèn bàng hoàng một giây.

“Anh trốn đi đâu?”

“Ra ngoài Hồng Kông, tìm đường đến nước thứ...”

Lê Khắc im bật ngó một tên khả nghi lơ dờ tiến lại. Hắn mặc áo ba lỗ, quần bò xanh lạnh lặn, nón tai bèo kéo ngang cặp mắt loang loáng như mắt cá sấu thò trên mặt nước. Lê Khắc biết thằng này. Nó là gián điệp được gửi theo thuyền nạn dân làm nghề trà trộn nghe ngóng. Kẻ thẳng trận đeo bám theo đám người đã mất tất cả. Thiếu tự tin đến thế. Phú kèn nói:

“Mát nhỉ. Giá gì tắm biển được thì nhất.” Chờ gã kia khuất mắt, Phú kèn thở ra nhẹ nhẹ:

“Làm sao anh sống được ngoài Hồng Kông?”

Lê Khắc trầm ngâm:

“Tôi biết không đơn giản. Nhưng hề gì, tôi còn sống được trong bao tải ở Thanh Hóa, tôi tin Hồng Kông sẽ khá hơn bao tải cậu ạ.”

“Mà anh làm gì mới được chứ?”

“Để coi.”

Lê Khắc lầm lì lên phương án trốn trại. Ông đã dò hỏi, làm như chỉ vì tò mò, nhân viên Cao ủy và một thông dịch viên người Việt đến làm ở Chi Ma Wan, con đường mà họ đã đến đây. Chỉ có hai ngã: một bằng tàu cảnh sát hay thuyền từ đảo Bình Châu, một đường bộ cắt núi (thấp) từ đường cái chạy đầu trên đảo này, đảo Lan Tau. Với khả năng đọc và nói tiếng Quan thoại và Quảng đông, ông lần dò hỏi thăm vài nhân viên Cải Huấn để tính về lối sống, cách sinh hoạt ngoài tự do. Lê Khắc đọc báo hằng ngày, tìm tòi và hình dung mạng lưới của xã hội Hồng Kông qua báo chí. Với đầu óc tinh tế và cực kỳ nhạy bén, ông từng bước hoạch định phương án trên cơ sở kiến thức thâm lượm được. Ông vững tin là mình sẽ thoát được hàng rào lưới, những cuộn kẽm gai lủng lẳng giăng bốn bề đến chim bay không lọt, và bốn trại canh ở bốn góc trại. Ông tự tin mình thoát được dù chưa từng kinh nghiệm vượt ngục. Kiến thức và tính toán vượt ngục theo kiểu Papillon của ông toàn nhờ đọc sách.

Từ khi biết ý định của Lê Khắc, Phú kèn ăn ngủ không yên. Gã thấy giống như chính gã sắp trốn trại vậy. Gã hình dung đủ thứ cực hình tra tấn man rợ mà bọn A Xòe và bọn đầu gấu sẽ dành cho Lê Khắc nếu ông bị bắt. Gã cứ đi giáp vòng hàng rào trại, túng quẩn như con gà bị nhốt trong chuồng. Người gã nóng bừng, không phải do hơi nóng từ sân bê tông bốc lên hừng hực, có khi gã thấy hoa mắt, e ngại nhìn những đứa trẻ bần thiêu đứng trốn nắng dưới mái hiên nước mũi chảy lò thò. Gã đi vòng vòng đến một hôm, cũng trưa nắng chang chang, Lê Khắc từ hướng kia đi lại chặn đầu gã, bảo nhỏ:

“Vào chỗ tôi uống tí chè.”

Những hộ ở buồng Lê Khắc tuyệt đại đa số là gia đình có con. Trẻ con, tuổi từ một tháng đến mười lăm làm nên một không khí náo động. Lê Khắc bảo:

“Cái Vân bên cạnh vừa ủng hộ ít chè tươi. Uống cậu, hừm. Buổi tối lắm lúc ngủ không được vì vợ chồng nó cứ lục đà lục đục. Con vợ biết điều thỉnh thoảng chè nước để tôi thông cảm.”

Lê Khắc chỉ một thằng bé chừng mười tuổi, ngồi bên giường đối diện, hai mắt mở thao láo nói:

“Con cái Vân đấy. Người choắt lại vì tối nào cũng phải coi bố mẹ làm việc.”

Ông thở dài nói:

“Hai mươi lăm phần trăm là trẻ con vị thành niên. Chúng lớn trong hoàn cảnh đổ

mồ hôi này. Khi lớn lên, nếu không tâm thần cũng động kinh, bất lương, ăn nói tục tũ. Thế giới: mày phải chia sẻ sự khốn nạn này vì mày không chịu dang tay đón nó.”

Phú kèn đau đớn nhớ đêm nọ, cái Ly con gã bị đánh thức thành linh vì bàn chân đạp ra thành linh của tên đầu gấu. Con bé bật khóc the thé thấy bố nằm úp mặt một bên, còn mẹ nghiêng răng chịu đựng. Con bé sẽ mang hình ảnh ô nhục của bố mẹ đến bao giờ. Lê Khắc cắt đứt hình ảnh thắt ruột của gã:

“Cậu suy nghĩ về việc rút đơn tình nguyện hồi hương chưa?”

“Em chưa dứt khoát tư tưởng.”

“Tôi không khuyên cậu điều gì trong hoàn cảnh này. Cậu thấy đó, số người lên thanh lọc về chỉ có ăn cánh gà. Cái cơ may được bao nhiêu phần trăm? Một! Cho dù tôi ở trong số một đó đi nữa, tôi cũng không đi tiếp kiến.”

“Sao vậy?”

“Tôi chống lối làm ăn tắc trách phản động của chúng nó. Tôi không chấp nhận để người khác lục vấn tư cách của mình.”

“Vì thế...”

“Đúng.”

“Anh sẽ nói cho thế giới biết!”

Lê Khắc cười khinh miệt. Khuôn mặt xương xẩu toát ra nét dữ dằn ngạo nghễ:

“Thế giới! Chó nó nghe. Cậu lớn lên trong guồng máy tuyên truyền nên cứ tưởng người Việt nào cũng anh hùng, nói ra là thế giới ngả mũ, tưởng thắng một trận là làm gì cũng được. Thắng cái con cật gì, lấy xương máu chiếm được cái đồn thì thắng hay bại? Bán vợ đợ con để xây nhà to hơn thắng hàng xóm là thắng hai bại? Tôi chỉ làm người lương thiện biết tự trọng, không có gì ghê gớm. Tự chọn tự do cho mình, không ảo tưởng.”

Tiếng ca nhựa lóc cóc các dây buông. Mọi người lục đục lãnh cơm trưa. Phú kèn nói:

“Em phải về lãnh cơm cho cháu.”

Lê Khắc nói:

“Cậu lãnh đi, qua đây ăn với tôi bữa cơm trại cuối cùng.”

Một đứa bé nghếch đầu lên tầng giường Lê Khắc:

“Chú đưa ca cháu lãnh giùm cho.”

Lê Khắc đưa ca và thau nhựa cho đứa bé, ông khòm mình chống hông trên giường, đầu cúi xuống vì thằng bé thấp quá với tay không tới. Cái mắt kiếng sút ra rơi đúng vào cái thau nhựa. Thằng bé cười:

“Chết chữa, chú khéo đấy, không nại không thấy đường thì khổ.”

“Cám ơn cháu.”

Lê Khắc đeo kiếng vào lại, chờ Phú kèn. Một chập thằng bé nhể nhại mồ hôi mang thức ăn về, nó khoe:

“Hôm nay không phải ăn cánh gà chú ơi. Đậu phụ cơ.”

Phú kèn cũng vừa đến, gã báo:

“Phải bón cho cháu.”

Hai người ngồi xếp bàn trên giường. Phú kèn lo sợ ngó quanh quất:

“Anh làm sao...”

“Cứ ăn. Đâu vào đấy cả rồi.”

“Em không dám nói gở, chỉ nghĩ đại anh có mệnh hệ gì.”

Mặt Lê Khắc nghiêm trọng:

“Phải, nếu tôi gặp chuyện không may, cậu giúp tôi điều này được không.”

“Anh cứ nói.”

“Cái giỏ xách của tôi đây. Chút xíu nữa cậu cần thận lấy cái bao thư tôi để trong đó. Nếu tôi chết...”

“Xin anh...”

“Chết là cùng chứ gì. Nếu tôi chết, cậu tìm cách gửi nó cho nhân viên Cao ủy. Lá thư tôi viết bằng tiếng Anh. Còn không nghe tin tức gì của tôi thì cậu cứ giữ lấy nó làm kỷ niệm.”

Phú kèn suýt bật khóc. Gã thấy như đang nghe một lời vĩnh biệt. Gã gật đầu lia lịa, mắt mờ lệ. Gã rút lá thư trong bụng, không dám nói một lời từ biệt. Thành linh gã nói:

“Em không có gì, kỷ niệm anh vật quý nhất phòng thân.”

Phú kèn lặn trong túi ra chiếc nhẫn cưới. Lê Khắc cảm động. Ông lắc đầu:

“Tôi hiểu lòng cậu. Giữ nó mà lo cho vợ con, tôi đã chuẩn bị đủ.”

“Em biết thế.”

“Tôi dứt khoát không nhận.”

Phú kèn cười méo xệch, gã không thấy mình thông minh hơn ngày thường, nhưng trưởng thành hơn.

“Anh đừng vùng vằng thế kia, có thấy cái đám kia nó đang nhìn mình không. Em đi đây.”

Gã khéo léo bỏ chiếc nhẫn trong ca nhựa, tụt xuống giường. Lê Khắc nắm tay gã:

“Chắc ta khó lòng gặp lại. Tôi chỉ muốn nhắn cậu một điều, làm người đừng hùa theo đám đông, mất phẩm giá.” Ông đưa cho bót căng thẳng: “Đời như cái quần lót, phải thay đi không thú lắm.”

Lê Khắc bình tĩnh ngồi uống nước một mình. Ông xúc động trước tấm lòng của Phú kèn. Ông nhìn chiếc nhẫn vàng tây mỏng tanh nằm dưới đáy ca, lòng dào dạt cảm xúc. Nhớ sự ra thái độ bất thường của mình có thể gây chú ý, ông vờ lấy báo đọc. Những dòng chữ Tàu nhảy múa. Chưa bao giờ Lê Khắc thấy mình

thiếu tập trung đến thế.

Hoàng hôn đã xuống ngoài kia. Trời tối mờ, rồi tối hẳn. Lê Khắc nhập vào đám đông đang xúm xít quanh cái ti vi màu trong trại. Ông thương cảm những bộ mặt hốc hác đăm nhìn cái màn ảnh màu. Ông thương những kèn cựa thúc đẩy nhau. Chương trình cuối đang hồi gây cần. Xen làm tình mờ nhạt, vài nụ hôn kịch tính trên màn ảnh. Lê Khắc rời đám đông, đi dạo như ngày thường ông vẫn làm. Khuất một ngọn đèn cuối trại, ông rẽ ngoặt đứng trong bóng tối, tim đập mạnh. Ông đã tập làm quen với phương án trốn trại hàng tối, nhưng sao đến lúc hành động ông hồi hộp. Máu dồn lên mặt, tim đập nhanh nhưng có khi tưởng nó ngưng lại. Trốn thoát. Trời! Cái viễn ảnh tự do khiến ông phấn khởi, quẩn quít. Ông chăm chú quan sát cái chu vi hàng rào vuông nhỏ ông đã cứa sẵn nhiều đêm trước. Chợt một gã đàn ông đầu trong buồng gần chỗ Lê Khắc đứng đi ra. Gã ngó dáo dác nhìn ông tò mò rồi đi thẳng ra sân trại. Tim Lê Khắc thắt lại. Ông lại lắng nghe, sửa lại mắt kính. Tiếng trầm trồ từ đám người xem ti vi vọng lại. Ông cho tay vào túi lấy cái kềm nhỏ cắt thép. Cái kềm lao công khổ trí ông lấy cặp được của đám thợ từ bên ngoài vào trại làm việc. Lê Khắc lại nhìn trước nhìn sau, rồi từ tốn đi lại sát hàng rào nhìn ra biển như vẫn làm mọi đêm. Ông dùng ngũ quan để phán xét đằng sau. Ông cắt, cắt vòng một ô vuông nhỏ sát đất, rồi lại đứng lên trầm ngâm nhìn ra biển. Bỗng có tiếng hỏi từ xa:

“Bác chưa đi ngủ đấy à?”

Lê Khắc chết sượng. Thực tình ông đã nghe tiếng hỏi này nhiều đêm rồi, người hỏi chỉ hỏi cho có hỏi, chứ đã quen mắt với cảnh ông nghệ sĩ đứng một mình trong bóng tối. Chờ tiếng chân người hỏi đi xa, Lê Khắc lập tức cắt mạnh mẽ, gấp rút. Mồ hôi ướt rịn trán, ướt nhẹp tay. Lê Khắc cương quyết cắt lần cuối, nếu bị phát hiện ngay lúc này thì ông cũng tuôn qua lỗ chạy. Gã gác trại ở cái chòi canh ở góc trại sẽ đuổi theo, sẽ bắn. Mặc kệ, ông đã đến phút cuối, ông đã cười lên lưng cọp.

Lê Khắc ngửa người đút đầu ra trước. Không gian bỗng như ngào ngạt trải vô bờ trên mặt ông, cái hàng rào cao vòi vọi. Ông trườn lưng, xương sống cào vào lẽ bê tông đau điếng. Hai chân đạp mạnh, ông đã lọt ra ngoài hàng rào trại. Lê Khắc bẻ lại chỗ cắt, cần người theo vệt đen của một cây cao hướng ra biển. Ông nhìn vô trại một lần chót rồi cầm đầu chạy băng qua cầu tàu. Đến chân núi, ông hồi hải leo lên. Chạy, chạy! Lê Khắc băng qua đá, lên dốc, xuống dốc.

Ông đã tìm ra con đường mòn dẫn vào trại. Đi cách con đường chừng một thước,

ông giảm bớt tốc độ. Ông biết đường còn dài phải giữ sức. Vài căn nhà lá lưa thưa im như nghĩa trang. Ông thấy biển khi hiện ra xa xa khi biến mất lúc qua một gò cao. Ông nhìn thấy những ánh đèn chớp nháy của tàu bè. Ông đi miết, hai đầu gối bắt đầu mỏi. Nếu đúng hướng và chắc chắn là đúng hướng vì đây là con đường dẫn vào Chi Ma Wuan độc đạo, ông sẽ đến làng Bối Áo chỉ non một giờ nữa. Tới ngã ba làng Bối Áo, ông rẽ phải để ra bến phà.

Quả đúng như Lê Khắc tiên liệu, vài ngôi nhà tầng quét bằng vôi trắng ngã màu đã hiện ra sau một ngã ba. Ánh đèn riu rít sức sống trên sườn núi sau những ngôi nhà ấy. Lê Khắc sửa áo, bình tĩnh đi như người dạo mát. Một con chó sủa inh ỏi khi ông đi ngang một căn nhà lợp ngói. Ông đã đến một con đường tráng nhựa vừa đủ hai chiếc ô tô chạy ngược nhau. Những hàng quán bên đường đã đóng, ngọn đèn trước cửa hiệu vẫn còn mờ, những ngọn đèn nghiêng nghiêng buồn bã trong đêm khuya đìu hiu vắng vẻ. Ông đi ngang qua một chiếc xe buýt sơn vàng đậu nghỉ đêm bên đường. Ông thấy trợ trợ quá. Cái ông đang tìm đã có, nhưng là sự hiện hữu cô độc ly khách trên đường vắng. Không một ai xung quanh chia sẻ nỗi niềm của ông. Lê Khắc ngồi xuống một phiến đá, những hàng cây cao rào rạt, sương đêm ướt đẫm. Ông ôm mặt khóc thốn thức. A, già thế này còn khóc được sao.



12.

TIẾNG “BỊCH BỊCH” NHƯ’ banh bóng rổ dội trên nền, lẫn tiếng rên “ối giờ ơi” ngoài khoảng sân hẹp trước buồng. Con nít vọt ra cửa, người lớn ùn tới dáo dác. Gã quản trại sở Phòng Vệ Nhân Dân sắp sửa đá tiếp một quả vào mạng sườn của anh lạp-xạp liền ngưng bộ khi thấy bà con túa ra. Gã nạt:

“Vào hết trong buồng!”

Gã rút chân về nhưng không phải để ngưng trò đánh đấm. Trong khi anh lạp-xạp đang dúm dúm cái đầu núp sau cán chổi, gã Phòng Vệ Nhân Dân trở người đánh cú rờ-ve chát ngay mặt anh lạp-xạp. Con nít rú lên:

“Ồ...ồ...”

Thịnh kéo tay Hải đang đứng coi, bàn:

“Thằng này có võ, tứ cá.”

Hải gạt:

“Nghề cái chó gì, tại thằng kia không dám đánh trả.”

Gã Phòng Vệ đánh trúng cú nữa, xí xố nói, cử chỉ hung dữ. Đám con nít reo hò chọc:

“Phòng Vệ Nhân Dân đánh nhân dân, Phòng Vệ Nhân Dân đánh nhân dân. Hi hi.”

Gã Phòng Vệ giơ tay dọa đám con nít. Chúng thụt cổ, le lưỡi làm bộ sợ hãi. Gã vừa quay gót, chúng lại la đồng loạt:

“A Xòe, A Xòe, A Xòe ăn mười cục cứt.”

Anh lạp-xạp vừa đau vừa xấu hổ, cười mếu máo. Anh ta ngược cái mặt đỏ lên, phân bua:

“Tôi chỉ lượm cái tàn thuốc dưới rãnh.”

Đối với dân nghiện ngập thì nhựa thuốc lá còn mê ly rùng rợn hơn ngủ với đào chóp bóng. Hải đã thấy một anh lạp-xạp triển khai chức năng làm sạch của mình qua việc bắt dế nhũi. Anh ta đứng canh me ở đường rãnh thoát nước ở chỗ văn phòng trại. Ô, một tàn thuốc lấp lừng chảy ra. Đến một ngã ba, cái tàn thuốc nhập vào dòng thác cách mạng thứ hai từ hố xí chảy xuống. Để biểu diễn tình đồng rận keo sơn, cái tàn thuốc tán ngay vào một cục phân người đang lững thững trôi bồng bênh. Anh lạp-xạp, tư duy kiểu tiểu tư sản hữu khuynh, dùng cái xẻng chận ngay cái tàn thuốc một cách chuyên nghiệp trong khi cái xẻng không đựng cục phân một ly, biểu diễn tay nghề lao động sáng tạo quá sức điển hình. Anh ta nhìn trước nhìn sau tránh đôi mắt của bọn xét lại Phòng Vệ Nhân Dân, rồi nhanh như Mig 23 cúi xuống vớt cái tàn dư phản động cho vào tấm khăn tay cáu bẩn. Sau giờ công tác, anh ta tranh thủ phơi tàn thuốc, lật qua lật lại cho chóng khô. Thế là có một củ rất phê. Với cái tinh thần triệt để khai thác tư liệu tiêu thụ có sẵn, anh lạp xạp cất kỹ cái bình thuốc lào vừa hút vì “nước đã thấm chất nicotin mà lị”. Lấy một cọng vải từ cái khăn gói tàn thuốc, anh ta nhúng vào bình nước chỉ hơi đen đen, lại phơi cọng vải cho khô trước khi tiêm cọng vải vào ống, bật lửa kéo một củ nữa, xong, anh ta cất kỹ cái bình không thì có kẻ cứ xin đi “rửa hộ”. Anh ta giải thích:

“Nó rửa cái chó gì, cứ cho nước sạch vào thì mất cả mùi. Hút nhặt thếch chẳng ra cái thể thống nào cả. “

Mà phải đâu chỉ có anh lạp xạp. Từ thượng tầng trí thức đến hạ tầng cơ sở đều đổ dồn ra một chất nhựa rất phê ấy. Cả Hải, bữa nào không kéo nhờ được một củ, củ cuối, có khi hút cả tàn vào miệng – là người cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn, lên lớp giảng bài như kẻ mộng du.

Mỗi lần Bống vào là Hải lại nhận được một bữa thuốc. Ngoài cái đó ra Bống còn làm công tác gửi thư. Cũng như phần lớn bà con khác, trong tập vở giáo án Hải luôn kẹp một lá thư viết sẵn. Chàng ngượng ngùng bảo Bống “dán hộ” tem, có khi những lá thư không dán tem lên tới hàng chục nhưng Bống cứ nhận. Hải biết Bống gửi giúp vì chàng nhận thư hồi âm của mẹ. Nét chữ run rẩy rất khó đọc của cụ làm Hải bật khóc. Cụ cứ ngỡ như thư Hải viết là mọi người đã tới Hồng Kông vô sự. Cụ viết: “Nhà ta quả còn phúc Đảng.” Hải bật cười, biết cụ sợ kiểm duyệt. Hải khổ sở vì sự hy vọng của mẹ. Chàng nhớ con nhớ vợ rạc cả người. Có hôm đang dạy lũ trẻ tập hát, Hải muốn chừng bỏ dở buổi dạy khi nom một đứa giống bé Ngọc không chừng. Đồng nghiệp đều có nỗi khổ tâm riêng nên chẳng ai buồn

nghe tâm sự kẻ khác. Giữa mấy ngàn người xào xạc náo nhiệt, nổi cô đơn đè nặng Hải như núi.

Nhưng dường như trời không khe khắt với riêng ai cả. Một hôm Bổng triển khai thêm một lớp cho khối mẫu giáo. Ông ta tuyển thêm giáo viên, nhờ Hải giới thiệu một người, Hải nói:

“Có cô Hà đang học giáo viên ở Hà Nội. Tuy chưa có kinh nghiệm nhưng nhiệt tình công tác lắm.”

Bổng nhất trí. Hà được Hải báo tin, cười nắc nẻ:

“Em không làm tốt là anh chịu cả nhé.”

“Ừ, anh chịu.”

Nhưng Hải không chịu vì Hà giảng dạy không được tốt. Chàng phải chịu những xầm xì bất mãn của đồng nghiệp. Hải tảng lờ như không. Chàng thấy mình được đền bù mỗi lần trông Hà đùa giỡn với lũ trẻ trong lớp. Nhưng Hà chỉ vui lúc ấy. Tan giờ, nàng tìm Hải bảo:

“Người ta nói em có gì với anh đấy.”

“Mặc xác.”

“Em không chịu đâu.”

Hà vùng vằng, Hải mỉm cười:

“Không chịu người ta nói hay không chịu anh?”

Hà nói:

“Cả hai chứ.”

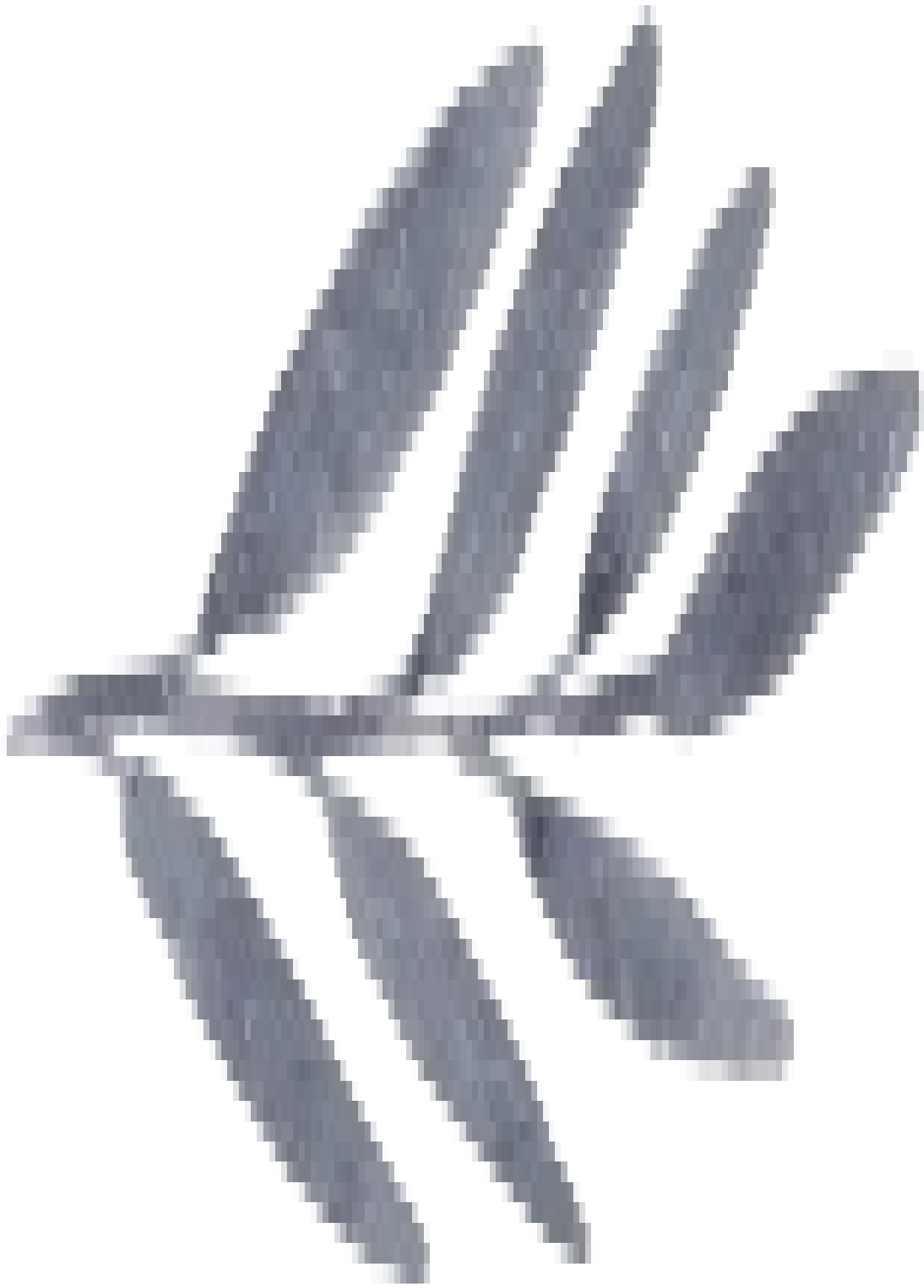
Hải ngấm khuôn mặt trắng hồng của Hà. Chàng hình dung nếu Hà đi một mình ở trại Chi Ma Wan thì làm sao giữ thân cho được. Ngay cả vợ Phú kèn có chồng bên cạnh còn bị làm nhục như thế. Trong một lá thư khác Phú kèn nói gã đã rút đơn xin hồi hương sau khi Lê Khắc trốn trại. Gã nói sẽ quyết tử ở lại đối đầu với Cục Di Dân. Cuối thư gã chúc Hải bớt cô đơn và phấn đấu công tác tốt. Hải nhắc

lại lá thơ của Phú kèn mà chàng đưa cho Hà đọc hôm trước, nói:

“Em không chịu thì Phú kèn nó chúc trật rồi.”

“Em mặc kệ anh ấy.”

Vài ánh mắt soi mói ngoài cửa. Chàng gấp vở, chờ Hà ra cửa mới đi theo. Tiếng ô tô ngoài đường vọng lên ròn rã. Trại Argyle nằm sát bên một con đường lớn ở Cửu Long, chỉ khuất sau vài cây lớn. Khúc đường dẫn về phía trại khá thưa nên người ngoài khó lòng biết họ đang đi ngang một trại giam nạn dân. Cuối năm 1988, thuyền nhân vẫn tiếp tục đến Hồng Kông bất chấp thời tiết cực kỳ xấu và lòng hiếu khách tồi tệ của dân bản xứ. Con số bao nhiêu người bỏ mình trên biển không ai biết nhưng số người đến thì xuất hiện đều đều trên tờ nhật báo Anh ngữ lớn nhất ở Hồng Kông, South China Morning Post. Ngày 1 tháng 12, tờ báo đăng hình một thanh niên đầu tiên được ra tự do. Người này đến trước ngày bắt đầu thanh lọc, đang ở trại tỵ nạn Pillar Point, còn gọi là Trại 46. Các trại được xếp là tỵ nạn đã mở cửa, người tỵ nạn tự do ra ngoài tìm việc làm. Dân chúng liền bày tỏ sự bất mãn vì cùng với tỵ nạn xã hội, họ coi khối người đến trước ngày dứt điểm đang dành giựt công ăn việc làm. Song song với việc mở cửa các trại tỵ nạn, chính quyền bắt đầu dựng thêm các trại giam. Những phương án đề xuất tìm địa điểm dựng trại đều gặp sự chống đối của dân chúng. Hai vấn nạn hàng đầu của Hồng Kông đã rõ rệt: năm 1997 (Hồng Kông bị trả về thuộc địa) và nạn dân. Giữa tình thế sôi bỏng của một xã hội phú túc và hỗn loạn như thế, nạn dân ở trại Argyle được lệnh dời qua trại mới, trại giam Đầu Bạc (Whitehead). Lúc đó là đầu năm 1989, Hải chuyển trại chuyển này.



HẢI CÓ THỂ NGHE TIẾNG sóng biển thật khẽ trong những đêm khuya vắng. Tiếng động khe khẽ nhẹ nhàng ấy vỗ về tâm tư Hải, hình ảnh ngôi nhà ba gian và một cái dãi nước lờ đờ đục sau hè, những ngày Hải vừa chập chững lớn, chạy loanh quanh sân sau, nhìn nắng chiều chiếu một nửa thân cây chuối và nghe tiếng gà gáy xa xăm lạc loài. Hình ảnh ấy ăn sâu trong tâm khảm, khi khôn lớn đi lang bạt giang hồ, Hải ôm đàn hát thầm, nước mắt ứa lặng lẽ mỗi lần hát “Ngày trở về” của Phạm Duy.

Ngày trở về

Anh bước lên

Trên quãng đường đê đến bến lũy tre

Nắng vàng hoe

Vườn rau trước hè chờ đón người về

Mẹ lần mò

Ra trước ao

Nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ

Tiếc rằng ta

Đôi mắt đã lòa vì quá đợi chờ...

Hải lui về một hình ảnh có sẵn. Chàng hình dung người mẹ quơ tay lần mò ra ao, thân hình run rẩy. Chàng khóc vì bài hát bao lần, những khi ngồi một mình, những khi chiều tà hoang vắng, những đêm buồn gió rít ngoài cửa, hay ngay cả những đêm giao thừa nghe đì đùng pháo nổ xa xôi. Hải nghĩ cả cuộc đời nghệ sỹ của chàng cũng sẽ không bao giờ làm được một lời ca tài hoa như vậy. Chàng biết sẽ chẳng bao giờ có một ca khúc làm chàng xúc động với những hình ảnh tràn ngập như thế, như mọi hình tượng ấy đã dàn dựng sẵn trong hồn.

Chàng cho rằng một nghệ phẩm thành công không phải chỉ vì nó dựng lên được hình tượng trong lòng người, mà thực ra nhờ nó khơi được một cảnh sắc có sẵn,

một âm thanh ngự đầu đó trong lòng tha nhân. Khi hình và thanh trú nơi người được khuấy lên do tác động của tác phẩm, người nghệ sỹ đã thành công, thành công không phải vì hần đã truyền được bản chất rất riêng của hần qua những kết cấu hữu cơ, mà vì đã đánh thức được nhiều (hay chỉ một) hình tượng trong lòng người thường lãm, đã từ lâu ập ủ, đã bao ngày yêu dấu, hay thậm chí đã quên mất rồi vì những phồn âm tạp cảnh giăng bí ngô đời.

Hải nghe tiếng sóng thật khê. Mẹ chàng sẽ nịu áo con trong một chiều tà nào đó, có nắng vàng rơi trên bụi chuối sau hè. Chàng nghĩ Phạm Duy đã làm tuyệt vời lời ca vì thể hiện được hình ảnh đẹp nhất của người mẹ là sự lặng lẽ, lặng lẽ cực kỳ mà cũng sinh động cực kỳ. Chỉ “nằm áo” và “lần mò”, mẹ không nói lời nào cả. Nhưng thế, đã đưa cái động của mẹ hòa vào nỗi tịnh tịch của chiều vàng.

Thơ đập nhẹ vào chân Hải, ú ớ cơn mê. Chàng và Thơ nằm trên tầng thứ ba. Có một khoảng không quý báu từ giường gỗ lên trần nhà. Hai tầng dưới cao chỉ vừa đủ cho người lớn ngồi. Hải phải tấn mấy cái thùng giấy đựng mì gói nơi mép vì sợ Thơ mê ngủ lăn xuống đất như hôm có thằng bé rớt từ tầng ba xuống võ óc. Thơ lại ú ớ: “Bà...bà...bà.” Chàng nghiêng mặt nhìn thằng bé. Nước giải đọng một bên má nó ướt nhẹp. Khuôn mặt nó như quắt lại sau tiếng mớ. Thành linh, nó hét lên lanh lảnh, cái mồm xéo xệch gọi: “Bố...bố”. Hải thẳng thốt khi thấy đôi mắt nhắm nghiền của nó ướt ướt nước. Bên ngoài, trời he hé sáng.

Có tiếng kêu ới ới từ hàng rào phân trại B. Tiếng trả lời oang oang bên phân trại Hải. Hai trại chỉ cách nhau cái hàng rào lưới, sáng sớm nào cũng có tiếng gọi ới ới như thế. Người bên này vừa đánh răng ở vòi nước sát hàng rào vừa trao đổi. Người kia bảo:

“Mày tranh thủ qua bên này chút đi.”

Bên này:

“Thế có nào được.”

Bên kia:

“Hôm nay anh Bồng vào đấy. Nhờ anh ấy dẫn qua.”

Bên này:

“A Xòe khó bỏ mẹ.”

Bên kia:

“Tao biết mà. Thì cứ canh lúc nào cú lường đối ca hẳn qua. Tao nhờ anh Bổng xin mày qua tham quan trường học.”

Gần tới trưa Bổng vào. Hải thấy Bổng trình giấy ở cổng, đeo ba lô lầm lũi bước. Ông ta đi với một cô gái nhỏ nhắn, vừa đi vừa vẫy tay chào mấy người quen đứng dán mắt vào hàng rào. Có chị giáo viên hồ hởi hỏi vọng ra:

“Anh Bổng vào đây à.”

“Vâng.”

“Thế có mua nạp xưởng hộ em không đấy.”

“Có đây. Cô kêu hộ giáo viên tập trung ở lớp nhé.”

Dù đã dặn kêu hộ, Bổng cũng lên văn phòng trại gọi loa. Cô gái đi theo Bổng đeo ba lô, tóc ngắn, khuôn mặt bầu bĩnh thoảng e dè khi những người trong trại vây lấy cô trong lúc Bổng tạt qua buồng hiệu trưởng Thịnh kêu đi họp. Hải tò mò đứng ngoài đám đông, quan sát cô gái lạ.

“Thế chị vào đây công tác đây à?” Đám đông lao nhao hỏi.

“Vâng.”

“Làm ở trại chúng em đây phải không?”

“Vâng, tôi làm ở trại này.”

“Thích nhỉ.”

Mấy đứa bé thấy cô gái hiền lành, bạo dạn níu tay. Cô mỉm cười vỗ vỗ đầu mấy đứa trẻ. Vài người bàn nhỏ:

“Trông bình dị nhỉ.”

“Xùy, người ta ở nước ngoài về.”

“Ai chả biết thế.”

“Này chị ấy ơi, chị là người Bắc hay Nam đấy?”

Cô gái lộ vẻ không vui. Cô khách sáo nói:

“Tôi cũng là người Việt Nam như các anh các chị mà.”

Một gã giáo viên xồn xồn vồ vập:

“Tui nghe giọng chị biết người miền Nam mà. Chà, rứa là người mình cả. Quý rứa hè.”

Gã vừa phát biểu là giáo viên Anh ngữ. Gã có vẻ tự tin nói tiếp:

“Tui tên Lào.”

“Anh là giáo viên à?”

Lào hiu hiu nói lớn:

“Tui dạy tiếng Anh.”

Cô gái mỉm cười. Đám đông giãn ra khi thấy Bồng. Bồng gọi:

“Đi vào đây Phương ơi.”

Chờ giáo viên lục tục kéo tới, Bồng lăm nhăm rồi hỏi:

“Còn thiếu ai nữa?”

Thịnh đáp:

“Báo cáo anh, còn thiếu cô phụ trách khối mẫu giáo.”

Bồng nhăn mặt khó chịu:

“Lúc nào cũng trễ, ở ngay trong trại mà.”

“Cô ấy có con mọn.”

Bồng ừ hừ:

“Thôi được, giới thiệu với các anh chị đây là cô Phương, giáo viên từ Mỹ về làm việc tại trại ta.”

Tiếng ồ lên:

“Thế anh Bổng bỏ chúng em đây à.”

Bổng pha trò:

“Tôi đâu bỏ các chị nôi. Cô Phương sẽ điều hợp và giúp đỡ các anh chị ở trại A. Tôi sẽ coi ở trại B. Có điều gì cần giải quyết, từ nay các anh chị cứ báo cáo lên cô Phương.”

Bổng cho biết trại sẽ dành hai dãy buồng làm lớp học, tạm dùng niệm Phật đường làm hai lớp mẫu giáo. Bổng ra hạn tuổi cho học sinh tiểu học. Thịnh giơ tay phát biểu:

“Tôi nhất trí về đề nghị của anh. Tuy nhiên, vì tình hình thực tế không cho phép, số tuổi anh quy định cho khối tiểu học không phản ánh được trình độ khả năng của bản thân nhiều em.”

Bổng cau mày, mắt ló ra:

“Anh Thịnh muốn nói gì?”

“Ý tôi là do tình hình khó khăn ở nước ta nên nhiều em đã lớn vẫn chỉ mới học đến lớp một.”

Bổng đáp:

“Con số ấy chắc không nhiều. Các anh chị biết em nào như thế thì cứ bố trí cho thích hợp.”

Mọi người lao nhao hỏi. Phương có vẻ chưa thông với lối bàn thảo như thế. Cách Bổng nói xa lạ làm cô bối rối. Cái gì là “bố trí”, rồi thì “tình hình thực tế”. Sau buổi họp, Bổng cắt nghĩa lại cho Phương, ông ta cười bảo:

“Rồi em sẽ quen.”

Giáo viên phấn khởi vì có thêm người mới. Họ hỏi đủ thứ chuyện về đời sống ở

nước ngoài. Hải thấy Phương toát mồ hôi vì những câu hỏi tò mò. Cô gái ban đầu còn trả lời nhỏ nhẹ, dè chừng, sau, chừng đã quen thuộc cô hằng hái thảo luận, phê bình. Hải nhớ nhất là câu nói của Phương:

“Tôi cũng ty nạn như các anh chị, chỉ may mắn đi trước thôi.”

Cô gái cũng có khối điều để tìm hiểu đời sống ở một trại giam. Tiếng loa sắt gắn ở đầu buồng gần đó chợt vang lên gắt gỏng:

“VRD 21212, VRD... Tôi nhắc lại lần chót nà nên ngay văn phòng trại nhé.”

Người xưng tên có vẻ khó chịu, anh ta lầm bầm chửi nhỏ nhỏ sau khi đọc. Bổng nói:

“Thôi cô Phương ở lại sinh hoạt. Tôi qua bên kia.”

Chờ Bổng đi khỏi, giáo viên lại bu quanh Phương:

“Trưa nay chị vào chỗ em ăn cơm trại nhé.”

“Vào chỗ em đã nào.”

Giáo viên anh ngữ Lào đăng hăng:

“Có chị đây tui lại có người tâm đầu ý hợp rồi.”

“Anh bảo sao ạ.”

“Thì có chữ mô khó, chị giải thích cho tui. Mà này, chị phải giúp cho tui cái ni lớp tiếng Anh mới tốt được.”

“Anh cứ nói.”

“Tui cần cuốn tự điển Anh Việt, Việt Anh. Chị coi, dững sĩ mà không có kiếm bấu thì mần ăn chi được nợ.”

Phương thoáng khó chịu nhưng cũng lật sổ tay ghi. Cô làm việc ngay tại chỗ, yêu cầu Thịnh nộp danh sách học sinh đăng ký đi học, sắp xếp thời khóa biểu, bố trí giáo viên phụ trách bộ môn. Phương bảo Hải:

“Tôi cần những người như anh, cần làm không khí học vui nhộn.”

“Chị quan tâm thế còn gì bằng.” Hải nói, chàng nghĩ đến Thơ. Phải bắt thằng bé đi học đi hát.

Buổi tối, chàng sai Thơ chạy qua buồng nữ tìm Hà. Từ ngày chuyển về đây, Hà ở buồng nữ độc thân, cấm địa của đàn ông độc thân tại chỗ như Hải. Thơ trở về, thở hồng hộc:

“Chị Hà bảo anh ra chỗ vòi nước chờ chị ấy.”

Hải ra chỗ vòi nước. Ngay căn phòng trống dành cho giáo dân sinh hoạt, Hải nghe các buồng trưởng đang bàn thảo. Giọng Thận, tổ trưởng Tổ Thi Đua, ông đề xuất phương án kiểm tra chất lượng giảng dạy của giáo viên. Chàng đoán rồi đây Thận sẽ không để Phương làm việc dễ dàng.

Quả nhiên vài ngày sau, một đại diện buồng trưởng yêu cầu Phương đến dự một buổi họp liên ban. Phía bộ phận giáo dục, có Phương và Thịnh, bên thi đua có Thận và ba người đàn ông trung niên khác. Chờ Phương ngồi, Thận vô đề ngay:

“Chúng tôi nà Tổ Thi Đua.”

Phương gắt:

“Cái gì vậy?”

Thịnh cắt nghĩa, giọng anh ta rụt rè thấy rõ:

“Anh Thận là tổ...”

Thận nói:

“Chúng tôi nập ra Tổ Thi Đua để kiểm tra và động viên mọi sinh hoạt của bà con trong trại. Trước khi trình bày, tôi xin được thay mặt bà con trong trại cảm ơn chị đã quan tâm giúp đỡ bà con trong trại ạ.”

“Ra chú là trưởng trại.” Phương vẫn chưa hiểu rõ người đàn ông cận thị nặng, khuôn mặt xương và giọng nói thật dứt khoát muốn nói gì.

Thận kiên nhẫn:

“Không phải thế. Tôi lói thế này thì chị đã thông tư tưởng: Trong trại này có

những ban ngành chuyên môn. Chẳng hạn như Khối Giáo Dục, đại diện các buổi vân...vân... Tuy nhiên, nếu các ban ngành mạnh ai nấy nắm việc thì sẽ thiếu nhất trí, hơn nữa sẽ không phản ánh tình hình chung trong trại cũng như tâm tư nguyện vọng của bà con. Phát xuất từ nhu cầu thực tế đó, chúng tôi mạnh dạn đứng ra thành lập Tổ Thi Đua. Chức năng chủ yếu của chúng tôi là kiểm tra chất lượng phục vụ của các ban ngành để đảm bảo mọi người mọi việc đều được thi hành tốt. Nói tóm lại, chúng tôi tự thấy có nhiệm vụ đảm bảo cho bà con trong trại có một nếp sống văn minh lành mạnh, có văn hóa.”

Phương hỏi:

“Vậy có nghĩa là chú muốn tham gia vào Khối Giáo Dục.”

Thận mỉm cười. Giọng ông ta trầm bổng:

“Gần như thế. Chúng tôi biết chị đang phụ trách Khối Giáo Dục, và trong nay mai các cháu sẽ được cấp sách đến trường. Tuy nhiên, muốn cho các cháu được học tốt thì chất lượng giảng dạy của các giáo viên phải đạt yêu cầu chuyên môn. Có lẽ chị mới về chưa biết, nhiều giáo viên chưa từng tốt nghiệp sư phạm nhưng vẫn đang nắm công tác giảng dạy của người giáo viên nhân dân.”

Thịnh đỡ lời:

“Chẳng hạn như tôi, bản thân là một kỹ sư nông nghiệp.”

Thận lại mỉm cười tế nhị:

“Vâng. Nhưng anh Thịnh chỉ nắm công tác điều hành trường lớp. Điều chúng tôi muốn nói là có một số giáo viên chưa thông qua trình độ chuyên môn nhưng vẫn đang nắm công tác của người kỹ sư tâm hồn. Nếu tình trạng này còn tiếp diễn thì bà con trong trại sẽ không để con em mình đến lớp. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề nghị một phương án kiểm tra chất lượng giáo viên để đánh giá trình độ chuyên môn, giáo viên nào không đạt mục đích yêu cầu thì chúng tôi không để họ nên lớp.”

Phương gắt:

“Nếu vậy các chú muốn làm gì đây?”

“Chúng tôi sẽ lập ra một ban chuyên môn khảo sát trình độ của từng người. Ban

chuyên môn sẽ gồm những giáo viên kinh nghiệm đã có quá trình giảng dạy ở Việt Nam. Chúng tôi biết ai nà người có kinh nghiệm, tuy nhiên điều này cần có sự nhất trí của chị. Mục đích chúng tôi mời chị đến hôm nay là để trình bày như vậy.”

Phương nói, dường như cô đã quyết định trong thời gian Thận nói:

“Tôi không đồng ý. Tôi là một giáo viên, tự tôi sẽ đánh giá khả năng của từng người khi họ lên lớp. Hơn nữa, giáo viên là nhân viên do cơ quan ISS tuyển, họ ăn lương của ISS, dù chỉ một trăm hai chục đồng một tháng.”

Không khí căng thẳng trước phản ứng quyết liệt của cô gái nhỏ bé. Người đàn ông thứ nhất ngồi cạnh Thận nói:

“Chị chưa nắm rõ ý anh Thận. Chúng tôi chỉ muốn đảm bảo chất lượng giảng dạy nên mới đề xuất một phương án như thế.”

Phương cương quyết:

“Tôi hiểu chứ sao không. Nhưng đó là các anh vi phạm tự do của người khác. Các anh nên nhớ, ai sẽ là người đủ tư cách kiểm tra giáo viên. Làm sao tôi tin là người kiểm tra cũng là giáo viên như các anh chị nói.”

Phương đổi từ “chú” qua “các anh”, cô gằn chữ “vi phạm” mạnh. Người đàn ông thứ hai phát biểu:

“Chị nói thế là không rõ tâm tư nguyện vọng của bà con trong trại. Chúng tôi muốn đảm bảo các cháu sẽ được giảng dạy tốt. Chị nên nhớ bản thân các giáo viên của chị cũng chỉ là bà con trong trại mà thôi.”

Người đàn ông thứ ba tiếp:

“Chúng tôi chỉ phản ánh nguyện vọng của tuyệt đại đa số bà con trong trại.”

Người đàn ông thứ nhất:

“Nếu chị nhất trí, ta sẽ triển khai việc thành lập ban giám sát.”

Phương hỏi:

“Các anh được mọi người bầu lên à?”

Thận đỡ:

“Không ai bầu chúng tôi, tuy nhiên việc nằm của chúng tôi dứt khoát nà thể hiện tâm tư tình cảm của bà con.”

Phương cứng rắn:

“Đã vậy, tôi không...nhất...nhất...nhất trí với các anh chị. Chính tôi sẽ mở các khóa huấn luyện cho giáo viên.”

Thịnh hạ bầu không khí căng thẳng bằng một câu ba phải:

“Tôi đề nghị thế này: Nói chung là các anh trong Tổ Thi Đua cũng có lý mà chị Phương cũng có lý của chị ấy. Chúng ta nên bàn lại việc này trong một dịp khác.”

Phương đứng lên, bảo:

“Tôi không có thì giờ để bàn gì thêm nữa. Tôi có nhiều việc phải làm chứ không chỉ để họp.”

Thận và ba người đàn ông cười gượng khi Phương chào họ. Trên đường về, Phương trách Thịnh:

“Từ nay anh đừng kêu tôi đi họp thế nữa, chỉ tổ mất thì giờ. Họ lấy quyền gì mà giám sát chúng ta chớ, chỉ có độc tài mới đàn áp thô bạo như vậy.”

Thịnh cười buồn. Anh đồng ý nhưng bản thân anh cũng bị nhiều sức ép trong trại, anh phải chiều lòng họ để được yên. Thịnh kể nội dung cuộc họp cho Hải, bảo:

“Tôi sợ cô ấy thẳng quá, chắc bên Thi Đua họ không nhượng bộ.”

Hải nói:

“Những người quen sống trong môi trường tự do là thế. Không có chuyện cưỡng bức thô bạo.”

“Tớ không hiểu ý cô ta, mới đầu thì chú chú sau kêu anh tuốt luốt.”

“Nhân xưng đại danh từ đâu nói lên sự kính trọng. Tớ cho là một dân tộc càng có nhiều tiếng để gọi nhau thì coi chừng sinh độc tài, nhất là khi ta không thiện nguyện mà dùng nó để nâng bi. Có đúng thế không? Người ta bắt cậu gọi bằng bác bằng chú nhưng trong lòng cậu coi thẳng đó không ra gì, vậy thôi. Không phải vì Tây phương thiếu những cụm từ đó mà gia đình và xã hội tan rã.”

“Cậu nói nhiều quá.”

Hải mỉm cười. Thịnh nói:

“Tớ không hiểu cậu. Việc xưng hô có gì là mất tự do đâu?”

“Con người chỉ có thể đối thoại thẳng thắn khi cùng ở một vị trí.”

“Cậu thấy đấy,” Thịnh càu nhàu. “Mà này, tớ thấy dù sao người mình xưng hô vậy nghe êm ấm, chứ già trẻ lớn bé đều đồng chí cả nghe ghê bỏ mẹ.”

“Cậu nói thế tớ thua thật đấy,” Hải cười xòa.

Phong trào chống thanh lọc đang dâng lên mạnh mẽ từ sau đợt thuyền nhân gồm 75 người đầu tiên về Việt Nam trong chương trình tự nguyện hồi hương. Sâu Róm có mặt trong đợt đầu ấy. Hôm chuyển trại từ Argyle qua Đầu Bạc, Sâu Róm ở lại, khóc đầm đề, bảo: “Cuộc đời tôi như thế đã hết rồi. Cái chút hy vọng tự do tôi nhường cho các cậu.” Hải nghĩ Sâu Róm chúc thật. Chỉ tiếc lời chúc không đúng một phần trăm thực tế vì trước khi chuẩn bị đánh nhau với Cục Di Dân dành tự do thì nạn dân đã dàn trận đánh nhau kịch liệt. Đánh nhau bằng tay, bằng chân, bằng cô lập. Người miền Nam, nghĩa là sống từ vĩ tuyến 17 trở vào, rút vào ở chung một buồng. Họ vừa có vẻ ngạo nghễ vừa căng thẳng sợ hãi vì số người miền Bắc đông gần gấp mười. Có người xin chuyển qua trại Cape Collinson dành riêng cho người từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam. Có hôm Hải đọc một tờ báo Việt ngữ xuất bản ở nước ngoài. Chàng thấy tờ báo đăng lá thư của một cựu sĩ quan chế độ cũ kêu gọi đồng bào hải ngoại hãy cứu gấp ông ta vì ông ta đang phải ở chung với Việt cộng! Nhu cầu cần đọc tin trong trại quá lớn nên chẳng mấy chốc ai cũng đọc được lá thư thống thiết này. Kẻ phẫn nộ chửi thề, người cúi đầu trầm ngâm suy nghĩ. Hải buồn bực sẵn, thêm cái lá thư khiến chàng ngao ngán. Vết thương còn quá mới, chính quyền còn không ngừng khoét rộng bằng chính sách và ngôn từ biểu sao đất nước chỉ thống nhất về mặt địa lý. Còn lâu lắm mới thống nhất, giải vây thù hận này phải bắt đầu từ đâu nếu không từ những người có quyền để trẻ con biết lịch sử không chỉ có năm mươi năm gần đây thôi.



13.

TRONG TRẠI BỔNG XUẤT hiện một loại truyền đơn miệng do trưởng buồng mớm. Nội dung: “Những người đến sau ngày 16 tháng 6 sẽ được đi định cư ở Á Căn Đình.” Không còn gì đáng hồ hởi phấn khởi hơn thế nữa. Mọi người hoang mang, ngờ vực, hy vọng với cái tin giật gân như thế. Hải dò Phương, người mà chàng tin tưởng thật lòng:

“Chị ở ngoài rành tin tức hơn chúng tôi. Thế có đúng thế không?”

Phương há hốc mồm, kinh ngạc:

“Ai bảo anh như thế. Nếu có tin như vậy thì tôi là người đầu tiên cho các anh biết chứ.” Phương trầm ngâm tiếp:

“Các anh hy vọng hão sẽ không biết cách đối phó với tình hình thực tế, rồi có ngày trắng mắt luôn.”

Hải nhận xét chỉ sau vài tháng làm việc, Phương đã tiếp thu cách nói chuyện và phê phán của người miền Bắc khá kỹ. Hải bảo:

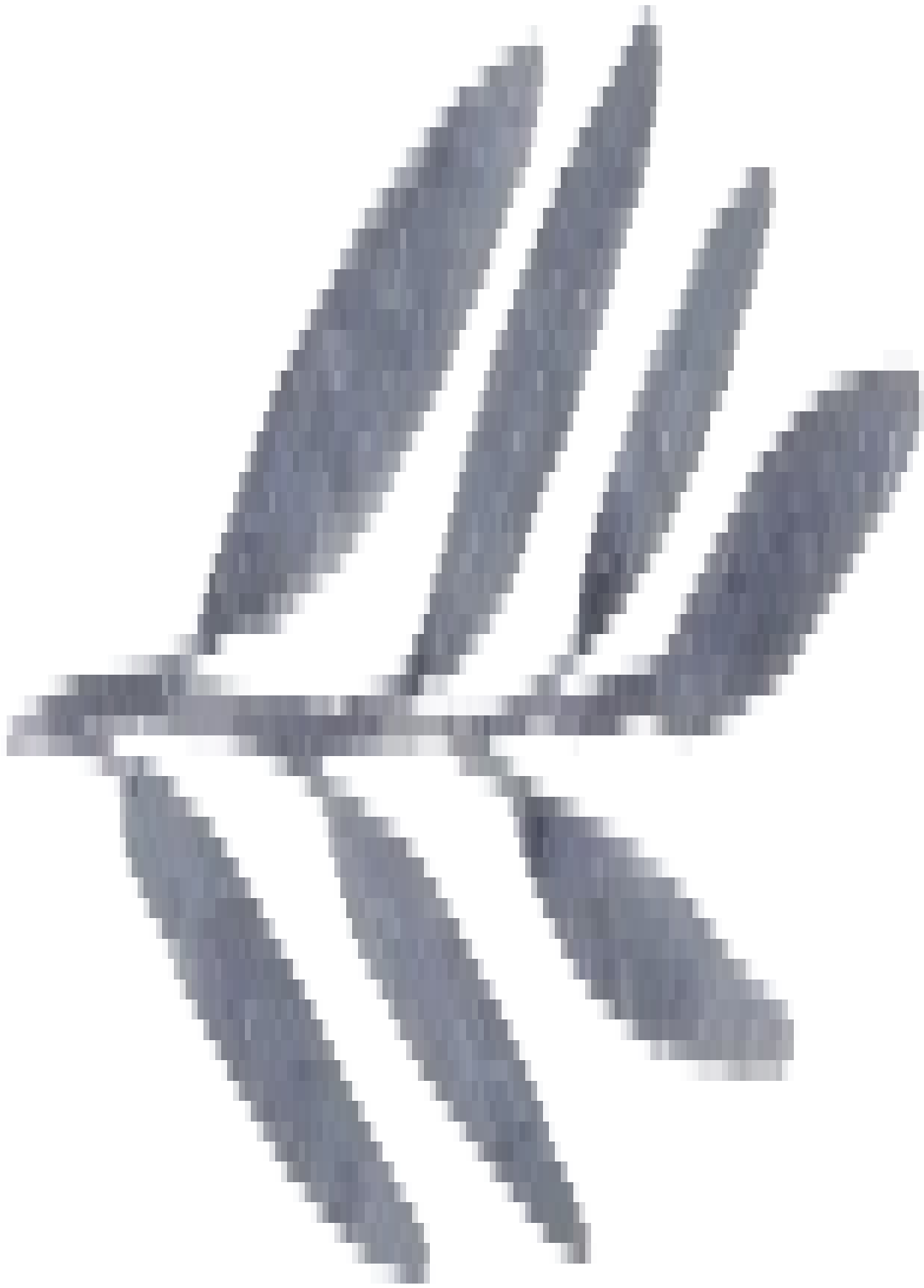
“Tôi nghe Sơ nói.”

“Thì anh cứ đi mà hỏi Sơ. Tôi chỉ nói là không, hoàn toàn không có những tin bịa bợm như vậy.”

Phương vùng vằng bỏ đi. Hải bỗng đâm nghi ngờ chính mình. Bản thân chàng cũng không tin chính quyền Hồng Kông thay đổi chính sách liên liên như trong nước, hoặc có chính có sách cũng như không. Trong khi Hải đang hát thầm “Em biết tin ai bây giờ” thì cả trại kháo nhau rần rần “có Sơ vào đây”.

Hải đã thấy người nữ tu ấy mấy lần. Một người nhỏ bé ăn mặc đơn sơ giản dị. Khuôn mặt ốm nhỏ của bà có vẻ vừa hiền lành vừa sắc sảo, đôi khi sắc diện bà lại lạnh lùng dù đang cười tươi rói vui vẻ với những người đang xúm xít chung quanh. Bà thường cho tiền Hội Công giáo, một nghĩa cử cao đẹp mà giáo dân

khắc tạc trong lòng. Hình ảnh người nữ tu thật đẹp đẽ trong lòng những kẻ khốn cùng. Vì thế, mặc dù không phải là lần đầu vào trại, tin Sơ vào vẫn làm cho nhiều người hồ hởi.



HẢI ĐANG TRÈO XUỐNG giường thì đúng lúc Thịnh xẹt qua, nét mặt căng thẳng:

“Không xong, buồng trưởng kêu tôi họp, đại diện Khối Giáo Dục.”

“Thì có sao?”

“Phải thế thôi đâu. Có cả anh Bồng. Dường như đây là ý Sơ Diễm Công nữa.”

Hải theo Thịnh lên căn phòng sinh hoạt Công giáo. Bà con đã ăn sáng xong, vây kín ngoài căn phòng. Hải chen chân vào kiếm một chỗ đứng gần sát cửa sổ, hé mắt nhìn vào. Buồng trưởng đang đứng quanh Sơ Diễm Công, nét mặt hằn học. Sơ nói gì đó, họ gật, rồi một người găm gừ hung dữ:

“Giết nó, phải giết nó.”

Đám đông đứng ngoài bị kích động, găm lên ghê rợn:

“Đúng, phải giết nó. Quân Giu Đa bán Chúa.”

Đám đông chợt im bật khi từ đâu, Bồng xuất hiện đi bên cạnh Jack, Cao ủy đại diện trại Đầu Bạc. Nét mặt Bồng xanh xám như tàu lá chuối. Riêng Jack có vẻ bình tĩnh, bộ dạng vẫn khoan thai như ngày thường. Bồng đi thẳng vào phòng họp, tránh nhìn những đôi mắt hằn học đang muốn ăn tươi nuốt sống Bồng. Đám đông vừa khép lại khi Bồng và Jack vào liền vội vã tránh ra để lấy chỗ cho lão Siu trưởng trại. Lão dường bệ đi thẳng lên chỗ ngồi ngay giữa phòng, bên trái là Sơ Diễm Công, bên phải là Bồng và Jack. Buồng trưởng ngồi cả bên dưới chung với các bộ phận khác. Mặt Thịnh xanh mét. Dường như anh ta đang nín thở.

Lão Siu ra hiệu bảo đám đông im lặng, rồi bắt đầu khai mạc bằng một tràng tiếng Quảng. Viên thông dịch đứng sau lưng, chờ lão dứt liền vô đề:

“Tôi đến đây theo yêu cầu của ông Jack và quý vị. Những hiềm khích giữa quý vị là chuyện của quý vị, tôi không muốn dính líu tới. Tuy nhiên, với tư cách là trưởng trại, tôi muốn đảm bảo rằng mọi người đều được đối xử công bằng, cũng như đảm bảo an ninh cho đời sống trong trại. Tôi yêu cầu quý vị phải nhã nhặn và tôn trọng lẫn nhau.”

Lão Siu mời Cao ủy Jack phát biểu. Bổng, đối tượng chính của cuộc họp, thông dịch:

“Thưa bà con, tôi đại diện cho Cao ủy Ty Nạn, đến đây theo lời yêu cầu của anh Bổng, bởi vì anh Bổng cũng là nhân viên gián tiếp của Cao ủy. Đây là chuyện nội bộ của quý vị, tôi sẽ lắng nghe ý kiến của quý vị một cách khách quan.”

Bổng dịch xong, mọi người im lặng một giây. Bổng tăng hăng, nói:

“Thưa bà con, có lẽ bà con đã biết mục đích của cuộc họp hôm nay. Có dư luận nói rằng tôi có mâu thuẫn gay gắt với Sơ Diễm Công, rằng tôi đi nói xấu Sơ, đủ cả. Trước mặt Sơ và bà con ở đây, tôi xin khẳng định là không bao giờ có chuyện ấy. Giữa Sơ và tôi không có điều gì gọi là mâu thuẫn cả. Mặc dù sự thật là như thế, nhưng vẫn có tiếng đồn qua tiếng đồn lại. Tôi muốn làm sáng tỏ việc này, và cũng theo yêu cầu của Sơ, tôi đã yêu cầu ông Jack đây tổ chức buổi họp này để làm sáng tỏ vấn đề. Tôi xin hết.”

Bổng quay qua dịch lời phát biểu của mình cho Jack. Sơ Diễm Công cười nhạt:

“Trước hết Sơ xin nói với các anh chị ở đây là Sơ không bao giờ yêu cầu anh Bổng tổ chức cuộc họp ni, thực tế anh Bổng có nói điều chi không tốt về Sơ, bà con đây đều rõ. Sơ cũng không yêu cầu phân trần làm chi, ai trắng ai đen bà con đây biết cả. Sơ vào đây chỉ làm theo ý Chúa mà thôi.”

Bổng nói:

“Chính Sơ đã yêu cầu tôi, rồi kêu gọi bà con trong trại tổ chức cuộc họp, bây giờ...”

Đám đông bên ngoài la ó cắt lời Bổng:

“Im đi, im đi, dám bảo Sơ nói điều à.”

Người nữ tu có vẻ vẻ hài lòng. Nhân dân ủng hộ thế kia thì chân lý phải về phía Sơ rồi. Tổ trưởng Thi Đua giơ tay xin phát biểu. Lão Siu gật đầu, Thận hùng hổ nói:

“Câu kết tội vừa rồi của anh Bổng nà một cơ sở vững chắc để bà con hiện diện hôm nay nắm rõ thực chất con người anh. Anh Bổng bảo Sơ yêu cầu anh tổ chức cuộc họp trong khi thực tế sơ không nằm việc đó. Có khác gì bảo Sơ ăn gian nói

dối. Ta đi vào chi tiết: Anh đã nhiều lần tuyên truyền trong hàng ngũ anh chị em giáo viên nà Sơ vào đây chỉ để gây rối an ninh trật tự của bà con, Sơ chỉ nà con người đạo đức giả, Sơ không xứng đáng khoác áo thầy tu. Có đúng thế không?”

Bống đỏ mặt:

“Tôi không...”

Tổ viên Trật tự Thuyên, một gã râu ria xồm xoàm, đứng dậy hét:

“Im, anh chưa được phép phát biểu. Ný do của buổi mít ting hôm nay nà để chúng tôi, những người đại diện bà con trong trại, hỏi tội anh. Anh nà kẻ vô nường tâm, chỉ có những người như thế mới đành lòng qui chụp một nữ tu đức độ hết lòng vì bà con trong trại. Thử hỏi trước khi Sơ vào đây thì có ai nàm công tác ấy nào?”

Một bàn tay kéo gã tổ viên trật tự ngồi xuống. Gã ăn nói không khéo có thể làm vỡ kế hoạch. Gã hậm hực hiểu ý, nhưng hai cánh tay trần cứ quơ quơ như sự tức giận đã khiến những thớ thịt săn cứng trên người gã di động. Lão Siu lạnh lùng nhìn gã, ngấm nghĩa hai hàng chữ nổi bật xam trên hai bắp tay: “Xa Quê Hương Nhớ Chị Dâu”, tay kia “Sống Chỉ Một Lần”. Lão Siu nói một câu ngắn. Viên thông dịch:

“Ngài trại trưởng yêu cầu ai muốn phát biểu giơ tay trước, không làm mất trật tự như thế.”

Một buồng trưởng giơ tay, sắc bén:

“Thưa ngài trại trưởng, thưa ngài Cao ủy Jack, thưa Sơ và bà con, trước hết tôi khẳng định tôi không phải là một tín đồ Thiên Chúa, do đó lời phát biểu của tôi hoàn toàn khách quan.”

Anh buồng trưởng cao giọng, càng nói càng hăng:

“Từ trước đến nay, đời sống của bà con trong trại rất an ninh và phấn khởi. Bà con chỉ biết có một mình Sơ, một nữ tu đức hạnh đã hết sức giúp đỡ đồng bào, từ đưa trẻ sơ sinh cho đến cụ già gần đất xa trời, không ai là không mang ơn Sơ. Nhưng từ khi có những người từ nước thứ ba trở về thì trong trại này nảy sinh ra nhiều việc tiêu cực. Điển hình là anh Bống, anh đã gây cho bà con một bầu khí nghi ngờ, hoang mang, thậm chí có kẻ còn xét lại hành vi tư tưởng của Sơ Diễm

Công nữa. Anh bảo rằng Sơ quyên tiền của đồng bào ta đã định cư ở nước thứ ba để làm việc riêng, số tiền mà Sơ cho Hội Công giáo ở trại thật ra không thấm vào đâu so với số tiền Sơ quyên được. Tôi nghĩ rằng hành động của anh Bổng là hành động của kẻ phá hoại, bóp méo sự thật, vô giá trị, thiếu lương tâm. Chưa hết, riêng trong hàng ngũ của anh chị giáo viên, anh Bổng còn nói rằng sở dĩ Sơ không thích anh vì Sơ sợ bị chia ảnh hưởng, trước đây bà con chỉ biết có mỗi mình Sơ, nay bà con lại chia sẻ lòng mến thương ấy cho người khác, do đó Sơ cảm thấy bị mất mát, bị thiệt thòi. Tôi nghĩ đó là tư tưởng tiêu cực, ích kỷ, không đáng đứng trong hàng ngũ của những kẻ hy sinh quyền lợi cá nhân vì bà con tận tụy. Những điều tôi vừa nói là có bằng chứng, xin cứ kiểm tra với anh Thịnh, hiệu trưởng Khối Giáo Dục thì rõ.”

Mọi người dồn mắt về phía Thịnh. Một buổi trưởng khác giục:

“Anh Thịnh, có đúng anh Bổng nói với anh thế không?”

Thịnh ấp úng, mặt xanh lè. Anh ta bối rối vì những đôi mắt đổ lửa. Bổng nói:

“Anh cứ nói sự thật.”

Thịnh nói, ngập ngừng vì bầu không khí căng thẳng:

“Bản thân cá nhân tôi không nghe anh Bổng nói như thế. Tuy nhiên, tôi nghe nhiều người nói là giữa anh Bổng và Sơ có sự mâu thuẫn.”

Sơ Diễm Công cười nhạt, có vẻ xúc động:

“Sơ thông cảm tại rằng anh Thịnh nói rứa. Anh dù sao cũng dưới quyền anh Bổng mà.”

Đám đông phần nộ:

“Nói đi, nói sự thật đi, đồ hèn.”

Bổng nói:

“Tôi xin Sơ rút lại lời vừa rồi. Anh Thịnh làm hiệu trưởng do các giáo viên bầu lên, bản thân Sơ làm gì thì tự Sơ biết lấy, tôi không phải loại người đi nói xấu sau lưng kẻ khác. Nếu có điều gì Sơ mâu thuẫn với tôi, có thể vì Sơ không thích tôi.”

Sơ Diễm Công đứng dậy:

“Anh vu oan giá họa cho tôi nữa. Tôi chỉ là người đàn bà chân yếu tay mềm, tôi không đủ sức tranh cãi với anh, tôi...tôi...”

Sơ Diễm Công lấy khăn tay cầm sẵn, đưa lên chặm mắt. Mọi người trong phòng họp và đám đông vây ngoài có thể không ngờ Sơ dễ xúc động như thế. Họ im lặng một khắc như để chia sẻ với người đàn bà chân yếu tay mềm đang gặp nạn, rồi gầm lên hung dữ:

“Quân Giu Đa phản Chúa. Mày ăn hiếp một vị Sơ yếu đuối thế à!”

“Rõ đẹp mặt chưa.”

“Địt mẹ, đánh chết mẹ nó đi.”

“Có thấy Sơ khóc không đấy.”

“Giết...nó...!”

Đám đông bị kích thích sau tiếng hét, gào lên hung dữ. Một bàn tay mềm mại nắm tay Hải. Chàng nghe giọng Hà thì thào:

“Giời ạ.”

Hải bảo nhỏ:

“Em về đi, đến dự buổi đấu tố này về tối năm mơ à.”

Bên trong, lão Siu đập bàn bảo trật tự. Một anh buồng trưởng át tiếng đám đông.:

“Bà con trật tự coi nào. Làm gì mà nhặng lên thế.”

Một thanh niên ở trần đứng cạnh Hải, lầm bầm chửi:

“Mẹ kiếp cái thằng phản thù. Nó bảo mình la lớn như thế giờ lại bảo im.”

Hải kéo tay Hà đi, vừa nghe trật tự Thuyên hét:

“Thưa ngài trại trưởng và Cao ủy Rát, tôi yêu cầu quý ngài phải cấm anh Bổng

vào trại này, nếu không khôi trật tự chúng tôi không đảm bảo cho anh ta.”

Tiếng hét của gã Thuyên ù cả tai. Hải may mắn chưa kinh qua cuộc đấu tố nào, nhưng chàng hình dung chắc đến như hôm nay là cùng. Bị cáo là kẻ thù của nhân dân, kẻ phản động dám phơ háng chặn đường bánh xe lịch sử, phản tiến bộ, lạc hậu, phong kiến, hữu khuynh, tiểu tư sản bán nước. Hải hình dung khuôn mặt thiếu não của Bổng. Đôi mắt ông ta lạc thần, có lẽ trong xứ sở tự do mà ông ta từ già để về đây làm việc, chưa bao giờ có sát khí này. “Bảo toàn tánh mạng, bảo toàn tánh mạng.” Hải rên lên đau đớn. Chàng nắm tay Hà rảo bước trong sân, không ai để ý chàng trong lúc này. Nghệ thuật kích thích quần chúng, gọi là xách động, đã lôi kéo mọi sự chú ý về căn phòng làm tòa án. Nặng chưa tràn ngập những lưới rào cao vòi vọi. Khi lên án kẻ khác, người ta mới thấy mình còn tự do. Hà xúc động:

“Chỉ người mình mới đối nhau thế.”

“Em thử đếm xem có bao nhiêu người mình?”

“Ít.

“Không tới một phần trăm, thiếu số hoạt động thì thiếu số đại diện cho đám đông hiền lành tiêu cực.”

“Tội nghiệp anh Bổng. Cái anh Thịnh nhà em khi không cũng bị lôi vào cuộc.”

“Anh Bổng cô độc lại nhảy vào đám đông. Một kẻ trầm lặng, thích tư duy hơn làm việc. Với mớ kiến thức tu học ở nước ngoài, anh ta có khả năng đùa cợt, sống khỏe, nhưng khi đối diện đám đông, anh ta ngờ nghệch và lúng túng.”

“Anh ấy học cao đến thế à?”

“Tiến sĩ sử học. Không biết tại anh ta suy luận đám đông không làm nên lịch sử nên coi thường chẳng. Chính bởi thế nên khi cái sức mạnh rời rạc ấy được kết hợp lại, anh ta đâm ra bờ ngỡ. Chắc anh Bổng sẽ tư duy là, đám đông không bao giờ kết hợp được trường kỳ, họ nối kết vào một thời điểm duy nhất nào đấy, rồi sau đó sẽ tan đi. Nhưng đúng thời điểm đám đông có thể làm nên...”

“Lịch sử,” Hà ngắt lời.

“Để anh ghi vụ này vào lịch sử ty nạn.”

Có tiếng cậu bé Thơ gọi đằng sau:

“Anh Hải ơi, anh có thơ đấy.”

Hải lật đật đi lên phòng phúc lợi.

“Sao em biết.”

“Em thấy số thẻ của anh mà. Em có thẻ cơm của anh nè.”

Hải dò, tờ giấy dán ở cửa phòng quả nhiên thấy số thẻ của mình. Chàng trình thẻ cơm lãnh thư. Đó là lá thư của Phú kèn từ Chi Ma Wan. Chàng lật đật bóc phong bì, chụm đầu đọc chung thư với Hà. Phú kèn đã rút đơn xin hồi hương, gã phần khởi kể Lê Khắc đã vượt trại thành công, còn viết thư cho gã nữa dù không ghi địa chỉ hồi âm. Gã bảo thư tới sẽ nhờ một Cao ủy chụp bản sao lá thư của Lê Khắc “để ông đọc chơi cho biết tình hình tự do bên ngoài. Thích thật nhưng gian nan cực kỳ.”



14.

HAI NGÀY LIÊN CẢNH sát chặn soát mọi chiếc xe đò chạy trên đảo Lantau, “Đại Nhữ San”, nói theo dân địa phương là “Cái Đầu Vỡ Của Hồng Kông”. Con đường xương sống độc nhất chạy men theo chân núi vừa là sinh lộ cho dân sinh vừa là tử lộ cho nạn dân, có khi là một khúc đèo gắt như cũi chó, có khi nằm giữa làng xóm và biển, là trục chính cho mọi phương tiện di chuyển trên đảo. Lê Khắc không bắt xe đò, ông đi bộ ra bến phà Silvermine. Cái khâu vàng đã nhờ một gã A Xòe trong trại đổi ra tiền Hồng Kông khiến ông yên tâm vì giá sinh hoạt trên đảo rất mềm. Ông dư sức mua ba cái bánh bao ăn một ngày, tính nhẩm với những chi tiêu tiện tặn nhất Lê Khắc đủ sống hơn một tháng ngoài vòng pháp luật.

Lê Khắc vào một quán ăn sát bến phà, quan sát cách mua vé, giờ giấc. Những chuyến phà cứ cách một giờ có một chuyến. Ông đợi cho đến khi có chuyến đông nhất mới mua vé xuống phà. Ông biết mình đánh nước liều vì nếu bị khám xét trên biển thì chắc không thoát được. Lê Khắc ngồi ở tầng dưới, lắng tai nghe ngóng những chuyện trò inh ỏi xung quanh. Không ai thèm để ý đến ông cả.

Ông chợt để ý một cặp trai gái đang dáo dác tìm chỗ ngồi. Người thanh niên nhỏ con, ăn mặc luộm thuộm khác với vẻ chừng diện của thanh niên Hồng Kông. Người con gái cũng vậy, cô ta mang cái balo đỏ trên lưng, tay xách thêm một cái giỏ có vẻ nặng. Hai người – Lê Khắc đoán là hai vợ chồng – có vẻ mệt mỏi dù ánh mắt họ loang loáng. Người con gái chợt nói, Lê Khắc thót bụng khi nghe cô ta nói tiếng Việt:

“Thôi lên tầng trên đi anh.”

Người thanh niên không nản chí:

“Ngồi đây ăn tô mì gói đã. Trên đâu có bàn.”

Ánh mắt người thanh niên chợt dừng lại trên mặt Lê Khắc khiến ông rùng mình. Họ là ai? Người ở trại mở? Người Việt ở nước ngoài về du lịch? Lê Khắc suy nghĩ dữ dội. Chắc chắn không phải người đi du lịch vì họ ăn mặc luộm thuộm

chẳng khác gì Lê Khắc cả. Lê Khắc nín thở khi hai người thanh niên tiến lại, nói:

“Hàm cối.” (xin lỗi)

Ông suýt bật cười và hài lòng vì anh ta không nhận ra Lê Khắc là người Việt. Ông co chân để lấy chỗ cho cặp trai gái chen vào giữa. Người con gái có vẻ ái ngại vì chỗ ngồi khá chật. Mấy người bên cạnh đang ăn mì, hút thuốc, khói mờ mịt. Cô cởi ba lô, để cái giỏ dưới sàn rồi khếp nép chen vào ngồi trong. Người thanh niên bảo:

“Em uống cà phê không?”

“Uống chung đỡ tốn tiền.”

Cô người dựa trên ghế, chờ chồng mua thức ăn. Người thanh niên đến quầy, vừa nói vừa chỉ chỉ ra dấu với gã phục vụ viên. Tiếng máy phà nổ âm âm, phà đang de ra biển. Nhìn lui, Lê Khắc thấy những hàng quán vắng vẻ trên bờ.

Người thanh niên khệ nệ bưng hai tô giấy đựng mì gói và hai tách cà phê bốc khói. Cô vợ cự:

“Mua gì hai ly lận.”

“Có bao nhiêu đâu.”

Anh ta lại “hàm cối” để Lê Khắc co chân lấy chỗ. Ông làm bộ nhăn mặt ra vẻ khó chịu, cố chứng tỏ thái độ bất lịch sự cố hữu của người Hồng Kông. Cô gái gỡ nắp tô mì, liếc Lê Khắc rồi bảo nhỏ với chồng:

“Cái thằng cha mặt mày khó chịu.”

Anh chàng uống cà phê, tỉnh bơ.

“Kệ mẹ nó, tụi Hồng Kông đều thế cả.”

Họ ăn uống, anh chồng rút bao thuốc Dunhill xanh, phân trần:

“Uống cà phê mà không có thuốc chịu không nổi.”

Cô gái liếc xéo chồng, trề môi:

“Thì em có nói gì đâu. Muốn hút thì hút.”

Người chồng choàng tay qua vai vợ, ngửa mặt thả khói. Cô vợ ngồi không yên, lấy giấy bút ra tính toán lăm nhăm. Người chồng hỏi:

“Em mua gì cho ai mà lăm thế.”

“Thì người trong trại nhờ mua. Không mua thì tội, mà mua thì xách nặng quá.”

Người chồng thở dài chia sẻ. Anh ta bỗng nhắc vợ:

“Em mua cái gì nhớ giữ receipt đàng hoàng. Không mình làm tốt mà người ta hiểu lầm.”

“Thì đó, mệt muốn chết. Còn thiếu ký lạp xưởng cho ông Thịnh nữa.”

“Nó còn giàu hơn mình.”

Người vợ không trả lời, mặt buồn xo. Lê Khắc bỗng chú ý hơn câu chuyện giữa họ. Người vợ đang làm ở trại Đầu Bạc. Cô than phiền với chồng về những rắc rối xảy ra trong trại, nào Thịnh hiệu trưởng nào đó bị áp lực của buồng trưởng, chuyện lằng nhằng giữa Bồng và bà Sơ nào đó. Người chồng trầm ngâm nghe cô vợ nói, thỉnh thoảng đưa ý kiến giúp vợ giải quyết một trường hợp nào đấy. Anh ta lý luận gãy gọn, khúc chiết, nhưng không kém phần cứng rắn. Có lẽ nếu hai vợ chồng biết người ngồi bên cạnh đang vờ thiu thiu ngủ là một gã trốn trại thì chắc họ không trao đổi nhiều như thế. Lê Khắc chột chặt ruột khi nghe cô vợ hỏi:

“Mấy người trốn ở Chi Ma Wan đã bị bắt lại chưa anh?”

Ra không phải chỉ mình Lê Khắc trốn, cái này hay đây.

“Chưa. Cũng không dễ gì.”

“Em không biết trốn ra ngoài họ làm sao mà sống.”

“Thì cũng sống được. Họ quen với đời sống khắt khe ở miền Bắc rồi.”

Người chồng lại châm thuốc. Khuôn mặt xương xương của anh ta có vẻ mệt mỏi của người thiếu ngủ. Cô vợ e hèm:

“Hút lăm vào, mau khỏe.”

“Thì em coi, hút cho tỉnh chứ có ngủ ngáy gì bao nhiêu đâu.”

Cô vợ nguýt:

“Em cũng thiếu ngủ mà có hút đâu.”

“Em khác, em mà hút còn gì nữa.”. Anh chồng bõn.

“Khác? Khác cái gì hả.”

Cô mắng yêu rồi dụi đầu vào vai chồng, thiu thiu ngủ. Anh chồng cũng thiu thiu ngủ gà ngủ gật. Lê Khắc suy nghĩ dữ dội. Hai vợ chồng này rõ ràng là từ nước ngoài về làm việc ở trại giam. Ông có nên đầu thú họ để nhờ họ giúp đỡ không? Họ sẽ tố cáo với cảnh sát? Ông tin ở trực giác của mình. Anh chồng dù sắc bén và cứng rắn nhưng vẫn có vẻ hiền lành. Cô vợ không ngại vì nhất nhất đều hỏi ý kiến chồng, khuôn mặt trông ra dáng thật thà. Chưa bao giờ Lê Khắc thấy mình do dự như thế. Ông gặp may hay rủi? Nhờ họ ông biết thêm một tin quan trọng nữa: Không phải chỉ có mình ông trốn trại mà còn có mấy người khác, cũng vượt từ Chi Ma Wan. Ai thế nhỉ?

Chiếc phà thỉnh thoảng hú còi te te. Thuyền bè tấp nập kín cả biển. Những tòa nhà ngất trời càng lúc càng gần. Lê Khắc biết mình sắp đặt chân lên đảo Hồng Kông. Lay trời, ông sẽ bình yên trên bờ, một chặng đường mới.

Người chồng thức dậy trước, lay vợ:

“Phương, , đến rồi.”

Cô vợ vươn vai uể oải. Anh chồng nói:

“Hôm nay mình đi hơi trễ. Mai đi chuyến mấy giờ em, anh phải đi sớm.”

“Tám giờ mười lăm đi.”

Anh chồng lẩm nhẩm:

“Tám giờ mười lăm đến Hồng Kông là chín giờ mười lăm. Cũng được.”

Phà chạm mạnh vào cầu tàu, lắc mạnh dội ra, rồi đập vào. Tiếng tu huýt ré lên lanh lảnh khiến tim Lê Khắc thắt lại. Cảnh sát đã bao vây? Một tiếng tu huýt ré

lên trên bờ đáp lại. Chỉ là dấu hiệu để tài công đứng trên bờ biết cột dây cho phà neo lại. Cô vợ hỏi:

“Anh hẹn ai mà đi sớm vậy?”

“Anh phải họp ở văn phòng Oxfam và Refugee Concern.”

Hai vợ chồng đứng dậy, Lê Khắc chờ họ đi ra cửa mới bám theo sau. Ông muốn càng biết thêm tin tức qua cuộc trao đổi giữa hai vợ chồng càng có lợi cho ông. Hành khách ùn ùn xô đẩy. Cô vợ bám sát vào lưng chồng để anh ta mở đường máu chen vai thích cánh với đám hành khách đông như nhặng. Họ chen lấn hung hãn bất kể đàn bà con gái. Người chồng kiên nhẫn lẩn, cô vợ đằng sau thỉnh thoảng lại lăm bắm cản nhắc đám đông thô lỗ. Lê Khắc lọt tới đường thì mất dấu cặp vợ chồng. Ông đứng sau một xe bán nước, ngơ ngác chưa biết nên đi theo hướng nào. Người đông nhưng nhúc, đông như bức tường trước, muốn đi phải ỉu vô tường lấy lối. Một chập, Lê Khắc nhát thấy cặp vợ chồng trẻ đang lên cầu thang băng qua đường. Ông quyết định đi theo hướng họ. Nhà cửa vẫn tiếp tục được xây cất giữa đường phố đông đảo. Người đi đường hối hả. Sức bật của kinh tế khiến Hồng Kông, dù sắp phải trả về cho đại lục, vẫn có một sức sống mãnh liệt. Lê Khắc quan sát kỹ các ngã tư đường vắng vẻ không thấy bóng cảnh sát sắc phục như ở Việt Nam. Ông vào một hiệu sách mua bản đồ Hồng Kông, đọc cộp một cuốn hướng dẫn khách du lịch để nắm rõ các phương tiện di chuyển trong thành phố. Hơi nóng và khói xe cùng với mùi người khiến không khí như đặc quánh lại. Những cô gái cao thon ăn mặc trang nhã, đi đứng thoăn thoắt khiến thành phố như tô thêm vẻ lộng lẫy quyến rũ của thân xác. Lê Khắc thấy mình lạc lõng bên những thiếu nữ trắng ngần da thịt, cặp kè với những gã trai, ông nghĩ, vô hồn và trống rỗng. Ông đứng dựa vào tường một cửa hiệu bán nữ trang, đầu óc choáng váng.

Lê Khắc nhập vào dòng người đi xe điện ngầm. Ông gằn ngạt thở vì sức xô đẩy của người trước người sau dồn lên toa Người ông thấp bé, đầu chỉ ngang cổ người xung quanh. Ông ngắm nghía sợi dây chuyền của cô gái đang tựa ngực vào vai ông. Mùi nước hoa thơm nức nở khiến Lê Khắc dễ chịu. Người con gái có vóc hình thật đẹp khiến Lê Khắc bất giác nhớ những hình ảnh đã đi qua đời. Cô gái xuống trạm kế, lập tức người khác chen lên lại tựa vai, ịn bộ ngực mềm mềm cứng cứng vào người ông. Dường như Hồng Kông bị thống trị bởi giành giật và nét thẩm mỹ, cả hai điều ấy sắp bị đại lục nuốt chửng.

Lê Khắc xuống ga Mongkok. Ông tìm ngõ ra khỏi đường hầm metro, kín đáo

mở cuốn bản đồ. Nắng hè dữ dội khiến ông ngây ngất như bị say sóng. Những con đường nối tiếp nhau, những ngã tư đèn xanh đỏ, những ngõ hẻm bẩn thỉu rác rến. Lê Khắc băng qua những con đường mộng tưởng ấy, ông cần sự tỉnh táo, không lạc lối, phải đến đích.

Từ xa, hàng rào trại mở Kai Tak xuất hiện. Ông đã điều nghiên kỹ, đây là trại có tên rất hoành tráng, Khải Đức Việt Nam Nạn Nhân, dành cho người được công nhận tỵ nạn. Những mái tôn đang dọi trong nắng chiều. Mồ hôi vã ra như tắm khiến ông phải tháo mắt kính nhiều lần, lau khô. Ông vừa đi vừa ngó, chợt giật thót khi có tiếng hỏi khẽ bằng tiếng Việt:

“Ông anh tìm tươi mát đây à?”

Một cô gái nhỏ thó, ăn mặc hơi diêm dúa. Lê Khắc nhìn cô gái từ đầu đến chân, làm ra vẻ trân tráo:

“Trời nóng, hay nhỉ, biết anh người Việt luôn.”

“Ồi giời, nhìn bộ vó biết ngay.”

“Cô ơi, cho anh hỏi thăm tí.”

“Hỏi đi”

“Em ở Kai Tak à?”

“Chi vậy. Đi không?”

“Anh đang bận tí việc.”

“Giời.”

“Cô ơi, có biết Tứ Hải Phòng không? Cái ông cao, đen, họa sĩ đấy mà.”

“Biết thì sao không biết thì sao. Đây không làm công việc trả lời.”

Lê Khắc mừng thầm, nhỏ nhẹ:

“Cô ơi, đồng hương mà em.”

Cô gái quay mặt ra đường. Lê Khắc ngăm ngía khuôn mặt còn rất trẻ của cô

gái. Ông thấy bụi ngùi. Cặp lông mày cong lá liễu, lưỡng quyền cao, đôi môi quét son đỏ chót không che được vóc người quê kệch thô tháp. Ông đếm tiền. Cô gái nhét tiền vào sách tay, bảo: “Giờ nha, anh đi theo bờ rào, đến đó, thấy cái cổng hé không. Dãy buồng thứ ba, đấy, anh ấy ở phòng cuối. Này, mà không chắc ông già ấy cò nhà không đấy nhá.”

Lê Khắc đến đúng dãy buồng cô gái chỉ. Trẻ con đùa giỡn trên nền xi măng, có đứa đang nghịch nước, mặt mũi lấm la lấm lét, tay chân dơ bẩn. Thanh niên để tóc dài, cời trần, ngồi trong quán nghe nhạc xập xình. Chúng hau háu nhìn Lê Khắc. Ông nhủ: “Bê gì, cũng là đồng hương, nếu phát hiện ra mình trốn trại chắc không đến nỗi nào.” Ông sửa bộ, làm mặt tỉnh bơ bước thẳng nhưng mắt vẫn để ý đến số buồng. Đây rồi, hẳn phải là nơi ở của một gã họa sĩ. Những miếng giẻ dính đủ màu sơn. Lê Khắc thất vọng khi thấy căn phòng trống trơn. Ông ngồi đợi xuống mép cửa, chân vẫn thòng xuống đất. Một đứa trẻ từ buồng bên kia chạy qua:

“Bác, bác tìm bố cháu đấy à?”

Lê Khắc nhìn đứa bé trạc tám tuổi. Khuôn mặt kháu khỉnh và thông minh. Ông đáp:

“Thế cháu biết bố cháu đi đâu không nào?”

Cậu bé mau mắn:

“Để cháu đi gọi, bố cháu qua bạn bố cháu chơi đấy.”

Cậu bé chạy vụt đi. Có tiếng ru con từ căn phòng mở cửa sổ. Tiếng ru buồn buồn mệt nhọc. Những tấm nhựa sọc xanh căng trước căn buồng điều dụ một màu chiều buồn bã nơi trại vắng. Lê Khắc sốt ruột ngồi chờ. Rồi ông nghe tiếng hỏi vắng từ xa của Tú, tiếng trả lời của đứa con từ đầu dãy. Tú xuất hiện, hẳn vẫn cao, đen hơn trí nhớ của Lê Khắc về người bạn cũ. Tú khựng chân khi thấy Lê Khắc đứng dậy. Ông ta bảo con:

“Con đi chơi để bố nói chuyện.”

Cậu bé nhìn Lê Khắc tò mò trước khi lững thững bỏ đi. Tú gọi giật:

“Khoan đã nào (móc túi lấy tiền), chạy qua bác sáu mua bố gói thuốc.”

Chờ con đi khuất, Tứ mới òa lên mừng rỡ:

“Tao biết hết rồi, vào trong nhà đã.”

Tứ trải chiếu, với bình thủy rót nước, mắt ngó Lê Khắc chăm chăm:

“Nhà bác trông khác đi nhiều. Đọc báo, đọc thư cậu em ở Chi Ma Wan kể, cứ nghĩ thế nào bác cũng lại đây.”

Lê Khắc cười ha hả:

“Mấy năm? Gần hai năm rồi đấy, mà vẫn không khác xưa gì cả.”

“Khác chứ. Lá thư cuối mày nhận khi nào?”

“Coi nào! Năm sáu tháng gì đó. Tao nhớ như in số thuyền của mày. Biết có lúc cần mà.”

Cậu bé mang gói Marlboro về. Tứ lại sai:

“Con đem cái thau này qua cô Sương rồi ăn luôn với cô ấy, để bố nói chuyện.”

Cậu bé bê cái thau nhựa vừa đựng cơm vừa đựng thức ăn, mang đi. Lê Khắc hóm hỉnh:

“Có bà hai đấy à.”

Lê Khắc nâng tách trà, ngạc nhiên thấy Tứ không đùa lại. Tứ nói:

“Lần này mày trật lất.”

Tứ bị vợ để đã năm năm. Bận bề cứ nghĩ với lứa tuổi hồi xuân thì sớm muộn ông cũng sẽ tấn thêm bước nữa. Khi Tứ dắt con vượt biên lọt tới Hồng Kông, ông viết thư đều cho Lê Khắc kể cuộc sống, nhưng tuyệt không hề có bóng dáng đàn bà xuất hiện trong những lá thư ấy. Lê Khắc bảo:

“Trật thì thôi. Tao ở tạm ít bữa có êm không?”

Tứ trầm ngâm không đáp ngay khiến Lê Khắc sốt ruột. Ông ướm, lòng buồn bực:

“Nếu không êm thì tao đi vậy.”

Tứ mỉm cười:

“Mày đừng hiểu lầm tao. Mình biết nhau mà. Tao nói như thế này: chỉ êm 50 phần trăm. Thịnh thoảng chúng nó đánh nhau, cảnh sát lại bố ráp, nhưng chủ yếu tìm vũ khí.”

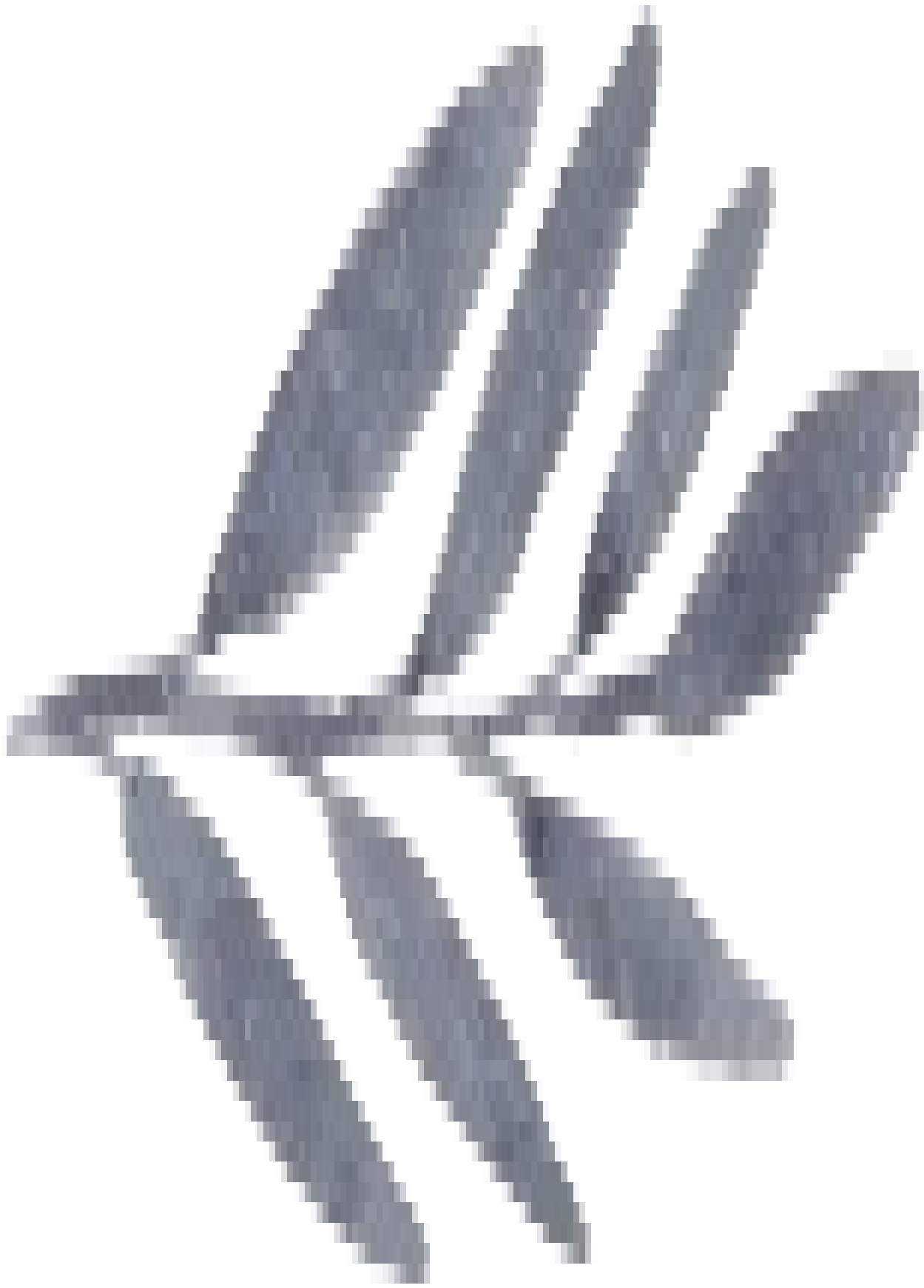
“Đầu gấu đấy à?”

“Đủ. Buôn lậu, bạch phiến, ma cô, ma nớp, thậm chí còn đi ăn cướp ngoài Hồng Kông nữa. Đây là sào huyệt mà cha.”

“Quân nào táo tợn nhỉ.”

“Có đứa ở đây cả chục năm rồi. Chẳng có nước thứ ba nào nhận. Án tích như thế.”

Tứ vừa kể vừa dọn cơm. Ông có cái bếp điện, vài cái nồi nhỏ đủ hai cha con nấu ăn. Tứ câu trộm điện từ dây điện đường, những sợi dây đan lộn xộn vào nhau được giấu sau giầy mặc áo. Những người ở trại tự do như Tứ phải tự túc đời sống y như dân bản xứ. Dù chỉ bán tự do vì chưa mang quốc tịch nào cả, họ phải tự xoay xở tìm kế sinh nhai trong cái vùng đất tiền đất bạc này. Các nước Tây phương chỉ nhận nhỏ giọt, viễn ảnh định cư đen tối dù là trên nguyên tắc, họ có thể được đi bất kỳ nước nào. Nghệ sỹ hết thời như Tứ sống chật vật, may lắm thì bán được vài bức. Tứ làm luôn nghề đóng khung tranh. Dường như những tác phẩm của Tứ không phù hợp với yêu cầu của thời thế. Nỗi ám ảnh quá khứ, những kinh nghiệm đau nhức tràn lên những vệt sơn như mảnh dao cắt ngọt vào thớ gỗ, hình hài những thiếu nữ lỏa lồ nằm bơ vơ trên sóng chỉ được cảm thông bởi những người đồng cảnh, và tiếc thay kẻ đồng cảnh thường không có tiền để thưởng lãm nỗi đau của chính mình. Hạnh phúc của Tứ - cánh chim lạc bơ vơ trên nền vải đen, hay muôn vạn lá vàng xếp lớp trên màu đen vô tận của rừng – chỉ là kỷ niệm của những kẻ đã từng bước lên cái vô cùng của thời gian hủy diệt. Tuy thế, vẫn là hạnh phúc tự Tứ cho mình.



SÁNG SỚM HÔM SAU, LÊ Khắc đi thật sớm. Không khí trong lành, những hồi tưởng kỷ niệm giữa ông và Tú thời làm việc ở Hà Nội khiến Lê Khắc cảm thấy tinh thần sung mãn. Ông biết mình không thể kéo dài đời sống ngoài vòng pháp luật này lâu nếu không tìm ra cách nào để trốn khỏi Hồng Kông đi nước khác. Ông đã thất vọng sau một đêm tìm hiểu cuộc sống bên ngoài, qua Tú. Những mắt xích của xã hội tự do, ông nghĩ, ở một phương diện nào đó, cũng không khác gì một nước cộng sản. Xã hội giam kín những kẻ tạo nên nó, tự bày ra luật lệ, tự xây nhà tù để tiêu hủy và trừng phạt những tâm hồn nổi loạn. Lê Khắc, kẻ nổi loạn, người muốn chọc thủng những lỗ tai không màng nhĩ. Và như thế, ông tự giết mình bằng sự cô đơn. Chỉ còn lại là hy vọng, mỏng dần như lớp sương mù trong sáng nắng.

Lê Khắc đến bến phà trung tâm lúc 9 giờ. Ông đã dứt khoát sẽ đầu thú với cặp vợ chồng hôm trước. Niềm hy vọng của ông. Có thể có một kẻ hở nào đó mà người thanh niên khôn ngoan kia biết được để giúp ông thoát khỏi những mắt xích. Ông nóng nảy đọc đi đọc lại bảng ghi giờ phà từ Lantau đến. Kim đồng hồ treo ở cửa ra vào như đứng sừng cùng sự trông chờ của ông.

Tiếng tu huýt ré lên. Lê Khắc lại giật mình thắt ruột. Chiếc phà lớn sơn trắng chập choạng cập vào cầu tàu, sợi dây thừng được móc qua, cửa phà hạ xuống, những dòng người ùn ùn xô đẩy. Lê Khắc hồi hộp đứng ngay bậc thềm, đôi mắt ông tê nhức nhìn những mặt người lấn ra. Những lượt người như sông chảy đi qua. Lê Khắc chảy nước mắt sống vì phải tập trung quá tải.

Người cuối cùng đã ra hết.

Tim Lê Khắc đập bình bịch. Ông nhớ chắc người chồng bảo sẽ đi chuyến tám giờ mười lăm. Ông đã vượt họ? Họ đổi chuyến? Lê Khắc nặng nhọc nhìn lại tấm giấy ghi thời khóa biểu phà đi và phà đến. Một giờ nữa sẽ có chuyến đến. Ông đi loanh quanh khu bến phà, kiên nhẫn chờ.

Chuyến phà kế cũng vắng bóng cặp vợ chồng ấy. Chuyến tới nữa, chuyến tới nữa...cặp mắt cận thị nặng của ông đau nhức. Cả một buổi sáng trống không. Ông thiếu não trở về trại.

Tứ bảo:

“Tao biết cặp vợ chồng đó. Mày bảo cô vợ tên Phương?”

“Nghe anh chồng kêu vậy.”

“Không sai. Chả tên Nam, họ có vào đây mua bánh chưng cho bà con ở trong trại giam dịp tết vừa rồi.”

Lê Khắc mừng rỡ:

“Mày chắc liên hệ được với người ta không? Anh ta coi còn trẻ lắm, lanh lợi và có vẻ khôn ngoan.”

“Không trẻ đâu, cũng cỡ tuổi mày và tao đấy.”

Lê Khắc thở dài:

“Bọn mình đều tứ thập nhi bất hoặc cả rồi mà còn long đong lận đận.”

“Ừa. Để tao tính cho.”

Tứ tính tới thật. Vài ngày sau, Tứ bảo đã liên lạc được với Nam, anh ta hẹn gặp Tứ ngay trong trại Kai-Tak dù lý do Tứ đưa ra trong thư nhắn thật mơ hồ: “Nhờ anh giúp hộ em chuyện này, không có anh không xong.” Lê Khắc thấy mình thấp thỏm như sắp đi hỏi vợ. Tứ cười bảo:

“Khẩn trương thế, chuyện gì tới nó tới. Qua đây tao giới thiệu cô Sương này.”

Tứ dặn con chơi loanh quanh gần nhà, ai đến tìm bố thì qua cô Sương kêu bố về. Ông dẫn Lê Khắc băng qua hai dãy nhà lợp tôn, vách cũng che bằng tôn, và đứng trước một căn phòng lợp tôn có cửa ra vào lớn vừa một tấm tôn hình chữ nhật. Ông vén màn, gọi:

“Chú Tứ đây Sương ơi.”

Có tiếng con gái trả lời:

“Chú vào đi, cháu có ngủ đâu nào.”

“Có bạn chú đến chơi nữa đấy.”

Lê Khắc nghe tiếng “ạ” khê của Sương. Ông theo Tứ leo vào phòng ngồi xếp bành trên sàn gỗ. Ông chột ngẩn ra khi trong ánh sáng mờ nhạt của căn phòng, khuôn mặt trắng xanh của cô gái có vẻ đẹp phảng phất Tây phương hiện ra lộng

lấy. Đôi mắt sâu thăm thẳm của nàng nhìn băng khuâng ra cửa. Lê Khắc không muốn tin đó là một đôi mắt đã mất ánh sáng như Tứ nói. Nàng lí nhí chào Lê Khắc mà ông đoán do ông vừa phát ra tiếng động khẽ khi ngồi xuống. Tứ lom khom rót nước chế ra ca nhựa. Sương nói:

“Chú Khắc thông cảm nhé. Đáng lẽ cháu phải rót nước mời chú cơ.”

Lê Khắc có cảm tưởng như ông vừa chạm nỗi buồn của cô gái vì sự hiện diện của mình. Ông đáp:

“Có sao, chú Tứ mời chúng mình cũng được vậy.”

Lê Khắc nhớ trật ra là ông vừa nói một câu vô duyên nhất của thằng nghệ sỹ. Ông lúng túng chữa:

“Cô Sương ăn cơm chưa đấy.”

“Cháu mới ăn đấy. Chưa chiều đâu chú nhỉ?”

Tứ đặt vào tay Sương ca nước. Ông hồn nhiên kể chuyện, những mẩu chuyện ngắn ngắn giữa ông và Lê Khắc. Sương chăm chú lắng nghe, hàng mi dài chớp khẽ khiến không dừng mà Lê Khắc bồi hồi. Sương hỏi:

“Thế chú Khắc ở trại nào? Cháu chưa bao giờ nghe chú Tứ bảo cả.”

Lê Khắc đưa mắt nhìn Tứ lưỡng lự. Tứ đỡ lời:

“Chú ấy trước kia ở chung với chú ấy mà.”

Cả Tứ lẫn Lê Khắc đều thầm ngượng ngập vì nói dối một cô gái mù. Tứ khỏa lấp bằng cách nói huyên thuyên về nghề báo của Lê Khắc. Sương ngắt lời:

“Tiếc cháu chả đọc được.”

“Thế cháu có thích nghe đọc không?” Tứ hỏi.

“Có đấy ạ.”

Tứ cười hà hà bảo Lê Khắc:

“Hôm nào mầy qua đọc chuyện cho cô cháu tao nghe nhé.”

Sương chớp mắt. Lê Khắc nói chú sẽ đọc truyện, coi nào, cháu sẽ thích truyện gì nhỉ, hẳn không phải “Thép đã tôi thế đấy” rồi.

Một người đàn bà đi ngang qua, ghé mắt nhìn vào, chào Tứ:

“Bác Tứ ăn cơm chưa đấy?”

Bà ta chào xong đi thẳng. Tứ bảo:

“Đầu nậu đấy. Tối ngày chờ bạc.”

“Thế nào chú Khắc, không thèm đọc truyện cho cháu nghe à.”

Lê Khắc gật đầu ngớ ngẩn:

“Có chứ, ngày mai, ngày mai bắt đầu nhé.”

Tiếng cậu con Tứ gọi:

“Bố ơi, có chú gì tìm bố đấy. Con bảo chú chờ ở nhà mình.”

Hai người lật đật chào Sương. Lê Khắc đoán là Nam khi nghe cậu bé tả vóc dáng. Ông bỗng thấy mình mâu thuẫn: ông thấy không cần thiết phải gặp Nam ngay. Nếu Nam khuyên ông ra trình diện, hoặc tệ hơn nữa anh ta sẽ tố cáo ông, thì sao. Thời gian tự do của Lê Khắc ngắn quá, ông phải tranh thủ sống, phải... đọc truyện cho người con gái diễm lệ mù lòa. Ông tưởng tượng ra nhiều thứ trên quãng đường rất ngắn trở về chỗ ở của Tứ. Tứ e ngại bảo:

“Mày tính sao? Có nói thật với anh ta không?”

Lê Khắc níu vai Tứ, họ đứng lại ngay lối đi:

“Tao khó nghĩ quá. Mày nghĩ hộ tao đi.”

Tứ chưng hửng, ánh mắt nghi ngờ nhìn Lê Khắc:

“Mới hôm trước cũng chính mày muốn gặp. Sao thế?”

Lê Khắc không biết trả lời sao cho phải. Đúng, ông muốn gặp Nam, muốn bày tỏ tâm tư nguyện vọng. Nhưng chỉ một giây khắc vừa rồi thôi, ý định ông đã chao động, ông sẽ bị bỏ vào hàng rào lưới, sẽ cách xa, sẽ cách xa. Lê Khắc vừa tìm

thấy giá trị của một cuộc sống. Ông có thể đem vào trong tâm hồn bị ngăn chia với thế giới bên ngoài kia những hình ảnh, những màu sắc, những trần trở thao thức, và cả những cảm quan nghệ thuật, cuộc đào thoát vô vị nếu không làm được một điều gì cụ thể đến mức ông có thể nhìn thấy, thậm chí còn va chạm được nữa. Thốt nhiên, Lê Khắc tự nhắm mắt lại. Chưa lần nào ông hình dung mình sẽ sống trong thế giới mù. Ông vẫn thấy bầu trời xanh ngắt, những vũng lầy đen đong, những bông hoa lấp lánh thấp dọi trời đen, thế. Ông sẽ chia sẻ ít nhiều với cô gái mù đơn độc đất khách.

Tứ đã nhận ra vẻ mặt khác lạ của Lê Khắc, ông găm gù:

“Mày làm cái quái gì thế?”

“Mày đếch biết cái quái gì cả.”

Lê Khắc mở mắt ra, bảo thôi cứ gặp anh ta rồi tính. Những ngọn đèn trong trại vừa bật. Hai người rảo bước. Nam đang ngồi ở bậc cửa, phì phà hút thuốc. Tứ xoa tay xin lỗi:

“Bậy quá, tôi để anh chờ.”

Nam cười tỉnh bơ:

“Có sao. Được nước nào nhận chưa?”

Nam biết Tứ qua vài lần triển lãm tranh của ông ở Hội Bảo vệ Nhân quyền. Lâu lâu có việc vào trại, anh ta tạt qua chỗ Tứ, trao đổi vài câu rồi đi. Đối với Tứ, Nam có một vẻ bí mật nào đấy, một người ở nước ngoài về, một thanh niên có học, nói giọng Hà Nội, sống ở Nam, ốm nhỏ và giản dị khác người. Tứ giới thiệu Lê Khắc rồi hỏi:

“Chị Phương có khỏe không đấy? Tôi chờ đi Mỹ anh ạ.”

“Thì cũng đại khái vậy. Nam nói, nghĩ thầm. Lại đi Mỹ, chưa thấy Hoa Kỳ chưa đỡ lệ mà. Anh hỏi thăm cậu con Tứ, tình hình trong trại, bảo:

“Dạo này yên đó chứ, mà ông thường đi đâu dữ vậy?”

Tứ rút điều thuốc Nam mời, châm lửa. Ông nói về Sương. Một cô gái mù lạc cha trên đường vượt biển, hiện sống chung với một cô gái khác nhưng dường như cô

này ít khi ở nhà. Tư thấy mình có bổn phận chăm sóc cho người con gái tội nghiệp. Ông nói:

“Tình cảnh cô ta như thế tôi không đành lòng anh ạ. Thì giờ rảnh là bố con tôi lại chạy qua chạy về. Cứ nghĩ con gái hơ hớ thế kia mà ở chốn binh đao này.”

Nam có vẻ xúc động. Anh ngỡ ra:

“Tôi vào trại hoải mà có nghe ai nói đâu.”

“Chẳng ai để ý đến bản thân người khác đâu.”

“Thế cô ấy sẽ đi đâu?”

“Nghe bảo là Hà Lan gì đấy. Tôi không rõ.”

Nam mở sổ tay, ghi số thuyền và tên họ của Sương. Tư mừng thầm, nói thêm:

“Dạng như bọn tôi chẳng làm gì được. Nếu được anh quan tâm nhắc nhở các phái đoàn...”

Nam cười nhạt, bảo:

“Tôi chỉ rành tin tức hơn các anh một chút thôi. Phái đoàn! Hừm... Có lẽ chẳng ai muốn giành thêm gánh nặng.”

Ba người đàn ông im lặng hút thuốc. Nhưng chỉ một khắc, Nam trở về với bản tính năng động của mình. Anh thao thao trình bày những diễn biến trên diễn đàn quốc tế về vấn đề người tỵ nạn. Những kế hoạch mà chính quyền có thể thực hiện trong chiều hướng bất lợi cho nạn dân. Qua Nam, Lê Khắc hình dung một bức tranh rõ rệt với hai màu đen trắng về người tỵ nạn. Giọng anh ta có khi sôi nổi về một đề tài tranh luận giữa những người làm việc như anh và đại diện Cao ủy Liên Hiệp Quốc. Những cái nhìn thẳng thắn và trực diện vào vấn đề, không sống trong ngụy vọng về một tương lai tươi sáng đối với một vấn đề đã kéo dài quá lâu. Có khi Nam gay gắt với tình hình sinh hoạt bất ổn do người tỵ nạn tự gây ra. Anh phóng ra một cái nhìn toàn diện về đời sống thuyền nhân, từ tầm phôi cảnh ấy, nhặt ra những mẫu nhỏ để trình bày như là một trường hợp điển hình. Những mẫu nhỏ về cá nhân của từng mảnh đời lưu lạc, những chi tiết bị lãng quên, được Nam tô đậm, thật đậm, bởi lẽ chính những mẫu đời nho nhỏ ấy mới là chân diện mục của cuộc sống. Cộng đồng không phải là sự kết hợp hữu

cơ giữa các cá nhân. Chân lý và phân tử không hiện từ bất kỳ một kiến trúc vĩ mô nào cả, mà chính là những mẫu đời nhỏ nhặt, riêng, chắt chiu từ cuộc sống, từ bức tranh phối cảnh.

Một mẫu đời đau đớn.



15.

HÀNG RÀO TRẠI CAO NĂM thước rưỡi tính cả hai cuộn thép gai chồng lên nhau. Rồi đến một khoảng sân đổ bê tông ngời ngời dưới nắng. Bên trong các buồng bằng tôn trắng, hai dãy giường dài kê sát vách chừa lối đi ở giữa, gồm những miếng ván chồng lên nhau thành ba tầng. Mỗi giường rộng một thước hai nhân một thước tám, đủ cho hai người nằm, hoặc chèn ép ba bốn người trong một gia đình. Nếu là cặp vợ chồng, họ tự trang bị riêng tư bằng bất cứ thứ gì, thường là mấy tấm màn cũ mốc từ tầng trên, thả đong đưa xuống. Người độc thân thì khỏi che chắn gì, trừ các chị độc thân. Nhưng Mân ngoại lệ. Nàng nằm ở tầng ba, một mình, không che chắn. Năm mỗi thì nhóm dậy, bó gối nhìn qua cái ô cửa sổ trống ra cuộn thép gai. Trẻ con chơi giỡn ồn ào sát mép ba-rắc để tránh nắng, chơi chán chúng chàn ràn qua lại chỗ Mân nằm, chỗ mỡ lên chọc ghẹo. Người lớn đôi khi cười cười khuyến khích. Đời sống nhàm chán quá, phải có chỗ xả. Người Mân, từ áo, từ quần, từ đầu tóc bù xù không tắm gội, toát ra một mùi không dễ chịu. Mấy người nằm gần nàng có khí cố tình khịt khịt mũi. Vài ba hôm đói quá Mân mới ngồi dậy ăn bậy chỗ cơm trại có kẻ để trên đầu năm. Ăn xong, nàng lại nằm ạch xuống, để mặc phần cơm trại của mình cho ai muốn lãnh thì lãnh. Một nữ nhân viên xã hội người Mỹ tìm hiểu hoàn cảnh cô gái, rồi bắt lực với kiến thức chuyên môn của mình. Cô yêu cầu một nhân viên xã hội người Việt tiếp tay. Kiến thức của người Mỹ không tiêu hóa nổi suy nghĩ của người Việt, cô ta nói như thế với Nam.

Lúc người A Xòe mở cửa buồng cho Nam thì bọn con nít đang thập thò chơi giỡn ồn ào. Chúng né qua một bên cho Nam vào. Giường của gã buồng trưởng ở sát cửa, tầng thấp nhất. Gã là một tay đầu gấu có số má nhưng khuôn mặt thư sinh, có vợ và một đứa con trai sáu tuổi xinh xắn trắng trẻo như con nhà giàu. Thằng nhỏ cởi trần nằm sấp ngủ, trên tấm lưng nhỏ bé phơn phớt lông măng có mấy chữ “Thà chết không hôi hươg”. Nam vẫn tiếp tế cho gã trưởng buồng mỗi khi vào trại, có khi một chai rượu nhỏ và ít tôm khô, biết chắc gã có độc quyền nấu rượu lậu trong trại, dân thường đừng hòng. Gã hứa chắc nịch với Nam trong buồng này không ai dám làm gì bậy bạ, như hiếp dâm và trấn lột (nấu rượu lậu không phải bậy bạ). Xung quanh gã lúc nào cũng có ít nhất một thằng đàn em xâm trở, bấp tay và cả bấp chân cuộn cuộn mạnh khỏe. Bấp thịt săn chắc ấy chỉ

dùng để hiếp dâm. Nam không vội bước tới chỗ Mân. Anh xề xuống giường buồng trưởng, rút gói thuốc. Đất có thổ công. Sự yên bình của Mân là do buồng trưởng. Hắn ở đây.

“Anh vào thăm cái Mân đấy à?”

“Coi nó có cần gì không,” Nam nói. Anh vừa tán chuyện vừa quan sát sinh hoạt trong buồng. Tận cuối buồng lờ mờ một đám đang xúm xít hút thuốc lào. Trên chiếc giường giữa buồng, một người đàn bà đang ngồi bó gối, xây mặt vào vách nhìn di ảnh một người đàn ông bị đâm chết thảng rôi.

“Vâng, anh xong việc ghé em uống tí chè đã.”

Nam đứng quan sát người đàn bà đang nằm nghiêng trên tấm ván. Thân hình bất động. Một người đàn bà còn sống như đã chết. Tóc dài xõa lưng quấn quýt vào nhau. Đôi gót chân tím rịm nứt nẻ những lỗ đít khô hằn học. Nam gọi khẽ:

“Mân.”

Mân xoay đầu lại, nàng sực trở về một nơi nào đấy với tiếng kêu nhẹ như hơi thở nào đấy. Như tỉnh lại một khắc. Những năm tháng dài đầu đó, những đòn vọt trên xác thân, lẫn long lóc. Không gian vùn vụt những hình thù, thời gian xóa đi nhưng có lúc rõ ràng. Hiện tại quá khứ mờ tỏ, có lúc thu nhỏ như mảnh trời trên mép giếng. Cơ thể không còn hơi sức. Đói, cái đói thường trực nên thành ám ảnh. Ánh nắng từ ô cửa rọi vô chỉ làm nàng chóa mắt. Mẹ nàng bị thọt chân, không phải vì đạp mìn Mỹ mà chỉ bởi mẹ nàng thọt bẩm sinh, thể thôi. Cha nàng không có, hoặc có thì Mân không biết. Lẽ tất nhiên cha nàng cũng không phải hy sinh trên chiến trường Nam Bộ trong cuộc chiến tranh giải phóng. Những điều na ná như thế chỉ có trên loa sắt. Trong các trận bom, mẹ nàng lúc nào cũng chậm chạp tìm chỗ nấp. Khi căn hầm, khi dưới gầm giường, bom rơi ít khi trúng mình lắm, vì trúng là biết liền. Mẹ nàng nghĩ vậy và quả nhiên bà chưa từng “biết liền.” Thong thả, thậm chí trật tự, tìm chỗ nấp. Khi chậm chạp bò ra khỏi hầm, bà không phải là người sau cùng. Lần kia, một ông giáo làng đã vận dụng sáng tạo trong khi núp bom, đã giải thích mối quan hệ biện chứng rồi tiến qua quan hệ hữu cơ với bà. Lần kế, một xã đội viên triển khai thêm quan hệ hữu cơ với bà. Thế là có Mân. Bà không biết Mân là kết quả của biện chứng, nhưng nó vẫn là , sinh trên đất Thanh oai hùng. Đảng và trời nuôi Mân lớn lên thành thiếu nữ có đôi vai u lao động và gót chân nứt cứng. Điều quan trọng là Mân đã trở thành thiếu nữ. Một mồn hàng có giá. Các dòng thác cách mạng đều xuất phát từ

đấy.

Có người bảo với người mẹ tàn tật cho Mân qua Trung Quốc làm ăn một thời gian ngắn. Người ta bảo cái tuổi bẻ gãy sừng trâu của Mân nếu chịu khó siêng năng ở cái đất tiền bạc ấy thì chả mấy chốc mẹ con thọt xây nhà gạch lợp ngói. Một giấc mơ vĩ đại hơn mọi cái vĩ đại. Một giấc mộng vàng. Bỏ một vùng đất khổ. Bỏ một vùng đất tươi bằng máu mà khô cằn đã thành khốc liệt.

Nhưng cả cái giấc mộng vàng kia cũng không ghê gớm bằng lúc Mân phải dứt bứt ra khỏi làng, xa người mẹ chậm chạp để phiêu du đất khách trời xa vạn dặm. Nước mắt ướt đầm những tờ giấy bạc người ta ứng trước cho mẹ nàng, ướt cả đường đi chiêu cống. Mà Mân đi cống thật. Nàng được giao cho một gia đình ở Quảng Đông. Gã Tàu mập bọng như con giò thật tử tế. Gã bắt nàng tắm rửa, cho bộ quần áo mới mặc vào mát tới chân tóc. Mân thích lắm. Nàng có cái ăn cái mặc, chỉ dăm bữa nửa tháng là người nàng béo ra hây hây. Trông Mân như một ả xấm bận áo chèn, tóc kết đuôi xam lũng lảng. Đùng một cái, có buổi sáng gã Tàu bắt Mân thay áo mới. Áo cưới. Căn nhà bỗng tấp nập kẻ vô người ra xúng xính. Gã Tàu bận đồ chú rể, rước dâu từ trong buồng rước thẳng ra bàn lễ gia tiên, có quan viên một họ, pháo nổ. Cô dâu không hiểu chú rể nói gì, chú rể không hiểu cô dâu nói gì. Gã đẩy Mân vào căn phòng gỗ, khóa trái cửa, đôi mắt gã long lên. Mân sợ hãi nhưng kịp la lên. Gã chụp ngực nàng, tát mạnh vào mặt. Mân choáng váng bật ngửa xuống giường, ngất đi.

Mỗi ngày Nam vào trại, đỡ đầu người đàn bà ngồi dậy, lắng nghe. Những chấm câu bằng tiếng ồm ức không thành tiếng, thậm chí bằng cả tiếng cười của nàng khi nhớ đến một khung trời nào đấy, hoặc cả khi lặng lẽ không thốt một lời. Trong đôi mắt lạng phắt của nàng có ruộng đồng ngô nghê chân thật. Nàng ở đó, nàng không phải sinh ra để lưu lạc giang hồ. Nàng là đứa con của người mẹ tàn tật bẩm sinh, hằng ngày đi bắt ốc mò tôm, hết tôm đi làm cừ vụn. Nam hỏi:

“Em thích ăn gì không?”

Đôi mắt ruộng vườn sáng choang những tia nhìn khao khát về hình bóng người mẹ thọt. Cái bụng của nàng càng ngày càng lớn. Một mầm sống đang vươn lớn đậu hạt từ cuộc giang hồ. Mân rụt rè, ước mơ của nàng xa xỉ quá:

“Mì gói.”

Chỉ trong một hôm, nàng ăn sạch mười gói mì. Sung sướng cực kỳ. Rồi chú rể Tàu trói Mân vào giường khi nàng chống cự. Tối bữa có mẹ chồng đem cơm vào

để vỗ béo. Gã tàu hả hê, mẹ gã hả hê, gia đình chồng hài lòng vì con mình hả hê. Người mẹ xa quá chắc không nghe. Mân để một đứa con, lại là con trai cho gã chồng hiểm muộn. Quý vô cùng, ở một nơi nhà nước giảm đê. Cái công ấy giải phóng Mân ra khỏi cột giường. Nhưng đứa con Mân thì không được đụng đến. Nàng là công cụ sản xuất. Nàng nhìn đứa con chập chững, biết đi, rồi biết nói. Nói gì thì mẹ nó cũng không hiểu, nhưng có nhiều lúc Mân thấy sung sướng. Người mẹ nào cũng thương con, và thích được một gã đàn ông tôn thờ, dù tôn thờ theo cách thô bạo. Nàng được đi ra tới đầu ngõ. Có một hôm gặp một người đàn bà khác, nói tiếng Việt, cũng bị bán qua Tàu làm vợ. Mừng đến thế. Mân trốn.

Nàng bị bắt lại. Giam hãm trong buồng. Tiếng khóc của nàng không ai hiểu. Mà lạ thay Mân không thù ghét ai cả. Nàng chỉ thương thân, thương mẹ già cơ cực không ai lo.

Mân lại trốn.

Nàng cứ đi như thế. Thấy chỗ đông người là đi, dừng lại xin ăn, lang thang trên đường vắng, lang thang trên phố khuya. Nàng qua những làng xa nghèo khổ đến con gà không cất nổi tiếng gáy. Trong trí nàng cả một bãi trống hoang vu. Nàng đến một nơi cửa nhà sáng rỡ, ô tô tấp nập, cửa hàng sáng choang ánh đèn. Vẫn chưa phải là nơi mẹ thọt ở. Nàng phải về một nơi tối lửa tắt đèn và chỉ có những người thọt là thuộc về nàng. Mân đi. Kẻ mộng du giữa thành thị. Nàng đến một bờ biển. Trí nhớ lơ lửng của nàng đi theo một bọn người rách rưới nghèo khổ. Đó là những người phải thuộc quê hương Mân. Chắc hẳn thế. Mân đói rạc cả người mà bọn kia cũng đói mờ cả mắt. Nàng theo họ, xuống thuyền

Một người sinh ra không phải để đi. Nam nghĩ như vậy. Mân không thể ở đâu khác ngoài làng quê bên người mẹ. Mân phải về, với mầm sống mang giòng máu Việt. Nàng tằm lợm cả xác thân mình. Nàng thương cảm cái mầm sống nhưng nhúc đang chồi dần ra, đang nở dần ra bằng dòng máu nàng. Mân không biết nữa. Nàng muốn rửa xác, rửa thật sạch thân thể, thậm chí cả trong tâm hồn. Nàng muốn chà bàn chải sắt tẩy uế, tẩy nhục, tẩy cả cục máu trong bụng. Nhưng cái mầm sống đã bắt đầu chồi đập. Nó đang nghe, đang thở hơi thở nàng. Nó là ai? Nó là con nàng và đứa nào. Chính nàng cũng là con mẹ nào và một đứa nào. Và giờ đây nàng cũng biết đau đớn, biết thương mẹ, biết vui buồn đói khát. Rồi đứa con này sẽ như thế, sẽ vui buồn đói khổ, khác gì nàng đâu. Trời ơi, nó có cảm được nước mắt nàng ứa ra. Người ta kêu nàng là con điên, thậm chí cả bầy trẻ ranh kia nữa. Con nàng sẽ mất hí, hay có một vết xăm trên bắp tay như đứa

đã cường hiếp nàng. Nàng ôm những vết tích ấy trong lòng, cho nó ra ngoài, nhìn nó lớn lên, lòng mẹ thương con nhưng vết dấu chập choàng ẩn hiện. Và nàng sẽ sống như thế với hình dáng đứa con thân yên lặn trong dấu vết nhục nhằn, cả đời sao!

Mân phải trở về với mẹ, Nam biết rõ hơn ai hết. Mân sẽ sanh trong vài tháng nữa, không gấp lắm, vẫn còn nằm trong luật được chuyển trại khi mang thai. Chuyển máy bay đưa người hồi hương kế tiếp chưa có tên Mân. Thật là một lần lật sạt nhân nếu phải bắt Mân sống ở một nơi mà mặt trăng còn thấp hơn những nóc nhà vòi vọi. Nàng đã lưu lạc đến nơi này vì nghèo khổ, nhưng sự sung mãn vật chất nơi đây giết dần bằng nỗi cô đơn.

Khi báo tin cho Mân là nàng sẽ về trong chuyến bay tới, Nam thấy hai mắt nàng long lanh xúc động. Nàng sắp được chuyển qua trại chờ bay, từ đó, bay về, rồi ra sao chỉ có trời và Đảng biết. Mân ôm cái bụng tròn lẳn. Da thịt nở ra. Mân sẽ mang đứa con trong bụng về với làng xóm. Nàng mang về một mầm sống. Sau những sáng năm lê qua những vùng đất lạ, Mân có một đứa con, dấu vết ly hương duy nhất của nàng vì bụi đường trên đôi chân sẽ rơi rụng. Nàng cười mơn man, bật khóc.



16.

BIỂN LẶNG MANG THÊM người đi từ miền Bắc đến Hồng Kông. Tất nhiên biển không lặng người ta cũng đi, đi để ít đến, hoặc đến một nơi không định đến. Và không bao giờ đến. Khắp nơi người ta nói đến “nạn dân”, cái kính, bức dọc, cũng đôi khi có chút thương cảm. Trại giam lại mọc lên để đáp ứng nhu cầu. Ngay ở trại Bạc Đầu, từng đoàn xe chở người đổ xuống, tấp nập, náo nhiệt, bàng hoàng mỗi lần cổng trại giam mở ra đón hàng loạt, hàng loạt những con người xác xơ tẻ tả như miếng giẻ rách, hôi mùi biển, mùi dầu, mùi đoạn trường theo suốt cuộc hành trình. Những căn phòng trống lốt ván, nóng hừng hực, mặt trời nóng hổi, tiếng khóc trẻ thơ. Không nơi nào bình yên. Ngoài hàng rào, những cái lều đã chiến mọc lên để chứa, chứ không phải che, thuyền nhân. Bê tông đổ lên cỏ xanh làm móng nhà, tiếng đập, cửa, tiếng hàn xì rần cả khoảng trời nhỏ khiến nước biển xao xuyến rung rinh.

Hải và cậu bé Thơ phải nằm sít lại, nhường bớt vài phân vuông cho một người mới đến. Nhiều đêm nóng quá lại chật chội, Hải bò dậy đi ra ngoài, lủi thủi tản bộ dưới ánh đèn trắng bạc. Sương đêm mát rượi những cọng thép lổ rào. Một vài người khó ngủ cũng ra ngồi chồm hồm bên hàng rào ngó ra biển, ôm ngực ho sù sụ. Hải bấu tay vào lưới, ngón tay lạnh lạnh hơi sắt thép. Mặt biển bị cắt thành ô nhỏ, rung rung những xao xuyến đợi chờ. Những người đàn bà dấp dứ nhau đi qua trước mặt Hải. Một người đã chết, chết thật rồi. Hải không còn mơ dáng Thu dấp con chạy trên sóng nữa. Có lẽ nàng đã xa, đã bỏ Hải. Rồi thân hình lỏa lồ của Sương trên bờ biển thành phố ma lung linh sương khói. Người chết đã khuất mà người sống cũng xa. Người con gái mù đang ở đâu, nàng còn sống hay đã chết? Nàng có là vì sao băng xẹt qua bầu trời đêm sáng lòa và tắt phụt, không cả một dư âm, không cả một dấu tích!

Hai người đàn bà đau khổ đã đi qua đời Hải khổ đau. Chàng thương con xót vợ, chàng khóc âm thầm dưới những cơn mưa lất phất, dưới những vì sao ứa ứa lệ. Những con người chưa vừa ý với sự đau khổ của Hải, họ muốn Hải phải khổ hơn nữa. Họ muốn Hải phải vẹn toàn, phải làm tròn đạo đức, luân lý, thủy chung, là gánh luôn gánh nặng của người khác. Nhiều bà rửa:

“Ồi cái thứ mờ vợ chưa xanh cỏ.”

“Ngũ ấy không có tươi mát chết tươi.”

Có lẽ đúng thật. Hải đã chủ động trong cuộc sống. Hải có những khát khao tầm thường, những ham muốn rung động, và cả những nghĩ suy về cái đẹp. Con người thật chỉ khác con sên điều đó, không giấu tấm thân nhớp nhúa nhể nhãi trong lớp vỏ cứng cáp xấu xí. Tấm thân phải thè ra, phải trườn trên đá, thậm chí cả trên điểm nhục, để lăn tới, lăn về đâu đấy.

Hải ăn “cánh gà” đọt một. Chàng đã triển khai những chi tiết, những tâm tư tình cảm để trình bày với Cục Di Dân. Hải bị những người chủ trương ba không (không thanh lọc, không về, không tin Cao ủy) cười vào mũi:

“Bà con chống thanh lọc, anh đi tiếp kiến ăn cánh gà cũng lô-gích thôi.”

Thật sự Hải nhận cánh gà chỉ vì quá chủ quan. Chàng đầu tư vào đơn kháng cáo, tập trung những điểm chủ yếu chứng minh mình bị ngược đãi. Tuyệt đại đa số bà con ăn cánh gà chỉ vì chủ quan cho rằng chỉ cần khai lý do ra đi là “tìm tự do”, “bất mãn với đường lối chủ trương của Đảng và nhà nước” là xong chuyện. Thật sự không đơn giản như thế. Cục Di Dân bảo:

“Anh bất mãn kê xác anh. Toàn di dân kinh tế.”

Người đi tiếp kiến kể buổi phỏng vấn với luận điệu đại loại như thế. Cục Di Dân hỏi gì, thông dịch viên quờ quạng ra sao không cần biết, chỉ tóm gọn buổi tiếp kiến như thế. Bất mãn, hậm hực, chửi thề và đau đớn vì mình đã khai thật. Phải tuyên truyền ăn gian nói dối như Thuyên trong khối Trật tự trại thì đã được cho ra tự do rồi. Thuyên, tay đầu gấu Quảng Ninh đâm cha chém chú, chân lý của gã là con dao dài tám tấc mài nhọn đầu, nước thép xanh biếc trông ghê hồn. Cục Di Dân hỏi nghề nghiệp gã. Nghề? Thì lăm. Bẻ khóa, đục tường, ăn cắp vật, ăn cắp lớn, trấn và lột. Gã không được vào hàng ngũ tham ô hay móc ngoặc. “Trấn” người ta không được ư! Thì chém. Tay anh chị khét tiếng như thế mà Cục Di Dân hỏi nghề. Ấy vậy mà gã được.

Gã khai: “Bản thân cá nhân tôi phục vụ trong ngành công an nhân dân. Nhưng càng ngày, nhận thấy rằng ný tưởng cao đẹp nà phục vụ nhân dân không còn nữa. Cấp lãnh đạo tham ô móc ngoặc, nhân dân bị chèn ép. Bản thân tôi cũng nhiều nằn va chạm với lãnh đạo, do những cọ xát như thế nên tôi bị trừ dập. Sớm ý thức được và chỉ có việc lật đổ chế độ cộng sản thì nhân dân mới hết đói khổ, tôi bí mật tập hợp một số anh em đồng chí âm thầm hoạt động chống phá. Không may, chúng tôi bị phát hiện, khi công an khám nhà tôi thì tìm ra một khẩu súng

nục. Biết nếu không trốn ra nước ngoài thì sớm muộn cũng bị bắt nên tôi quyết tìm đường đi tìm tự do nhân phẩm. Nếu bị trở về thì các ngài cứ bắn cho tôi một phát súng còn hơn, bởi vì chắc chắn tôi sẽ bị trù dập ngược đãi với một ný lịch như thế.”

Hải phải nhìn nhận là gã khai có cơ sở. Buồn cười nhất là có một bà làm chủ hội ở Hải Phòng, giật hội trốn qua Hồng Kông. Không biết bà chủ hội gốc Hoa này khai làm sao mà được công nhận ty nạn chính trị vì trở về Việt Nam chắc chắn bị ngược đãi. Có lẽ Cục Di Dân sợ nếu cưỡng bức bà chủ hội về thì sẽ bị các con hội ngược đãi bà chăng?

Trong khi những người chống đối chính sách thanh lọc lần lượt (và lén lút) đi tiếp kiến cục di dân, “cánh gà” mọc lên um sùm trong trại thì ngoài đảo Tài Á Châu, một đảo hoang xa tít, bọn đầu gấu lại nổi loạn. Chúng tấn công luôn cảnh sát để cướp thực phẩm. Cảnh sát vì bất ngờ phải rút lên tàu nhỏ neo chạy. Bọn đầu gấu được dịp trả thù dân tộc. Chúng “ngược đãi” người Việt gốc Hoa trên đảo, hãm hiếp đàn bà con gái cho đến ngất. Thảm kịch kinh hoàng xảy ra trong một đêm làm rung động toàn bộ các trại giam ở Hồng Kông. Khối trật tự và buồng trưởng trại Đầu Bạc họp khẩn, viết kiến nghị bày tỏ mối quan tâm sâu sắc đối với nạn nhân ở Tài Á Châu. Hải được bố trí đem kiến nghị lên gặp Cao ủy Jack. Hải gõ cửa văn phòng nằm sát bên trong hàng rào trại. Tiếng Jack:

“Vào đi.”

Hải đẩy cửa. Trại trưởng Siu đang bàn thảo gì với Jack. Hai người nhìn Hải chờ đợi. Hải trình bày bức thư có chữ ký của các buồng trưởng, trình bày mục đích và đề đạt nguyện vọng của tập thể trại là nếu cần bà con sẽ tự động quyên góp áo quần trong trại, nhịn một ngày cơm gửi tặng trại Tài Á Châu trong tinh thần lá rách đùm lá nát. Lão Siu ậm ừ nói:

“Hừm, các anh tình nghĩa thế thì làm sao có những chuyện đáng tiếc như vừa rồi. Jack, ông nghĩ sao hả?”

Jack mỉm cười, khuôn mặt trầm ngâm:

“Cũng tốt chớ.”

Hải nói:

“Các ông hiểu là tuyệt đại đa số bà con đều là người tốt, chỉ có ít phần tử xấu

gây rối loạn mà thôi.”

Lão Siu hần học:

“Ít phần tử thôi à! Anh lạc quan đấy. Các anh đối xử với nhau như thế trách gì chúng tôi.”

Jack nói:

“Cao ủy đại diện cho người tỵ nạn không đại diện cho sự xấu xa và kỳ thị. Các anh kỳ thị Nam Bắc. Người miền Nam xa lánh người miền Bắc. Nếu cũng trong tinh thần đó thì người Tây phương như tôi sẽ cư xử với các anh thế nào đây. Các anh chung tiếng nói, chung màu da đó.”

Hải nói lại:

“Vâng, chưa hẳn vậy đâu. Giả sử như trong trại này có một trăm người Đức, một trăm người Anh và một trăm người Ái Nhĩ Lan. Có khi còn hơn đấy chứ, chúng tôi vậy là còn nhẹ quá mà.”

Jack gục gặc đầu, tươi tỉnh:

“Hay đấy. Nhưng các anh là người chung một nước. Các anh cùng một mục đích, cùng ra đi tìm tự do và thậm chí cùng lý tưởng nữa. Phải thế không?”

“Có thể. Nhưng bản thân mỗi cá nhân không ai giống ai. Trong mỗi con người đều có phần hèn mạt, cả ông, cả tôi, cả ngài trại trưởng, chúng ta có thể là người khôn ngoan biết giấu cái phần thấp hèn đấy. Một lúc nào đấy, cái phần đốn hèn nó phát triển, nó vùng lên trong người thì sinh ra cái nọ cái kia.”

Jack cười ha hả. Ông cựu giảng viên đại học thích thú:

“Như vậy chúng ta là chó cả. Các phần hèn ấy nằm trong tất cả chúng ta như cục cứt ở trong ruột, có ỉa cục này đi thì cục khác xuất hiện. Anh về đi.”

Hải cáo lui, thấy mặt lão Siu đỏ rần. Lẽ ra lão nên đỏ mặt khi đi ngang phòng khám bệnh nhìn hai hàng dài đàn bà con nít đầu úp thau che nắng, mồ hôi mồ kê nhễ nhại chờ vào khám bệnh. Hôm nọ có người đàn bà đau đẻ, nhân viên lão lễ mễ chở ra nhà thương ngoài phố. Sự chậm trễ và coi thường nhân mạng khiến người đàn bà đẻ dọc đường. Thấy đứa bé thò đầu ra, nhân viên Cục Cải Huấn

hốt hoảng cầm hai chân người đàn bà ép lại, chận không cho đứa bé ra ngoài. Đứa bé chết ngất trước khi xe đến bệnh viện. Lão phải xấu hổ vì sự bất nhân như thế hơn là vì một câu nói của Jack. Dĩ nhiên lão cũng có quyền hãnh diện về một đôi điều tốt đẹp, chẳng hạn như nhân viên lão phớt lờ nếu bị một vài đứa trẻ ném đá, hoặc bị chúng chửi rửa thô tục nữa. Sự nhẫn nhịn đó Hải cho là bản chất của một xã hội trọng dân chủ, nếu phải vào tay công an nhân dân ta thì bố mẹ bầy trẻ phải mệ hay đại khái một cái gì gần như thế.

Những lớp lớp người từ các trại khác được chuyển dồn về Đầu Bạc. Lớp học đóng cửa chỉ trừ khối mẫu giáo. Giáo sư dạy Anh ngữ Lão thất nghiệp bèn mở lớp kèm đàn bà đọc thân. Thật sự Lão đã bị Phương mời ra khỏi Khối Giáo Dục khi một hôm cầm cuốn sổ tay của một đứa học trò, cô khám phá ra Lão dạy “What want” là “anh chị muốn gì” , “What get” là “anh chị lấy cái gì”. Lão cự:

“Chị biết rằng được, tui có cử nhân Luật.”

Phương suýt chửi thề bằng tiếng Anh. Cô kiên nhẫn tìm thầy trong số những người vừa từ trại khác chuyển đến. Vừa may lúc đó có người giới thiệu một nhà báo thông thạo nhiều thứ tiếng mới ở trại tù Victoria chuyển về. Phương không ngạc nhiên khi gặp nhà báo ấy, là Lê Khắc.

Hôm gặp Nam ở trại Kai Tak, Lê Khắc đã không thổ lộ thân phận của mình. Ông yêu cầu Tứ cho ở một thời gian nữa, bảo:

“Trước sau gì tao cũng ra đầu thú. Mà lại sắp đi.”

Tứ đã được phái đoàn Mỹ phỏng vấn. Ông biết tính bạn vui buồn bất thường, chỉ nói:

“Tao chỉ sợ nhỡ bị bắt chúng tẩm quất mày không chịu nổi mà thôi. Ở thì cứ ở.”

Lê Khắc âm ừ. Người nghệ sĩ, đôi khi chỉ vì một băng quơ nào đấy cũng đủ thay đổi cuộc đời. Nổi băng quơ ấy trong Lê Khắc chính là Sương. Ông gặp ở nàng cái hình tượng ấp ủ cho một nhân vật. Sắc đẹp của nàng, sự mù lòa của nàng, và thậm chí cả sự trong sáng của nàng đã tạo trong lòng ông nỗi xót xa đè lên hy vọng, vừa đau khổ vừa sung sướng. Mỗi sáng, ông đem tờ báo Hoa ngữ đọc cho Sương nghe. Ông đọc bằng cả tâm hồn mình, bằng những hình ảnh mà ông cố nặn lên để một người mù có thể cảm thông được. Điều đó đối với ông không dễ. Lắm khi, Sương sờ bàn tay xương xẩu của ông, mơ màng hỏi:

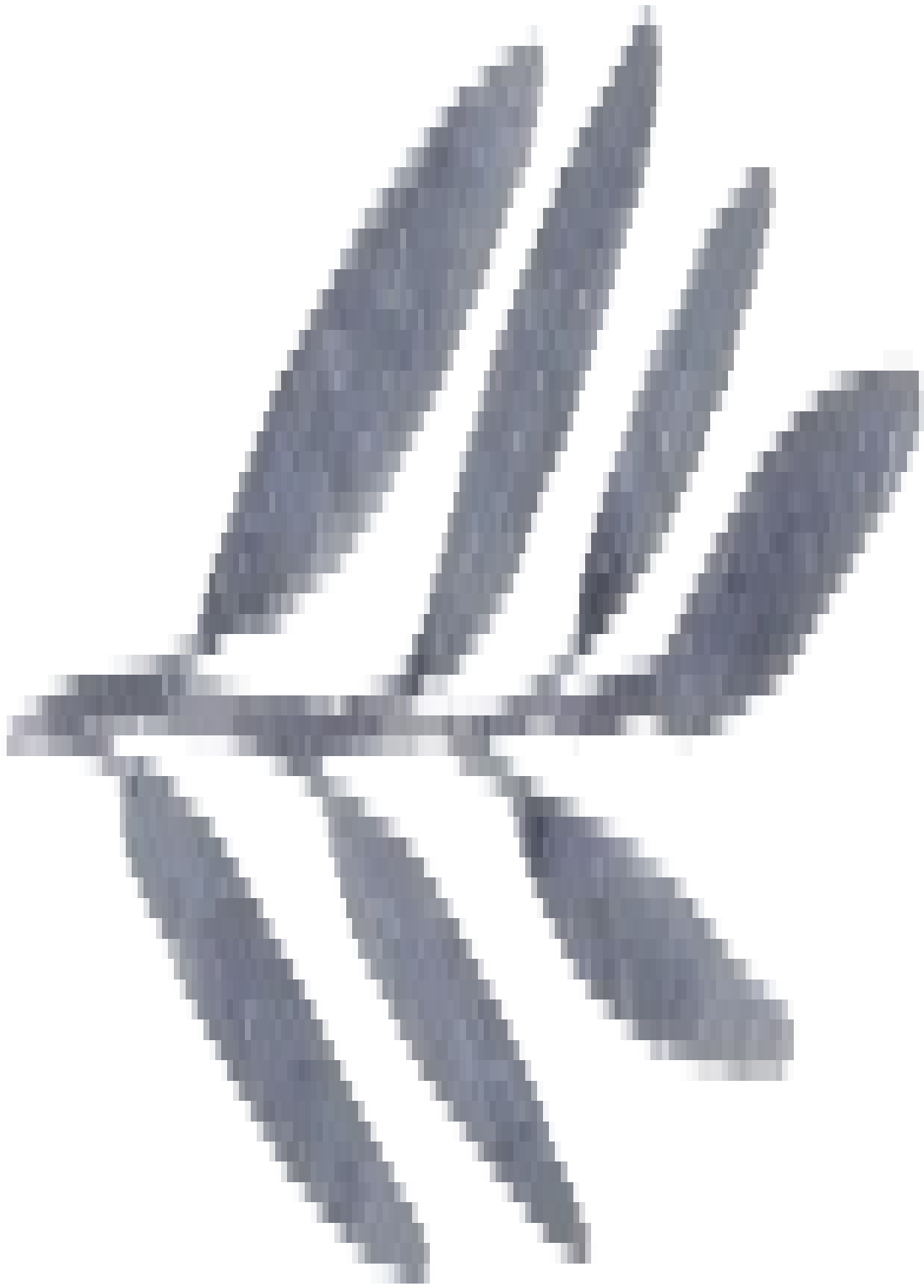
“Những thành phố chú tả có lạnh như thế này không chú?”

Lê Khắc lúng túng bảo, chắc là không, phố xá nào cũng ấm cả, nổi cơ hàn không có ở những nơi dư thừa ánh sáng. Có lẽ, cháu ạ, chỉ có bàn tay chú lạnh thôi.

Lê Khắc hỏi xin Nam một hộp đồ chơi sắp chữ của trẻ con. Ông dạy cho Sương cách nhận diện mặt chữ. Nàng thích thú với trò chơi mới, có vẻ như Sương đã tiếp xúc được với thế giới tràn đầy bí mật. Nàng đã đến gần hơn với cuộc sống, nàng đã nghe được tiếng thở dài của cuộc sống, tiếng trần trở của những bước chân trần cô độc, nàng đoán ra được sự kèn cựa của cuộc đời, tiếng trở mình, tiếng rung chuyển của ngục tù, và thậm chí cả màu hư không của những giọt lệ lạnh thình. Nàng kể những điều đó cho người đàn bà ở chung mỗi tối, chị ta đi làm ngoài Hồng Kông về. Sương bảo:

“Bây giờ em đã hình dung ra cái cửa sắt màu gì, và chị đã đi tìm trong nắng vàng ra sao.”

Đó là một người đàn bà tội nghiệp. Chị không bao giờ bảo Sương làm gì bên ngoài Hồng Kông. Chị chỉ kể cho Sương nỗi buồn của chị. Chị có đứa con mười hai tuổi. Đứa con chị ở với ông bà ngoại khi chồng chị vào Nam lấy vợ bé. Chị được bà con cho đi vượt biên. Tới Hồng Kông rồi chị mới biết là bằng cách nào đó ông bà ngoại đã gửi đứa con đi theo chị trong một chuyến khác. Thành thử, chị hy vọng là con chị đang ở một trong những trại giam nào đấy. Chị không tài nào biết được. Chị phải đi làm gửi tiền về nuôi ông bà ngoại đứa trẻ. Chị kiên nhẫn đi làm. Chị kể Sương nghe trưa nào cũng đến trại giam Shamshuipo, ở đó có cánh cổng sắt màu đen, bên dưới có khoảng cách nhỏ vừa đủ kê khuôn mặt vào. Chị quỳ trên đất cứng, thò mặt vào nhìn vô trại. Những đứa trẻ đang chạy nhảy chửi thề trên sân đá. Chị cứ nhìn hoài như thế, hy vọng đứa con chị sẽ xuất hiện. Chị chỉ thôi nhìn khi gã A Xòe gác cổng đuổi chị đi. Chị không muốn tuyệt vọng. Đứa con chị đến sau ngày 16 tháng 6, thế nào nó cũng ở trong ấy, hoặc đâu đấy. Chị đến trại buổi trưa, quì giữa trưa, và ra đi cũng giữa trưa, nắng đổ mồ hôi cay cả mắt, xé nát lòng người mẹ tả tơi.



MỘT SÁNG SƯƠNG BẢO Lê Khắc:

“Chú coi thử cái này nghe.”

Nàng giở tấm vải đậy trên sạp. Lê Khắc cảm động khi thấy Sương sắp tên ông ngay ngắn. Chữ L đỏ rực, chữ A xanh biếc hồn nhiên. Không nghe Lê Khắc nói gì, Sương hỏi:

“Bộ cháu sắp trật rồi hở?”

Ông cười, khóa lấp cảm xúc của mình:

“Cháu giỏi lắm. Đúng phom. Bây giờ chú sắp để cháu đoán thử nha.”

Lê Khắc lấy hộp chữ. Sương lắng tai nghe ngóng âm thanh xì xạc của chữ cái đụng vào nhau.

“Nào, cháu biết chữ gì không?”

Sương rờ rẫm cái chữ mới sắp bên cạnh tên “Lê Khắc”. Nàng reo lên:

“Sương.”

Tiếng cười bay lên những tầng phượng. Lê Khắc giở cuốn vở học trò, đọc trang đầu của một chuyện tình viết vội. Sương ngơ ngác:

“Chú viết về cháu đấy?”

“Ừ, chuyện tình của cháu.”

Sương bảo chắc gì đã là chuyện tình, cháu nghĩ.

Lê Khắc vén những sợi tóc trên trán nàng:

“Cháu đã kể cho chú nghe anh ấy săn sóc cho cháu như thế thì hẳn phải có cái gì. Cháu không thích à?”

“Không phải,” Sương ngập ngừng bảo. Cháu không biết nữa, có thể là gì đấy. Cháu không biết...

“...mặt mũi anh ta. Thế chú có biết chú ra làm sao đâu. Cần gì, cháu. Tình yêu không có hình tượng nào cả. Nó không có tên, nó là gì đấy như cháu nghĩ. Thế thôi.”

Lê Khắc đọc tiếp. Chuyện tình của một cô gái mù trên đường vượt biển. Những cơn mưa lạnh. Những ngày gió chướng. Tiếng sóng. Lời thì thầm. Sự đói khổ. Họ tắm cho nhau trên biển vắng. Ông ngừng đọc:

“Cháu đỏ mặt đấy.”

Sương khốc rưng rức. Giọng Lê Khắc nhẹ như lá. Người con gái thấy ánh trăng tàn. Chàng trai thấy đường chân trời. Thế giới của cô gái kỳ bí và diễm lệ, những lớp mây sâu thẳm trong ký ức. Họ lạc đến một hoang đảo. Chàng trai kiệt lực. Trước mắt anh, thế giới mù đục một màu sương. Lê Khắc nói:

“Cháu thích một đoạn kết không?”

“Cháu không biết.”

“Một chuyện tình đẹp thường không có đoạn kết, thế là toàn vẹn sự lãng mạn. Cháu biết không, người đi làm cách mạng và tình yêu đều cần lãng mạn để thánh hóa những điều tầm thường. Chú sẽ đi tìm hoàng tử cho cháu.”

“Thôi chú ạ. Cháu đã nghiệm ra hạnh phúc là điều không nên thấy. Cháu đã có chú.”

Lê Khắc muốn ôm cô gái để hôn lên tâm hồn trong sáng những vì sao. Ông quệt ngón tay thấm nước mắt trên hai hàng mi dài:

“Chú sắp xa cháu rồi.”

Sương ngời im không nhúc nhích. Hơi thở của người đàn ông bóng cả mặt. Nàng nói:

“Cháu biết sẽ có ngày ấy.”

“Chú Tứ sắp đi rồi. Chú sẽ ra trình diện. Chú không ân hận vì đã gặp cháu trong những ngày đào thoát. Cháu đã thay đổi cả chương trình của chú.”

“Cháu không hiểu.”

“Chú đã nghĩ là sẽ làm cho các dân tộc yêu tự do sẽ nhìn lại những con người đang sống trong cõi chết. Và bây giờ chú thấy đó chỉ là một ý nghĩ lãng mạn mà thôi. Tiếng nói của chú đâu có lớn hơn tiếng ồn trên phố. Còn cháu, cháu sống trong thế giới mù lòa bằng cả lương tâm của thế giới. Lòng cháu sáng hơn mắt chú, Sương ạ.”

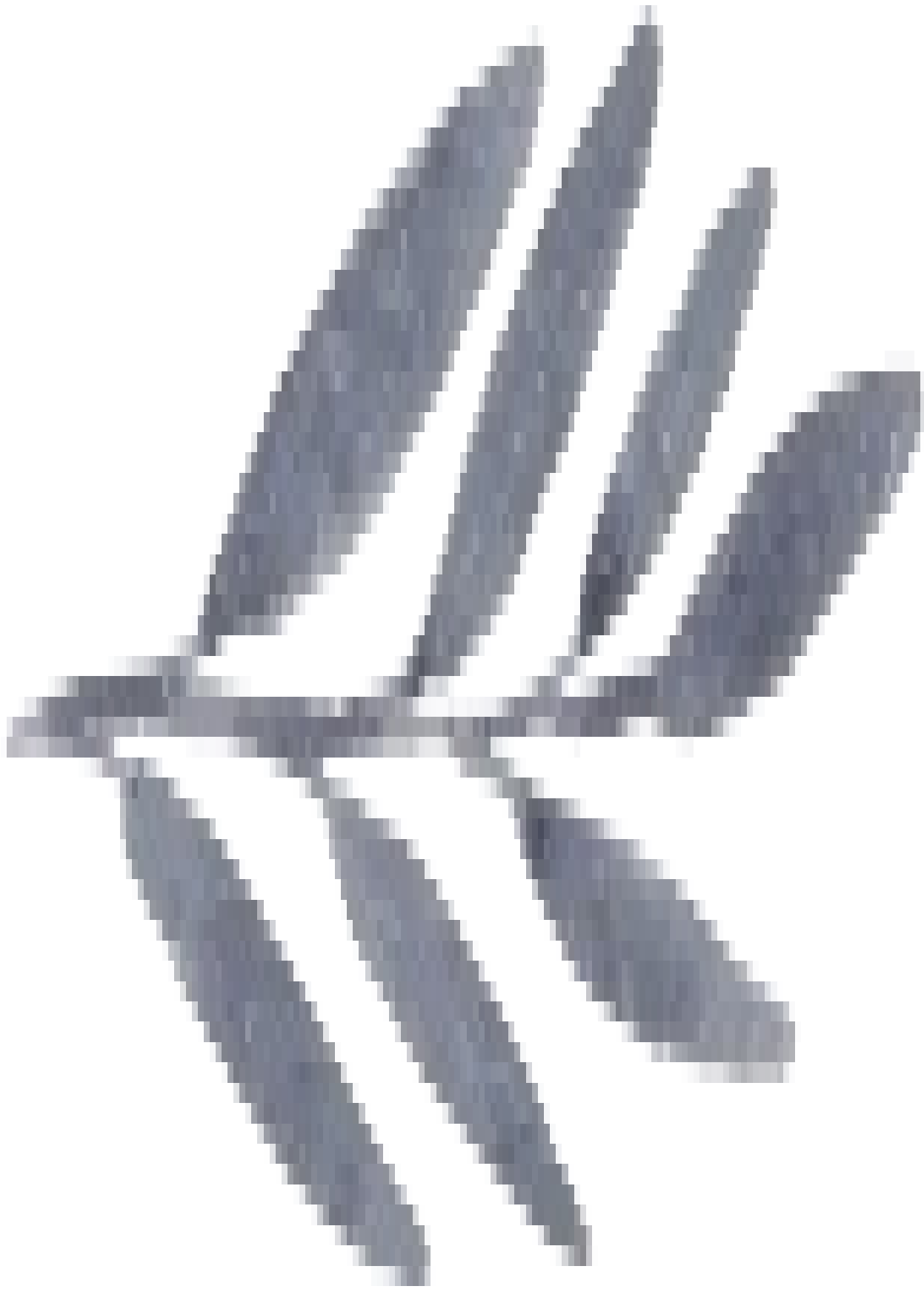
“Cháu sẽ xin về.”

“Đừng, ở nước ngoài các phương tiện vật chất tiên tiến sẽ làm cho mắt cháu sáng lại. Họ sẽ chữa mắt cháu.”

“Chú đi đâu?”

“Chú sẽ sống cuộc sống của đồng bào mình, còn cháu sẽ thấy ánh sáng tự do.”

Sương ngã đầu vào vai người đàn ông cô độc. Nàng lại mất một lần nữa, không ai muốn ở lại với nàng. Nàng đâu cần sống trong ánh sáng mà lại cô độc. Cuộc sống sẽ bớt tối hơn nếu có ai đó chia sẻ sự mù lòa.



LÊ KHẮC BỊ TỔNG VÀO nhà giam Victoria. Trong nhà tù, ông gặp vài đồng hương phạm tội hình sự, ông gặp mặt trái của Hồng Kông. Có thể do sự can thiệp của viên Cao ủy, Lê Khắc không bị đánh đập gì. Rồi ông được đưa về trại Đầu Bạc, ở đó, ông gặp nhân vật người đàn ông trong chuyện tình viết vôi của ông. Ông được Tứ vào thăm một ngày trước khi cha con Tứ qua trại chuyển tiếp ở Phi Luật Tân. Sương vẫn chưa được nước nào nhận. Tứ bảo ông tặng Sương tất cả những bức tranh không bán được, dạy cho nàng cách sờ tranh để nhận màu.

Tháng lương đầu tiên mà Lê Khắc nhận nhờ được tuyển làm giáo viên là một trăm hai chục đồng Hồng Kông. Ông đưa cả cho Phương nhờ mua hộp chữ. Khi biết ý định của Lê Khắc, Phương bảo:

“Tôi sẽ mua cho chú. Chú cứ giữ tiền phòng khi cần.”

Lê Khắc xúc động. Cuộc đời không tệ như ông tưởng. Ở hoàn cảnh nào cũng có những trái tim bác ái. Ông bảo Phương:

“Chị cứ cầm hộ tôi. Nếu không dùng thì nhờ anh Nam trao hộ cho cô ấy. Tôi ăn cơm Cao ủy cần gì tiền.”

Lá thư đầu tiên ông gửi cho Sương to như một hộp quà. Lê Khắc sắp chữ, xin băng keo dán lại. Ông ngạc nhiên khi thư trả lời của Sương trên giấy trắng mực xanh. Giọng của Sương, trên tuồng chữ của ai đó.

“Chú xa nhớ!

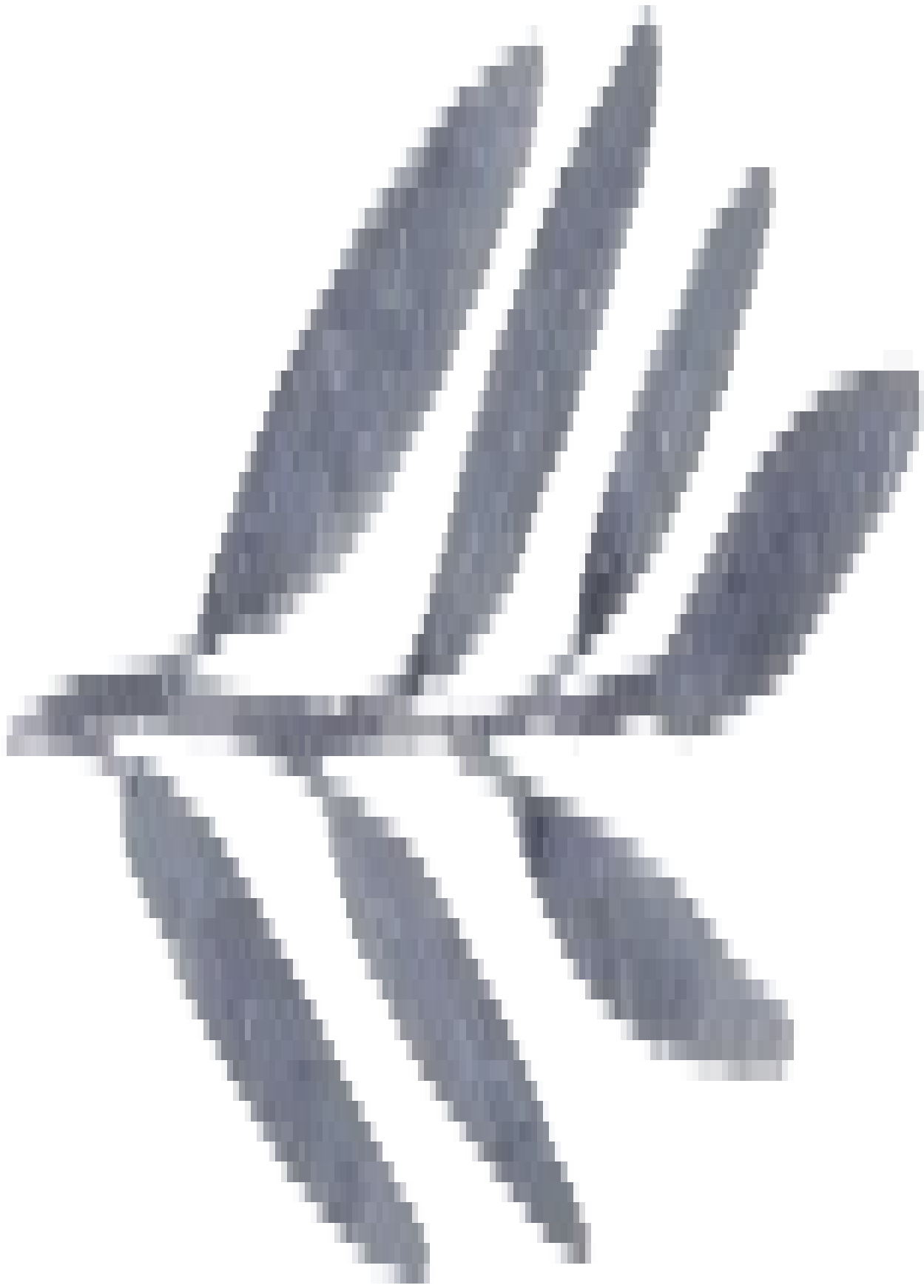
Từ ngày chú đi cháu không biết phải làm gì cho hết ngày. Cháu sờ những bức tranh của chú Tứ. Chú ấy bảo tranh chú dầy sơn dù lúc nào chú ấy cũng thiếu tiền để mua sơn, có thể bề dầy của không gian và thời gian – chú Tứ bảo đấy nhé – mới thấm vào người thường lắm. Chú ấy bắt cháu để tay lên màu đen cho đến chừng nào màu đen thấm vào cháu. Rồi lại để tay lên màu xanh cho đến chừng nào cháu “thấy” được màu trời. Chú ấy lại bảo cháu hãy bắt lấy màu đỏ cho đến khi cháu cảm dòng máu mình chảy dầm lòng bàn tay. Thế đấy, cháu đã thấy được những cuộn sóng hung hãn xô đẩy, xác chết lỏa lồ, hoàng hôn máu đỏ. Chú ạ, cháu đã hiểu tại sao chú Tứ lại bắt cháu học nhận màu đen đầu tiên trong bài học đầu tiên chú ấy dạy. Toàn bộ tranh của chú ấy bị màu đen chiếm trị chú ạ. Cả biển cũng màu đen chú ạ. Thật hay, người ta nói màu trắng gồm

bầy màu. Thực ra, màu đen mới thu nạp tất cả các màu. Nó nuốt hết. Màu đen mới đầy vì nó cuốn tất cả màu khác vào trong nó. Thịnh thoảng lắm cháu mới thấy một màu xanh trong tranh chú Tứ. Cháu kiểm tra với anh Nam thì anh ấy bảo màu xanh của chú Tứ là màu xanh của rừng cây hết lá. Nghĩa là gần như tuyệt vọng, màu xanh chết! Có khi cháu không muốn xem tranh nữa. Nếu như thế giới này chỉ toàn màu đen như thế thì cháu sáng mắt để làm gì.

Cháu viết dài sợ phiền người ta. Chú ráng phấn đấu để qua thanh lọc nhé. Chừng ấy, chú cháu mình lại gặp nhau.

Có tìm gặp bố cháu ở đâu không?”

Dưới bức thư có chữ Sương nghịch ngoạn. Lê Khắc bùi ngùi. Ông muốn đập hàng rào để phóng ra ngoài lần nữa. Ông hiểu những điều Sương muốn nói về tranh của Tứ. Màu đã chọn Tứ, đã ở sẵn trên khung vải trước khi Tứ nhúng cọ vào. Tứ đã dùng cái hữu hạn của kinh nghiệm sống để thể hiện cái vô cùng của tâm thức. Ở một lúc nào đó, tranh của Tứ bị gò bó trong hình tượng cuộc sống. Lê Khắc đã bảo Tứ phải đập nát con đê hữu hình kia đi, để nước loạn, là Tứ, vỡ tràn trên khung vải, chảy ra trăm nghìn ngã, không lối, không đường, không biên giới, biên cương, thể hiện cái cuồng loạn của tâm tư, của ý thức, bất chấp lẽ luật, bất chấp kỷ cương, ấy là đi gần đến ngã, không màu, không sắc, không hình tượng. Cuộc đời nó thế, sống trong cái hữu hình mà vượt lên với vô hình. Một họa sĩ tài ba cũng phải thế, không bị tràn ngập bởi màu sơn, cũng không chọn màu sắc mà cứ cầm cọ vung lên khung vải, như cành cây đâm vào hư không có theo một hình hướng nào đâu.



SAU NGÀY LÊN TIẾP KIẾN thanh lọc, Lê Khắc lại nhận được một bức thư khác của Sương. Ông biết mình sẽ nhận cánh gà trong buổi sơ ngộ với Cục Di Dân. Khuôn mặt người phỏng vấn nhìn ông ác cảm ngay từ đầu. Tướng Lê Khắc không dễ nhìn. Trán vồ, hai lỗ mũi to hếch lên trời như hai ống thổi lửa, cái cằm bạnh dữ tợn. Lê Khắc biết thế. Ông đọc đi đọc lại thư Sương để vơi buồn bực.

“Chú xa nhớ!

Cháu nhận được thư chú rồi. Cháu mừng lắm. Cháu biết là chú không quên con bé tàn tật này mà. Có thể chứ.

Cháu đã sờ đến bức tranh thứ tám, bức cuối cùng đấy, của chú Tứ. Bây giờ cháu đã hiểu tại sao khi đưa bức này cho cháu, chú Tứ bảo: “Chú tặng bạn chú bức tranh vô hình này, chờ bạn chú ra khỏi cõi hữu hình mà lấy.” Chú Tứ tặng chú đấy, chú biết không?

Cháu sờ mãi mà không tìm được hình tượng nào cụ thể của bức tranh chú ạ. Nó cứ bàng bạc làm sao ấy. Dường như chú ấy vẽ một cơn mộng, cơn mộng mỏng như khói sương vậy đó. Toàn bộ bức tranh là màu trắng, màu xám, màu lá xanh, toàn là màu lạnh thôi chú ạ. Nó là sự trăn trở, thao thức, ước vọng và thậm chí cả dục vọng nữa. Một cái gì không thể nắm bắt được mà rất thực, rất cụ thể, rất người.

Cháu không hiểu đâu. Cháu để cất bức này cho chú đấy. Anh Nam hỏi mua một bức nhưng cháu nhất quyết không lấy tiền. Minh mang ơn không hết, phải không chú.

Chú đã đi tiếp kiến chưa? Ở Kai Tak có mấy người ở trại chú vừa được ra tự do đấy. Cháu có hỏi thăm chú nhưng không ai biết cả. Chú có khỏe không? Ráng phấn đấu công tác tốt chú nhé. Nhớ viết thư cho cháu, kể cho cháu nghe cuộc sống, tâm tư tình cảm của chú đi.

Có gặp bố cháu ở đâu không?”

Dưới bức thư lại ký chữ “Sương” nghếch ngoác. Ông đã không làm được một điều gì cho Sương. Có lẽ bố nàng đã mãn số, đã đến một cõi vô hình mà ông thường nói. Ông thất thểu đi trong trại, thấy Hải đứng bên Hà nơi hàng rào phía biển. Nhân vật của ông đã làm nên cuộc tình mới, đã xong!

Ông nhớ Sương thoang thoảng, nửa đêm rên rĩ một mình. Ông đã quyết định cho ông một đời sống khác. Hôm cảnh sát tấn công trại bắt những người biểu tình chống cường bách hồi hương, mắt ông cay xè, đỏ ngầu vì đau khổ, vì những quả lựu đạn cay cảnh sát bắn vào trại. Trong tiếng kêu thảng thốt của đàn bà, tiếng rên khóc của trẻ con sợ hãi, tiếng chân chạy hỗn loạn và màu đục mờ của khói lửa. Lê Khắc viết bản kháng cáo.

Ông ghi tiêu đề: Kháng Cáo Của Một Thuyền Nhân Đến Muộn.



17.

BỐ TÔI LẦM CHẮC KHI cho tôi sinh hoạt Câu Lạc bộ Âm nhạc thiếu niên Hà Nội từ khi tôi mới lên năm. Cứ tưởng cho con vài nốt nhạc bỏ bụng để ấm tẩm thân mai này. Có lẽ ông muốn tôi thành giảng viên âm nhạc như ông chẳng, hoặc thiên tài cỡ Beethoven ấy. Cũng có thể thời ông, nghệ sỹ tự hào và tự do, nếu không tự do thì tự lo, chứ không lum khum khúm núp tranh thủ lãnh đạo. Nghệ sỹ thời bố tôi cũng khí phách quan ngự sử, vạt áo trước và sau bằng nhau; trong thời thổ tả của tôi, vạt trước ngắn hơn vạt sau để khò lưng tà trước không chấm đất. Nhưng tôi cho rằng dù đó là ý của bố tôi thì ông vẫn lầm lẫn như thường bởi ông sống bằng dư âm, không dè thời nay là một thời. Đến thời con ông, muốn sống sót thì phải khò lưng để hưởng chế độ nửa lạng bột ngọt, mười ba ký gạo, một lon sữa đặc.

Tôi học hát, nhạc lý, đàn và cả đánh trống nữa. Lúc tôi tốt nghiệp cấp hai thì trường Trung cấp Văn hóa chiêu sinh. Tôi vào lớp ca nhạc. Tuy chỉ xong cấp hai nhưng được xếp vào thành phần “có văn hóa cao” vì hầu hết học sinh tuyển theo yêu cầu về năng khiếu. Cả đời tôi, phút ấy là huy hoàng. Năm sáu bốn đi nghĩa vụ. Năm sáu tám bị thương. Năm sáu chín phục viên. Về nhà hút thuốc lào.

Tôi tí toáy viết kịch, không cần giàu trí tưởng tượng. Kịch ngay trước mắt, chép lại hiện thực thôi. Ma mượn lời thánh, đồ tể mặc áo thầy tu, cướp vật ngồi ghế chủ tọa, dĩ điểm giảng hạnh trình tiết. Đại khái thế, vui thôi mà.

Phục viên, lý lịch bản thân đạt yêu cầu, không thuộc thành phần trí thức tiểu tư sản (ông nội chuyên sửa xe Stai của Tây), nhưng tôi không xin được việc vì ngu. Túi trên không dặt thuốc cán, túi dưới thiếu tiền lẻ, không biết nâng bi lẫn bốc thơm, rất báo cáo kinh nghiệm. Biết viết kịch đấy à. Phù phiếm.

Cuối cùng ông bố già ra tay. Ông bán vật gia bảo độc nhất là cái dương cầm từ thời Tây. Ông khóc mấy đêm liền, chửi tôi bất hiếu. Đêm mơ ngủ ông cũng réo tên tôi chửi, có khi khóc hù hù.

Thế là tôi có việc. Mới đầu chỉ làm công tác trông xe cho nhà văn hóa. Không danh giá gì nhưng khởi đầu thế mới cốt cán chứ. Gì chớ học điểm đàn thì nhanh

lắm. Tôi có khả năng văn nghệ, biết viết báo cáo tự ca ngợi phát huy sáng kiến thế nào, vượt trở ngại ra sao, tranh thủ lấy lòng lãnh đạo để được tuyên dương chiến sĩ thi đua, cất nhắc cho vài vai diễn. Thường tôi sắm vai bọn xấu chuyên bẻ khóa đào tường, hoặc tệ hơn là phá hoại thành quả cách mạng. Tôi diễn mấy vai này vượt yêu cầu cách mạng luôn. Có lẽ nhờ bộ mặt tôi cô hồn khó coi. Lỗ mũi tồ hốc xe tăng chui lọt, tròng mắt thụt sâu như lỗ châu mai, lông mày dài như hàm chông chống Mỹ. Tướng pháp thế đóng vai cán bộ ngậm ngùi cũng đạt, mà đóng vai biến chất nhìn trộm vợ đồng chí tằm cũng chất. Đôi khi phát huy lao động sáng tạo, cương ẩu trên sân khấu vài câu cười rưng rờ. Tôi nghĩ có lẽ nhờ óc quan sát, và hể ra tới ngõ là gặp ngay bọn xấu nhan nhản thế kia, nên tôi chỉ việc bắt chước chúng nó chẳng khó khăn nghĩ ngợi gì cả.

Tôi là người ham học hỏi. Thì giờ rảnh kiếm bất cứ thứ gì đọc đọc, từ sách gối đầu giường kiểu nhục bồ đoàn của lãnh đạo đến sách xấu còn sót sau các trận thiêu đốt bóng ma văn hóa cũ. Tôi nghiệm ra rằng hể càng đọc nhiều chừng nào là đầu óc càng rối như ăn cục mỡ lợn không tiêu vậy. Mà đã rối thì khó làm lãnh đạo, mới hiểu vì sao lãnh đạo không đọc. Tôi lại nghiệm ra rằng làm một diễn viên mà chỉ sắm vai bọn xấu thì dù mình có diễn đạt cũng khó ngoi đầu nhìn ảnh Bác. Phải sắm vai nào thật tốt, chẳng hạn một chú nông dân nghèo bị sập hố bom, chú ta quên thân mình do cha mẹ sinh ra, quên cả vợ mới cưới cũng bị sập hầm gần đó, để nhào lên cứu đồng chí bí thư đang rập mình trên đất. Tôi triển khai ý này với các bạn diễn viên, tìm những chỗ sơ hở mà thoát tiên tôi không nghĩ đến. Thí dụ đồng chí bí thư chẳng thể nào đạp mìn được vì đồng chí lúc nào cũng đi sau nhân dân.

Tôi bị phê bình có tư tưởng tiêu cực, xem thường lãnh đạo, có vấn đề. Tôi chấp hành liền, trong đầu lại nảy ra nhiều ý khác. Tuy nhiên từ một diễn viên muốn tiến nhanh tiến mạnh tiến lòng lẻo thành nhà soạn kịch thì còn một bước xa và lâu như thời kỳ quá độ bỏ qua chủ nghĩa tư bản hốc hác. Phải kinh qua nhiều khâu tế nhị và trắng trợn. Một mặt phấn đấu học hỏi các bậc thầy nghệ thuật, một mặt phát huy truyền thống nâng bi, nhờ phấn đấu quyết liệt, hạ quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ như thế nên có lúc tôi thành nhà soạn kịch, không danh giá gì nhưng kể cũng có số má. Nếu như tôi an phận với những vở kịch chỉ đủ làm hài lòng lãnh đạo thì hẳn giờ đã hưởng chế độ lương bậc 7, không chừng đủ mua trả bố cái dương cầm cực kỳ.

Thưa ngài giám đốc Cục Di Dân, cuộc đời không đơn giản thế, tại trong vài con người có chút mong manh liêm sỉ. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của tập thể cùng tinh thần yêu chuộng dân chủ cao độ, ở nước chúng tôi hoàn toàn không có chế

độ kiểm duyệt. Văn nghệ muốn viết gì thì viết, tự do hoàn toàn, theo định hướng. Lãnh đạo xuống thăm nông trường thì nông dân mặt mày vui vẻ, thậm chí áo quần tươm tất, chân đi ủng cao đầu đội nón rộng vành. Lãnh đạo đi rồi thì áo quần nón ủng trả lại nông trường, ta tiếp tục xuống ruộng đầu trần đi vào sản xuất. Đừng viết đoạn sau. Đó, tự do chớ có cấm đoán gì đâu. Đoạn đầu đúng sự thật mà. Tôi ý thức rõ vừa viết vừa hình dung sẽ qua bao nhiêu khâu để kịch bản được công diễn. Tự kiểm duyệt ý tưởng. Đầu tiên diễn cho lãnh đạo xem thử, tiếp thu phê bình, sửa tới sửa lui. Cho nên tới công diễn nhân dân không muốn xem nữa. Vỡ kịch đã thành tác phẩm của lãnh đạo, của tập thể, nhân dân tìm hoài chẳng thấy mình nằm đâu trong đó.

Năm tám tư, nhà nước bỏ chế độ bao cấp. Đoàn văn nghệ chúng tôi tự túc kinh tế, cân bằng thu chi. Muốn cân bằng thu chi thì cần khán giả. Khán giả đông không khó, khó là lãnh đạo có thông qua buổi diễn hay không. Chúng tôi được lãnh đạo cho chọn một, lãnh đạo chọn một, như thế thì ít ra nghệ sỹ chúng tôi cũng có tự do lựa được một sản phẩm để biểu diễn. Cái bài chúng tôi chọn phải được phát thanh trên đài phát thanh Hà Nội hoặc diễn trên ti vi. Dù đã tự do đến thế những lần biểu diễn cũng chỉ thu hút dăm ba khán giả. Lãnh đạo chủ trương dù chỉ có một khán giả (giác ngộ) thì vẫn biểu diễn. Lý thuyết thôi, tụi tôi tập trung làm kịch hài, chửi đồng vô thường vô phạt như chó sủa đêm. Ấy vậy mà thu được tiền vé. Anh em bắt đầu có chút tiền rủng rỉnh thì dùng một cái, lệnh đổi tiền ban ra. Lại trắng tay.

Tôi được đặt hàng viết kịch chống tiêu cực trong đổi tiền. Tôi viết liền một hài kịch lấy tên “Đổi tiền tiền đổi” lên án nạn móc ngoặc khai gian để đổi được nhiều tiền, chống lại chính sách “vì lợi ích người lao động” của nhà nước. Khán giả đông không ngờ. Tôi lặn theo bánh xe lịch sử viết tiếp một quả chống tiêu cực trong dự án xây nhà máy gang thép. Khán giả chật rạp. Lãnh đạo làm thịnh. Vẫn còn trong hành lang cho phép mà. Tôi viết một vở kịch ngắn cực kỳ cảm động diễn tả một cô gái Nam bộ bán mình cho cán bộ để thăm nuôi cha trong trại cải tạo. Đêm thứ nhất chật rạp. Đêm thứ nhì khán giả ngồi toàn xuống cả lối đi. Lãnh đạo phản ứng. Vỡ kịch bị cấm diễn đêm thứ ba dù đã quảng cáo âm ỉ. Đoàn tổ chức kiểm điểm thẳng có vấn đề, là tôi. Tôi viết kiểm điểm rút kinh nghiệm nhưng vẫn chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, giữ vững lập trường là chỉ mô phỏng “người thực việc thực”. Tôi bị cho nghỉ việc, bị truy tố tuyên truyền chống chính sách nhà nước, đưa đi cải tạo 20 tháng ở Thanh Phong, Thanh Hóa.

Tôi ở chung với đám phạm nhân có tên trong “Hồ sơ tiêu diệt”. Chết là chắc, nhưng chết đỡ hơn đói. Đói xanh ruột. Có khi bắt được chuột cứ bỏ vào mồm

nhai sống, máu bắn vọt đầy mặt. Có khi đi chôn một thằng chỉ gần chết chứ chưa chết hẳn, khiêng cái hòm gỗ ra nghĩa trang mà cái thằng sắp chết không chịu xuống trình diện Bác, cứ lồm cồm lục đà lục đục trong hòm. Kệ, bọn khiêng hòm chúng tôi cứ thả xuống hố, lấp đất. Tụi tao sống còn ngạt thở hưởng chi mà chỉ còn ngáp ngáp. Trước sau gì cũng chết, chết trước đỡ phiền.

Năm tám tám được trả tự do về không biết ở đâu. Bố tôi đã chết phần vì hận thằng con, phần vì tiếc thương cái dương cầm bán đi đời nào không được việc gì. Chắc ông không nhắm mắt. Tôi lang thang ngồi đồng ở nhà mấy thằng nghệ sỹ quen biết. Cái hồng của bọn làm văn nghệ là chúng nó đều nghèo đói rách rưới tả tơi. Đến ngay cả thằng đã vào biên chế mỗi tháng lãnh hộp sữa cũng đem bán cho bà đầu ngô, trong khi con hăn thiếu sữa khóc ầm cả lên. Thế đấy! Chúng còn đói rạc người ra thì lấy cứt đảng mà giúp bạn bè à. A, gặp thời buôn cứt cũng lời. Thời thế đã đổi thay không như hai thập niên trước người buôn cứt bị kết tội lười lao động. Lúc này đã cho tư nhân canh tác, không phải ráo riết vào hợp tác xã. Tôi tham gia đội quân buôn cứt ở ngoại thành thủ đô. Mới đầu gánh thuê, non vài tuần học nghề nhìn cứt biết giai cấp. Cứt nhà giàu chắc, cứt dân nghèo lỏng bông. Cứt nhà giàu có giá hơn nên nghĩ cách làm cứt giả, lại nghiên cứu bọn nước ngoài ở các sứ quán ăn uống ra sao để làm giả cứt ngoại. Ngài cục Di Dân không tin ư? Ngài cứ mang cứt của cán bộ Cục xếp hàng với cứt tụi tôi trong trại giam, tôi nhìn biết ngay cứt nào thuộc Trung quốc vĩ đại. Một thời gian vốn liếng kha khá, tôi bị bọn kiểm soát chất lượng cứt phát hiện nên bị cấm buôn cứt. Tôi quay qua làm nghề chế thuốc trị hôi nách và hăm nách. Trong cuộc đời nơm nớp, không sống vào mùi khai thì sống bằng gì. Tôi học bị bí quyết trị hôi nách từ anh bạn tù truyền cho trước khi chết. Có gì đâu, một nhúm bột khoai trộn phèn the, rắc thêm một thứ bột gia truyền mà tôi thà chết chứ không chịu khai ra đây e mấy ngài học lóm. Lấy thìa múc bỏ vào gói giấy bán mười cái. Cái nghề làm chơi sống kiêu hùng. Khách hàng đồn đãi đông như ri. Đa phần là các bà các cô đi nắng mồ hôi ướt nách dù đã cạo sạch lông. Đã có thuốc rút nước, thoa vào bên phải một ít, bên trái một ít, thế là thơm lừng cả lên, ít ra cũng với cái thằng vục mặt vào. Công việc làm ăn ngày càng khá. Tôi cúng vọng anh bạn truyền nghề cái thủ lợn. Thuốc của tôi bán tận vô Nam, gửi cả bằng đường xe, đường tàu suốt. Một năm sau thì tôi tạ từ đưa bạn cho ở nhờ, dọn qua căn nhà mới mua. Cuộc đời tưởng đã yên, ai dè thằng ăn không được nó tức, nó thấy mình ăn nên làm ra toàn nhờ sức lao động của mình, nó truy tố. Đoàn kiểm tra liên ngành qui tội trốn thuế, khám nhà tịch thu gần tấn bột, bao gói, nhãn hiệu, một đồng sách báo cũ của miền nam toàn thứ phản động. Bao nhiêu mồ hôi công sức tan theo cái thủ đô của hôm qua và hôm kia, nhà bị niêm vì tội “không đăng ký giấy phép kinh doanh”, chờ ngày ra tòa nhận tội gian thương và tàng trữ văn hóa phẩm đồi

trụy. Bị hãm “dám tách khỏi ba dòng thác cách mạng”. Quả tội nặng bằng giời.

Ấy thế, làm người dân lương thiện nào dễ. Tôi gom góp ít tư trang đã gửi nhờ bạn bè làm vốn ra đi, theo dòng thác cách mạng vượt biển, làm nạn dân nơi vùng đất đang thoi thóp vì tới năm 1997 đây, các ngài sẽ đổ lệ khi thấy quan tài thối. Lý do các ngài bác đơn xin tỵ nạn của tôi cũng hợp lý. Vì ông không đăng ký kinh doanh, ông lại viết kịch bản kích chính sách của nhà nước. Chúng tôi nhận thấy rằng nhà nước đưa ra chính sách đăng ký xin môn bài hành nghề là hợp lý với luật pháp của mọi đất nước. Sau đó ông cũng được nhà nước khoan hồng không bắt đi tập trung cải tạo. Sau khi đã cứu xét tất cả lời khai của ông, giám đốc Cục Di Dân không đồng ý là ông bị ngược đãi ở Việt Nam chiếu theo công ước về người tỵ nạn của Liên Hiệp Quốc năm 1951. Do đó ông không được phép lưu trú ở Hồng Kông để chờ định cư ở nước ngoài. Ông sẽ bị giam giữ theo điều khoản 13D của Sắc lệnh Di trú cho tới ngày rời khỏi Hồng Kông.

Các ngài thật sáng suốt và công bằng. Các ngài không muốn dang tay đón những con người đến từ ma quỷ, những kẻ đã đánh nhau tơi bời từ đó, mang theo thù hận qua bên này, tiếp tục đánh nhau, tiếp tục hiềm khích, nghi ngờ, lại được đặt trong một cõi sống quá chật hẹp, là phân bón cho đục vọng sinh sôi. Các ngài muốn chúng tôi trở về với ma quỷ để ma ở với ma, và cộng đồng nhân loại không muốn ở chung với những kẻ đã lớn lên trong thế giới quỷ, cộng đồng nhân loại không chịu san sẻ sự tử tế nào với chúng tôi.

Tôi xin kính cẩn đi giật lùi trước bàn thờ tự do để trở về thời hôi hám.



18.

HÔM HẢI ĐƯỢC CÔNG NHẬN tư cách ty nạn thì Hà ăn cánh gà vòng một. Chưa tuyệt vọng hẳn, còn hai vòng nữa nhưng theo lệ, thua vòng một là thua luôn. Trước mắt Hà chỉ có một con đường, nhưng Hà thấy bình yên, lại như tươi tỉnh hơn khi biết tin. Hải đùa nhẹ, vẫn biết là vô duyên nhưng phải nói gì đó, lúc này. “Cánh gà vẫn tốt hơn cánh tá, em.” Hà đang bám tay vào ô lưới hàng rào nhìn ra biển, thản nhiên bảo Hải:

“Coi như là kỷ niệm, anh nhỉ!”

Cái đáng sợ nhất là chờ đợi, Hải nói. Chàng không tìm cách an ủi Hà. Trong hoàn cảnh ai cũng biết đời rồi sẽ chấm hết nơi đâu, an ủi chỉ là lời nói điếu. Hải có kinh nghiệm chuyện này, từng căng thẳng khi chờ ngày tập kết xuống bãi, nhưng khi đặt chân lên thuyền mọi lo âu tan dần. Còn gì nữa để lo, chỉ có một sống hai gặp Bác ba bị bắt. Người ta chỉ sợ khi chưa ở tù, khi tay đưa vào còng thì còn gì đáng sợ nữa đâu. Dù biết vậy Hải vẫn tìm một câu chuyện gì đó để kể cho Hà. Cũng phải nói điều gì trong lúc này. Hốt nhiên, Hải nhớ những dòng nhật ký của Anne Frank. Không biết nếu cả nhà đừng trốn trên căn gác thì cuộc sống có đỡ tệ hơn không, Anne Frank viết như thế sau hai năm sống chui rúc trong căn phòng nhỏ. Không biết nếu giờ cả nhà chết hết rồi thì đỡ tệ hại hơn không, không thành gánh nặng cho ai khác. Chấm dứt đi, chấm dứt cuộc sống này đi, dù kết quả có tàn nhẫn thế nào đi nữa. Anne kết trang nhật ký, “vì ít ra mình sẽ biết là người thắng cuộc hay bị chà nát.”

Khuôn mặt Hà lộ vẻ băng khuâng, tưởng như nàng quên mất phận mình để thương người thiếu nữ chết trẻ trong trại tù của Đức. Giả như mình cũng chết ở đây, cũng trại tù này, không ai hơi sức đâu mà nhớ ngày, nhớ tháng, chỉ là thêm một con số. Hà nghĩ tới đó thì thấy lòng bình thản. Nàng nắm tay Hải, nghĩ số phần trắc trở khi nhìn khuôn mặt chàng. Dưới mắt trái của Hải có nốt ruồi, tưởng “thương thâm trích lệ”. Chàng đã mất vợ, mất con, và không lẽ mất thêm một cuộc tình muộn nữa. Nay mai chàng sẽ ra đi tự do, còn Hà? Chàng yêu Hà như yêu tuổi trẻ vùn vụt trôi qua. Đôi mắt trong sáng của Hà bắt chàng phải quay về với thế giới tuổi thơ, tuổi thơ của bé Ngọc, thằng Quỳnh, những tuổi thơ hồn nhiên chắt chiu trong một thời nào đó. Hải không thấy tuổi thơ ở những tuổi thơ thật sự

trong trại. Chàng đã dắt dìu cậu bé Thơ từ trại Argyle qua tới đây nhưng dường như nó đang vượt khỏi tay chàng. Nó trở mã trước tuổi, mắt đã chứng kiến cảnh chung chạ của người lớn, tai đã nghe tiếng rên rỉ. Đôi mắt nó là đôi mắt của con thú đực ngầu những kích thích tưởng tượng trước một trò chơi quá lớn. Một con thú cuồng loạn bị chết trong cũi sắt, không giao tiếp với sự sống mà vẫn phải chứng kiến cuộc đời. Thơ đã là cậu bé mang ước mơ của người lớn, quắt queo thân xác và tâm hồn tan hoang dưới nhiệt độ tàn phá của hoạn quan. Những đôi mắt còn xanh, những đôi môi ươn đỏ nói cười bằng ngôn ngữ của người lớn. Hải nhận ra trong ngôn ngữ của tuổi thơ trong trại – của những đứa lên ba mắt đỏ dính ghèn, của những đứa lên tư da đỏ vết đậu mùa chưa khô, của những đứa lên năm nước mũi chảy vào mồm, những đứa lên sáu ủ rũ dưới hiên – không có tiếng “không”. Chúng thay bằng tiếng khác:

“Tao đéo thềm chơi với mày nữa.”

“Tao đéo vào.”

“Mày có cái đó không?”

“Đéo có.”

Những tiếng hoàn toàn trong sáng trong đầu chúng. Hải chỉ e là đến một lúc nào đó, khi có người tra tự điển tìm chữ “không” thì đọc thấy: đó là ngôn ngữ cổ có nghĩa phủ định, như ta nói đéo ngày nay vậy, thí dụ. Hải hình dung chàng có một đứa con sinh trong trại, lớn lên! Chàng nói:

“Anh muốn làm đám cưới.”

Hà lặng thinh. Người lính canh đang đốt thuốc đi ngoài hành lang. Hà nói:

“Anh ra tự do cưới em làm gì?”

Nói xong Hà vụt nghĩ. Ở nhi, vẫn còn hy vọng chứ. Một sự tính toán hiện nhanh trong đầu Hà. Đời con gái rồi sẽ qua nhanh, đi theo vòng đời yêu và không yêu. Sau mái tóc xanh che khuôn mặt yêu kiều, trong đôi mắt, đôi khi, cổ tình mở lớn ra vẻ thơ ngây, là ý thức rất rõ về nhan sắc, về cái sức mạnh rất hiện thực, là vũ khí đủ sức đâm gục những trái tim mạnh mẽ và thường ảo tưởng sắc đẹp là song sinh của sự thơ ngây. Hà sẽ được Hải bảo lãnh nếu cưới xin hợp pháp dù tận tâm tận tâm, nàng chỉ yêu Hải mơ hồ, như nàng có thể yêu bất kỳ người đàn ông nào không xấu quá, biết ngọt ngào, nuông chiều nàng phải lúc. Hà biết rõ nàng

như thế, nàng đã choáng vì một khuôn mặt điển trai biết nhìn nàng ngấm nghĩa, biết tặng nàng một món quà nhỏ vô nghĩa để tỏ tình, nàng đã nhiều lần xao động như thế, nào chỉ riêng với Hải. Hà kiểm điểm lòng mình, chột hổ thẹn vì Hải không biết ý nghĩa của nàng. Người duy nhất biết con người nàng là Lê Khắc. Ông từng thấy Hà thăm dò một chàng trai đẹp mã trong trại, nói chuyện và cười bâng quơ nhưng không dấu được vẻ hài lòng. Nhưng đôi mắt ông, dù sau tròng kính dày, là đôi mắt của một đạo diễn đọc được cách diễn xuất của diễn viên. Ông đọc được Hà, hay đọc được mọi cử chỉ của phụ nữ để nhìn ra những dạn dày núp dấu. Hà không phải người xấu, không phải người tốt, hoặc cái phần này nhiều hơn phần kia ông cũng không quan tâm. Cõi lòng ông đã lạnh giá. Ông biết người phụ nữ, ông hiểu sự buông xuôi rồi tự trấn an khi lương tâm thấy tội lỗi. Ông biết Hà yêu Hải, yêu thật lòng, khi có Hải bên cạnh.

Hà chột dạ mỗi khi Lê Khắc nhìn, nhưng an tâm ngay vì ông và nàng không qua lại, ông lại không thích nói về người khác. Hà tự biết mình không phải, cái không phải của lương tâm, nên càng cố giương đôi mắt thật to theo kiểu thơ ngây nhìn vào hư không, cho Hải ngấm.

Hải hy vọng, mong manh, Hà có thể thẳng kháng cáo. Chính quyền chưa có chế độ một cặp vợ chồng chỉ cần một người ra tự do là người kia đi theo. Hải đánh liều cuộc đời với tình yêu. Chàng sẽ không để vượt một lần nào nữa, một lần nào nữa. Tự do là cái quái gì. Những người đi với chàng tới đây đã trở về, những người đã nhổ vào mặt tượng thần tự do, thế đấy. Người bạn Dũng trốn cuộc sống từ ngày đặt chân đến Hồng Kông, cạo đầu làm một tu sĩ không chùa miếu, giữ trong lòng một điều gì bí mật riêng anh. Nhưng Hải biết điều bí mật ấy. Sau khi biết tin Mân trở về, Dũng làm đơn xin hồi hương, từ chối không để ai thanh lọc mình. Cái im lặng dễ sợ của Dũng vượt lên mọi sự im lặng. Anh đã về, có lẽ anh đang tìm cách xuống Thanh Hóa. Hải thấy mình cũng phải sống như thế, cho đáng mặt bạn bè. Chàng sẽ ra tự do.

Hải đăng ký kết hôn ở văn phòng Phúc Lợi, chờ ngày ra Hồng Kông làm thủ tục. Chàng tin là chàng luôn đúng trong những quyết định làm xoay cả cuộc đời. Chàng sẽ ở ngoài Kai Tak, chờ cho đến khi nào Hà thẳng kháng cáo. Nếu nàng thua, chàng sẽ không đi đâu cả. Tự do làm quái gì, đồ rơm, tụi chó má. Chỉ có tình yêu là đáng kể, chỉ có tình yêu là đáng giữ, ngoại giả là bèo bọt phù phiếm.

Giữa lúc Hải sắp ra tự do thì toàn trại rúng động trước tin 48 thuyền nhân ở Chi Ma Wan Thượng bị cảnh sát dã chiến bắt cóc. Buổi sáng sớm, bầu trời còn lấp lánh ánh sao đêm thì Phú kèn chột nghe tiếng mở cổng. Gã tự nhủ: “Quái, chúng

nó phát cơm sớm vậy cà.” Phú kèn đã ăn cánh gà và vừa được chuyển từ Chi Ma Wan Hạ lên Chi Ma Wan Thượng một tuần. Hai trại, cái trên cái dưới có thể trông rõ nhau nhưng trại trên chỉ nhất thuyền nhân đã nhận đủ cánh gà. Phú kèn vén màn cửa, nhìn qua ô cửa lưới. Gã không tin ở mắt mình khi cánh cổng sắt to lớn vừa mở ra thì ùn ùn cảnh sát đã chiến đấu mang mặt nạ, tay dùi cui tay khiên lá chắn, đeo thắt lưng da gài lựu đạn xông thẳng vào trại. Vợ con gã đang ngủ, cái Ly nằm dang cẳng thờ vi vu ngon giấc. Cả buồng gã ở ai cũng ngủ, dường như cả trại chưa ai thức vào giờ này. Phú kèn ứ ứ muốn kêu lên mà như bị vướng gì vào cổ họng, gã ớ ớ tỉnh khẩu, người cứng ngắt vì sợ hãi. Đột nhiên có tiếng la kinh khủng của một người đàn bà, tiếng la của tận thế:

“Dậy đi, dậy đi, tất cả mọi người dậy đi!”

Điện trong buồng tắt phụt, bên ngoài trời vẫn tối. Những đôi giày nện rầm rập trên sân. Tiếng người đàn bà rú lạnh lạnh:

“Cảnh saáátt!”

Cả trại nhảy dựng lên, có người mới mở choàng mắt thì cảnh sát đã tràn vào chập buồng. Phú kèn ôm cứng vợ và cái Ly, gã run cầm cập. Một gã đàn ông vận quần bò mặc áo đỏ trong đám cảnh sát đồng dục át tiếng hỗn loạn:

“Yêu cầu ai ở giường nấy không được động dậy hay đứng lên.”

Từ các buồng bên:

“Ôi giời ơi! Hục...hục...hục...”

“Huu...uu...u..u...!”

“Cứu tôi.”

Gã áo đỏ đọc số thẻ, hét:

“Những người có tên vừa rồi chuyển trại ngay, cho đúng một phút xếp đồ đạc.”

“Ôi giời ơi...”

“Chúng tôi không đi đâu cả.”

“Hu...u...u...!”

“Nhất định không đi đâu cả.”

“Giời ơi.”

Tiếng động. Tiếng ồn. Tiếng rên khóc, tiếng hò hét đồ vỡ.

“Bịch, bốp.”

Cái dùi cui phạt xuống, đôi giày trần móc lên:

“Bịch, bốp.”

Dùi cui vung lên điệu nghệ. Gã áo đỏ chỉ tay lên giường số 1. Sáu cảnh sát chơi trò bắt người đồng loạt đếm: “Dzách...dzì...xám...” Chúng nhào tới. Dùi cui đưa lên hạ xuống. Đứa bé ba tuổi ở giường số 1 ré lên thảm thiết. Người cha liều chết dè lên con.

“Bốp...chàng...”

Hai tay đứa bé bị bẻ ra sau, một gã bóp mồm đứa bé. Ngất! Người mẹ gằm lên giày giụa, một chân bà mẹ bị một cảnh sát túm chặt, hai tay hai đứa khác giữ, bẻ quặt ra sau. La hả! Bịt mồm, kéo sệt xuống đất, khiêng ra xe.

“Hu..hu..hu...”

“Ồi.”

“Dzách...dzì...xám...”

Chụp tóc cô gái mười bốn tuổi. Bẻ tay, giữ chân, bóp chặt mồm nó. Lôi ra xe.

“Dzách...dzì...xám...”

Người cha bị bấm huyết sau ót, đá văng từ giường hai xuống nền xi măng, bẻ quặt tay, kéo sền sệt ra xe.

“Dzách...dzì...xám...”

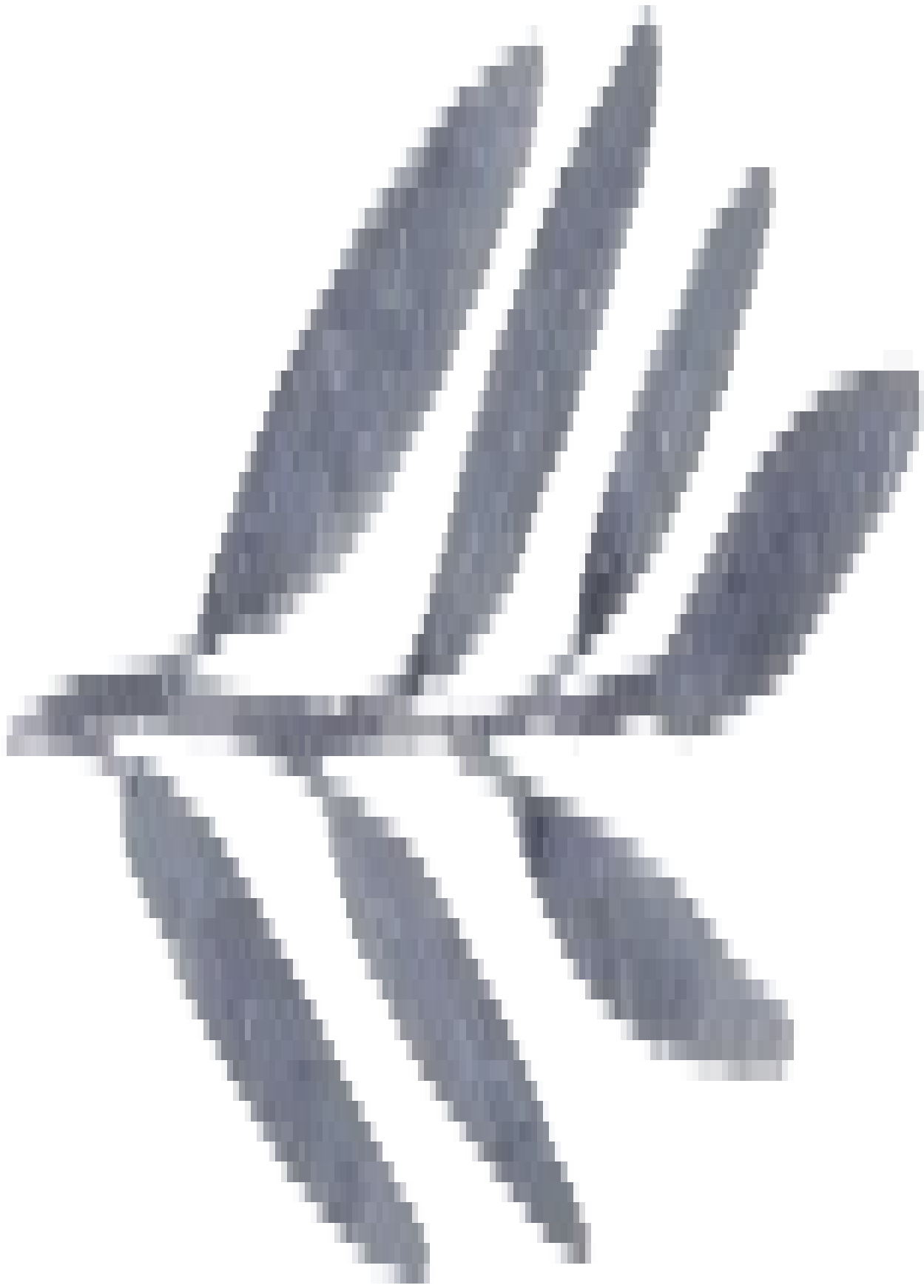
Phú kèn ôm chặt vợ con khi tay gã áo đỏ chỉ về giường gã. Tròng mắt gã lòi ra.

“Dzách...dzi...xám...”

Sáu gã nhào lên. Cái Ly rú lên:

“Mẹ...oi.”

Nó ngắt. Trong giây phút thập tử nhất sinh ấy, Phú kèn quên cả sợ, gã dấm mạnh vào mặt gã cảnh sát. Bàn tay chưa chạm mặt đối phương thì Phú kèn đã bị túm chặt, gã đập, gào, dấm, đôi mắt sắp rớt ra ngoài khi vợ gã bị lôi xuống trước. Đôi giày đá vào ba sườn, một gà vô tình giẫm lên ngực gã, gã kia bóp mồm Phú kèn. Cái mồm thổi saxophone của gã bị bóp chặt, cửa ngõ giao dịch với cuộc đời bị bịt kín, vậy mà dường như trong cái mồm của con người nghệ sỹ ấy vẫn thoát ra một điệu kèn đồng nào đấy, nức nức, tiếng kèn sục sục, giã giũa, hục hục như tiếng chó kêu lúc bị nhốt ngoài đêm lạnh. Gã nghe khán giả hò reo nức nở, khán giả đang cổ vũ lấy lòng khủng khiếp. Rồi gã chỉ nghe tiếng cổ vũ của một người đàn bà mà thôi. Người đàn bà rú lên như thú hoang mang bị bày thợ săn đuổi cùng đường. Người đàn bà rú, như tiếng mẹ gã. “Mẹ vỗ tay reo mừng xác con” là đây sao, mẹ gã vỗ tay reo hò điệu kèn của gã đấy. Mà mẹ gã chết lâu rồi. Gã cứ thổi, hục hục, điệu kèn đưa đám, đám ma người và thú, tự do, tình người, một tiếng vui, một điệu buồn, gã cứ thổi, hục hục, hục hục. Reo hò tổ mở, tiếng chày vỗ bắt nhịp, dùi cui dọn đường, giọng đồng, giọng sắt. Phú kèn nghẹn nghẹn không ngưng. Dàn đồng ca. Nghe không! Trẻ thơ rú, đàn bà reo, thế, gã điên dại hục hục. Một trăm năm, nghìn năm, dân tộc vùng lên, ngã xuống, đau đớn. Một nghìn năm, một trăm năm dân tộc dồn lại, ép lại, về đây với tiếng kèn uất nghẹn, nhục nhằn, đày đọa. Gã cứ thổi, gã sẽ thổi trên sân khấu đời, trên sông, dưới nước, trên non cao, trong hồn thiêng đất nước. Tổ tiên gã reo hò tổ mở, chau mày nức nở. Một nghìn năm, một trăm năm, năm mươi năm ép về trái tim phồng của gã, hai lá phổi nghẹn ngào nghẹt thở. Gã cứ hục hục muôn triệu nhục nhằn đang dồn vào cuống họng. Bầu trời trong mắt gã mờ đi, tối đặc. Không phải đâu. Bầu trời đang bình minh đấy. Chỉ trong mắt gã thôi. Gã hục hục, thế giới đã tắt lửa, những trái tim không còn đập trong lồng ngực còn sống. Gã nghẹn đi. Bầu trời đen đặc. Trời cao đen đặc, đen đặc. Người đàn bà rú như chó sói kêu trắng. Rồi đây về với nước với sông hết giống nòi, chỉ còn vũng lầy nay để lại. Trời tối, sầm, đặc, tối tàn khốc. Tiếng chó sói rú vọng đêm trắng. Cô độc giọng thanh, cô đơn tiếng đục.



TIẾNG KÈN CỦA PHÚ KÈN gửi về Hải từ nhà tù Phượng Hoàng:

“Bạn thân mến!

Vĩnh biệt, vĩnh biệt bạn, vĩnh biệt tất cả. Vĩnh biệt tương lai, vĩnh biệt thân tự do. Tôi đang mê mết, địa ngục, chuyển xe lửa chở tôi băng trên đường rầy xuống với nó, tôi không kìm hãm được, tôi không nhảy ra được. Mọi cách tôi chọn đều kết thúc giống nhau.

Ngay vào giây phút bị bắt đi tôi vẫn thoi thóp hy vọng, tự do sẽ hoàn sinh trên cái mồm bị bóp chặt. Tôi ngạt thở, tôi thêm một cốc khí trời từ đâu đó, tôi thêm môi đàn bà, tôi khát.

Cảnh sát xích ba bốn người vào nhau, tay khóa trái sau lưng. Chúng tôi bị đẩy xuống ba chiếc tàu cảnh sát. Tôi ngắt trọn vẹn cả cuộc hành trình. Ôi, từ bến tàu Chi Ma Wan đến bến tàu Hồng Kong, nước biển không nhiều bằng nước mắt. Trời đã sáng, sương mù ảo ảo núi xa. Họ đưa chúng tôi đến trại tù có tên là Phượng Hoàng. Chúng tôi đang ở trong lòng phượng hoàng, da thịt rời từng mảnh đau đớn khôn cùng, bạn ạ.

Bác sĩ đến khám, đàn ông bị đánh dữ nhất, có người treo cổ, bụng tức, như tôi bị giã lên ngực, hộc ra máu. Gã bác sĩ mặc áo blu trắng, nhưng bên trong là đồ cảnh sát dã chiến bạn ạ. Gã chích chúng tôi ban ngày, tối, muối chích cay cú.

Hãy bám lấy tự do nhé! Sống giùm tôi ngoài cửa trại, giùm vợ con tôi. Tôi phò thác cuộc chiến này cho bạn, tôi giao hy vọng cho bạn, tôi chỉ là con tầm yếu ớt.

Bạn ơi, tôi trở về với năm nghìn năm lịch sử. Tôi chạy trốn định mệnh. Không ai thoát khỏi định mệnh. Tôi yếu quá. Tôi khóc đây. Tôi yếu hơn cả đứa con bốn tuổi của tôi. Nó thấy tôi khóc, bảo: “Bố khóc gì thế! Con không khóc đâu.” Nó ôm tôi, người nó mỏng như tàu lá chuối, ấy vậy mà nó ôm tôi, vuốt ve. Cổ tay nó có vết bầm nhưng nó không cần biết. Bạn nghĩ coi, cái thằng Phú kèn chỉ giỏi làm vui thiên hạ, chọc cười bá tánh nhưng không thổi nổi kèn ru con. Được con ôm, tôi tủi thân thương vợ xót con, càng khóc mùi mẫn. Nó thấy thế lại bảo: “Nín đi bố, nín đi bố.” Giời ơi!

Chúng tôi thông biểu ngữ chống cưỡng bức hồi hương ra ngoài cửa. Chị Lê khóc vui, nước mắt chị ấy chắc ướt ống kính của máy ông nhà báo thập thò

ngoài kia. Tôi không biết có ai thấy khuôn mặt thắm đẫm nỗi hờn căm và tuyệt vọng của chị. Có ai xúc động trước dòng lệ chứa chan nghẹn ngào của chị. Chị đã lặng lẽ ra đi, đã nằm chòm hum trên giường khi cảnh sát tấn công trại, chị lên thanh lọc, bảo Cục Di Dân là không ra đi vì lý do chính trị hay kinh tế gì hết, chị không biết những từ đao to búa lớn ấy. Chị đi vì chồng chị đánh chị mỗi ngày hai lần, ra phường thưa không ai xử, chị uất ức, thế là đi.

Tôi nhớ tiếng đàn tuyệt vời của bạn trong tiếng khóc của chị Lê. Lịch sử sẽ không ghi những giọt nước mắt, lịch sử chỉ ghi những con số. Xung quanh tôi tường đầy buốt lạnh, da tôi run rẩy.

Vĩnh biệt hai lớp hàng rào. Mang theo một đời giông bão. Tôi trở về nguyên vẹn nhưng không còn nguyên vẹn. Con ơi con đừng khóc, em ơi em đừng khóc, chị Lê ơi đừng khóc nữa.”



19.

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐI TÌM con đến tối. Chị về trại với hai gói cơm, sốt ra chén, đặt vào tay Sương, bảo:

“Có cả rau muống xào tỏi đấy.”

Chị lặng lẽ ăn. Sương lắng nghe tiếng nhai cầm chừng của chị, có khi trệu trạo, có khi nàng không nghe gì cả. Sương nói: “Chị ăn đi.” Người đàn bà buông chén, nắm vật ra giường khóc thút thít. Sương cũng buông chén, lần tay tìm vai chị. Đôi vai rung dội vào lòng nàng cùng nhịp đập trái tim. Có hôm người đàn bà ghì không nổi, gục đầu vào Sương khóc như trẻ thơ. Dường như cả đời này chỉ còn mỗi cô gái mù để cho chị dựa vào, tỉ tê. Sương lắng nghe bước chân của chị trên hè phố, dưới trời nắng lửa, dưới những cơn mưa rào bất chợt hay dai dẳng lằm lỳ. Dưới khoảng hở của cánh cổng sắt đen, người đàn bà thò mặt vào, những đứa trẻ chơi đùa trong sân, ríu rít chửi tục, ngồi bó gối ngẩn ngơ, cời trần đánh nhau loạn xạ. Cả đời sống bên ngoài trại, hay bên ngoài thế giới tối tăm của Sương được chị mang về mỗi tối, trút vào cái vức thảm của nàng đủ màu sắc, tiếng xe chạy, người nói, đánh nhau, người được cả mùi lựu đạn cay cảnh sát phóng qua hàng rào, rơi xuống những đám người trong trại xông vào đánh nhau và giết nhau. Thanh niên Quảng Ninh xông vào Hải Phòng đánh giáp lá cà, phía sau chị em phụ nữ tiếp tế mảnh chai làm vũ khí cho quân tiền phương. Phương Nam đánh quân Bắc. Chiến tranh triền miên từ Trịnh-Nguyễn kéo tận Hồng Kông. Chết sông chết biển chết đói chết khát chết dâm chết chém và chết vì quá chén. Sương nghe đủ hết, nghe chị bảo nếu không có Sương người chị sẽ nổ tung lên vì ngân ấy chất chứa. Nước mắt chị thấm ướt đầu gối Sương. Chị thở ngấp ngừng, mùi nước hoa xông lên mũi đắng cay khó nhọc. Sương bảo:

“Chị nhớ chứ, em bảo chị đừng xúc dầu thơm nữa.”

“Chị cần mùi dầu thơm.”

“Em thích mùi tóc cháy của chị.”

“Đàn ông không thích.”

Sương vuốt mái tóc cứng của chị, người đàn bà nông thôn chân chất, đầu đội nón lá, gập mình trên đồng cạn. Nàng thích thế.

Người đàn bà nghẹn ngào:

“Chị cũng thấy chị xa lạ nữa.”

Người đàn bà khóc nỉ non. Chị không biết đọc, biết viết, tâm hồn chị trần trụi sơ sinh. Vậy mà chị phải xúc dầu thơm. Nước hoa đục khoét tâm hồn chị, ăn mòn da thịt trần truồng của chị trên những tấm chăn bẩn như chất cường toan gặm mòn. Mỗi sáng chị diện cái quần bò xanh, tròng lên cái áo thun kết kim tuyến lấp lánh, nhẹ nhàng sợ làm động giấc ngủ của Sương, lặng lẽ rời trại. Nhưng thính giác của người mù bén nhạy nên Sương nghe rõ cả tiếng kéo phéc-ma-tuya của chị, cả khi chị cài nịt vú nàng cũng nghe được. Nàng nghe bước chân chị gõ trên thềm xi măng lóc cóc, xa dần. Buổi tối chị về, có khi đã quá nửa đêm, có khi mặt trời vừa chập choạng, bất thường như thế, nhưng luôn luôn có cái gì cho Sương ăn, thậm chí đủ ăn cho ngày hôm sau. Rồi chị nằm vùi trong lòng Sương, đôi vai rung động. Có dạo chị về lúc trời đã bình minh, ngủ vùi một ngày, mùi nước hoa mệt nhọc tan trong bầu khí càng lúc càng nóng. Căn phòng của Sương ba mặt tôn, mặt thứ tư có khung vuông bằng chu vi một tấm tôn tháo đi, quá nhỏ nếu là cửa lớn và quá lớn so với diện tích cái cửa sổ. Người đàn bà nằm xoay đầu ra cửa, nắng hắt chéo trên người chị, móng tay dài sơn đỏ để trên ngực, mái tóc số tung vất ra ngoài ngạch cửa, đong đưa trong gió những sợi cứng. Lăm khi mấy gã thanh niên đi qua, cúi thấp đầu nhìn xuyên qua cổ áo để hở của người đàn bà, cười hô hô. Khi Sương kể chị nghe tiếng cười hô hô của mấy gã thanh niên trước cửa, chị nghếch ra, lặng thinh.

“Họ cười gì thế chị?” Sương băng quơ hỏi.

“Chị mặc áo hở cổ.”

Sương ngượng ngùng nhớ ngày nào trần truồng đi trên bờ biển vắng. Nàng đứng yên nghe Hải tả bầu trời, màu trắng bàng bạc trên sóng biển, trên cát, trên da thịt nàng. Rồi Hải ôm ghì thân thể nàng trong cơn thèm khát tuyệt vọng, nhưng chỉ như đốm lửa yếu ớt vừa hực lên liền tắt ngúm. Nàng không hiểu tại sao nàng lại nghĩ đến Hải, trong khi tiếng nói trầm ấm của chàng, thân hình gầy xương của chàng đã lặng lẽ khuất như viên sỏi lẳng lẳng chìm sâu xuống đáy nước để nhường cho hình ảnh của Lê Khắc. Người mà nàng kêu bằng “chú”, tiếng kêu vừa xa cách vừa gần gũi, vừa yêu thương lẫn tuyệt vọng ấy, miệt mài trong lòng

nàng.

Buổi sáng lúc người đàn bà vừa đi khỏi thì Sương linh cảm có người đứng trước cửa nhìn nàng. Dường như mặt trời bị cái gì đó che khuất. Sương sợ hãi lên tiếng:

“Ai đó ạ?”

Vẫn không có tiếng trả lời. Sương nghe rõ cả hơi thở của một người, một người đàn ông. Một tiếng thở dài phát ra từ phía cửa, nặng nhọc và buồn bã. Người đàn ông đang ngắm nàng. Người mù thì miệng hay chúm chím như luật bù trừ. Sương càng sợ, nàng lớn tiếng:

“Ai ạ?”

Tiếng người đàn ông cất lên, rõ, sát vào mặt nàng:

“Sương, anh Hải đây em.”

Sương ú ớ, nàng bật khóc khi tay Hải vuốt nhẹ lên má nàng. Chàng nói: “Anh không ngờ có ngày gặp lại em.”

Sương tránh bàn tay Hải, lùi lại góc phòng, run run bảo:

“Phải anh Hải à?”

Nàng bật khóc thành tiếng. Hải hơi bất ngờ trước phản ứng của Sương. Chàng cởi giày leo vào sạp, yên lặng nhìn người con gái đang xúc động. Đôi môi rung rung của nàng. Chàng đã hôn lên đôi môi ấy, tháng ngày đã là khoảng cách xa lạ. Hải nói:

“Anh mà, em nhận ra tiếng anh chứ.”

Nàng đã nhận ra tiếng chàng, cả hơi thở của chàng nữa. Tay nàng chột chạm bức tranh của Tú, những màu sắc của Tú, những màu sắc mà Lê Khắc đã mang đến trong thế giới vô màu của nàng. Nàng lấy lại bình tĩnh, hỏi:

“Anh, gặp chú Lê Khắc không?”

Hải nói: “Có, anh đọc thư của chú ấy gửi em nè.” Chàng thò tay lên ngực áo.

Bức thư của Lê Khắc, đôi mắt của người đàn ông buồn bã trên khuôn mặt khó coi hiện ra qua ô lưới hàng rào trại buổi chiều nhìn Hải xách gói ra tự do. Và nước mắt của Hà, người vợ mới cưới buổi sáng buổi chiều nhìn theo chồng như nhìn một cánh chim thoát cũi sổ cánh bay về phương trời biển biệt. Hải ra đi với biết bao nhiêu thứ để lại, trong trại giam, trên đường vượt biển. Người vợ đã chết, đứa con đã chết ở một bờ bãi vắng. Người vợ mới trong hàng rào tuyệt vọng sau khi bị từ chối tư cách tỵ nạn vòng hai. Chàng cứu mang chùng ấy nhọc nhằn và hạnh phúc với hai bàn tay trắng. Bàn tay vẫn để trên ngực áo, đôi mắt dừng lại trên đôi mắt lặng yên của Sương, những ngón tay vôn vê mép áo. Hải hỏi:

“Ai cắt móng tay cho em thế?”

“Chị ở chung đấy. Anh đọc thư đi.”

Hải đọc. Những dòng chữ nối tiếp bức thư trước. Một câu chuyện đúng hơn. Vì có một nhân vật, hai nhân vật. Nhân vật của Lê Khắc kể sao giống chàng. Cũng vượt biển, một cô gái mù. Một nhân vật có cá tính nhưng cũng thật tầm thường. Anh ta có những giấc mơ đầy dự vọng làm lu mờ góc cạnh của một cá nhân mất tất cả để lấy tự do. Anh ta kết hôn với cô gái trong trại trước khi ra tự do. Anh ta có chờ đợi người yêu ngoài cổng trại không. Lê Khắc viết những dòng cuối:

“Chú nghĩ đây có thể là đoạn kết có hậu để cháu yêu thương cuộc đời hơn, cái phần sau của cuộc đời ấy chú không tài nào dẫn dắt cháu đi đến. Tội cùng của đời sống là hy vọng, phải không cháu. Nên chi người ta sống được là nhờ chờ đợi nhau, hy vọng, nối kết. Như cô gái điên thương yêu đứa con chưa chào đời dẫn dắt người đã tạo ra nó. Chú thấy tiếc cuộc tình thơ mộng của cô gái mù không trọn vẹn, bởi cuộc đời có mấy khi tròn trĩnh đâu. Người con trai đã lấy vợ vì anh ta là biểu thị của cá tính rất mực cảm xúc, nhiều khát khao, thậm chí tầm thường nhưng cũng là người. Sương ạ, có lẽ cuộc đời là thế, cháu không nên kỳ vọng nhiều, cháu chỉ nên sống trong hình tượng về màu sắc rực rỡ của thế giới mà thôi, không nên nhìn thấy nó, bởi kỳ quan đẹp nhất của cuộc đời là cái gì ta chưa nhìn thấy nhưng vẫn cất nó. Một điều gì linh thiêng giấu tận đáy lòng. Khi cháu nhìn thấy Kim Tự Tháp, Kim Tự Tháp không còn là kỳ quan trong lòng cháu nữa. Khi cháu nhìn thấy Vạn Lý Trường Thành, Vạn Lý Trường Thành chỉ còn là máu khô xương trắng. Khi cháu đến gần một nghệ sỹ, anh ta là kẻ nghiện ngập, hút sách, rượu chè, kiêu căng và hợm mình. Khi cháu bắt được sợi tơ trời trong một ngày nắng gắt, màu trắng tơ trời sẽ chết lịm trong tay. Khi cháu ngửi ra mùi hương, khói đã tan. Khi cháu nhìn thấy tự do, tự do là lá mục trên ống

rãnh chảy từ hầm cạn bã. Chú chúc cháu như một người có đủ ngũ quan nhưng không nhìn thấy giới hạn xung quanh, chỉ thấy đường chân trời biên biệt, con người ấy sẽ chạy về phía chân trời rất gần nhưng vô cùng không gian xa thẳm ấy, sẽ chẳng bao giờ đến được, sẽ chẳng bao giờ với tới, sẽ chẳng bao giờ chạm tay nhưng linh hồn đã cao vút đến nơi, đã ở trong lồng lộng hư vô. Chú chúc cháu, như thế, thay một lần gặp gỡ.

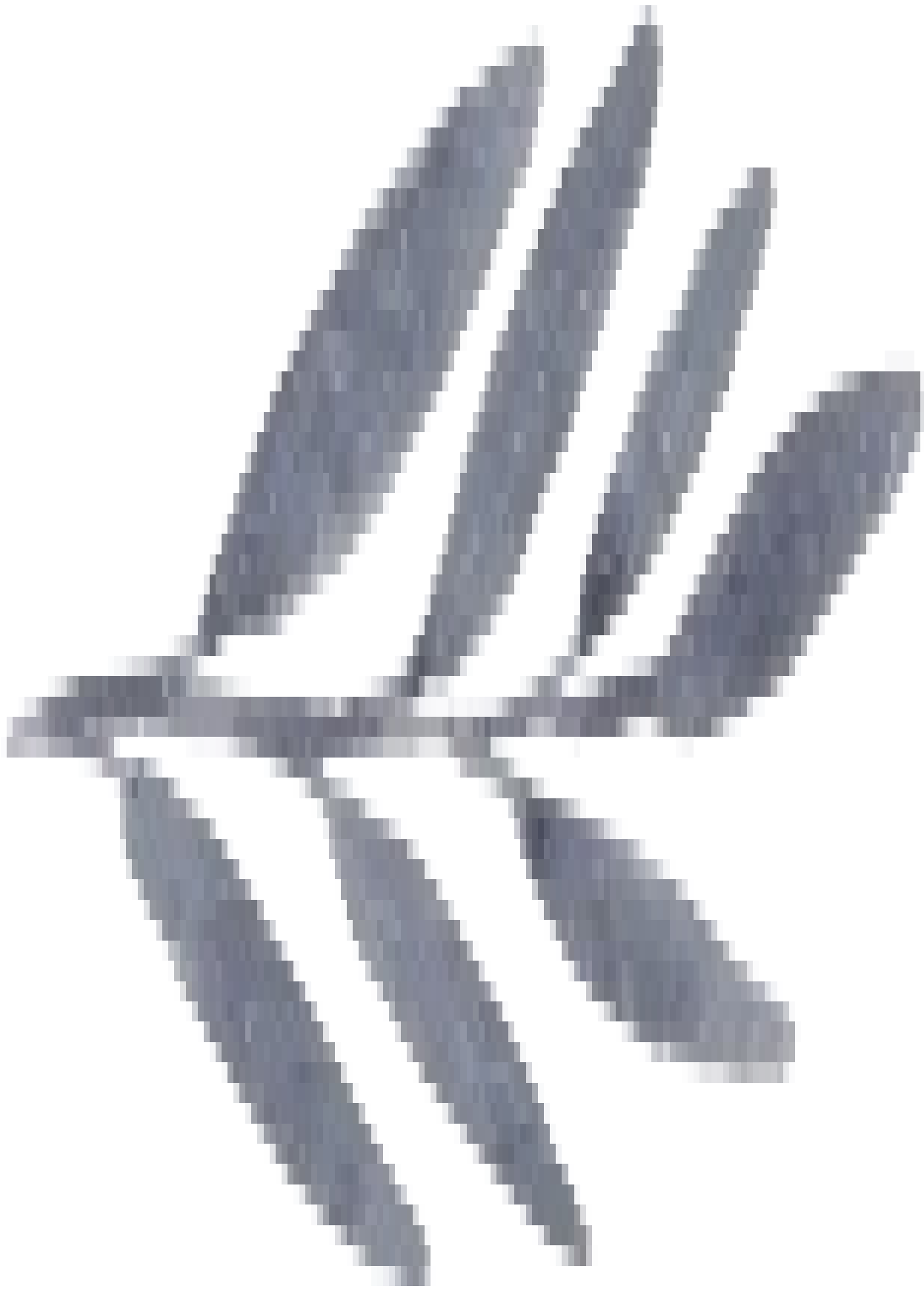
Sương a, chú đã sống sót một nơi quá tàn tệ nhưng chú e không qua nổi bầu trời tự do bởi khi còn ở quê hương, chú mơ mộng quá. Giấc mơ của chú, của nhân loại về kỳ quan tự do dân chủ đã tắt lịm với hiện thực. Chú đi tìm huyền tượng mà tưởng mình đi tìm chân lý. Nhưng cháu a, dù có đi tìm một huyền tượng nào đi nữa cũng không có nghĩa là chú từ bỏ cả quá khứ của mình. Không bao giờ. Quá khứ của chú là gì? Là những tháng, những năm khôn lớn ở miền Bắc, ăn học ở miền Bắc, đôi khi còn được o bế ở miền Bắc. Một quá khứ rất tang trắng, chết chóc, hận thù và trả giá nhưng chú đã nhận diện mình ở trong tất cả những điều ấy. Chú có một anh bạn dạy học ở đây sinh trưởng ở miền Nam, nghĩa là cái núp ruột phía bên kia. Anh bạn bảo: “Các anh ở phía bên kia, tìm tự do mà còn bám vào quá khứ thì đi làm gì?” Chú đã tâm tình nhiều lần nhưng dường như anh bạn không chịu hiểu, hoặc anh ta có hiểu nhưng nhất định không chịu tin. Trước hết, bạn chú chủ quan khi đồng hóa chú, và những người ở bên kia cùng với chế độ. Bạn chú lại đòi chú phải rửa bỏ cái quá khứ của chú cứ như là hãy lột da mình nhúng vào biển tự do cho sạch hết vị đắng mà chú đã thấm nhiễm suốt bao nhiêu năm. Anh bạn không chịu hiểu cho chú là trời ơi, một người không còn quá khứ thì còn gì là mình nữa, một người không có kỷ niệm thì còn gì là mình nữa, một người không có nguyên quán thì còn gì là mình nữa. Đó là một tất yếu lịch sử. Cho dù quá khứ là đốm lửa cháy bỏng, bom gào đạn thét, giả trá phi nhân, cho dù quá khứ là chia cắt, nghèo đói, chiến tranh, độc tài, lường gạt, thì những điều đau đớn ấy cũng là trú quán. Chúng ta, Sương và chú, những người miền Bắc, những người đau khổ và không may,, có phải đã sinh nhâm trên mảnh đất bị ruồng rẫy? Chúng ta còn chia lìa dù đã có thể đi từ Hà Nội vào Sài Gòn trên tàu suốt. Có cuộc sum họp nào làm đau lòng lịch sử như thế nữa. Có giấc mơ thành hiện thực nào phũ phàng hơn thế nữa. Sự thống nhất đã làm nên kỳ quan, nhưng thế đấy, bao giờ kỳ quan mới trở thành hình tượng thể hiện được giấc mơ ngàn đời của nhân loại.

Cháu a, bạn chú chưa cho chú tới gần, mà chú cũng không cho phép bạn chú bắt mình theo định hướng của bạn chú, nghĩa là bắt chú phải từ bỏ quá khứ đã nhào nặn nên con người. Chú tôn trọng quá khứ của bạn chú, chú đã mất tuổi thanh xuân và đau đớn nhìn vận nước, nhìn quá khứ trôi qua như cát ướn chảy qua kẽ

tay. Có thể vì thế chẳng, nên chi lửa đã nổi lên bão bùng. Có thể vì thế nên những người thuộc “phe” bạn chú đã nổi lửa tấn công người miền Bắc, đốt cháy, đốt thành than năm bé trai, năm bé gái, sáu đàn ông và sáu đàn bà, trong một ngày đầu xuân!

Chú ngồi được trong bầu khí của sáng hôm nay mùi thịt cháy trong đồng tro tàn lịch sử. Chú nghe tiếng khóc của em bé đang bị lửa đốt tiêu tan. Chú nghe tiếng gào đau đớn của những bà mẹ bị nung chín như trong chín tầng địa ngục, và tiếng la thống thiết của anh em trong ngọn lửa bốn bề sôi sùng sục đỏ. Nước mắt chú rỏ xuống nền sân lạnh, và chú chỉ tiếc rằng là sẽ chẳng bao giờ nữa, sẽ chẳng bao giờ nữa, giọt nước mắt ấy sẽ được rơi trên đất quê hương.

Và như thế, chú lại chúc cháu một lần nữa, là sẽ như một người có ngũ quan bình thường ấp ủ đường chân trời với vợ nhưng sẽ chẳng bao giờ đến được cõi miền biên biệt ấy.”



SƯƠNG KHÓC NƯỚC NỞ, nước mắt nàng ướt đẫm trên ngực áo, nhòe nhoẹt trên gương mặt nhạt nhòa nắng hắt. Nàng linh cảm một điều chẳng lành. Cái điềm chẳng lành xoáy mãi trong linh hồn mãi cảm, không phải là đường chân trời biển biệt mà một điều gì rất thực, rất lạnh, trong nàng. Hải gọi nhỏ:

“Sương.”

Sương đã lớn, bằng đoạn dài khổ ải. Thế giới của nàng không còn tối tăm một màu nữa, và vì thế nàng đã khổ. Nàng thấy những màu, sắc nữa, nàng đã nghe cô đơn, cảm màu tang trắng, sự cô độc của biển cả, những đêm trắng, những ước mơ vụn vặt và tinh khiết, những đi về vội vã như tháng ngày vội qua của người đàn bà tìm con trên phố lạ, những mưa rơi thềm gõ trên mái tôn, tiếng chim hót, tàng phượng rung xanh lá dọi trên bóng mát thềm nhà. Nàng đã thấy tất cả, cả khí lạnh của cọng lưới giăng thành rào, những mảnh đất khô đổ vùi trên xác em chết trên tuyến đường đi tìm chân trời xa thẳm, tiếng kêu của bầy kên kên, tiếng khóc của cô gái bụng chửa trong ngục giam, mùi cay nghệt của những trái phá, và thậm chí cả những gói mì từ ngục tù bên này mang về cho tù ngục bên kia. Sương khóc nghẹn ngào, những giọt nước rơi từ đời người trắc trở.

Hải nói:

“Mình vào thăm chú Khắc em nhé.”

Hải giúp Sương khóa trái cánh cửa, cầm tay nàng dắt ra khỏi trại. Nắng đổ gắt, mùa hè biển biệt trên không. Hải vẫn còn tiền dạy học, đủ sống vài tuần trước khi kiếm được việc làm. Chàng dìu Sương lên xe đò, xuống hầm metro, đổi chuyển tàu điện. Một không gian bỗng trở lại trong lòng Hải. Chàng đã dìu Sương đi qua lăm nẻo đường, những nẻo đường xa lạ, mù mịt và chênh vênh cuộc hành trình. Có một lúc nào đó Hải tưởng chàng đã yêu Sương, người con gái đã nằm trọn trong hai tay chàng dưới những giọt nước mưa lách tách rỏ xuyên qua lá, dưới mái hiên nhà ai đó, trong một hoàng hôn tím rịm nhớ nhung, hay dưới ánh sáng vắng vặc của mảnh trăng treo trên khung trời của miền đất lạ. Tóc Sương ướt bụi đường, môi nàng nồng muối chát từ vùng biển này qua miền biển khác, hoặc có thể hương môi ấy tẩm đẫm từ nước mắt của nàng nữa. Chàng nghĩ là đã yêu Sương, yêu tha thiết mà đắm thắm. Chàng phải yêu người con gái cô độc trong cảnh man rợ và dịu dàng của những miền đất Trung Quốc, dưới những màu mây ngũ sắc, và trong những điều hiu của những bàn chân lạc bước

lên nhau. Định mệnh kỳ lạ thực. Định mệnh đưa chàng đến nhưng cũng đẩy chàng đi khỏi hình tượng của một người con gái, hình tượng của sự đẹp đẽ, một lúc nào mà chính chàng cũng không ý thức nổi nữa. Hải chỉ mừng tượng ra rằng, từ khi xa Sương, là Sương bắt chàng nghĩ hoài về thôn xóm chàng đã bỏ lại đằng sau. Hình ảnh Sương tội nghiệp quá, tội như quê hương chàng, nó bắt chàng sống mãi với màu vàng ố của những mái tranh nghèo, với liếp cửa nghiêng nghiêng trong mưa chiều, thậm chí cả với hình ảnh những lữ hành run rẩy đi xiêu bạt muôn phương tìm cái sống. Hải biết toàn bộ con người chàng được nhào nặn từ từng ấy chất liệu quê hương. Hơi thở của chàng là hơi thở của những lữ khách sinh ra ở Nam Định nhưng phải dặt dứu nhau lên Hải Phòng kiếm ăn độ ngày. Hơi thở của chàng có cả mùi đất xông lên trong một cơn mưa vội mùa hạ. Chàng sống trong những hình ảnh ấy, nghĩa là rất gần, thậm chí không có một khoảng cách nào giữa chàng và chúng vì chàng vốn là cảnh và những tình ấy, thế mà chàng vẫn bứt rứt không yên mỗi khi không gian thời gian ấy hiện về. Chàng chạy trốn quê nghèo vì quê nghèo bạc đãi chàng. Chàng chạy trốn chính mình! Hải đã thành một kẻ gần như khác biệt với con người ngày chưa vượt biển. Quả mặt Kinh Kha dường như bị phơi khô sau cuộc bộ trình, sau hải trình bằng giấc mộng dài. Hải đau khổ không dám nói điều ấy cho ai khác, ngoại trừ nói với chính chàng. Có phải sự thay đổi là tất yếu, có sẵn trong mọi người? Chàng đã yêu nước, chàng tưởng đã yêu Sương, và chàng xa hai hình tượng ấy. Sương là mặt kia của đất nước chàng. Nghèo đói, thô bạo, khủng bố, lường gạt là mặt này, mặt kia, ôi, vẫn ngọt ngào, ngọt ngào đến mức khiến Hải tưởng khó bứt rời xa được. Nhưng dù vậy Sương, cái mặt kia, cứ nhắc Hải hoài về cái vùng đất hai mặt hai lòng.

Bàn tay Sương rịn mồ hôi khi Hải cầm tay nàng dắt xuống xe đò. Lâu lắm, lâu lắm...lâu bao nhiêu cũng không vừa, nàng mới đặt tay vào lòng bàn tay người đàn ông đã dắt nàng trôi nổi một khúc dài lưu lạc. Toàn thân nàng run lên, vừa sung sướng vừa đau đớn, khi Hải vừa đi vừa nói, vừa tả cảnh. Bao lâu, bao lâu rồi. Tiếng rơi của giọt nước lên vai Hải những lần mưa nào đó. Tiếng sóng biển, tiếng quạ kêu, tiếng thì thầm. Kỷ niệm nàng đầy ắp âm thanh. Những lóng xương còm cõi của Hải khi nàng ép thân thể lên người chàng, khi nàng muốn truyền sức sống nung nấu trong những cơ bắp chưa kiệt vào lớp da quần quắt héo khô. Định mệnh kỳ lạ thật, định mệnh đẩy nàng đi trước, một giây khắc huyền thoại nhưng đã trở thành miên viễn. Cách xa. Nàng đang đi bên cạnh người đàn ông đã hơn lần sống chết, sống trong tình yêu, chết trong cuộc đời, sống trong đợi chờ, chết trong mơ ước, sống trong hy vọng, chết dưới thời gian, sống trong nỗi nhớ, sống trong một lần trao gửi, sống trong nỗi rung động, và chết, chết hắt hiu bởi trái đất không bao giờ quay ngược vòng để khởi lại chu kỳ.

Bên tai nàng vẫn là tiếng động, tiếng xe, tiếng người, tiếng bước chân chàng, tiếng bước chân nàng, những bước chân tan ra hai ngã đường. Bàn tay chàng vẫn ấm, vẫn đầm đập nhịp mạch, bàn tay nàng vẫn ướt, vẫn mồ hôi ướt sũng, nhưng hơi ấm không làm khô băng giá, nhưng tim mạch không làm hồi sinh những tiếng động đã viết thành dĩ vãng. Chàng vẫn đi, đang đi bên cạnh nàng đấy. Tiếng nói chàng vẫn đều đều bên tai nhưng chỉ cắt sâu vào nỗi đau hun hút nhức đau. Chàng đã đi quá xa rồi, Sương biết thế. Sương chỉ đuổi bắt một ảo ảnh kết bằng trùng trùng âm thanh, vô vàn tiếng động. Nàng không còn lại một điều gì để giữ trong lòng bàn tay. Nhưng Sương vẫn sống được, sống được vì nàng đang có một con người đau khổ hơn hương về nàng nương tựa. Đó là người đàn bà đồng ruộng phải xúc dầu thơm, người đàn bà đi tìm con trong trại giam, người đàn bà lang thang trên hè phố đông đúc cô đơn. Nàng nghe được tất cả những điều đó dù nàng đã bị cướp mất đời sống của một con người bình thường. Nàng không cần thấy gì hết, bởi nàng có cần nhìn thấy quê hương đau đớn của mình đâu mà vẫn phải chịu chung triệu nhục nhằn, nàng cũng nào cần nhìn thấy xứ sở tự do đâu mà vẫn phải nhận nghìn lời xua đuổi. Và như thế có khác gì nhau đâu giữa triệu nhục nhằn và nghìn lời xua tan tác.

Năm tháng dài đã đi qua đời Hải và Sương khi họ đi đến con đường nhỏ dẫn vào trại Đầu Bạc. Chàng đã mua một ký lạp xưởng trên đường đi cho Hà, một gói thuốc cho Lê Khắc, một bó hương cho thân nhân người thanh niên chết hôm được Cục Di Dân công nhận tư cách tỵ nạn chính trị của anh ta. Hôm được giấy ra tự do, anh ta nhờ người mua rượu nhậu với bạn bè lần chót. Say quá, anh ngã từ giường ba xuống đất vỡ đầu chết. Có lẽ ở bên kia thế giới người thanh niên xấu số không cần thanh lọc cũng vào tới cửa tử.

Chàng sung sướng nghĩ chút nữa sẽ gặp lại Hà trong nửa giờ ngắn ngủi, chán nản nhìn chiếc xe chở nhân viên Cục Cải Huấn đang ngược chiều, những khuôn mặt lạnh lùng mệt mỏi. Chàng thấy mệt nhọc như một người chạy đua sau khi đã đến đích muộn màng. Trong lòng chàng chỉ còn đóm lửa nuôi tinh thần sống sót là tình yêu của Hà. Có lẽ Lê Khắc đúng, chàng đã với tới chân trời nên cõi lòng nguội lạnh khát khao. Chàng sợ hãi nhìn lại những đêm tham gia đấu tranh chống cường bức hồi hương, những cuộc đấu tranh mới đầu là tự nguyện nhưng về sau đã mất dần tính chất ấy, những đứa học trò của chàng mệt nhọc khi bị hối thúc ra ngồi giữa sân trong đêm lạnh. Cuộc chiến chưa tàn nhưng lòng người đã ly tán, đã tuyệt vọng, đã ngồi chờ định mệnh. Chuyện tỵ nạn! Hải thờ dài không thấy lối thoát. Đồng bào của chàng, hồi ôi, ra đi rồi trở về mang theo vài chục đô la Mỹ, để rồi lại ra đi, những con người chân đất khát khao sống.

Người gác cổng chỉ Hải đường đến phòng đợi thăm nuôi. Chàng vừa đi vừa tả cho Sương nghe quang cảnh xung quanh, những tấm sắt nóng che kín khuôn viên trại. Những trạm canh dọc đường. Tiếng trẻ nô đùa vọng từ bên trong. Không một tàng cây che nắng, không một bóng râm còn giữ lại trên mảnh đất bàng hoàng những dãy nhà dài nối tiếp nhau, những hàng rào chắt chùng nhau, cả bầu trời cũng bị cắt xén ra làm nhiều mảnh. Thời gian chết sững.

Hải viết số thẻ của Lê Khắc và Hà, trình cho nhân viên phụ trách phòng thăm nuôi, ngồi chờ. Cái băng ghế dài chật ních những người từ trại mở hoặc từ nước ngoài vào thăm thân nhân. Chàng nóng ruột nhìn ra cửa, nhìn con đường dốc xuống uốn ngoằn dẫn vào trại. Đôi mắt mở to của Hà, thảng ngàng ùn lại, những ngón tay đan kín tâm tư. Hải châm thuốc, rồi rít đầu lửa đỏ.

Điện thoại reo trong gian phòng nhỏ của nhân viên trực phòng đợi. Gã nhấc máy, nhíu mày, ghi ghi lời đối thoại. Gã buông điện thoại, chồm người qua cái quây thấp. Hải giật bắn người khi gã trọ trọ đọc tên Sương bằng tiếng Việt. Hải dịu Sương đứng dậy, lúng túng trước những cặp mắt đổ dồn.

“Thưa ông, chính là cô này.”

Gã nhân viên Cục Cải Huấn nhíu mày ngắm Sương. Gã hỏi:

“Cô là gì của Lê Khắc?”

Sương run giọng:

“Tôi là thân nhân của chú ấy.”

Gã thở phào, buông giọng:

“Ông ấy chết rồi”

Sương ù tai, khụy xuống. Hải đọc lại tên Lê Khắc, xác định số thẻ VRD, hy vọng mong manh một sự lầm lẫn.

“Không lầm.”

Hải vẫn lặp lại câu hỏi cho đến khi gã A Xòe gắt. Sương biết nàng không nghe lầm. Chú ấy chả bảo lời chúc thay một lần gặp gỡ là gì. Trời ơi, chú, chú Khắc. Cặp mắt kiếng gầy gọng của chú. Đôi mắt buồn thăm thăm của chú. Mùa xuân

mà chú mang lại, màu sắc mà chú mang về. Sương khốc rưng rức, những dòng nước ướt đầm trên nền nhà cứng lạnh. Chú còn có Sương để nương tựa, như người đàn bà tội nghiệp đi tìm con vẫn về nương tựa cháu. Cháu đâu thể chết được khi sự sống của mình là nơi người mẹ đau khổ kia dựa cô đơn vào. Chú đã mang về cuộc đời cho cháu, đã chỉ cho cháu thấy đường chân trời mênh mông bát ngát. Ôi đường chân trời tím rìm tử sinh.

Tiếng ồn ào trên con đường bê tông khựng lại. Ánh sáng trong phòng đợi dường như bị vật gì che khuất. Hải ngừng lên, hai bàn tay chàng ướt đầm nước mắt Sương. Chàng thấy Hà đứng trơ ngay khung cửa. Không gian sau lưng Hà từng bừng nắng chói. Những ô hàng rào mắc cáo đan nhau trên nền bê tông chói chang. Tiếng loa sắt đọc số thuyền rền rĩ:

“VRD220...VRD 769 ...VRD 248...VRD 101...VRD 257...VRD 1433...VRD 266...VRD 177...VRD 174...”

Melbourne, 9 tháng 2 năm 1992

Don't miss out!

Click the button below and you can sign up to receive emails whenever Lê Đại Lãng publishes a new book. There's no charge and no obligation.

Stoneware
Neopl

<https://books2read.com/r/B-A-EULI-AKRZ>



Connecting independent readers to independent writers.

About the Author

Tác phẩm cùng chủ đề: Nước Mắt Trong Tim, bút ký Hồng Kông, 1990.